

NHỮNG GIAI THOẠI VỀ ĐẶT MỘ PHẦN

Nguồn TUVILYSO VÀ THUVIENVietnam - dienbatn giới thiệu .

MẢ TÁNG TREO

Từ Lương Đường đến Lương Ngọc

" Nhật Nguyệt Linh Khí tụ,
" Ngũ Phụng triều dương lai,
" Thập Bát Tiến Sĩ, Tam Tể Tướng,
" Tử Tôn vinh hiển, mãn cân đai."

của Quán Trung Lang

Đồng bào Bắc Việt nói chung và bà con tỉnh Đông nói riêng, hẳn không mấy ai không biết, hay nghe nói đến một lần, về ngôi mả Vũ Hồn, một ngôi mả mà hài cốt không chôn sâu dưới ba thước đất như vạn, triệu mộ phần khác, mà lại được táng treo theo một phương pháp rất quái dị, thuộc địa phận làng Lương Đường.

Làng Lương Đường ở phủ Bình Giang tỉnh Hải Dương, vốn là một đất Văn học, từng là nơi chôn nhau cắt rốn của nhiều vị danh sĩ, mà sự nghiệp về văn chương đã thành bất tử, như ông Phạm Quý Thích ngày xưa và Phạm Quỳnh gần đây.

Theo lời các vị bô lão thuật lại thì hình như sau một nạn lụt nặng nề, hai chữ Lương Đường, đã được đổi lại là Lương Ngọc.

Điểm đặc biệt đáng lưu ý là dân cư làng này mỗi khi di cư đến lập nghiệp ở đâu, phần nhiều đều thành lập được một làng Lương Ngọc phụ, quy tụ những bà con thân thích, có xây dựng đình riêng để thờ vọng thần hoàng, như ở Hà Nội có đình Lương Ngọc tọa lạc tại phố Hàng Bông (ngoài cửa cho một tiệm bazar mướn), ở Bắc Ninh cũng có một làng Lương Ngọc nữa...

Những làng Lương Ngọc phụ, hết thảy đều được tổ chức như ở xã chính : cũng có hội đồng Hương Chính, cũng có ngôi thứ chôn đình trung để hàng năm cứ đến ngày hội hè, cúng lễ ở xã chính, các nơi phụ, cũng cử hành cuộc tế lễ rất trọng thể, rồi cử một phái đoàn về tham dự cuộc tế lễ ở xã chính tại tỉnh Hải Dương.

Trước hiệp định Giơ-neo, ngôi mả táng treo vẫn còn nguyên vẹn chiếm một khu vực khá rộng, cây cối um tùm, dây leo chằng chịt, trông xa giống hệt một khu rừng nhỏ.

Vẫn theo lời truyền tụng của những ông già bà cả sở tại mà giai thoại từng được phổ biến sâu rộng, hầu như một câu chuyện thần kỳ, làm đầu đề sôi nổi, lý thú trong những lúc trà dư tửu hậu của mọi người, thì kiểu đất có ngôi mộ táng treo là kiểu đất Ngũ Phụng triều Dương, do một thầy địa lý chính tông từ Trung Quốc qua đây tìm được, định dùng để an táng hài cốt tổ phụ, nhưng vì nhiều lẽ huyền bí, dị kỳ, nhà phong thủy tàu không làm chủ được ngôi đất quý,

buộc lòng phải nhường lại nơi quý địa cho Vũ Hồn, hy vọng được "ăn có" với họ Vũ một phần nào sự phước trạch kết phát.

Tất cả những sự bí ẩn của ngôi mã táng treo, đều tóm tắt trong mấy câu tổng kết của nhà Phong thủy Trung Hoa, lưu lại cho gia đình họ Vũ, trước khi lão đem một đứa con họ Vũ về Tàu :

" Nhật Nguyệt linh khí tụ,
" Ngũ Phụng triều dương lai,
" Thập Bát Tiến Sĩ, Tam Tể Tướng,
" Tử Tôn vinh hiển, mãn cân đai. !"

Những lời tổng kết trên, còn được ghi rõ trong cuốn gia phả của dòng họ Vũ Hồn (chỉ có con cháu thuộc về dòng họ chính của Vũ Hồn, mới có gia phả ghi chú rõ ràng sự linh ứng của ngôi mã táng treo, các ngành họ Vũ khác, mặc dầu vẫn có liên hệ với ngành Vũ Hồn nhưng không được biên chép đầy đủ.)

LONG MẠCH TỪ DÃY THẬP VẠN ĐẠI SƠN...

Một người Trung Hoa họ Vương, nguyên quán tại tỉnh Triết Giang, được thụ hưởng một nền học vấn chân truyền về môn phong thủy, vì ông cha y từng đặc biệt nghiên cứu khoa học thần bí ấy từ ba đời trước.

Nghề đồn ở miền Thập Vạn Đại Sơn có nhiều kiểu đất đế vương hay phát công hầu, khanh tướng, họ Vương liền thu xếp hành trang mạo hiểm đi đến tận nơi, lang thang suốt một năm trời ròng rã, vất vả, gian lao, nhiều lúc tưởng như nguy hiểm tới tính mạng, mới tìm được một " tổ sơn " rất quý : chỗ phát sinh một long mạch, mà nếu đo kiểm được chính huyệt, nhất định sẽ nắm được sự kết phát trong tay.

Lần theo sự vận hành, di chuyển của mạch đất, họ Vương đến phủ Bình Giang, tỉnh Đông vào một ngày cuối mùa thu về đời vua Trần Nhân Tôn.

Thấy long mạch vận chuyển đến phương Nam, rồi kết tụ ở vùng Lương Đường, họ Vương mừng rỡ như người sắp chết đuối bỗng vớ được mảnh gỗ trôi giữa dòng sông, vội đi tìm chỗ tạm trú, ý muốn ở lại lâu ngày, để dò tìm kiếm cho ra chính huyệt, vì tuy biết long mạch kết tụ ở đất Lương Đường, nhưng cả một vùng đồng ruộng, gò, đồng mênh mông, bát ngát, mà mới chỉ quan sát sơ qua, họ Vương biết sao được huyệt chính ở chỗ nào, mặc dầu y là nhà phong thủy chính tông rất tinh thông về môn địa lý ?

Vốn là người học thức, lanh lợi, bất thiệp, họ Vương mua sắm ít lễ vật, tìm vào chỗ mấy bô lão, hương chức trong làng, để ngỏ ý muốn xin ở lại đất này để sinh cơ lập nghiệp.

Các quan chức dịch, chức sắc sở tại vui vẻ chấp thuận ngay lời yêu cầu của chú khách.

Một ông cự phó Tổng còn tỏ ý sốt sắng hứa cho họ Vương ở nhờ thửa đất còn thừa ngay tại phía sau nhà ông ta, chỉ cách ngôi chợ trong làng có ít bước, rất tiện lợi cho sự đi lại, buôn bán.

Họ Vương chỉ cần tốn ít tiền, mua tre, nứa, làm sơ sài một căn nhà lá, là đã có thể ở tạm được, để lấy chỗ buôn bán, sinh sống hàng ngày rất dễ dàng.

Họ vương hơn hờ, ưng thuận liền, hai ba lần cảm tạ ông phó tổng, rồi sau đấy, lại đưa ngay tiền nhờ ông phó tổng lo liệu giúp việc đắp nền, làm nhà, viện cớ : y lạ lòng, bỏ ngỡ, ông phó tổng đã thương thì xin thương cho trọn vẹn, mai sau, nếu có cơ ăn nên làm ra, y sẽ không dám quên công ơn trời biển ấy.

Đồng tiền đã có sức vạn năng !

Chỉ ba hôm sau, trên nền đất của ông phó Tổng cự, đã mọc lên một căn nhà tuy nhỏ hẹp, nhưng xinh xắn, gọn gàng.

Và, đến phiên chợ sau, căn nhà đó, lại biến thành tiệm thuốc bắc Quảng An Đường, do họ Vương làm chủ.

Nhờ đức tính cần mẫn, siêng năng, học vấn uyên bác, thầy lang họ Vương, chẳng mấy chốc đã mua chuộc được cảm tình của dân cư sở tại, và luôn cả bà con mấy làng tổng kế cận.

Nhất là từ khi, nhờ thuốc của " Chú Chệt gầy", một số người mắc chứng nan trị, hay vào loại thập tử nhất sinh, được chữa khỏi, thì họ Vương đã nghiêm nhiên là một danh y, nổi tiếng như cồn ở khắp phố Bình Giang.

Nhưng có điều lạ, là thầy lang chỉ tiếp các con bệnh từ sáng sớm cho đến tối mịt, còn từ lúc đỏ đèn trở đi, thì dù con bệnh có khẩn cầu, nài ép đến đâu, thầy lang cũng đóng chặt cửa, không chịu đi mà cũng chẳng chịu mở cửa bao giờ !

Lúc đầu, nhiều người bất bình trước thái độ mà họ cho là kiêu căng, cậy mình " mát tay", được "thánh cho ăn lộc" lại lên mặt hợm hình, cố tình làm khó dễ con bệnh.

Có người đa nghi hơn, còn cho sự bẽ môn, trục khách ấy, hẳn đã bao hàm một hành động gì bí mật khả nghi.

Nhưng lâu dần rồi cũng quen, không ai còn bàn ra tán vào, thì thềm, dĩ nghị nữa, mà người nọ còn bảo cho người kia biết rõ ràng về giờ khắc "Chú chệt gầy" bốc thuốc, chẩn mạch, để người nhà hay các bệnh nhân ở xa khỏi phải tốn công đi lại, châu chực, đợi chờ vô ích. !

Dân cư quanh vùng, không một ai ngờ rằng : đêm nào thầy lang họ Vương cũng chờ cho thiên hạ, đầu đó đắm chìm vào giấc ngủ say sưa, mới lặng lẽ, khoác bộ y phục dạ hành ra đi, bước chân nhẹ nhàng nhưng chắc nịch và nhanh nhẹn dị thường, không gây ra một tiếng động nhỏ nào khả dĩ làm kinh động mọi người, nhất là những đàn chó rất thính tai và tinh mắt.

Như một khách dạ hành mô tả trong những cuốn tiểu thuyết kiếm hiệp Trung Hoa, họ Vương thoăn thoắt bước nhanh trên con đường đất gồ ghề, mặc dầu màn đêm bao trùm khắp nơi, tối

đen như mực, không nghe qua một tiếng động nhỏ nào, ngoài tiếng gió vi vu xào xạc và côn trùng rên rì ở các hồ ao.

Tiến thẳng ra cổng Đông, thầy địa lý Tào đi tuốt sang con đường lớn trước mặt, rồi rẽ luôn xuống cánh đồng Lương Ngọc, lần bước theo những bờ ruộng khắp khênh tới gần một trống canh mới ngừng chân giữa một vùng gò đồng mấp mô, mà trước đây, hần đã nhiều lần qua lại, nhớ kỹ cả địa hình, địa thế khắp chung quanh.

Tìm một gò đất cao nhất, họ Vương đưa mắt nhìn bốn phía, nhận xét được rõ ràng cả từ lùm cây bụi rậm, cũng như hình thể các thửa ruộng trước mặt, vì họ Vương vốn là một võ sỹ, am hiểu hết các môn nội ngoại công phu, tinh thực quyền cước và đặc biệt hơn hết còn luyện được cặp mắt cực kỳ sáng suốt có thể nhìn vào bóng đêm mà vẫn phân biệt được rành mạch các đồ vật nhỏ nhất như giữa ban ngày.

Họ Vương gật đầu lẩm bẩm nói một mình :

- Quả thật không uổng công lao dầm mưa giải nắng, lặn lội gió sương từ ngót một năm trời nay gian khổ. Đúng là kiểu đất Ngũ Phụng Triều Dương mà tổ sơn đã phát nguồn từ Thập Vạn Đại Sơn, không ngờ long mạch vận chuyển nhiều khe, băng ngang qua hàng trăm ngàn dãi đồi núi trập trùng, quanh co mãi mới chịu ngừng lại kết tụ tại đây, để dành cho dòng họ Vương hưởng thụ.

Nhìn năm gò đất, tuy nằm rải rác khắp cả cánh đồng, nhưng hết thầy đều hướng đầu vào chiếc gò cao nhất về sông lung, y mừng thầm, lấy chiếc la kinh bọc kỹ trong chiếc khăn gói nhỏ đeo trên vai, ra xem phương hướng.

Khi đã phân biệt được rõ ràng vị trí nơi mình đứng, họ Vương mới dùng tróc long làm phép hô thần...

Trời đất đang đắm chìm trong cảnh tĩnh mịch âm u, giữa tấm màn đêm bao la vô tận, chợt nổi lên một trận gió ào ào, làm lúa ruộng cùng một lúc chuyển động rào rào, như những tiếng reo hò của trăm vạn quân hùng tráng.

Rồi chớp giật lia lịa, tỏa ánh sáng xanh lè rợn người, như báo hiệu một cơn mưa dữ dội.

Thầy địa lý sùng sốt trước hiện tượng lạ lùng ấy, vì suốt từ ban ngày tới bây giờ, bầu trời không có một triệu chứng gì bất thường, khả dĩ gọi được là có điềm mưa to, gió lớn.

Nhất là từ lúc chập tối, họ Vương có ý riêng, đã chăm chú xem thiên tượng, thấy nền trời xanh ngắt, cao vòi vọi, từng đám mây xám nhạt, lững lơ bay lượn, trông đẹp mắt lạ lùng. Vậy mà chỉ phút chốc, cảnh trời quang mây tạnh bỗng biến mất để nhường chỗ cho gió giăng chớp giật, hung hãn dữ dội như sắp nổi cơn giông tố phủ phàng.

Còn đang kinh nghi với những ý nghĩ bàng khuâng, lo lắng ấy, thì một tiếng sét lờ đát, lờ đát long trời bỗng nổ lên ngay trước mặt, tia lửa văng tung toé như ánh điện quang, làm họ Vương hoảng hốt nhắm nghiền mắt lại, đưa cả hai tay lên bịt chặt lấy lỗ tai rồi cứ thế băng

mình chạy vội vào tạm trú trong một cái quán hoang của nông dân sở tại dựng nên, để lấy chỗ nghỉ chân những buổi trưa hè nóng bức, vì y yên trí là với gió giăng, chớp giạt, sấm rền như thế, thì thế nào mà trời chẳng đổ mưa đến nơi, nếu không mang chân tìm nơi ẩn náo, thì tránh sao cho khỏi bị tắm nước mưa bất từ ?

Nhưng họ Vương kinh ngạc xiết bao khi thấy sau tiếng sét kinh tâm táng đờm ấy, cảnh vật lại trở về với bức màn đêm triền miên yên tĩnh cơ hồ như không có gì khác lại xảy ra hết !

Bầu trời lại cao vợi vợi, như buổi chiều tà, mây xanh kết tụ thành những hình thù quái dị vẫn lơ lửng nhẹ nhàng bay theo luồng gió nhẹ nhàng vi vu mát rượi !

Hàng ngày, hàng vạn ánh sao khuya lấp lánh trên nền trời cao vút, chứng tỏ một cách hùng hồn cho cảnh trời tươi đẹp, khiến cho họ Vương, trong một phút hoài nghi, đã tưởng là mình vừa trải qua một cơn ác mộng, chứ trời ấy, mây ấy thì làm sao mà lại có thể phát sinh được cảnh chớp giạt, gió vắng, sấm rền làm như bầu trời sắp sụp vậy.

Nghĩ thế rồi, thầy địa lý vội cầu thủ tay mình để xem mình tỉnh hay mê ?

Nhưng rõ ràng là y cảm thấy đau nhói, khi tự bấm mạnh hai móng tay vào da thịt.

Vậy thì tại sao lại có những hiện tượng quái dị kia ?

Một ý nghĩ hải hùng thoáng loé lên trong trí óc, khiến cho y giật mình, hoảng hốt, không cần suy luận lôi thôi gì hơn nữa, vội cầm đầu, cầm cổ chạy nhanh về phía chiếc gò cao, nơi hẩn vừa đặt tróc long để hô thần.

Họ Vương hồi hộp trống ngực đập liên thanh, ròn rập như người đang chờ đợi một sự phán quyết dứt khoát cho số mạng của mình, nên dù bị vấp ngã luôn mấy lần, vì những hố rãnh sẽ ngang sẽ dọc trên các bờ ruộng, hẩn cũng không cần lưu ý rơi, cứ mãi miết chạy bay về phía gò cao.

Mười trượng... rồi tám trượng... họ Vương vẫn chạy nhanh vùn vụt, nhưng khi còn cách gò đất chừng năm trượng hẩn bỗng đứng khựng lại, thở giốc, há hốc miệng muốn kêu mà không thành tiếng, cứ giương mắt nhìn trợn trừng nhìn sững về phía đặt tróc long lúc trước, da mặt nhợt nhạt như người đang chơi voi trên một chiếc thuyền con ở giữa trùng dương trong một cơn gió bão ghê ghớm kinh hồn.

Trước mắt hẩn chiếc tróc long bị tiếng sét vừa rồi đánh trúng, bật tung mỗi nơi một mảnh, mảnh vuông lụa đỏ dùng lót tróc long cũng bị cháy xém quá mất nửa nằm lơ lửng bên chiếc khăn gói và các thứ dụng cụ cần thiết để nghiên cứu về môn địa lý bọc ở bên trong đều bị bắn ra vương vãi mỗi nơi một ít, dính đất nham nhở chẳng ra hình tính chi hết.

Thật là chuyện vô cùng quái dị, lần thứ nhất mới xảy ra cho họ Vương sau mấy chục năm trôi theo đuôi môn phong thủy thần kỳ !

Nếu hẩn không được chứng kiến cảnh sét đánh lòe lửa ngay trước mặt, thì hẩn tin làm sao được sự tan tành, đổ vỡ hiện thời, qua những mảnh vụn của chiếc tróc long, địa bàn, trừ vuông lụa bị cháy giờ, tất cả các thứ đều như có một bàn tay bí mật nào đó đã dùng búa to đập nát, phá hủy toi bời.

Họ Vương về được tiệm thuốc thì trông canh đã điểm năm tiếng khô khan.

Hẩn cố làm vẻ thản nhiên, đi nằm nghỉ một lát cho đỡ mệt để lấy sức tiếp khách như không có việc gì xảy ra hết.

Nhưng trên nét mặt dày dặn phong trần của hẩn, vẫn in hẩn vẻ ưu tư, thờ thẫn, chứng tỏ tâm

trí hấn đang hoang mang đến cực độ, trước những hiện tượng vừa xảy ra đêm hồi khuya. Tuy chưa biết đích xác sự trở ngại sẽ đến mức độ nào, nhà phong thủy giàu kinh nghiệm cũng có thể lường tượng được rằng : ngôi đất quý Ngũ Phụng triều dương kia, còn bao trùm nhiều sự bí ẩn, dị kỳ, mà có lẽ trong các loại sách vở khảo cứu về môn địa lý, chưa hề được ghi chép rõ ràng, mặc dầu từ khi theo phụ thân học khoa phong thủy, họ Vương đã được nhìn thấy tận mắt, hay đọc qua cổ văn nhiều kiểu đất lạ lùng đòi hỏi những phương pháp mai táng nhiều khê, những bùa phép quái đản !

Linh tính như báo trước cho hấn biết là còn gặp lắm sự thất bại chua cay trong mưu toan an táng hài cốt tổ phụ hấn trong kiểu đất hiếm có giữa cánh đồng làng Lương Đường, vì thông thường, nếu không có điều gì trở ngại, thì với tài ba thông suốt cổ kim, với khả năng phong phú về môn địa lý, họ Vương đã có thể dùng tróc long tìm hiểu tường tận sự chuyển vận của long mạch dưới lòng đất và hô thần để được biết thêm các phương pháp cần thiết cho công việc mai táng hài cốt sau này, ngay từ đêm hôm qua chứ có đâu lại bị cản trở một cách kinh khủng, bất ngờ đến thế ?

GIỮA THANH THIÊN BẠCH NHẬT, THẦY ĐỊA LÝ TÀU GẶP DỊ NHÂN

Tiết lộ danh tinh Vũ Hồn.

" Vũ Hồn vi chủ,

" Ngũ Phụng Triều Dương,

" Hà Nhân chiếm cứ,

" Tất hữu tai ương "

Đã có sự ngang trái ấy, thì hy vọng mai táng được trôi chảy ngôi mã tổ trong khu đất đặc biệt kia, quả thực là mỏng manh, hồi hộp vô cùng!

Mười phần hấn không chắc gì được một !

Niềm lo âu, thắc mắc ấy, đã không cho phép họ Vương ngồi yên trên ghé lang y, để đóng vai trò cứu nhân, độ thế, như cái bề ngoài hấn đã cố ý tạo ra, từ khi mới đặt chân đến vùng này, hầu dễ dàng hoạt động cho công cuộc tìm đất !

Vả lại, sự kiên nhẫn, chịu đựng của người ta, cũng chỉ có chừng đó !

Họ Vương, dù là khách giang hồ, từng in gót giày trên khắp các ngã đường, từ Thiểm Tây qua Vân Nam, Cao bằng, Lạng Sơn đến tỉnh Đông Hải Dương, cũng vẫn mang nặng những tham vọng, mong ước thông thường của thiên hạ.

Vì vậy, chỉ chịu đựng một cách rất miễn cưỡng được từ sáng sớm cho đến cuối giờ Ty, hôm ấy, lần tiễn chân một sản phụ đến bắt mạch, xin điều trị cho chứng bệnh đau ruột của bà ta đã mắc phải, từ khi hạ sanh đứa con trai mới được ba tháng đang bồng trên tay, thì họ Vương cảm thấy nóng lòng nóng dạ, bồn chồn thần trí, hoảng hốt tâm can, ngồi đứng không yên chỗ, cứ thở ngắn, than dài dường như gặp phải một điều gì cực kỳ khó giải quyết lắm ! Trước hấn còn cố nén, ngồi lỳ trên ghé để bắt mạch kê đơn cho bệnh nhân, sau không kiên nhẫn được nữa, hấn phải đứng vùng dậy, sửa soạn y phục ra đi.

Đi đâu ?? Họ Vương không biết mà hấn cũng không cần biết đến làm gì !

Sự thực, hấn chỉ muốn ra khỏi căn nhà đang ở, để cầu mong những ngoại cảnh làm vui trong khoảnh khắc nổi ưu tư, khiến cho hấn tạm thời lãng quên được những sự kỳ dị vừa xảy ra đêm trước.

Ôm mối tâm sự mông lung, họ Vương thả bước trên đường làng, mà ý nghĩ gửi tận nơi đâu, bất giác ngâm nho nhỏ mấy câu thơ :

" Nhật Nguyệt Linh Khí tụ,

" Ngũ Phụng triều dương lai,
" Thập Bát Tiên Sĩ, Tam Tể Tướng,
" Tử Tôn vinh hiển, mẫn cân đai."

Chợt mây đen kéo đến mịch trời, gió thổi ào ào, báo hiệu một cơn mưa rào sắp đổ xuống. Thầy địa lý cuống quýt chạy vội vào một ngôi miếu cô hồn ở giữa cánh đồng. Trên bệ gạch, chỉ có tro trổng một bình nhang xây liền với chiếc bệ, bốn bề mạng nhện giăng mắc, tạo cho ba gian miếu một quang cảnh hoang vắng, thê lương, âm u, lạnh lẽo, như đã từ lâu, không có ai đến cúng lễ !

Bên ngoài gió vẫn rít lên từng cơn dữ dội, làm những chiếc lá bàng nổi tiếp nhau, rơi rào rào xuống trước miếu.

Mưa đã bắt đầu nặng hạt.

Họ Vương cảm thấy lạnh buốt, toàn thân như có nước thấm vào da thịt, làm cho hấn rùng mình luôn mấy cái liên, phải nép người vào phía sau bệ thờ. Một lúc sau, mỗi chân và rét quá, hấn đành ngồi bệt xuống nền gạch, co hai gối lên, để tay cầm vào như muốn che cho người đỡ lạnh.

Quang cảnh lúc đó thật buồn nẫu. Trong miếu hoang tàn đến rợn tóc gáy !

Bên ngoài mưa mỗi lúc một thêm tầm tã, chớp giạt sấm nổ đùng đùng.

Họ Vương cảm thấy thân thể nhẹ bồng, thần trí lâng lâng như đang bay bổng ở giữa không trung.

Thoáng cái đã đến một vùng thành quách nguy nga, cung điện vàng son lộng lẫy.

Thầy địa lý còn hoang mang, chưa biết đây là nơi nào, thì bỗng thấy cửa giữa mở toang, hấn vội tiến vào với giáng điệu băng khuâng, sợ hãi.

Kỳ dị làm sao, quang cảnh ở phía trong lại giống hệt cánh đồng làng Lương Đường mà mới đêm trước, hấn đã dùng phép hô thần, nhưng lại bị thổ thần phá hủy tan nát.

Đưa tay lên dụi mắt mấy lượt để cố nhìn ra chung quanh, thì quả nhiên là hấn không nhận định sai lầm một chút nào hết : đây kia rõ ràng là năm thửa ruộng, nằm thoải thoải như những con Phụng Hoàng thu mình, châu cả vào một gò đất ở ngang giữa cánh đồng nơi mà hấn tin chắc là chỗ kết tụ long mạch của kiêu đất Ngũ Phụng triều dương.

Lão chưa kịp quan sát kỹ lưỡng hơn nữa ở hai bên tả, hữu thì trên gò đất, bỗng hiện lên một đám mây ngũ sắc, thấp thoáng ẩn hiện ánh hào quang, mà lạ lùng thay giữa đám mây ngũ sắc, bay lượn lơ lửng ở ngay giữa nơi mà hấn cho là chánh huyết bỗng nổi bật lên những dòng chữ son đỏ chói :

" Vũ Hồn vi chủ,

" Ngũ Phụng Triều Dương,

" Hà Nhân chiêm cử,

" Tất hữu tai ương !"

Thế rồi, những tia chớp ngoằn ngoèo, xanh lè, chợt lại tung ra liên tiếp, sấm sét ầm ầm, mà kỳ dị làm sao, lại chỉ như nhắm vào chính giữa huyết chiếu thẳng xuống, không sai chệch một ly.

Họ Vương ngây mặt, theo dõi những hiện tượng quái đản đó một lúc lâu, đang muốn liều mạng đến gần để nhìn cho rõ, bỗng một luồng chớp từ phía xa phóng mạnh tới, xẹt ngang mặt hấn, khiến hấn nhắm vội mắt lại, nghiêng hấn đầu qua bên trái, đến lúc mở mắt ra, thì cả quang cảnh kỳ ảo biến đâu hết.

Giật mình, họ Vương cố trấn tĩnh nhìn quanh, thì thấy vẫn đang ngồi co ro trong hoang miếu

gió bên ngoài từng cơn, vẫn thổi vào xào xạc, ray rứt, hòa cùng tiếng mưa rơi tầm tã, tạo cho khu miếu hoang một vẻ buồn tê tái, lạnh lẽo, mơ hồ !

Thầy địa lý băng khuâng tự hỏi : những cảnh mình vừa được chứng kiến là mộng hay thực. Bảo là mộng, thì sao những địa hình, địa thế lại hiển hiện theo đúng như sự an bài của Tạo Hóa trên cánh đồng làng Lương Ngọc, giống như đúc chung một khuôn vậy ! Chính họ Vương, người đã từng tha thiết với khu đất quý ấy, người đã tốn phí bao nhiêu tâm huyết lẫn công phu mới theo dõi được sự vận chuyển long mạch rất phức tạp, kỳ công, từ dãy Thập Vạn Đại Sơn, xuyên qua biên giới đến các tỉnh miền Thượng Du Bắc Việt và giờ đây kết tụ ở miền Hải Dương, nhưng thực ra, cũng vẫn chưa "nhập tâm" được toàn bộ địa hình, địa thế kiểu đất Ngũ Phụng triều dương, vậy thì không thể nào nói được là một cơn mộng mị hào huyền do ảnh hưởng của sự tưởng tượng quá phong phú trong trí não, tâm tư của thầy địa lý tạo ra, khiến cho lúc ngồi rồi, mơ màng nhớ đến kiểu đất quý, nhà phong thủy lại có dịp mơ màng ra hình dung khu linh địa ấy !

Nhưng nếu đã không phải là ảo mộng, thì đó phải là sự thực, một sự thực do một mảnh lực huyền bí kỳ ảo bày ra để cảnh cáo thầy địa lý.

Bất giác, họ Vương nhớ lại tất cả mấy dòng chữ lấp lánh hào quang ẩn hiện trong đám mây ngũ sắc bay lơ lửng trên khu chánh huyết :

" Vũ Hồn vi chủ,

" Ngũ Phụng Triều Dương,

" Hà Nhân chiếm cứ,

" Tất hữu tai ương !"

Nhà phong thủy lim dim cặp mắt mơ màng nghĩ đến lúc bị lật đổ tróc long, rồi thờ dài, lẩm bẩm :

- Những hiện tượng quái dị đêm qua, cùng những việc vừa xảy ra trước mắt, nửa như thực, nửa như mơ, đều chỉ nhằm một dụng ý : khuyên ta không nên nghĩ đến kiểu đất Ngũ Phụng triều dương nữa. Nếu không chịu tuân theo ý trời, cứ cố tình cưỡng lại, thì sớm muộn, thế nào cũng phải chịu tai họa !

Hắn nghiêng răng, chua chát nói tiếp :

- Hừ, tai họa ? Trong đời làm thầy địa lý, mình đã phải chịu bao nhiêu tai họa, mỗi khi tìm được một kiểu đất đẹp, mà mộ chủ, lại không phải là nhà có đầy đủ phước trạch để hưởng thụ ân sủng của Thượng Đế ?

Nhưng dù sao, đó chỉ là những kiểu đất thường, sự kết phát chỉ hời hợt, mong manh, không lấy gì làm huy hoàng, vĩnh cửu.

Vả lại, đây toàn là việc thiên hạ, do mình nhẹ dạ, nhận lời giúp đỡ cho người khác, không phải vì tư lợi, mà thực ra, chính là có cơ hội học hỏi thêm, thu thập kinh nghiệm thêm, để khi có căn bản chắc chắn về môn học cao siêu, huyền bí đó, sẽ tự tìm lấy cho nhà mình một ngôi đất quý, có thể đem lại được sự kết phát hoàn toàn về cả các thứ phúc, lộc, thọ.

Trải bao vất vả, phong sương, gian lao, nguy hiểm, mình mới đến được đây và khám phá được kiểu đất quý báu đáng gọi được là hãn hữu trên thế gian.

Nhà phong thủy chợt ngừng bật, đưa ký ức trở về với giấc mộng để cố nhớ lại cả bốn dòng chữ hiện hình, giữa đám mây ngũ sắc rồi lại thờ dài, lẩm bẩm thêm :

- Thập bát Tiến Sĩ, Tam Tể Tướng ! Kết phát nhiều đến thế, thì nhất định là đại quý rồi ! Là được hưởng phúc lộc lâu dài lắm rồi ! Quả thật không còn ngôi đất nào tốt đẹp hơn thế nữa ? So với những kiểu đất đế vương thì nó có kém thật đấy !

Nhưng để bù lại sự phú quý, Thượng Đế đã cho con cháu mộ chủ được hưởng phúc lâu dài !
Coi đi, kéo lại, mình có thể nói được rằng : đó cũng không kém gì kiểu đất đế vương đâu ?
Vây mà, đau đớn thay, hắn lại không hô được thần, kiểm soát được hướng chuyển vận của long mạch. Trong đêm trước, và mới đây, giữa lúc vào miếu tránh mưa, lại còn mơ màng, nửa tỉnh, nửa mê, được chứng kiến những hiện tượng dị kỳ, huyền ảo, không hiểu có phải do Thần linh, Thổ địa linh thiêng, cố tình an bài, bố trí, để cảnh cáo cho họ Vương, gián tiếp mách bảo cho họ Vương biết rằng ngôi đất quý ở cánh đồng làng Lương Đường, đã được Thượng Đế dành riêng cho Vũ Hồn, không ai được phép tranh giành, chiếm đoạt. Ai cố ý làm trái ý Trời, sẽ bị Thần linh nghiêm phạt.

Nhưng Vũ Hồn là ai ?

Đây mới là điều thắc mắc mà họ Vương đã mang nặng trong tâm khảm từ sau khi vào miếu Cô Hồn tránh mưa !

Trời đã ngớt mưa. Những đám mây đen bao phủ không trung, phút chốc tan biến gần hết, chỉ còn vương vấn lại mấy áng bạch vân, lơ lửng như sương khói mơ hồ, bay theo luồng gió từ phía Đông Nam tới, và chỉ mấy phút sau, cũng tản mát dần, trả lại vẻ quang đảng cho bầu trời.

Thầy địa lý vùng đứng lên, sửa soạn lại y phục, thông thả bước ra cửa miếu, vừa đi vừa bâng khuâng nghĩ đến những hiện tượng mới xảy ra, mà hắn không biết là mộng hay thực.

Họ Vương luôn mồm lẩm bẩm :

- Vũ Hồn vi chủ, Vũ Hồn vi chủ !

- Hừ, Thế là nghĩa lý gì ? Chẳng lẽ khu đất này lại thuộc về quyền sở hữu của Vũ Hồn sao ?

Mà Vũ Hồn là ai mới được chứ ?

Thật là rắc rối, khó hiểu vô cùng.

Hắn đang vò đầu, bứt tai, dăm chiêu, khổ sở, thì chợt có tiếng chân chạy huỳnh huých, từ phía xa vọng lại, mỗi lúc một gần, khiến hắn giật mình, đứng khựng lại, ngơ ngác nhìn quanh, hồi hộp ngó chừng...

Rồi... tiếng chân người rõ hẵn... Từ khúc quẹo đường đầu đường, một bóng đen chợt lộ hình qua một bụi khúc tần rậm rạp, giầy tơ hồng chằng chịt còn ướt đẫm nước mưa, lóng lánh như những hạt kim cương.

Bóng người rõ dần, rõ dần, hướng thẳng vào cửa miếu bước nhanh.

Họ Vương vội đứng nép mình, tựa lưng vào khuôn cửa gỗ mọt, sẵn sàng như người thủ thế, sẵn sàng chờ đợi đối phó với những sự bất ngờ.

Người mới xuất hiện là một nông dân thuần túy, qua lớp áo quần lam lũ, dày cộm, dính đầy bùn đất, mặt mày tuy đen sạm, in hằn dấu vết dày dạn phong sương nhưng hai mắt trợn trừng, sáng quắc, lại long lanh như hai tia chớp có mãnh lực, làm nổi gai óc những người đứng trước mặt.

Họ Vương hoảng hốt, vừa muốn quay gót, tránh mặt bỏ vào trong miếu, thì người nông dân lực lưỡng lạ mặt đã bước lẹ đến bên cạnh, nhìn thẳng vào giữa mặt nhà phong thủy, gần giọng, tiếng nói sang sảng như chuông đồng :

- Ngũ Phụng triều dương của Vũ Hồn, nghe chưa ? Thượng Đế đã dành cho họ Vũ ngôi mả ấy ! Không một ai được quyền xâm phạm tới ! Nhà ngươi nên tìm Vũ Hồn, rồi giúp họ Vũ thì thế nào cũng được hưởng chung phước trạch !

Dứt lời, người nông dân lạ mặt, quay ngoắt mình về lối cũ đi thẳng...

Thầy địa lý toan chạy theo, nhưng hai chân cứng nhắc, không nhút nhít. Hắn hốt hoảng gọi

thất thanh liền mấy tiếng, nhưng kỳ lạ làm sao, hấn chỉ ú ớ trong cổ họng, chứ không làm sao nói được thành tiếng rõ ràng như thường nhật, đành cứ đứng tựa lưng vào khung cửa gỗ, mặt ngơ ngác nhìn theo bóng dáng người nông dân lạ mặt, khuất dần quá bụi khúc tần rậm rạp ngay chỗ khúc quẹo vào đường làng.

Với tâm trí bàng hoàng; họ Vương đứng nguyên như thế tới một khắc đồng hồ, cho đến lúc bóng dáng người nông dân khuất hẳn sau lùm cây, hấn mới cất nhắc được chân tay, liền hốt hoảng chạy theo người lạ mặt, nhưng bốn bề vắng ngắt, trên con đường đất chạy từ miếu Cô hồn vào trong làng, chẳng có một ai hết.

Họ Vương lo sợ như kẻ mất hồn, bước thấp, bước cao trở về tiệm, lòng hoang mang trăm mối nghi ngờ thắc mắc...

Vì thế, họ Vương thường phải vắng nhà luôn. Việc trông nom săn sóc cửa nhà, hoàn toàn được trao phó cho người vợ họ Trần và Vũ Hồn đảm nhiệm.

Bà chủ tiệm thuốc Bắc là một thiếu phụ nhan sắc khá diễm kiều, bản chất lại thông minh lanh lợi, nàng sở dĩ phải kết hôn với họ Vương chỉ là vì nhà nàng quá nghèo túng, khổ sở, không trả nợ mấy món nợ quan trọng đã đến kỳ hạn phải bồi hoàn cả gốc lẫn lãi. Hơn nữa, thân mẫu nàng lại mắc phải một chứng bệnh hiểm nghèo, gần đất xa trời mà trong nhà quá bê bối, không đủ sức tìm thầy, chạy thuốc.

Vì vậy, khi được họ Vương tình nguyện điều trị giúp, lại hứa trao tặng một số tiền lớn làm sính lễ, cha mẹ nàng liền nhận lời gả cho họ Vương, vừa để đền ơn cứu mạng của họ Vương vừa để lấy chỗ nương nhờ về mai hậu.

Mối tình chồng vợ giữa cô gái họ Trần và thầy lang họ Vương, bởi thế, chỉ có bề ngoài chứ không nồng nàn, thắm thiết chan chứa yêu đương như những đôi uyên ương mới xây dựng tổ ấm gia đình khác.

Ví dù cho họ Vương có tử tế, rộng lượng đến đâu, trước mặt Trần thị, thầy lang cũng chỉ là người ngoại chủng, ngôn ngữ bất đồng, mà theo quan niệm hôn nhân của thời đại phong kiến thì con gái những gia đình nền nếp không bao giờ chịu lấy chồng Tàu, chồng Chệt !

Đây là chưa nói đến số tuổi quá chênh lệch, giữa đôi bên : họ Vương đã ngoại tứ tuần, trong lúc cô gái họ Trần mới có 19 cái xuân xanh, khiến cho sau hôn lễ, mỗi khi có dịp phải đi sóng đôi với chồng ra ngoài đường những trẻ con quanh vùng, thường vỗ tay reo hò, chế diễu, hát nheo nhéo câu ca dao :

" Tiếc thay con ngựa bạch lại thắng giây cương bằng thùng,

" Tiếc cho con người thế ấy lại nâng lưng ông cụ già !

" Lạy chú, chú bỏ con ra,

" Ra đường ai biết rằng cha hay chồng,

" Nói ra đau đớn trong lòng,

" Ấy cái nợ truyền kiếp, há phải là chồng em đâu ? "

Lúc đầu tiên, cô gái họ Trần, từ địa vị một thiếu nữ bần hàn, quần nâu, áo vải, chân lấm tay bùn, quanh năm vật lộn với luống cày, đổi bát mồ hôi mới kiếm nổi miếng cơm, nên khi được họ Vương cưới về làm vợ, nàng rất thỏa mãn, vì ngoài sự sung sướng về vật chất, nàng còn báo hiếu được cho cha mẹ, nhờ số tiền dẫn cưới khá quan trọng của ông chủ tiệm thuốc Bắc để cha mẹ nàng có thể thanh toán hết các món nợ nần, bê bối từ mấy năm nay.

Nhưng sau lễ vu quy chỉ chừng một tháng, mỗi khi ra ngồi ngoài quây tụ thuốc, nhất là những dịp có việc phải đi với chồng ra đường, thiên hạ hiếu kỳ, tề hơn hết là những trẻ con trong làng, đã vỗ tay reo hò, chạy theo chế riều nàng thậm tệ, khiến cho nàng tủi thẹn vô cùng. Lòng tủi thẹn mỗi ngày một nặng nề đưa dần đến sự chán ghét người bạn gối chăn khác dòng giống.

Do đấy, cô gái họ Trần thường chỉ thích chuyện trò với anh quản gia Vũ Hồn mà nàng tin rằng dù sao, cũng vẫn là người đồng hương, cùng chung một tiếng nói với nàng, thì hẳn là phải biết kính trọng nàng hơn hẳn là chú Chệt, lúc nào cũng ngô nghê như Chú Tàu nghe kèn, chẳng xứng đáng một chút nào với áng nhan sắc diễm kiều, duyên dáng của nàng, từ xưa tới nay, vẫn nổi tiếng là một thôn nữ xinh đẹp nhất phủ Bình Giang !

Trước Vũ Hồn còn sợ hãi, dè dặt, không dám suồng sã, đùa cợt với cô chủ trẻ tuổi, mặc dầu cô chủ cứ luôn luôn tỏ ra vô cùng dễ dãi.

Nhưng chỉ ít lâu sau đấy, nhằm một buổi tối, nhân cơ hội họ Vương phải đi coi mạch cho một bệnh nhân ở trên Sắt, đường xá xa xôi, bắt buộc thầy lang phải ngủ lại nhà con bệnh đến sáng hôm sau mới có thể về được, nên cô chủ trẻ tuổi đã sai Vũ Hồn đóng kín cổng ngõ, ngay từ lúc sẩm tối, viện có là nhà vắng người, bà chủ cần phải đề phòng những sự bất trắc bất ngờ.

Bề ngoài thì thế, nhưng sự thực bên trong lại khác hẳn !

Đó là một điều tính toán rất kỹ, chín chắn của một thiếu phụ, trời cho nhan sắc mặn mà, khôn ngoan tháo vát, nhưng trớ trêu, lại sinh trưởng nhằm cảnh gia đình nghèo khổ, túng thiếu, đến nỗi một đoá hoa mơn mẩn sắc hương, phải lọt vào tay một chú Chệt đáng tuổi cha, ông, khiến cho cô gái hăm hiu duyên số ấy, dù được sống trong nhung gấm, vàng son, tha hồ ăn ngon, mặc đẹp, kẻ hạ người hầu, cũng cảm thấy tủi buồn, đau khổ, suốt ngày đêm rầu rĩ, thờ vắn, than dài.

Không những thế, họ Vương thường viện có bận rộn, săn sóc bệnh nhân, để có khi vắng mặt đến ba, bốn ngày đêm liên tiếp, làm cho tình gối chăn lạnh nhạt, so với vẻ quyến luyến keo sơn của những cặp vợ chồng mới cưới khác, thì quả thực là cách biệt nhau một vực, một trời. Tính tình chú Chệt chủ tiệm thuốc lại mỗi lúc một thêm khó khăn, khắc khổ. Đối với cô gái họ Trần chú không mấy khi cười nói, tỏ vẻ yêu thương, đi vắng thì không sao, êm thấm cửa nhà, mà cứ về đến tiệm là thế nào chú Chệt cũng la lối om sòm, phiền trách vợ, rầy mắng người giúp việc, chẳng lúc nào ngớt tiếng.

Sức chịu đựng của thiếu phụ họ Trần chỉ có chừng !

Nàng không thể chôn vùi mãi tuổi xuân tràn trề nhựa sống của những ngày mới vu quy vào chốn sâu thành vô tận, bên cạnh một người chồng ngoại chủng, khắc khổ như một nhà truyền đạo, lạnh nhạt như một kẻ tu hành.

Đã đến lúc nàng phải đi tìm một nguồn an ủi khác, kéo nay lần mai nữa, năm tháng cứ vùn vụt trôi qua, chôn vùi một kiếp hồng nhan đang tha thiết yêu đời, dưới hố sâu hờn tủi của kẻ vị vong, có chồng mang tiếng phòng không trọn đời. !

L.T.G. (Lời tác giả) Trước khi viết về ngôi mã táng treo, chúng tôi đã cố gắng đi dò hỏi những vị bô lão nguyên quán ở vùng Hải Dương Bắc Việt để mong tìm hiểu rõ ràng hơn, chính xác hơn những chi tiết bao quanh ngôi mã, có thể gọi được là kỳ lạ, độc nhất vô nhị ở Việt Nam, mà sự kết phát chẳng những đã lâu dài, lại còn hiển hách, bất cứ dưới thời đại nào !

Nhưng qua những lời truyền tụng hay chiếu theo một vài tài liệu đã sưu tầm được, thì chúng tôi chỉ thấy hoang mang không biết đâu là sự thực, vì có người nói thế này, lại có người bảo

thể khác, tam sao thất bản, khiến cho chúng tôi, càng cảm thấy thất vọng, đành chỉ còn biết : lựa chọn những giả thuyết gần sự thực hơn hết, có lý hơn hết, để nêu ra, với hy vọng ấy, mong chờ sự chỉ giáo của quý vị cao minh, nhất là những bậc lão thành ở tỉnh Đông. Thì sự mong chờ của chúng tôi quả đã không đến nỗi thất vọng ! Mới đây chúng tôi có tiếp được bức thư của một vị lão thành, tự nhận là dòng họ Vũ (rất tiếc là Vũ Lão tiên sinh lại không muốn cho chúng tôi nêu rõ quý tính cao danh và địa chỉ, nên ở đây chúng tôi phải chiều ý Vũ lão tiên sinh, mong bạn đọc thân mến, lượng tình thông cảm) đã cho chúng tôi biết thêm nhiều chi tiết quý giá, mặc dù chúng tôi vẫn còn một vài nghi vấn, muốn được hầu truyền cùng Vũ Lão tiên sinh trong một kỳ sau.

Trước khi thuật lại đầy đủ những chi tiết bổ ích ấy để cống hiến quý vị độc giả thân mến, chúng tôi xin chân thành cảm tạ thịnh tình chiếu cố của Vũ Lão tiên sinh, đã không quản công phu, sốt sắng giúp đỡ cho chúng tôi, có những tài liệu dồi dào để hoàn thành công cuộc biên khảo này.

Một lần nữa xin Vũ Lão tiên sinh nhận cho ở đây lời cảm tạ thành thực của chúng tôi. Trong một bài trước, chúng tôi có nói đến làng Lương Đường, sau được đổi thành Lương Ngọc. Nay được biết đó chỉ là tên hợp nhất của hai làng Lương Đường và Ngọc Cục, cũng thuộc địa phận phủ Bình Giang, tỉnh Hải Dương Bắc Việt. Còn ngôi mã táng treo thì thuộc phạm vi làng Vạn Nhuế, huyện Nam Sách, cũng trong địa giới tỉnh Hải Dương.

Theo gia phả của họ Vũ, được đặt ở ngôi thờ tại đình làng Vạn Nhuế, thì lai lịch của ông tổ được ghi chép như sau : " Vũ Hồn , An Nam Đô Hộ Sứ ", và cũng chính Vũ Hồn đã tự tìm lấy được kiêu đất : " Cửu Thập Bát tú triều dương" lúc đang đảm nhiệm trọng trách An nam Đô Hộ Sứ (chúng tôi sẽ có dịp thảo luận về nghi vấn này trong một số báo sau).

Kiêu đất có ngôi mã treo gồm tới 98 (cửu thập bát tú) cái gò nhỏ nằm rải rác bao quanh một cái gò lớn, ở chính giữa (gò thứ 99) mà trên đỉnh gò là mã Vũ Hồn.

Điểm đặc biệt là phong cảnh quang đảng của khu vực " Cửu thập bát tú triều dương", vì ngoài 99 cái gò, tuyệt nhiên không còn có cây cối chi khác.

Vẫn theo gia phả của họ Vũ đã ghi chép, thì sau khi khám phá được kiêu đất tuyệt đẹp, cực kỳ quý báu đó, Vũ Hồn liền trở về Trung Quốc, xin triều đình cho phép mình được đem họ hàng con cháu, di cư sang An Nam lập nghiệp. Chính do đấy, mà hải cốt của Vũ Hồn, sau lúc ông từ trần, mới được an táng tại làng Vạn Nhuế.

Trước khi tìm được kiêu đất để dành cho việc mai hậu, Vũ Hồn còn tìm được một khu đất khác, dùng làm nơi sinh cư lập nghiệp cho bà con trong họ, theo mình từ Trung Quốc qua. Nơi đó là làng Khả Mộ, sau được cải lại là Mộ Trạch, thuộc tổng Tuyên Cừ, huyện Năng An, phủ Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

Địa hình địa thế làng Mộ Trạch cũng đặc biệt vô cùng, thu gọn trong một khu vực vuông vắn như được cắt sén, gọn gàng, không hề có chỗ nào lồi lõm hay khúc khuỷu.

Dân làng hết thầy đều là họ Vũ, con cháu của Vũ Hồn.

Ngoài ra không có một dòng họ nào khác tới cư ngụ hay tá túc cả. Ngay tại hai bên cổng ngôi đình thờ ông tổ Vũ Hồn vẫn còn có đôi câu đối :

" Vì tử tôn lập vạn thế cơ, Khanh, Tướng, Công vô trị loạn."

" Dữ Thiên Địa đồng nhất, nguyên khí, Hoàng, Vương, Đế, Bá hữu Long ô "

dịch nôm là : Vì con cháu, lập nên cơ sở vạn năm Khanh, Tướng, Công Hầu vì thời bình hay thời loạn cũng đều có; Cùng với nguyên khí của Trời Đất, Hoàng, Vương, Đế, Bá ở thời thịnh hay suy cũng vẫn có.

Đồng thời, gia phả cũng còn ghi lại : lúc Cao Biền đuổi quân Nam Chiếu, khi đi ngang qua làng Mộ Trạch, họ Cao vốn là tay thông kim bác cổ, có chân tài, thực học về môn phong thủy, lúc ấy cũng phải ngẩn ngơ trước kiểu đất quý báu, hiếm có kia, rồi gò cương ngựa, rờ roi mà khen ngợi rằng : " Tiên Sĩ sào ! " (Cái tổ của các vị Tiên Sĩ).

Vì vậy tại cổng Đông làng Mộ Trạch, người ta mới thấy có tấm bia, khắc ba chữ " Tiên Sĩ sào" để kỷ niệm lời ca ngợi một kiểu đất văn học tuyệt vời do chính một người thông hiểu địa lý như Cao Biền đã phải thốt ra.

Có lẽ cũng vì địa hình địa thế đẹp đẽ tuyệt vời của làng Mộ Trạch, và căn cứ vào lời khen ngợi "Tiên Sĩ sào" do tự miệng một nhà phong thủy kỳ tài như Cao Biền thốt ra mà số người thành đạt ở làng Mộ Trạch lại có rất nhiều, chứ không phải " Thập Bát Tiên Sĩ, tam Tể Tướng" như chúng tôi từng đề cập đến trong một kỳ trước.

Ngoài một số đông sĩ tử thi đậu cao khoa, làng Mộ Trạch còn có nhiều người làm đến Công Hầu, Khanh Tướng.

Vì thế trong gia phả, mới thấy ghi chú " Thập Bát Quận Công, tam Tể Tướng". Nhưng danh tính các vị quận công hiển đạt trong dòng họ Vũ cho đến bây giờ, vẫn chưa ai tra cứu được, mặc dầu tại Văn Miếu Hà Nội còn có những danh bia Tiên Sĩ ghi danh tính những Ông Nghè ở dưới triều Lê, Nguyễn.

Muốn minh chứng sự khác biệt giữa hai làng Lương Đường và Mộ Trạch chỉ cách nhau co trên dưới ba cây số ngàn, Vũ Lão Tiên Sinh đã cho chúng tôi biết thêm : trong gia phả của dòng họ Vũ còn thấy ghi rằng :

" Mộ Trạch quan, thiên hạ an,

" Lương Đường quan, thiên hạ loạn ..."

Như thế đủ rõ hai làng không liên hệ chi với nhau hết.

Về ngôi mả táng treo, Vũ Lão Tiên Sinh cũng không cho là lạ lùng chi hết, mà đó chỉ là một cái huyệt, được đào rộng ra, bốn góc trồng bốn cây cột, đầu cột có giây xích liên lạc với nhau, hài cốt đặt trong tiểu và để trên các giây xích ấy, xong rồi cho đổ đất lấp kín như các ngôi mộ khác.

VẪN CÒN NHIỀU NGHI VẤN

Với mục đích tôn trọng dư luận, chúng tôi đã trích đăng tất cả những tài liệu liên quan đến ngôi mả táng treo, do chính một bậc lão thành trong dòng họ Vũ, hiện diện ở miền Nam, nay đích thân viết cho chúng tôi, để đính chính những chi tiết chúng tôi từng đưa ra từ mấy số trước, mà Vũ Lão Tiên Sinh cho là quá hoang đường !

Sự thực, tài liệu sưu tầm của chúng tôi nếu có bị sai lạc, lầm lẫn, thì đó cũng không phải là lỗi sơ sót của chúng tôi, vì chúng tôi cũng chỉ làm công việc của một người tường thuật lại những lời truyền tụng trong dân gian về ngôi mả táng treo, mà qua sự kết phát hiện hách lâu dài đã thành một giai thoại rất phổ thông của quảng đại quần chúng.

Sự suy luận của chúng tôi không phải là vô căn cứ, vì đồng bào Bắc Việt nào, trước đây, không đã có hơn một lần, được nghe "thiên hạ đồn" về ngôi mả táng treo, cùng sự lựa chọn đưa con bé sinh đôi, nặng đồng cân hơn đứa con lớn, để đem về Trung Quốc của thầy địa lý Tàu, sau khi nhường kiểu đất quý cho Vũ Hồn - vì tự biết nhà mình bạc phước vân vân và

vân vân.

Sau khi đăng tải đầy đủ những chi tiết về ngôi mã táng treo, do chính một vị lão thành, trong dòng họ Vũ đưa ra, chúng tôi xin nêu ra đây những nghi vấn đã khiến cho chúng tôi phải thắc mắc khá nhiều qua những tài liệu nói trên.

Căn cứ vào tài liệu ghi trong gia phả của họ Vũ thì Vũ Hồn là một vị đại thần Trung Quốc, không biết rõ đời nào, được bổ nhiệm làm An nam Đô Hộ Sứ, qua đây tìm được kiều đất "Cửu Thập Bát Tú Triều Dương", có thể phát được tới "Thập Bát Quận Công, tam Tể Tướng, nên đã về Tàu, xin Triều đình cho phép mình được đem họ hàng qua lập nghiệp tại Mộ Trạch, một địa điểm cũng vô cùng đặc biệt về phong thủy, đến nổi nhà phong thủy chính tông cử khôi là Cao Biền từ đời nhà Đường, được cử qua An nam làm Đô Hộ Sứ khi đuổi giặc Nam Chiếu, về qua làng Mộ Trạch, thấy phong cảnh kỳ tú, địa thế vuông vắn, đã phải nghi ngờ trước kiều đất Văn Học, tuyệt vời, mà gò cương chỉ roi ngựa, khen là "Tiền Sĩ sào" ! Theo những lời ghi chú trên, thì ta có thể tin tưởng được rằng : Vũ Hồn sanh vào đời nhà Đường bên Tàu, vì sau khi chinh phục được nước ta, năm Kỷ mảo, vua Cao Tôn nhà Đường, mới chia xứ Giao Châu thành 12 Châu, 59 huyện và thiết lập An Nam Đô Hộ Phủ.

Nước ta được gọi là An Nam, bắt đầu từ đây.

Trong gia phả của họ Vũ, có ghi " Vũ Hồn An Nam Đô Hộ Sứ." thì lời phỏng đoán của chúng tôi trên đây, hẳn không quá xa sự thực ?

Tuy nhiên, chúng tôi vẫn còn thắc mắc, vì qua những tài liệu lịch sử còn sót lại, chúng tôi đã cố sức dò kiếm, mà trong sổ quan lại nhà Đường được phái sang An Nam, tuyệt nhiên không có vị nào là họ Vũ hết !

Kể từ đời Lý Uyên, vị vua dựng lên nghiệp nhà Đường xưng hiệu là Cao Tổ Hoàng Đế, trong sử cũng chỉ thấy chép : vị quan được nhà vua cử sang cai trị Giao Châu là Đại Tổng Quản Khâu Hoa.

Sau đây là Quang Sở Khách, Dương Tư Húc, Trương Bá Nghi, Cao Chánh Biện, Triệu Vương, Cao Biền v...v...

Không có một viên quan tàu nào họ Vũ, nhất là chức Đô Hộ Sứ cả !

Ngoài nghi vấn trên, chúng tôi còn không khỏi ngạc nhiên, về đoạn nói về Cao Biền.

Như ai nấy đều biết, không những qua lời nhân dân truyền tụng từ cửa miệng người này qua cửa miệng người khác, mà còn được ghi chép trên nhiều tài liệu giấy trắng, mực đen khác về Cao Biền thì nhà chính trị kiêm quân sự Trung Hoa này, còn có biệt tài về môn phong thủy, học được dị thuật hú gió, gọi mưa, mới nghe cứ như chuyện phong thần vậy !

Về tài năng và sự nghiệp của Cao Biền thì chính sử gia, kiêm học giả Trần Trọng Kim, đã viết trong cuốn V.N. sử Lược như dưới đây :

Mùa thu năm Giáp Thân (864) Vua nhà Đường sai tướng Cao Biền sang đánh quân Nam Chiếu ở Giao Châu.

Cao Biền vốn là danh tướng của nhà Đường văn võ toàn tài, rất được quân sĩ mến phục. Năm Ất Dậu (865) Cao Biền cùng quan Giám quân Lý Duy Chu đem quân sang đóng ở Hải Môn. Nhưng họ Lý không ưa Cao Biền, thường tìm mưu hãm hại.

Hai người bàn định tiến binh, Cao Biền dẫn 500 quân đi trước hẹn họ Lý đi sau tiếp ứng.

Nhưng họ Lý không chịu xuất binh, Cao Biền vẫn thắng được quân giặc trong lúc chúng đang gặt lúa không kịp đề phòng.

Sau đây nhờ có tướng Vi Trọng Tề vâng mệnh vua Đường, đem 7000 quân sang tiếp viện cho Cao Biền, nên Cao Biền lại thắng luôn mấy trận nữa, khiến cho quân Nam Chiếu hoảng sợ,

chỉ lo giữ gìn thế thủ, chứ không dám tấn công như trước nữa.

Cao Biền thấy thế liền viết biểu gửi về Tàu báo tin. Nhưng sứ giả về đến Hải Môn, lại bị Lý Duy Chu bắt giữ, không cho họ Cao Biền liên lạc với Triều Đình.

Vua Đường trông đợi mãi, không thấy tin tức gì của Cao Biền, phải sai sứ giả sang hỏi, thì Lý Duy Chu lại tâu dối rằng : Cao Biền án binh ở Phong Châu không chịu giao binh cùng quân giặc.

Vua Đường nghe tin ấy, nổi giận lập tức, hạ chiếu sai Vương An Quyền sang làm tướng đánh Cao Biền và triệu họ Cao về triều hỏi tội.

Ngày tháng ấy, Cao Biền phá tan được quân Nam Chiếu rồi lại tiến binh vây hãm La Thành, đã được hơn mười ngày, sắp hạ thành, bỗng nhận được tin Vương An Quyền và Lý Duy Chu sẽ sang thay mình thì biết ngay mưu kế hiểm độc của bọn gian thần, liền trao phó binh quyền cho Vi Trọng Tề rồi cùng mấy tên gia nhân thân hành đi suốt đêm về triều.

Nhưng trước đó, Cao Biền cũng đã sai người bí mật lén về kinh đô dâng biểu, trần tấu về tình trạng ở phương Nam, và nhân mạnh luôn cả sự đổ kỵ của họ Lý để xin nhà vua minh xét...

Vua Đường xem biểu, biết rõ sự tình cả mừng, vội xuống chiếu thăng chức cho Cao Biền và sai họ Cao trở lại phương Nam, tiếp tục cầm binh chinh phạt Nam Chiếu.

Chẳng bao lâu binh Đường đã dẹp yên quân giặc.

Đất Giao Châu lại bị nội thuộc nhà Đường, sau 10 năm bị quân Nam Chiếu phá lại.

Vua Đường phong cho Cao Biền làm Tiết Độ sứ và đổi đất An Nam làm Tỉnh Hải...

Cao Biền trị dân có phép tắc nên ai cũng kính trọng mến phục.

Vì vậy, nhiều người tôn là Cao Vương, Cao Biền đắp lại thành Đại La ở bờ sông Tô Lịch...

Sử chép rằng Cao Biền thường dùng phép phù thủy, khiến thiên lôi phá hủy những thác ghềnh ở các sông ngòi trong xứ, để cho thuyền bè đi lại dễ dàng.

Tục truyền rằng : Cao Biền thấy ở bên Giao Châu ta lắm đất để vương thường cứ cười đùa giấy đi yểm đất, phá hủy những chỗ sơn thủy đẹp và triệt hạ mất nhiều long mạch...

Ngoài tài liệu của Trần tiên sinh, trong dân gian còn đồn đãi rằng : họ Cao thường đi khắp núi cao rừng rậm, ngõ hẻm, hang cùng, thấy nơi nào địa thế kỳ khu, phong cảnh xinh đẹp, khả dĩ nghỉ được là chỗ quy tụ những long mạch kết phát, là tìm cách trấn yểm, phá hủy cho kỳ được.

Đó không phải là ý riêng của Cao Biền, mà chính là y đã vâng mật chiếu của triều đình : dùng mọi phương pháp yểm trừ những huyệt đế vương, cũng như những kiếu đất kết phát khác, để mong củng cố nền móng đô hộ lâu dài trên đất nước này.

Với trọng trách ấy, một người có căn bản vững chắc về môn phong thủy như Cao Biền, một danh tướng kiêm chính trị gia lỗi lạc, đã từng xây được thành Đại La lại đào cả sông Tô Lịch để cắt đứt long mạch của chôn cổ đô, thì bao giờ y lại chịu bỏ qua kiếu đất " Cửu Thập Bát Tú triều dương" và lòng cả khu quý địa làng Mộ Trạch ?

Bảo rằng Vũ Hồn đã tìm thấy được ngôi đất đặc biệt đó, từ trước ngày Cao Biền được vua Đường cử sang nhậm chức Đô Hộ Sứ ở An Nam, chúng tôi e rằng giả thuyết đó cũng không được vững lắm, vì ngoài lý do không có một viên quan nhà Đường nào họ Vũ, ta còn phải kể đến những sự phiền toái, phức tạp của công cuộc di cư những con cháu trong dòng họ Vũ qua lập nghiệp ở làng Mộ Trạch, mà sau khi tìm được địa điểm hợp ý, Vũ Hồn đã về Tàu, xin phép triều đình cho đem họ hàng qua đây, lập riêng thành một kiếu giang sơn quy tụ toàn người trong họ Vũ.

Sự kiện đó có đúng không ? Nếu đúng, thì thời gian Vũ Hồn được cử làm Đô Hộ Sứ ở An

Nam là năm nào, mà vị đại thần Trung Quốc ấy lại có thể tìm được đất, di cư đem con cháu qua lập nghiệp, phát đạt hiển hách làm được cả đền thờ, viết được cả câu đối, ghi nhớ công ơn người khai sáng, để khi Cao Biền có dịp đi qua, chỉ còn biết ngẩn ngơ, trước kiêu đất văn học tuyệt vời đó !

Nếu bảo rằng Vũ Hồn sang An Nam sau Cao Biền, thì giả thuyết ấy e rằng không đúng ! Vì cái chức An Nam Đô Hộ Sứ chỉ được đặt ra về đời Vua Cao Tôn nhà Đường, đồng thời với danh từ An Nam Đô Hộ Phủ.

Nhưng đến khi Cao Biền đánh thắng được quân Nam Chiếu, nước ta trở lại nội thuộc nhà Đường, thì vua Đường lại đổi An Nam làm Tĩnh Hải và phong cho Cao Biền làm Tiết Độ Sứ. Do đấy mà chúng tôi tin rằng ngôi Mả Táng Treo chỉ có thể được an táng từ trước ngày Cao Biền qua nước ta, căn cứ vào số quan Trung Quốc "Thiên Triều" phải qua đây, trong những thời kỳ nước ta bị Bắc thuộc, không đời nào còn thấy có chức An Nam Đô Hộ Sứ nữa ! Tóm lại chúng tôi không tin rằng : ngôi mả táng treo, được táng sau thời Cao Biền đem binh sang đánh quân Nam Chiếu, vì một lẽ dễ hiểu : nếu được thấy kiêu đất ấy thì một người tinh thông phong thủy như họ Cao, có đâu lại chịu bỏ qua, nhường chốn cát địa cho người khác hưởng thụ.

Nhưng ngôi mộ nếu đã không được táng trong thời kỳ Cao Biền sang bình định nước ta, thì mả ấy được táng từ đời nào ? trước đấy hay sau đấy.

Điều đáng cho ta thắc mắc nhiều hơn hết là cái chức An Nam Đô Hộ Sứ của Vũ Hồn, vì như chúng tôi đã trình bày trong kỳ trước : Xứ Giao Châu chỉ được đổi tên là An Nam từ đời Vua Cao Tôn Nhà Đường cũng như chức vị Đô Hộ Sứ, chỉ được đặt trong thời gian ít năm gần đây, cho đến khi Cao Biền dẹp tan quân Nam Chiếu, dâng biểu về triều báo捷, thì vua Đường lập tức đổi An Nam là Tĩnh Hải, và đặt ra chức Tiết Độ Sứ để cai trị nước ta.

Nếu bảo khu đất "Cửu Thập bát Tú triều dương" và làng Mộ Trạch, còn là những vùng hoang địa cho đến khi Cao Biền đi qua thì thật là vô lý !

Một nhà phong thủy kỳ tài lỗi lạc như Cao Biền, lại mang nặng chiếu mạng của vua Đường : phải triệt hạ trấn yểm cho kỳ hết, những kiêu đất trong những miền sơn thủy kỳ khu, quy tụ long mạch đế vương, hay công hầu, khanh tướng, thì có bao giờ lại chịu bỏ qua một kiêu đất văn học tuyệt vời như nơi có ngôi mả táng treo của Vũ Hồn và nơi quy tụ con cháu dòng họ Vũ tức là làng Khả Mộ, mà theo tài liệu ghi chú trong gia phả họ Vũ, sau được đổi tên là làng Mộ Trạch. Nhất định Cao Biền không thể nào giữ thái độ thần nhiên, bất động như thế được. Một là nhà địa lý tài ba ấy phải chiêm đoạt lấy, để an táng hài cốt tổ phụ, nhất là vào hoàn cảnh của họ Cao lúc đó, đang bị kẻ thù âm mưu hãm hại, tìm đủ cách sàm tấu với triều đình thì một nhân vật lỗi lạc văn võ song toàn, trí mưu gồm đủ như Cao Biền, rất có thể xưng hùng một cõi bằng cách tạo lập riêng biệt cho mình một sự nghiệp, bắt đầu bằng ngôi mả "Cửu Thập bát Tú", và sau đó, dùng làng Mộ Trạch để quy tụ con cháu làm vây cánh, há không phải là mưu kế vạn toàn sao ?

Hai là, nếu Cao Biền không muốn hoạt động cho sự tư lợi của mình, thì chiếu theo chiếu mạng của nhà vua, nhà phong thủy đó cũng phải phá huỷ kiêu đất, triệt hạ long mạch, để không cho một ai, lợi dụng khu cát địa ấy, ngóc đầu lên được ?

Vậy mà cả hai giải pháp trên, đều không được Cao Biền xử dụng, thì đủ hiểu vùng đất đai kỳ tú đó đã có chủ từ lâu, hoặc giả Cao Biền không hề được đặt chân đến vùng Lương Đường, Ngọc Cục một lần nào hết !

Đặt giả thuyết là ngôi mả táng treo được an táng từ khi bắt đầu có chức Đô Hộ Sứ và xứ Giao

Châu được mang tên là xứ An Nam, nghĩa là vào đời vua Cao Tôn nhà Đường bên Tàu. Đồng thời ta cũng cứ tạm tin Vũ Hồn là quan Đô Hộ Sứ đầu tiên do nhà Đường bổ nhiệm sang cai trị đất An Nam, theo như lời ghi chú trong gia phả họ Vũ mà tài liệu còn được đặt thờ trên ngai, mặc dầu trong sử sách, chúng tôi đã tốn công tra cứu, không hề thấy một viên quan văn võ, lớn nhỏ nào của nhà Đường, được phái qua đất An nam, mang họ Vũ, chứ đừng nói là chức Đô Hộ Sứ, một chức vụ nếu chúng tôi không lầm, không thua kém gì chức Thái Thú về trước, hay chức Tiết Độ sứ sau này, cũng do nhà Đường đặt ra.

Nếu tạm tin là có quan Đô Hộ Sứ Vũ Hồn, từ bên Tàu qua cai trị đất này, rồi đặt thêm một câu hỏi phụ : họ Vũ đóng doanh trại ở đâu mà lại có thể tìm được kiếu đất " Cửu Thập bát Tú triều dương" và làng Mộ Trạch để có thể sau đây, về triều đình xin phép nhà vua cho di cư con cháu qua An nam lập nghiệp ?

Thời gian tìm kiếm được đất, trở về Tàu, rồi lại qua An Nam, theo sự chuyển vận ngày xưa, đường lối giao thông không thuận tiện, nào qua suối băng rừng, nào trèo non, vượt bể liệu mất bao nhiêu ngày tháng ?

Đó là chưa kể đến những sự trở ngại khác, rất có thể xảy ra, về phương diện chính trị, cho một viên quan nhận mệnh vua đi trấn nhậm phương xa chưa làm được điều gì đặc biệt đã lại về triều xin đem con cháu qua lập nghiệp ở nơi mình đang cai trị, thì há không sợ nhà vua nghi ngờ, và các bạn đồng僚 dị nghị rồi tìm cách ngăn cản sao ?

Ai cũng biết rằng cái nghề làm quan ở bên Tàu, một khi được bổ đi trấn nhậm các vùng bị nội thuộc là có một cơ hội làm giàu chắc chắn, tha hồ mà vợ vét, đục khoét, làm mưa, làm gió với đám dân đen bản xứ !

Vậy thì trước miếng mồi ngon béo bở ấy, các triều thần văn võ nhà Đường, đâu có dại gì mà để cho Vũ Hồn được độc quyền hưởng thụ ?

Mà không những chỉ hưởng thụ một mình, Vũ Hồn lại còn về đem con cháu, họ hàng qua An nam lập nghiệp, một cách quá dễ dàng, khiến cho giờ đây, khi đọc đến đoạn này, người ta đã phải bâng khuâng tự hỏi : Trong thời đại phong kiến cực thịnh, vấn đề di dân lại thực hiện nhanh chóng đến thế sao ?

Nếu tính cộng tất cả thời gian từ lúc Vũ Hồn sang An Nam làm Đô Hộ Sứ, cho đến khi tìm được đất về Tàu, xin nhà vua đem con cháu qua thành lập làng Mộ Trạch, rồi lại tiếp tục cai trị dân An Nam, cho đến lúc chết để được mai táng trong kiếu đất Cửu Thập Bát Tú triều dương, thì thời gian tổng cộng đó là mấy năm ?, mà đến khi Cao Biền qua đây, mọi việc đã đâu vào đấy cả rồi, nghĩa là đã có ngôi mộ táng treo và làng Mộ Trạch đang hoàng rồi, khiến cho Cao Biền đành chỉ còn nhìn kiếu đất mà tỏ ý tiếc hận.

Qua mấy kỳ vừa rồi, chúng tôi đã trình bày những nghi vấn về thời gian chính xác, của ngôi mộ táng treo, và tin rằng, nếu Vũ Hồn có quả là người Trung Hoa thật sự, được làm quan tới chức Đô Hộ Sứ, thì ngôi mộ ấy phải được táng trong khoảng thời gian từ năm quan Đô Hộ Sứ Khâu Hòa được bổ qua đây đến năm quan Đô Hộ Sứ (sau là Tiết Độ Sứ) Cao Biền đem quân sang đánh quân Nam Chiếu, mặc dầu trong số các quan lại nhà Đường (xin nhắc lại thêm một lần nữa) đặt chân lên đất An nam , không hề có một ai mang họ Vũ hết, kể cả các quan lớn, nhỏ văn, võ !

Vả lại, nếu tài liệu được ghi trong gia phả của họ Vũ là đúng, thì Vũ Hồn đã xuất chinh làm quan to từ trước khi thấy kiêu đất Cửu Thập bát Tú triều dương và vùng Khả Mộ, nghĩa là họ Vũ vẫn là một thế gia lệnh tộc ở Trung Quốc từ lâu rồi, chứ đâu phải do kiêu đất Cửu Thập bát Tú triều dương đem lại được sự kết phát, tạo ra cho Vũ Hồn cái địa vị vinh quang, hiển hách ấy ?

Vậy thì những linh khí nhật nguyệt, kết tụ thành kiêu đất đặc biệt, có một không hai ở dưới gầm trời này, há chẳng bị giảm mất một phần nào sự hiệu nghiệm ư ?

Rút kinh nghiệm của những kiêu đất quý báu từ xưa tới nay, mà sự kết phát kỳ dị, qua những hiện tượng lạ lùng, có khi gần như hoang đường, quái đản, đã được phổ biến sâu rộng trong dân gian, khiến cho những giai thoại ấy được truyền tụng, thông thường không kém gì những câu ca dao tục ngữ, hoặc do tự chúng tôi sưu tầm được, thì những kiêu đất đặc biệt, phần nhiều đều đem lại sự kết phát rất bất ngờ, huyền diệu : từ dây rơm, áo vải đến mũ mùng, cân đai, từ hàn sĩ, không có đất cắm dùi, đến ông Nghè, ông Bổng nghênh ngang, vồng lọng chớ ít khi thấy một kiêu đất quý đem lại sự kết phát cho một gia đình, đang được kết phát như trường hợp của quan An Nam Đô Hộ Sứ Vũ Hồn lúc mới được bổ nhiệm qua đây.

Hơn thế nữa, các Cụ nhà ta trước kia, mỗi khi có cơ hội đề cập đến chuyện mồ mả, đất cát, thường bao giờ cũng đem câu : "Tiên tích đức, hậu tầm long" ra, để khuyên bảo con cháu, không phải dụng ý khuyến thiện : cần phải tu nhân, tích đức, làm điều lành, tránh điều dữ trước đi, rồi sau mới có thể nghĩ đến chuyện tìm thầy địa lý để nhờ kiếm cho một kiêu đất kết phát !

Ở đời, ai cũng biết đồng tiền có sức mạnh vô biên !

Vì đồng tiền, người ta có thể thay đen, đổi trắng, vẽ phấn bôi son mặc sức mua danh, bán lợi theo ý muốn của mình !

Nhưng riêng về việc mồ mả, đất cát thì đồng tiền quả thật không tạo được nổi một mây may ảnh hưởng nào dù cho những nhà đại phú giàu có vào loại Thạch Sùng, Vương Khải ngày xưa, cũng đành tâm bó tay chịu phép, không thể ý mình dư vàng ngọc, dư tiền bạc, để mà tha hồ mượn thầy địa lý tìm những kiêu đất quý báu, hầu hy vọng một sớm, một chiều, từ địa vị phú hộ, nhảy lên quan lớn, muốn chém giết ai tùy thích !

Lão còn phân trần rành rẽ cho mọi người khỏi nghi ngờ thắc mắc :

- Sở dĩ lão muốn dùng kiêu đất có một không hai ở dưới gầm trời này, để an táng hài cốt họ Vũ, mà không chiếm đoạt lấy cho riêng mình, là vì lão đã biết chắc rằng tổ tiên họ Vũ rất dày âm công, phước trạch, nên Trời Phật mới dành riêng kiêu đất ấy cho họ Vũ, không một ai được phép xâm phạm.

Vả lại, Vũ Nghĩa là con trai thứ của Vũ Hồn, từ nay đã mang họ Vương, là con nuôi của lão, thì nhiều ít, dù muốn, dù không, sau này vận mạng của nó cũng phải liên hệ với mộ phần thân phụ nó.

Như vậy, lão dù có tặng họ Vũ kiêu đất đặc biệt song nghĩ cho cùng không thiệt thòi gì, vì chính con nuôi lão (Vũ Nghĩa) cũng được hưởng thụ một phần phước trạch của ngôi mả kết phát.

Trần thị vui vẻ bằng lòng. Họ Vương chọn ngày cải táng xong xuôi, rồi đem Vũ Nghĩa, nay đổi là Vương Nghĩa về Tàu !

Trần thị nhắn tin mời thân phụ nàng qua chơi để tiếp đãi họ Vương, hầu tránh những lời dị nghị của dân làng, vì dù đã có hai con với Vũ Hồn, lại thêm mang vòng khăn tang trên đầu

với chuỗi ngày buồn tẻ của kiếp sống vị vong, người trong thôn xóm cũng vẫn không quên mỗi tình duyên ngắn ngủi giữa nàng với thầy lang họ Vương năm trước.

Đêm hôm ấy, nhân bàn đến chuyện cải táng Vũ Hồn, họ Vương vui miệng, đã thú thật các việc đã qua : từ khi lão theo dõi long mạch cho đến lúc tìm thấy huyết quý, nhưng thử đi, thử lại nhiều lần, lão đành khoanh tay khuất phục số mạng, không sao cưỡng nổi mệnh trời, vì qua bao nhiêu hiện tượng quái đản, dị kỳ, lão tự biết, nhà mình bạc phước, chưa đủ âm công hưởng thụ kiểu đất kết phát hiển hách đó, mà Thượng Đế đã dành riêng cho Vũ Hồn.

Lão cũng không dấu những sự hiển linh ghê ghớm, khi bị sét đánh trúng tróc long, một mảnh lực huyền ảo nào đó đã phá tan luôn cả bùa phép, ngăn cản không cho lão hô thần, chiêu tập âm binh, và sau đấy, còn báo mộng cho lão biết lòng trời, chỉ ban kiểu đất cho họ Vũ, ai cố tình chiếm đoạt nhất định sẽ gặp tai họa.

Nghe lão thuật chuyện người nông dân xuất hiện, giữa một cơn mưa gió, gió mưa tầm tã, lúc lão phải vào tạm trú trong miếu cô hồn, để mạch bảo rành mạch cho lão biết đích xác danh tánh người được hưởng thụ phước trạch của thánh thần, cả hai cha con Trần thị cùng ngơ ngác nhìn nhau như dò hỏi, nhưng cả hai đều không biết người nông dân kỳ dị ấy là ai, mặc dù họ Vương đã phác tả lại rõ ràng tỷ mỉ nét mặt và giáng điệu của người nông dân lạ lùng đó.

Cả hai cha con cùng một lượt, điểm danh dân làng ở từng thôn, từng xóm, xem có ai vào cỡ tuổi ấy, có tầm vóc người và nét mặt như thầy lang vừa phác tả.

Song họ chỉ thất vọng, ngao ngán nhìn nhau, lắc đầu, vẽ bản khoản in hằn trên hai khuôn mặt một già, một trẻ !

Thấy thế, họ Vương chỉ còn biết kết luận mơ hồ : đó có lẽ là thổ thần hiển linh, chứ nếu là người ở trong vùng thì cha con họ Trần, vốn là dân sở tại, lẽ tất nhiên phải biết chứ có lý đâu lại chẳng có thể nào đoán ra được là ai ?

Họ Vương thuật tiếp đến sự dò hỏi cố tìm cho kỳ được Vũ Hồn.

Lão thú thật: Khi chưa tìm thấy họ Vũ , thâm tâm lão vẫn hoài nghi, không tin chắc sự hiển linh của thổ thần mạch bảo, cũng như sự tiết lộ dị kỳ của người nông dân ở miếu Cô hồn.

Nhưng đến khi tìm được Vũ Hồn, mượn được họ Vũ về làm quản gia cho tiệm thuốc, nhất là sau nhiều cuộc dò xét kín đáo, biết được rõ ràng về lai lịch, gốc tích cùng nền tảng âm công, tu nhân tích đức của tổ tiên họ Vũ thì lão mới thật sự giật mình, hoảng kinh hồn vía trước lẽ trời huyền bí, và bàn tay an bài kỳ diệu của Hóa Công. Nhờ đấy, lão mới tự nguyện, khẩn vái cùng thánh thần, xin tuân theo mệnh trời, nhường kiểu đất quý đã tìm được cho Vũ Hồn, mà chỉ xin ghé hưởng một phần phước trạch.

Qua bao nhiêu đêm thao thức không ngủ, lão suy tính kỹ lưỡng, để tìm cơ mưu thực hiện ý định trên. Mãi sau mới suy nghĩ được cách mượn giống, nghĩa là cố sức gây dựng cho Vũ Hồn sớm thành gia thất, rồi xin một đứa con họ Vũ đem về Tà làm con nuôi cho mang họ Vương chính thức. Như vậy, vừa nên tình, nên nghĩa, lại vừa tạo được phước trạch cho riêng họ Lão mà vẫn không trái với lòng trời.

*** HẾT ***

"Làng Mộ Trạch thì nặng bằng một nửa thiên hạ" (Vua Tự Đức)

Đó là làng Mộ Trạch, xã Tân Hồng huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương. Một làng nhỏ có tới 36 tiến sĩ, nếu kể cả ba vị do các cơ sở khoa học Trung ương và tỉnh phát hiện nhưng các cụ của làng còn đang đối chiếu với ngọc phả hương thôn và tộc phả các dòng họ thì là 39.

Dường như hỏi bất cứ người dân trưởng thành nào trong huyện về làng tiến sĩ là được chỉ tới nơi đây. Vào làng hỏi bất cứ công dân trưởng thành nào cũng được kể cho nghe về xuất xứ tên gọi cũng như người khai sinh ra bờ tre ngõ lối của làng!

Kể rằng:

Vũ Công Huy là quan chức đời Đường đã sáu mươi tuổi vẫn không con cái. Quá buồn chán, Vũ Công Huy cáo từ quan và xin phép vua Đường cho du hành về phương Nam. Thấy đất Thanh Lâm nay là vùng Nam Sách, Hải Dương có nhiều gò đồng rất đẹp và linh thiêng ngài bèn đem hài cốt cha sang mai táng. Rồi Vũ Công Huy gặp một người con gái nét na, thủy mị, xinh xắn nhất vùng tên là Nguyễn Thị Đức bèn lấy làm vợ. Họ đưa nhau trở về Trung Quốc. Năm 804 vợ chồng sinh hạ một người con trai tuần tú đặt tên là Vũ Hồn. Năm bảy tuổi Vũ Hồn đã đọc thông viết thạo. Năm mười hai tuổi học đầu nhó đầy. Năm mười tám tuổi thi đình đỗ cao, được bổ làm quan, rồi được vua Đường phong chức Đô Ngự xứ ở quận Giao Châu tức Việt Nam ta lúc đó còn đang trong thời kỳ Bắc thuộc. Đô Ngự xứ Vũ Hồn đi kinh lý thấy vùng đất Bách nhận hỏi sào ở vùng Bình Giang ngày nay, cho rằng nơi đây mến mộ lòng người, dân chúng có thể phát về đường khoa cử bèn lập ấp đem mẹ từ phương Bắc sang nuôi dưỡng và gọi vùng đất này là Khả Mộ. Tên có từ ngày ấy. Dần dần lưu truyền đời con đời cháu đọc chệch đi nên làng mang tên Mộ Trạch như ngày nay.

Mẹ mất. Vũ Hồn đưa về mai táng ở thôn Kiệt Đặc thuộc vùng núi Phụng Hoàng, Chí Linh bây giờ. Ngày 23 tháng Chạp năm Quý Dậu (853) Vũ Hồn 49 tuổi không bệnh mà hoá. Dân chúng khiêng đi mai táng gặp buổi chiều mưa giông sấm sét dữ dội mãi lâu không ngớt đánh bả về. Sáng hôm sau trời quang mây tạnh họ ra để tiếp tục công việc thì không thấy thi xác đâu cả. Như là đã biến thành thần và bay vút lên trời. Dân chúng bèn bẩm tâu lên các quan cai trị. Vua Đường cho người về xem xét thấy đúng bèn ra sắc phong Dương Cảnh thành hoàng - Lâu đài cý sĩ. Nhân dân nhớ ơn rước bài vị của vua Đường ban chiếu cùng hương hồn ông vào đình ngự lẫm ngôi vị thành hoàng của làng.

Con đường đèn sách

Xứ Đông ngày xưa bao cả vùng đất rộng lớn gồm Hải Dương, Hưng Yên, Hải Phòng... sự nghiệp giáo dục phát triển mạnh vào thời Lê và truyền thống học tập đỗ đạt của con em xứ Đông ngày càng được phát huy, số người đỗ đạt từ thi hương đến thi hội ngày càng nhiều. Hiện nay 82 bia tiến sĩ còn lại ở Văn Miếu, Hà Nội, ta dễ dàng tìm thấy phần khá lớn khoa bảng thành đạt thời xưa xuất thân từ xứ Đông và đặc biệt người làng Mộ Trạch có trên 18 văn bia.

Xét trên phạm vi đơn vị huyện của xứ Đông, mật độ tiến sĩ tập trung khá cao ở Văn Giang, Ân Thi, Chí Linh, Thanh Lâm, Đường An, nhưng trong phạm vi một làng xóm thì Mộ Trạch là điểm sáng rực rỡ mãi mãi toả ánh hào quang từ ngàn xưa cho tới hôm nay. Làng Mộ Trạch nhỏ bé tới tận năm 1945 mới có xấp xỉ 1000 nhân khẩu và hôm nay có hơn 700 hộ với 2800 nhân khẩu. Ấy vậy mà dưới những năm tháng ụ tịch của mười thế kỷ trước đã lần lượt xuất hiện tới 36 vị tiến sĩ, chưa kể đến cử nhân, tú tài, đứng vào bậc nhất cả nước về trình độ học vấn. Đặc biệt có những khoa thi, những kỳ thi, sĩ tử ra đi từ làng Mộ Trạch đã giành thành tựu vẻ vang xứng danh tổ tiên dòng tộc. Ngọc phả của làng cũng như trên bia số 18 tại Văn

Miếu - Hà Nội còn ghi rõ khoa thi năm Bính Thân, niên hiệu Vĩnh Thịnh thứ tư (1656) dưới thời Lê Thần Tông và Trịnh Tráng có tới 3000 người dự mà chỉ được chọn đỗ sáu thì đệ tam giáp làng Mộ Trạch là Vũ Trác Lạc, Vũ Đăng Long, và Vũ Công Lượng, nghĩa là chiếm tới một nửa những con người thành đạt của cả thiên hạ. Tiếp đến là khoa thi Kỷ Hợi năm 1659 Mộ Trạch lại có tới bốn người đỗ tiến sĩ là Vũ Cầu Hối, Vũ Công Đạo, Vũ Duy Hải và Lê Công Triều.

Hầu hết danh sĩ làng Mộ Trạch đều để lại những tác phẩm văn học có giá trị cho đời sau: Lê Cảnh Tuân có Vạn ngôn thư và 12 bài trong Toàn Việt thi lục. Lê Thiệu Đình có Tiệt trại thi tập. Vũ Hữu có Đại thành toàn pháp. Vũ Quỳnh có Đại Việt thông giám và Lĩnh nam trích quái. Vũ Cán có Tùng niên thi tập và Tứ lục bi lâm. Lê Nại có Việt sử thông giám. Vũ Phương Đề có Công dư tiếp ký 43 tập. Vũ Huy Tấn có Văn tế quân Thanh... và nhiều người có công với nước hoặc tài trí đặc biệt hơn người được dân gian lưu danh muôn thuở như: Vũ Nạp, phó tướng của Trần Quốc Bảo đã thay mặt chủ tướng khi Trần Quốc Bảo tử trận, xông pha giữa mũi tên hòn đạn, chỉ huy quân sĩ phá tan thế trận của giặc Nguyên trên sông Bạch Đằng bắt sống tướng giặc là Ô Mã Nhi và Phàn Tiếp. Sau này ông được vua nhà Trần ban cho bài vị Đồng Giang hầu Vũ tướng công. Hai con trai ông là Vũ Nghiên Tá và Vũ Hán Bi cùng đỗ Thái học sinh khoa Giáp Thìn (1304) triều vua Trần Anh Tông. Rồi Lê Thiệu Đình, Lê Thúc Hiền và con trai là Lê Cảnh Tuân đã vào tận xứ Thanh phò tá Lê Lợi góp phần diệt tan giặc Minh được liệt vào hàng danh sĩ công thần nhà Lê. Rồi trạng ăn Lê Đình, trạng chạy Vũ Cương Trực, trạng vật Vũ Phong, trạng cờ Vũ Huyền và trạng toán Vũ Hữu. Mỗi ông trạng đều có danh tính thật trong sử sách của làng cùng với công trạng kiệt xuất và sự thêu dệt do lòng ngưỡng mộ tôn kính đời đời.

Làng Mộ Trạch nghèo. Dân từ ngàn xưa thuần nông cấy cấy, dệt vải, nhưng vẫn hết sức chăm lo đèn sách. Các bậc già nhất của làng kể lại là làng có quán khảo văn. Hàng năm, trước khi sĩ tử trả hội thi hương hay thi đình do Nhà nước tổ chức đều phải qua kỳ thi làng ở quán khảo văn. Tại đây các môn sinh chẳng những nâng mình lên trong tầm hiểu biết mà còn làm quen tới cách thức, thể lệ. Những quán văn ấy của thời xa xưa chắc chắn bằng tranh tre nứa lá không thể tồn tại đến ngày nay những nó được ghi mãi trong lòng người truyền tụng từ đời này qua đời khác. Chẳng phải ngẫu nhiên mà Đức Dực Tôn Anh Hoàng Đế Tự Đức vốn thông minh hay chữ đã phải thốt lên Mộ Trạch nhất gia bán thiên hạ tức là riêng làng Mộ Trạch tài năng bằng một nửa thiên hạ.

Gia phả họ Vũ của làng còn ghi một giai thoại: Lại bộ tả thị lang Nguyễn Văn Phong lục vấn rằng người làng Mộ Trạch có tý xảo thần thế gì đó mới nhiều người đỗ đến thế. Kỳ thi hương năm Canh Trị thứ tứ (1666) ông xin về xứ Đông làm đề điệu (chủ khảo). Ông cho đào mỗi thí sinh một hố, trên đắp liếp, người thì ngồi trong đó làm bài. Ông chọn những câu văn học hiểm làm đề thi, lại truyền cho hai ban sơ khảo và phúc khảo chỉ được chọn những quyển nào viết chữ rõ ràng, không dập xoá, sửa chữa. Quan trường chấm bài xong, tuyển được ba mươi quyển hợp cách trình quan đề điệu chấm lại. Nguyễn Văn Phong chỉ lựa được sáu quyển, còn đánh trượt. Sau khi xếp thứ bậc rồi khớp phách để yết bảng, thì người đỗ đầu là Vũ Văn Hiền, 18 tuổi, đậu ngay giải nguyên. Người thứ hai là Vũ Bật Lại. Người thứ ba là Vũ Chấn, đều ra đi từ làng Mộ Trạch. Ba người kia là của khắp thiên hạ.

Mộ Trạch xưa nhiều người làm quan là vậy nhưng không giàu. Người dân mang hết nghị lực cho sự nghiệp học hành của con em mình. Chữ thánh hiền được nâng niu quý trọng. Đàn ông tiêu biểu của làng là làm quan hoặc làm nghề dạy học. Thầy đồ Chằm (tên nôm làng Mộ

Trạch) nổi tiếng về tài năng và trọng nhân cách, là thầy dạy dỗ từ bước đi đầu tiên của bao cử nhân, tiến sĩ. Dân gian quanh vùng có câu: Tiên làng Độc. Thóc làng Nhữ. Chũr làng Chăm. Làng Độc có nghề nhuộm cổ truyền mỗi năm thu hàng bồ tiền của thiên hạ. Làng Nhữ ruộng nhiều và tốt lắm thóc nhất vùng. Còn làng Chăm, như ta đã biết, nổi tiếng hay chữ, nhiều người đỗ đạt cao và thầy đồ học sâu hiểu rộng. Tại các cuộc thi thử hay quán khảo văn của làng, các bậc đại nho nghiêm khắc với bài vở và phong độ của những người ôm chữ thánh hiền là các môn sinh. Khuyến khích nhau học hành chuyên cần, nghiêm túc, có hệ thống đã trở thành nếp sống văn hoá mang truyền thống đặc sắc và là nguyên nhân quan trọng bậc nhất tạo sự thành đạt cho các môn sinh làng Mộ Trạch.

Nơi an toạ của các vị thần

Đó là đình! Giữa vùng địch hậu Liên khu Ba suốt thời kháng chiến chống Pháp thật hiếm thấy còn có ngôi đình đồ sộ với đầy đủ tiền cung, hậu cung, các hoành phi câu đối, vừng vàng hàng cột lim vòng tay người ôm mới xuể trên từng trụ đá. Đình thờ thần hoàng Vũ Hồn có công lập ra làng Khả Mộ và đem chữ thánh hiền từ phương Bắc về tận nơi đây. Tới triều Lê Mạt các cuộc khởi nghĩa nổi lên khắp nơi trong đó có cuộc khởi nghĩa vang dội của quận He Nguyễn Hữu Cầu. Đình bị tàn phá. Bà Nhữ Thị Nhuận là người rất có tâm huyết với dân, với nước, thấy vậy liền bỏ tiền ra tu chỉnh ngôi đình. Bà là người tài ba lỗi lạc thương nước thương dân nên khi có giặc cướp nổi lên ở trấn Nghệ An vua liền cử bà vào dẹp giặc. Đội quân của bà toàn nữ. Giặc cướp trông thấy cờ hiệu nữ tướng Nhữ Thị Nhuận thì lần lượt tan rã hoặc bỏ vũ khí đầu hàng. Bà còn dùng cây quế chữa bệnh cho dân nghèo nên được vua phong Quận quế phu nhân và được dân phong là hậu thần có bia ở cạnh đình.

Đình làng Mộ Trạch có tới 12 sắc phong của các triều vua và hiện nay vẫn còn giữ được tám. Đình được Nhà nước ta công nhận di tích văn hoá ngày 2 tháng 4 năm 1991.

Thăm đình làng Mộ Trạch sau khi ghi nhận những bản sắc văn hoá của kiến trúc ta để chú ý tới những tên tuổi đã vĩnh hằng tồn tại qua năm tháng. Danh sách 36 tiến sĩ được treo trang trọng. Tiếp đến là danh sách năm vị tiến sĩ có công bảo vệ Tổ quốc. Đó là cụ Vũ Nạp như đã đề cập tới. Tiếp đến là Lê Thiêu Dĩnh tham gia khởi nghĩa Lam Sơn dưới cờ nghĩa của Lê Lợi và Nguyễn Trãi. Ông trở thành công thần nhà Lê và từng được cử cầm đầu đoàn sứ bộ sang Trung Quốc. Người thứ ba là cụ Vũ Dục dưới thời Lê Trịnh đã cùng Cường quốc công Nguyễn Xí năm 1459 trừ bọn gian thần Phạm Bân, Phạm Đôn đưa vua Lê Thánh Tông lên ngôi mở đầu thời kỳ Hồng Đức phát triển rực rỡ nhất trong lịch sử phong kiến Việt Nam. Thời Lê trung hưng có cụ Vũ Trác Oánh lãnh đạo nông dân Hải Dương nổi lên chống tham quan ô lại. Người thứ năm là cụ Vũ Tấn, đỗ phó bảng năm Ất Mùi 1778 từng phụng mệnh vua Quang Trung đi sứ nhà Thanh.

Dân Mộ Trạch say sưa kể lịch sử ngôi đình - một di tích lịch sử văn hoá đồng thời ai ai cũng có thể kể về năm tiến sĩ biệt tài được phong trạng. Trạng ăn: Lê Nại, Trạng cò: Vũ Huyền, Trạng vật: Vũ Phong, Trạng toán: Vũ Hữu, Trạng chạy: Vũ Cương Trực.

Con đường hôm nay

Chúng tôi về thăm làng Mộ Trạch vào buổi chiều một ngày cuối năm. Ai cũng bận rộn. Bí thư Đảng uỷ xã Vũ Xuân Đoàn, trưởng thôn Vũ Huy Tuệ, phó Chủ tịch hội Cựu chiến binh Vũ Quốc Ái, cùng nhiều cán bộ và bà con thôn xóm vừa kể chuyện vừa đưa chúng tôi đi thăm đình, thăm miếu.

Làng hôm nay có 13 dòng họ nhưng dòng họ Vũ đông hơn cả và thành đạt hơn cả. Một ngàn năm trôi qua chi nhánh của họ Vũ toả đi khắp nơi, đỗ cao thành đạt khắp nơi, nhưng đâu đâu

cũng nhớ về tổ tiên Vũ Hồn một thời khẩn hoang lập làng, lập xóm. Sử sách còn ghi lại thủy tổ họ Đặng Vũ ở làng Hành Thiện, Nam Định là Đặng Vũ Thiên Thế do làm con nuôi họ Đặng mà được mang họ như vậy. Và khi Vũ Hồn được vua Đường cử sang làm Đô hộ xứ Giao Châu ông cũng để lại một chi ở vùng Phúc Kiến, Trung Quốc. Khi ông Đặng Quốc Kiều con cháu họ Đặng Vũ, Nam Định tham gia Việt Nam Quang phục hội theo tìm cụ Phan Bội Châu ở Nhật Bản đúng lúc Chính phủ Nhật trục xuất sinh viên Việt Nam. Ông Kiều chạy sang Trung Quốc và đến Phúc Kiến tìm lai lịch con cháu Vũ Hồn tại nơi đây. Bà con họ Vũ đã tiếp đón ông vô cùng niềm nở, vui mừng vì đã trên ngàn năm, con cháu dòng tộc họ Vũ ở hai chi, một chi Trung Quốc, một chi Việt Nam, mới gặp lại nhau. Biết ông còn tiếp tục sang Xiêm La (Thái Lan) hoạt động Cách mạng họ đã giúp ông khoản tiền lớn để đi đường và bố trí giúp ông vào làm bồi cho một gia đình người Âu tại Vọng Các (Băng Cốc).

Đời sống dân làng đổi thay nhanh chóng. Người đói không có và tỷ lệ gia đình nghèo chỉ còn năm phần trăm. Con cháu làng Mộ Trạch nay toả khắp nơi trong nước và ngoài nước làm ăn và khá nhiều người thành đạt. Dân Mộ Trạch có truyền thống lấy ngày 8 tháng Giêng Âm lịch hàng năm làm hội làng. Ngày hội làng vừa qua có chương trình đọc đáo gọi là tôn vinh tiến sĩ. Những tiến sĩ thời nay! Những người có học hàm học vị và cả những người có thành tựu lớn lao trên mọi lĩnh vực đời sống xã hội và kinh tế. Người ta nhắc đến những tên tuổi như tiến sĩ Vật lý nguyên tử ở Nhật Bản Vũ Khắc Thịnh, Giáo sư tiến sĩ Vũ Tuyên Hoàng, nhà giáo Vũ Đình Liên, cụ Vũ Đình Hoè từng làm Bộ trưởng Bộ Tư pháp dưới thời Cụ Hồ, tiến sĩ Vũ Phương Nghi ở Pháp gửi thư về có đoạn viết: Có thể nói, nhờ lòng tự hào về làng Mộ Trạch mà tôi đã phấn đấu vượt lên mọi khó khăn để đạt bằng tiến sĩ văn học ở Paris.

Chúng tôi tới làng Mộ Trạch đúng vào dịp đài truyền hình vừa làm đoạn phim phóng sự về anh thương binh Vũ Hồng Quang. Anh bị cụt tay trái, cụt bốn ngón của bàn tay phải và nhiều vết khác trên mình với loại thương tật một trên bốn. Hoàn cảnh gia đình khó khăn nhưng anh Quang đã gắng hết sức nuôi nấng con cái trưởng thành. Ba con đều tốt nghiệp đại học, hai con tốt nghiệp cao đẳng và gần đây con gái Vũ Thị Đào của anh đã bay sang Pháp làm luận án tiến sĩ. Ngày nay ở làng Mộ Trạch chẳng ai ngại thơ làm việc xây lại Quán khảo văn hay Kỳ Anh Hội lão nhưng nhà nào cũng có chỗ học cho con cái, cũng động viên thế hệ trẻ noi theo truyền thống cha ông mà nắm lấy tri thức phục vụ cho đất nước, làm vẻ vang cho gia đình, họ tộc và thôn xóm. Đặc biệt họ Vũ ở Mộ Trạch xưa và nay đều chiếm đầu bảng về học hành đỗ đạt. Họ Vũ có nhiều nhà thờ. Nhưng chỉ có một nhà thờ được lấy tên là Thế Khoa Đường do vua Lê phong tặng vì có ba người nối dõi liên tiếp đều là con trưởng thi đỗ tiến sĩ. Con cháu họ Vũ nói riêng và con em làng Mộ Trạch nói chung đang say sưa lao động xây dựng thôn xóm, xây dựng cuộc sống, và gắng hết mình học hành để vượt lên tầm cao mới của trí tuệ.

BÀI THỨ HAI : Kiều đất HUYNH ĐỆ ĐỒNG KHOA

" Đông Kim có mã cao sang,
Đồng khoa huynh đệ vẻ vang một nhà.
Tiếc cho tay Hồ vòng qua,
Dâm bôn gây nạn, trăm hoa diên cường " !

Những bà con ở vùng Thường Tín, Vân Đình, Phú Xuyên, Thanh Trì (tỉnh Hà Đông) hẳn không mấy ai không biết họ Cừ, một dòng họ liên tiếp có người làm quan to, đã được bốn đời.

Điểm đặc biệt được mọi người lưu ý hơn hết là trong số những người làm quan to họ Cừ, đời nào cũng có hai anh em thuộc hai chi trên dưới cùng đậu cao, cùng làm lớn ngang nhau, nếu anh đỗ tiến sĩ, thì em cũng phải đậu phó bảng hay Thám Hoa, anh giữ chức Thượng Thư, thì em cũng ngồi trên ghế

Tổng Đốc, Tuần Phủ ?

Đến đây, chúng tôi tưởng cần nói thêm : hiện thời con cháu trong họ này, hiện có mặt khá nhiều ở miền Nam, và vẫn còn hưởng thụ sự kết phát như ông cha thuở trước, nên muốn tránh những điều hiểu lầm đáng tiếc, chúng tôi tưởng nên đổi lại danh tánh các nhân vật sẽ được đề cập trong thiên sưu tầm biên khảo này, mặc dầu đây là những tài liệu xác thật trăm phần trăm mà bất cứ ai ở Hà Đông, cũng còn nhớ rõ.

" Đông Kim có mã cao sang,

Đồng khoa huynh đệ vẻ vang một nhà.

Tiệc cho tay Hồ vòng qua,

Dâm bôn gây nạn, trăm hoa diên cường " !

NẠN "NẠC NÔ" VỚI LỜI ĐÒI NỢ QUÁI GỞ !

Làng K.H. phủ Thường Tín, tỉnh Hà Đông nằm vào giữa khoảng con đường hàng tỉnh nối liền bờ đê sông Hồng Hà với quốc lộ số 1, vốn là một làng không lấy gì làm trù phú cho lắm, với một số dân định chừng trên bốn trăm người có thể thuê thân (từ 18 trở lên).

Dân làng hầu hết đều sống về nông nghiệp. Một thiểu số không đáng kể, làm nghề buôn bán trâu bò, gà heo. Trong làng từ trước không có một công nghệ chi, nên dân chúng chỉ gồm toàn là những gia đình trung tiểu nông mà phần lớn phải vất vả đi cày thuê, cấy mướn, mới kiếm được đủ cơm ăn, áo mặc hàng ngày.

Họ Cừ chiếm tới hai phần ba nhân số trong làng, được chia ra làm nhiều chi khác nhau : Chi Giáp, chi Ất, chi Bính, chi Đinh.

Chi Giáp của họ Cừ gồm toàn những Hương Lý, Kỳ hào, nghĩa là những người có máu mặt hơn hết tất cả ở trong làng.

Hai chi Bính, Đinh cũng bình thường. Duy có chi Ất là nghèo khổ : người trong chi này quanh năm, suốt tháng chỉ biết gồng thuê, gánh mướn, chân lấm, tay bùn, vất vả, gian nan lắm, mới trả xong được món nợ hình hài cơm áo !

Hàng ngày vì phải vật lộn gay go, cùng sanh kế, nên người trong chi Ất của họ Cừ cam chịu phận đàn em, lép vế, không dám tranh dành ngôi thứ, chức vị chi với những bà con đồng tông trong chi Giáp !

Vả lại, tiền bạc đâu để lo liệu khi mà một góc chiếu ngồi ở chốn đình trung, có thể được trị giá bằng cả một sản nghiệp đại phú gia : nhà ngói, cây mít, ruộng cấy, trâu cày, thóc lúa đầy kho, bạc vàng chật tủ ?

Biết rõ phận mình, những người trong chi Ất họ Cừ chỉ biết cặm cụi làm ăn, chăm lo bổn phận cùng đình, để khỏi mang lụy vào thân, vì nếu không may phạm vào lệ làng, thì với kiếp nghèo hèn, thấp cổ bé miệng, họ còn biết kêu oan vào đâu cho được ?

Ông Xã Thuật trường chi Ất dòng họ Cừ, vốn là một nông dân chất phác, nhưng nghèo khổ, túng thiếu quá, nhất là sau khi lấy vợ, sanh hạ được hai đứa con trai, cái gia đình bé nhỏ này, lại càng lâm vào cảnh thiếu trước, hụt sau, phải vay công lãnh nợ, sống lần hồi, bằng cách giặt gấu, vá vai cho qua ngày, đoạn tháng !

Nhưng chỉ tới vụ mùa năm ấy, thấy ông Xã không chịu trả nợ, mấy nhà phú hộ chủ nợ, liền hối thúc và thuê "nặc nô" đến xách nhiễu, rất cơ cực, tàn ác, bằng đủ mọi phương pháp thâm hiểm, trắng trợn đến cùng độ.

Trong thời phong kiến, bất cứ ở địa phương nào, nhất là ở những tỉnh thành, phủ huyện lý, thường có một bọn du thủ du thực, gồm cả nam lẫn nữ, trạc tuổi từ mười tám, đến năm mươi, không cứ phải to lớn, khỏe mạnh, mà chỉ cần lý lợm, chây lười, thô bỉ, tàn bạo, nếu biết thêm chút ít quyền cước, võ nghệ, thì càng tốt, để làm nghề " đòi nợ mướn " cho những người giàu có, chuyên môn cho vay lãi " một vốn bốn lời " !

ÁC BÁ CƯỜNG HÀO SAU LŨY TRE XANH

Những nhà phú hộ, tiền nhiều, bạc lắm, lại có máu tham lam chảy trong huyết quản, không bao giờ chịu để cho mớ vàng bạc nằm yên, không sinh sôi nảy nở, ở trong các ruộng, tráp, năm bảy lần then khóa kỹ càng, mà luôn luôn tìm cách sanh lợi, làm cho tiền bạc sanh đẻ mỗi ngày một nhiều hơn, bằng cách mua rẻ bán đắt những ruộng vườn, nhà đất, mua thóc non, từ lúc cây lúa mới bén rễ trong ruộng mạ, chờ đến khi lúa trở bông, chín vàng, vừa được gặt về, phơi cho khô ráo xong xuôi đâu vào đấy, là chủ nợ cho gia nhân đến gánh về... trừ nợ !

Theo thời giá thóc bấy giờ, nếu mỗi phương thóc bán được năm quan tiền, thì với lối mua lúa non, lấy thóc gạo của các nhà phú hộ, họ chỉ phải trả mỗi phương chừng trên dưới một quan tiền !

Người nông dân nghèo túng, quanh năm sống theo lối giặt gấu vá vai, từ việc to đến việc nhỏ, từ giỗ tết, ma chay, cưới xin đến áo quần, thuốc men, đồ ăn, thức uống, nhất nhất cái gì cũng phải trông vào hạt lúa ngày mùa !

Vì vậy, trong thời gian tháng ba, ngày tám, bà con nông dân, dù không muốn cũng phải bắt đắc dĩ phải đi vay non, vay giã thóc ăn và tiền xài của những nhà phú hộ !

Thóc vay thì tính theo giá rẻ mạt gấp ba gấp bốn giá thị trường, nếu các nông dân muốn trả nợ số thóc vay khi trước bằng tiền.

Còn nếu trả bằng lúa gặt được, thì cứ mỗi phương lúa cho vay lúc tháng ba ngày tám, con nợ phải trả gấp ba, hay gấp bốn lần tùy theo sự điều đình " nhất vì tam " hay " nhất vì tứ " giữa đôi bên đương sự.

Còn tiền mặt, thì thôi, các chủ nợ tha hồ "cạo da" bọn người nghèo khó đến tận tụy, xương, phế phủ, khiến cho nhiều người bị mất cửa, mất nhà, ruộng vườn bị tịch thu, vợ con phải lìa bỏ quê hương, dấn bước đau thương " tha phương cầu thực ", sau khi số nợ vay trước cứ sinh sôi nảy nở, mẹ đẻ con, con đẻ cháu, để sau mỗi kỳ hạn, không thể thanh toán trọn vẹn được cả vốn lẫn lời, con nợ lại bắt buộc phải ký giấy nhận vay số tiền mới, mà chủ nợ đã cẩn thận công chung cả tiền lời với tiền vốn vào với nhau thành một món nợ to hơn số tiền họ đã cho bà con vay lúc đầu gấp bội !

Cứ đà ấy tiến mãi, nên chỉ trong vài ba năm, một món nợ chừng năm bảy chục quan, chẳng mấy chốc đã nhảy vọt lên tới mấy trăm quan, để " khi giải kết đến điều ", con nợ đành chỉ còn biết gán nhà, gán ruộng, bán đất, bán vườn cho chủ nợ, rồi bồng bế, giặt diu vợ con đi nơi khác sinh sống cho đoạn tháng qua ngày.

Trước khi nhận lãnh kết quả đau thương, bi đát ấy, bà con mắc nợ còn phải chịu bao nỗi cực

hình của bọn " nặc nô " do các nhà phú hộ mượn đến hành hạ, làm tình làm tội bà con mắc nợ, để hy vọng có thể đòi được đồng nào hay đồng ấy, vì có bao giờ họ chịu mất nợ đâu, khi các con nợ đã chịu ký giấy vay tiền, với sự đảm bảo của mấy bức văn tự ruộng vườn, mà chủ nợ đã nắm chắc trong tay từ lúc trao tiền cho con nợ !

Theo thông lệ thuở bấy giờ, bọn nặc nô tuy không được lãnh tiền công, nhưng lại được chia một phần nhỏ, số tiền đòi được, nên vì vậy, lũ chó săn mới chẳng chút nương tay, cố dùng đủ mọi biện pháp trắng trợn, bạo ngược để bắt con nợ phải " lòi tiền " ra cho chúng !

NHƯNG ĐÒI NÀO CŨNG CÓ NGƯỜI ĐIÊN VÀ DÂM LOẠN

Chính kẻ viết thiên sự này, đã được chứng kiến một cảnh thương tâm do lũ nặc nô gây ra cho một người hàng xóm, bị thiếu nợ ba trăm quan tiền, cả vốn lẫn lời của Ông Lý Chín ở làng Giang Tảo (Tuy làng này ở huyện Thanh Trì, nhưng lại chỉ cách xa làng K.H. của họ Cừ có hơn 2 cây số)

Thăm cảnh từ trên năm mươi năm nay, dù bánh xe thời gian, đã cuốn theo với bao nhiêu biến chuyển thăng trầm, mỗi lúc nhớ tới, vẫn hiện ra trước mắt tôi với đầy đủ chi tiết đau thương như mới xảy ra chừng vài ba tháng vậy !

Hôm ấy, vào một buổi trưa hè oi bức, nhà bác Trương bỗng có một người đàn ông lạ mặt, từ ngoài ngõ từ từ đi vào, chẳng thèm chào hỏi ai, cứ tiến thẳng đến bộ ghế ngựa gỗ, lại co chân ngồi xếp vòng tròn, kéo chiếc điều lại gần, rút một hơi thuốc lào, đoạn ngửa cổ lên mái nhà, thở khói rất khoan khoái thản nhiên như chính hắn là chủ nhà vậy.

Bác Trương trai đi cày mượn vắng.

Bác Trương gái bận cho gà ăn ở phía vườn sau.

Thằng Cu Tý lên tám tuổi, đang lấy đất nện phác chơi ở giữa sân, thấy khách lạ vào nhà, định ra hỏi, nhưng thoáng nhận thấy vẻ lầm lỳ, nhất là cặp mắt đỏ ngầu, lúc nào cũng gườm gườm như muốn ăn tươi nuốt sống nó nên bất giác nó dậm ra sợ hãi, đứng ngây mặt nhìn sững khách lạ, không dám hỏi han chi hết.

Nó đang lăm lét, nhìn mấy vết sẹo sâu hoắm trên ngực người đàn ông, mà chiếc áo cánh nâu năm thân, mở phanh cả hàng nút phía trước như trể hẳn qua sau lưng làm nổi bật hằn màu da đen sạm của hắn có lờm chờm một chòm lông phớt phơ nằm ngay dưới ngực, thì một giọng ồ... bỗng cất lên gay gắt, khiến nó giật mình ngơ ngác :

- Thằng kia ! Bố Mẹ mày đâu ? Muốn sống gọi ra đây ông bảo...

- Thằng Cu Tý hoảng sợ, mặt mày tái mét, hấp tấp chạy ra vườn, miệng gọi mẹ om sòm.

Bác Trương gái đang cho gà ăn, thấy Cu Tý gọi giật giọng, vội ngừng tay, ngoảnh vào trong nhà hỏi lớn :

- Cái gì đấy, cu Tý ? Có ai hỏi hay sao, mà mày hốt hoảng như thế, hờ Cu ?

Thằng Tý vừa thờ, vừa đưa tay áo lên quạt mồ hôi trán, lắp bắp trả lời :

- Có...có... ông nào vào nhà, đang ngồi hút... hút thuốc trên phản đầy bu ạ ! Trông sợ sợ là...

Bác Trương gái ngạc nhiên, vội ngừng tay, ngẩng đầu lên nhìn con :

- Ai vào mà mày lại không biết mặt thế, hờ Cu ?

Thấy nét mặt ngây ngô, ngơ ngác của thằng Tý, bác vút mạnh chiếc rổ đựng ngô cho gà ăn, xuống sân, đưa tay vuốt nhanh mấy sợi tóc loà xòa trên trán, rồi tất tả đi thẳng vào trong nhà. Bác nhún mắt, nhíu mày, lắc đầu luôn mấy cái, kèm theo những tiếng thở dài thườn thượt, khi thấy khách chính là tên "nặc nô" khét tiếng của ông Lý Chín ở làng Giang Tảo, một hung thần từng làm điều đứng, nhục nhã nhiều con nợ quanh mấy vùng Thanh Trì, Thượng Phúc,

đến nỗi thiên hạ không một ai cần biết rõ tên hắn là gì, mà chỉ căn cứ vào giáng điệu hung bạo, tính nết hiểm độc của hắn, mà mệnh danh là... " chú Hắc sát ", vì chẳng những da mặt hắn đen thui, mà lúc nào cũng mang nặng... " sát khí đằng đằng " !

Tuy ngán ngẩm đến cực độ, bác Trương vẫn phải niềm nở chào hỏi :

- Kìa chú Hắc đến chơi bao giờ thế ?

Đoạn thiêm ngoảnh mặt xuống bếp gọi to :

- Cu Tý đâu ? Xách cho u ấm nước trà tươi lên đây, con !

Và quay qua phía khách, bác cố tình nhấn mạnh :

- Rõ không may, chẳng mấy khi được một hôm chú đến chơi, thì bố cháu lại đi vắng...

Tên nặc nô vẫn làm lì, ngồi ngả người tựa lưng vào vách, lim dim cặp mắt xéch hung ác, lơ đãng nhìn ra sân, chậm rãi lên tiếng :

- Ai rồi hơi, rồi sức mà chơi với bời ?

Bác ấy đi vắng, thì đợi bác ấy về chứ sao, Bác ấy có bán sới cái làng này đâu mà sợ ?

Đột nhiên, hắn ngồi ngay ngắn, sửa lại điệu bộ nghiêm chỉnh, vắt chân chữ ngũ một cách rất ngang tàng rồi đằng hắng một tiếng to, cất giọng oang oang như lệnh võ, hỏi giật giọng :

- Thế nào bác Trương ? Món tiền của ông Lý, tính đến tháng này, cả vốn lẫn lời là năm mươi tư quan chẵn ! Bác trả đi, để tôi còn về kéo muộn !

Nói xong, hắn tròn mắt tròn xoe, nhìn chủ nhà trừng trừng, như sẵn sàng muốn ăn tươi, nuốt sống người mắc nợ.

Bác Trương gãi giật bản mình, ngơ ngác, vừa đưa tay áo lên quạt mồ hôi trên mặt, vừa hấp tấp hỏi vội :

Ấy chết ! Sao lại nhiều thế hử chú ? Bố cháu chỉ vay ông Lý có mười lăm quan, hồi tháng ba, dù có túng cả lãi, cũng chẳng tới năm mươi tư quan đâu chú ạ ! Có lẽ chú nhầm lẫn thế nào đấy ?

Hắc sát gầm lên giận dữ.

- Hừ ! Nhầm lẫn ! Bộ nhà Bác muốn giở mặt, định vỡ nợ đây có phải không ?

Vừa nói, hắn vừa đứng phắt dậy, xắn cao tay áo, để lộ ra những hình gươm, giáo xâm bằng chàm trên lớp da đen xạm, mắt gườm gườm, đỏ ngầu, răng nghiến vào nhau ken két...

Bác Trương sợ hãi cuống quýt phân trần :

- Chúng tôi đâu dám thế ! Những lúc qua cầu, ngã ngựa, túng thiếu, cơ hàn, được ông Lý thương tình, cho vay đã là quý hóa lắm rồi ! Trọn đời chúng tôi lo báo đáp ơn sâu còn chẳng xong, có lẽ nào lại dám nghĩ truyện vô ân bạc nghĩa ! Nếu chúng tôi có lòng dạ xấu xa ấy, thì Trời Phật nào còn cho chúng tôi mở mày, mở mặt ra được với thiên hạ nữa !

Đoạn chép miệng, bác nói thêm :

- Có điều, vừa hôm qua đây, bố cháu có nói cho tôi biết : là tháng trước mới viết lại văn tự, đem lãi cộng vào với gốc, trước sau nợ đúng ba chục quan, hẹn đến vụ mùa này sẽ trả hết, nên thấy chú tính năm mươi tư quan, tôi mới sốt ruột đấy chứ...

Tên nặc nô sùng sộ quát to :

- Nói dễ nghe quá nhỉ ! Bây giờ còn không trả được nữa là đến mùa, vốn lãi chồng chất lên nhau, thì nhà bác định bán cả đình làng đi để trả nợ à ?

Rõ thật là lý sự cùn ! Vay mười lăm quan từ " đời kiếp nghiệp lai " nào đến bây giờ, ông Lý mới đòi có năm mươi tư quan tiền mà cũng còn kêu ca, tri triệ ? Dễ thường các người chỉ muốn ăn không, khỏi phải trả vốn, trả lời gì mới là tử tế có phải không ?

Bác Trương don đả, rót đầy bát nước trà tươi, hai tay đặt trước mặt khách :

- Mời chú soi tạm bát nước trà tươi mới nấu ! Còn nợ nần bao nhiêu, bố cháu về, tôi nói lại, rồi sẽ ra tính toán với ông Lý sau...

Hắc sát đắm mạnh tay xuống phản, làm nước trong bát bắn tung toé ra chung quanh, quắc mắt hỏi sảng :

- Thế nghĩa là bây giờ chưa có tiền ?

Bác Trương rụt rè :

- Vâng, trăm sự nhờ chú thương tình, liệu lời về thưa lại với ông Lý giúp cho cho vợ chồng tôi trong cơn túng ngặt này ! Thế nào, đến vụ mùa, bố cháu cũng xin tươm tất.

Tên nặc nô, vung mạnh cánh tay trước mặt chủ nhà gắt gỏng :

- Bác nói đến chó cũng chẳng nghe lọt tai, chứ đừng nói là cái thằng giang hồ, tứ chiếng đã từng đi ăn cơm hớt của khắp bốn phương trời nữa !

Tùy bác đấy, muốn làm thế nào cho có tiền để tôi về thì làm !... Mỗi chốc mà khát được sao ?

Dễ thường kiên càn, kiên lữ chúng nó xúm nhau vào, tha tôi từ ngoài làng Giang Tảo vào đến đây, có phải thế không, hử bác Trương ?

Đoạn cười sảng sặc, một cách cực kỳ đều đặn, hấn vỗ ngực nói tiếp :

- Cái thằng này, chưa hề chịu thua ai bao giờ nhé ! Nhất sanh làm người, ông chỉ biết có tiền !

Có tiền, thì vạn sự êm đẹp hết, mà nếu chỉ nói mồm xuông thì rồi sẽ biết tay ông ! Đầu râu phải múa, mà bà chúa cũng phải cười kìa... Con có hiểu không ?

Dứt lời, y nằm lãn kênh ra giữa phản, gác một chân lên mép bàn thờ, rồi duỗi thẳng cánh tay, đập chạn chát xuống mặt phản :

- Ông truyền đời báo danh cho vợ chồng nhà mày, khôn hồn thì bảo nhau lo liệu tiền nong, để ông đi về cho sớm, chứ lúc ông ngũ dậy mà vẫn không có, thì lúc ấy, liệu hồn cả lò nhà mày đấy, biết chưa ?

Nói xong, y thản nhiên quay mặt vào vách, ngáy vang như sấm.

VAY MƯỜI LĂM QUAN TRẢ NĂM MƯƠI TƯ QUAN

Bác Trương gãi thờ dài não nuột, đau xót nhìn lũ con dại, đang ngơ ngác nép mình bên chiếc phen nứa, hết lấm lét trông khách lạ, lại sợ hãi nhìn mẹ, mồm đứa nào cũng méo sệch, mắt rơm rệ, nhu cổ dè nén cho khỏi bật ra tiếng khóc, sợ mẹ chúng đánh đòn.

Tuy còn thơ ngây bé dại, song linh tính chúng hình như cũng đoán được mối tai họa tày đình, đang thập thò trước ngưỡng cửa gia đình chúng, để phá tan niềm hạnh phúc tràn ngập dưới mái nhà tranh sơ sác, với tình nghĩa phu thê, phụ tử mặn nồng, thuận thảo, mặc dầu bác Trương vẫn phải luôn luôn lo lắng, soay sở quanh năm, giặt gấu vá vai, bôn ba vất vả, không nề hà khổ cực, gian lao, mới kiếm được đủ mỗi ngày hai bữa cơm dưa, muối, cho mấy đứa con thơ dại.

- Tôi vừa ở ngoài đồng về, thấy u cháu nói lại là chú đòi món nợ cho ông Lý Giang Tảo, cả vốn lẫn lãi, tất cả năm mươi tư quan tiền, nên tôi mới bảo là có lẽ u cháu nghe lầm sao đó, chứ vừa tháng trước, tôi đã viết lại văn tự, trước sau chỉ còn thiếu ông Lý có ba mươi quan thôi chứ ạ...

Tên nặc nô trề môi khinh bỉ, hăm hờ, móc trong chiếc ví, khâu liền vào sợi dây nịt bằng da, to bản, lấy ra một mảnh giấy bản, đoạn mở rộng dơ trước mặt bác Trương hất hàm, hùng hổ :

- Hãy mở to mắt ra, mà xem giấy gì đây ? Có phải là năm mươi tư quan hay chỉ có ba mươi

quan thôi hử ?

Bác Trương cuống quýt :

- Chắc ông Lý nhiều công lắm việc, nên mới làm lộn đay chú ạ ! Chú cứ về hỏi bức văn tự tôi mới viết lại hồi tháng trước, là biết ngay số nợ đích xác là bao nhiêu ?...

Không chờ cho bác Trương nói hết lời, Hắc sát vùng vằng quát lớn :

- Mà nói đến chó nó nghe cũng không lọt ? Dễ thường mỗi chốc ông Lý lại phải đem văn tự ra trình cho mày kiểm soát đay, có phải không ? Hừ ! Đồ bất nhân, bạc ác ! Chỉ biết lúc túng thiếu vợ chồng bảo nhau uống lười lạy van, khom lưng cầu khẩn rồi đến khi xong việc, lại vồ tuột ngay một cách rất ngon lành !

Được , đã thế ông sẽ cho mày biết tay...

Bác Trương gái từ lúc chồng về, vẫn đứng tựa cột run rẩy theo dõi cuộc đấu khẩu của hai người đàn ông, mồm không ngớt tiếng lầm rầm niệm Phật để cầu xin thánh thần che chở, khi thấy tên nặc nô làm dữ và đe dọa, vội don đả nói :

- Thôi xin chú tha thứ cho bố cháu, vì vụng ăn, vụng nói, nên mới làm chú tức giận. Nhưng quả thực bố cháu chẳng có lòng dạ gì đâu, lúc nào cũng quý trọng chú lắm, rồi sau này trời cho còn có nhiều dịp gặp gỡ, giao dịch với nhau, chú sẽ hiểu tâm tính thực thà, nghĩ sao nói vậy của bố cháu, chứ không biết lèo lái, phù hoa như người ta đâu ?

Rồi, làm bộ vui vẻ, bác don đả nói thêm :

- Chẳng mấy khi, chú vì công việc của vợ chồng tôi, phải về tới đây, vậy trời cũng đã muộn, xin mời chú vui lòng ở nán lại chơi, soi chén rượu nhạt với tượng cơm dưa muối với bố cháu thì quý hoá quá !

NHẤT TỘI NHÌ NỢ

Tên nặc nô "xì" một tiếng dài, cất giọng tàn nhẫn, trắng trợn :

- Mời với chào cóc khô gì ? Không ăn thì đến mẹ cũng chết ! Còn sống làm sao được để ngồi thúc nợ ? mà chẳng phải chỉ có một bữa bây giờ mà thôi đâu nhé ! Ngày nào chúng bây chưa thu xếp được đủ tiền trả nợ, là ngày ấy, ông vẫn còn phải ăn chục năm chờ !...

Chứ chẳng lẽ lại vác "cái thân cụ" về xuống à ?

Cười hề hề cực kỳ khả ố, y tiếp thêm :

- Ở đời, có ai lại ngu ngốc như thế bao giờ ?

Nói xong, y thản nhiên nằm trên phản, ư ử ngâm mấy câu Kiều lầy, đáng điệu vô cùng ngông nghênh, tự đắc.

Vợ chồng bác Trương ngao ngán nhìn nhau, lầm lũi đi xuống bếp.

Bác gái vừa đưa tay quạt nước mắt, vừa mếu máo hỏi chồng :

- Gạo hết từ bữa sáng đã phải vay của bà Trương Tư hai lon, định nấu luôn cả nồi cháo chiều nay, ăn trừ bữa. Bây giờ lấy gì mà làm cơm khách đây, hờ bố ?

Đoạn thở dài áo nảo, bác nói thêm như rên rỉ :

- Trong nhà một đồng, một chữ không có, mà lại còn phải thiết đãi khách khứa nữa, thì có khổ thân tôi không hờ trời ?

Bác Trương trai nhăn nhó, tắc lưỡi :

- Thì... ai biết đâu nông nổi này ? Thôi u nó chịu khó chạy lên nhà dì Hương Kiều, hỏi vay tạm mấy tiền, rồi ghé qua chợ, mua vài thứ đồ nhắm lạng nhăng với chút rượu về đây, mời nó ăn uống cho sớm để nó cút đi cho khuất mắt !...

Bác gái không làm sao được, đành phải thờ dài, xách giỏ, uể oải bước ra ngoài cổng.

Nhưng khi bác gái hi hục nấu cơm xong, bụng mâm lên đặt ở giữa phản bên, rồi đánh thức

tên nặc nô giậy, thì, vừa trông thấy đĩa đậu phụ trơ trổng, nằm bên cạnh đĩa lòng heo với chén mắm tôm, Hắc sát nổi giận đùng đùng, mặt đỏ gay gắt, nghiêng răng quát vang như sấm :

- Chúng bây muốn mời ông ăn, hay là định cho chó ăn mà lại bày những thứ này ra đây, hử ? Hừ ! Quân này giỏi thiệt ! Nó tưởng mình chết đói, đến ăn mày nhà nó đây mà !

Vừa nói, y vừa hất mạnh mâm cơm đồ lộn nhào xuống đất, rồi hầm hầm quăng luôn cả chiếc điều, mấy cái bát sành uống nước ra sân, vỡ loảng soăng tan tành.

Vợ chồng bác Trương Thuật xanh mặt, trông nhau vừa căm hờn, vừa tủi nhục, mãi một lát sau, bác xã trai mới cất tiếng thiếu nạo, phân trần :

- Khổ lắm chú ơi ! Nếu chú hiểu được thực cảnh gia đình tôi, hẳn chú cũng không nở giận ghét tôi, mà có khi còn thương xót chúng tôi nữa là khác ! Ở đời ai không muốn hay ? Ai không muốn đẹp mày, đẹp mặt ? Khốn nỗi, vợ chồng tôi lúc này túng thiếu quá, đến gạo ăn cũng phải xoay quanh từng bữa, thì chú bảo còn lấy đâu ra tiền bạc để mua gà, mua vịt ? Phải thết khách đạm bạc thế này, là chúng tôi khổ tâm, tủi thẹn lắm, nhưng biết sao được bây giờ ? Cái khó nó bó cái khôn, hẳn chú cũng không lạ gì điều ấy ?

Thằng nặc nô trợn mắt, quơ tay múa lia lịa như muốn chặn ngang lời phân trần của chủ nhà, hằn học rít lên :

- Mặc kệ xác chúng mày ! Ông không cần biết đến nhà mày giàu hay kiết ?

- Ông chỉ biết : Ông đã về đây đòi nợ, thì chúng mày phải cung phụng ông, ông muốn gì phải có ngay tức khắc, không có không xong !

Giơ ngón tay điểm vào giữa mặt bác xã trai, hằn hăm dọa :

- Không chu biện đàng hoàng cho ông đủ mọi thứ cần dùng thì đầu râu phải múa, bà chúa phải cười nghe không ?

Đoạn hằn cười nham hiểm, nói tiếp :

- Muốn thoát tội, thì trả đủ tiền đi !

Lúc ấy, dù có lát ngàn vàng, ông cũng chẳng thềm ở thêm phút giây nào nữa !

Nói xong, nó lù lù đi đến gian giữa, nhảy tót lên bàn thờ, quơ tất cả bài vị, bát nhang, vứt lổng chổng vào một góc nhà, rồi ung dung nằm dài trên bàn thờ, đầu gối lên chiếc tam sơn, vẫn dùng bày rượu cúng trong những ngày giỗ tết, chân gác thẳng vào chiếc khám hần vừa xê dịch từ giữa bàn thờ ra đây.

Bác Trương Thuật đau nhói ruột gan, căm tức muốn trào máu họng, đến nỗi mồ hôi toát cùng mình, chân tay bủn rủn, cơ hồ không còn đứng vững được nữa !

Bác đi luôn xuống bếp, gục đầu trên gối, nước mắt bất giác tuôn trào lai láng đã cực thân cho cảnh bần hàn, khốn quẫn, lại đau khổ về tội bất hiếu với tổ tiên.

Chợt có tiếng bác xã gái cất lên chua xót :

- Sự thế đã đến nước này, vậy bố nó tính sao ? tiền trả nợ không có, mà muốn khát lại thì phải đổi xứ thế nào, cho Nó mát dạ, hả lòng, lúc ấy mới mong Nó buông tha đi về chứ chộc cho Nó giận thêm, thì ai hơi sức đâu thi đua với hủi ! Bố nó còn lạ gì lối chây lười, "nằm vạ" của phường nặc nô nữa ?

Bác xã trai ngược cặp mắt đỏ hoe, còn in hằn ngán lệ, nhìn vợ ái ngại !

Ai không biết thế, nhưng Nó làm quá hoắt như vậy, thì mình chịu sao cho nổi. Vừa rồi, tôi phải cố nén lắm, chứ lúc thấy Nó trèo lên bàn thờ, tôi chỉ muốn nhảy đến bóp cổ cho nó chết tươi, rồi muốn tù tội, chặt đầu hay tung xẻo gì, tôi cũng vui lòng cam chịu !

Cứ nghĩ đến mấy đứa con, là tôi lại chẳng dám liều nữa ?

Bác xã gái vội hỏi :

- Gặp phải đứa sắp mày, sắp mặt, thì mình đành phải cắn răng nhịn nhục, cho nó êm cửa, êm nhà, chẳng lẽ mỗi lúc sinh sự để thừa kiện sao ? Có vô phúc mới phải đao tụng đình chứ ? Vậy muốn cho êm thấm, tôi tính cứ thịt quách con gà mái đẻ, cho Nó đánh chén một bữa thực no say, may ra nó vui lòng cho mình khát lại thêm một hạn nữa, thì phúc đức quá !...

Bác xã trai rồi rít kêu lên, ngắt ngang lời vợ !

- Ấy...Ấy... không được ! Không thịt được con gà mái đó đâu ? Cả cửa nhà hiện thời, chỉ trông cậy vào một con gà mái đẻ, để làm vốn, cuối năm bán đi, mới có tiền mua gà trống đem ra lễ ngoài đình cho tôi "lên lão năm mươi", theo lệ làng, chứ giết thịt bây giờ thì lúc ấy định nhe răng cười trừ với dân làng à ?

Vả lại, nó đang ấp dõ, làm thịt đi thì mất toi cả một đàn gà con, u nó tính lại coi, thiệt hay là lợi ?

Bác gái tắc lưỡi :

- Vẫn biết bố nó nói phải thật đấy, nhưng trong cơn túng ngặt này, ta cũng cần lo liệu sao cho chu đáo, kéo dể cho thằng nặc nô ấy, nó tức giận cũng nhục nhả, khổ cực lắm !

Vậy thôi, bố nó cứ nghe tôi, bằng lòng giết thịt con gà mái đi, kéo muộn lắm rồi, nó ăn uống xong, không kịp về, phải ngủ lại đây một đêm nữa, thì nguy to mất ! mai biết lấy gì làm cơm sáng cho Nó ăn ?

Vả lại từ bây giờ đến tết, cũng còn sáu bảy tháng trời nữa, mình xoay sở rồi cũng phải cần được "gà lên lão" theo đúng lệ làng, bố nó đừng sợ !

Bác xã trai không biết trả lời thế nào, đành phải thờ dài nín lặng.

Bác xã gái thấy chồng đã bằng lòng, liền ra vườn sau bắt gà, cắt tiết, hì hục một lúc lâu, mới nấu nướng xong các món, vội bung mâm lên mời khách.

Hắc sát nhìn mâm cơm đầy ắp thịt và lòng gà, mùi lá chanh thái nhỏ tỏa ra rất ngon lành nên không đợi mời, y nhảy ngay xuống ngồi xà vào bên mâm, gật gù khoái trá, rồi bốc luôn một miếng cánh gà bỏ vào mồm, nhai ngấu nghiến.

Nhưng bỗng y châu mày, nhăn mặt, cầm cốc rượu dần mạnh xuống mâm :

- Thức nhắm tạm được ! Còn rượu ? Sao lại ít thế này ? Có mấy giọt dính dáng trong chai, thì đến xúc miệng cũng chẳng đủ, còn nói gì đến... chuyện nhâm nhi nữa ?

Chủ nhà đâu ? Muốn tốt, đi chạy thêm rượu về đây ... mau lên.

- Rồi lên giọng lè nhè, mặc dầu chưa có ma men trợ lực, y nhắc khéo :

- Phải viện cho kỳ được một chai bố mới đủ uống nghe không ?

Nói xong, y ung dung cầm cả cốc rượu con, đưa lên mồm, ngửa cổ tu ừng ực từng ngụm lớn.

Vợ chồng bác Trương Thuật thì thăm bàn tán, không biết xoay đâu ra tiền mua rượu !

Cuối cùng, bác gái vào mở rương lấy cái áo the đen, may từ khi mới lấy chồng, mang ra tiệm " Chệt gù " gửi tạm, để lấy chai rượu, hẹn khi nào có tiền sẽ chuộc lại.

Tên nặc nô kể cả tay đũa, tay chén vừa nhồm nhoàm ăn uống, vừa lải nhải chửi bới bằng quơ, suốt từ lúc mặt trời xế bóng cho lúc quá nửa đêm, nó mới chịu lão đảo đứng lên, vẫn như còn tiếc rẻ, nhìn lại chiếc mâm ngỗ ngang bữa bãi xương gà, không còn sót lại một miếng da nhỏ và cái chai trống trơn khô queo, nó cười hề hề khoái trá :

- Khá ! Thế mà cũng say đáo để !

Này chủ nhà, nghe ông bảo đây ! Từ giờ đến sáng mai, phải cố lo trả nợ cho ông Lý, biết

chưa ? Đừng có để ông phải ăn chực nằm chờ đấy !

Nói xong, y loạng choạng vịn vào bức vách, cố lần đến bên bàn thờ, lấy bầy trêu lên, nằm dài và chỉ một lát sau, đã ngáy vang như sấm !

Vợ chồng bác xã ngao ngán đi thu dọn mâm bát, rồi xuống bếp ngồi bó gối, ủ rũ nhìn nhau, không biết xoay sở vào đâu, để có thể làm nổi một bữa cơm tuôm tất, thết đãi tên nặc nô sáng hôm sau, chứ đừng nói là trả nợ ông Lý Chín nữa.

Đêm khuya thanh vắng, bốn bề tối đen như mực.

Thình thoảng đó đây, mới có tiếng chó sủa vang và tiếng côn trùng rên rĩ trong các ao hồ, nương rảnh.

Vợ chồng bác xã ngồi co ro trong bếp, cả hai cùng mang nặng nỗi buồn phiền mông mênh man mác băng khuâng lo sợ cho số kiếp hẩm hiu của đàn con thơ dại.

Bỗng trên nhà có tiếng khua động, và liền đấy, lại có tiếng đồ vỡ loảng xoảng.

Bác xã gái vội cầm đèn bước mau lên nhà trên nhưng chợt đứng khựng lại ở ngưỡng cửa, sững sốt gọi chồng rối rít :

- Bố nó ơi ! Lên mà xem ! Trời cao đất dày ôi ! Nhà tôi tội tình vì đâu, mà người ta cứ cố ý đầy đọa khổ cực mãi như thế này.

Bác xã trai hoảng hốt, đứng vùng lên, vừa chạy vừa hấp tấp hỏi vợ :

- Cái gì thế ? cái gì mà u nó la hoảng thế hở ?

Nhưng khi tới bên bức cửa, bác cũng ngây mặt, đau đớn nhìn cảnh nào lòng trước mắt : dưới ánh sáng yếu ớt, vàng khè của chiếc đèn dầu trầm, tên nặc nô đang nằm sấp người trên bàn thờ, thò đầu ra ngoài, ói mửa lênh láng khắp nhà.

Nào đã hết đâu ?

Tên nặc nô quá ác, sau đấy, còn lão đảo đứng dậy, kéo bình nhan với đôi lọ cắm bông giấy lại gần, hằm hằm trút hết tro, chân nhang, và bỏ luôn hai cành hoa giả đi, để... phóng uế bừa bãi, đầy tràn cả ba món đồ thờ, mà ngày thường vợ chồng, con cái bác xã, vẫn kính cẩn, nâng niu, không bao giờ dám đặt một vật chi kém tinh khiết ở gần bên.

Mùi tanh hôi bốc lên nồng nặc, khắp ba gian nhà tranh tiêu điều, sơ xác, khiến cho bác xã gái càng buồn phiền, ngao ngán, thở dài, não ruột, thẩn thờ một lúc lâu, mới uể oải bước vào quét dọn, lau chùi.

Tên nặc nô đã lại ngáy o... o... từ lúc nào, tiếp tục ngủ thêm một cách ngon lành.

CHẾT ĐƯỜNG KHÔNG NGỜ MẢ PHÁT

Dù bị tên nặc nô làm tình, làm tội : tác yêu, tác quái luôn ba ngày đêm liên tiếp, vợ chồng bác Trương Thuật cũng đành chịu bó tay, không sao trả được món nợ của ông Lý Chín.

Cuối năm ấy, bác xã trai phải bắt buộc viết văn tự khác, nhận vay tới tám mươi quan tiền của nhà phú hộ làng Giang Tảo, mặc dù lúc mới vay, bác chỉ được nhận có mười lăm quan của ông Lý Chín.

Đến vụ Chiêm năm sau bác cũng không trả nổi, và một lần nữa, lại phải viết văn tự khất nợ để tăng số tiền thất cổ này lên tới trên một trăm quan.

Cứ đà ấy tiến dần mãi cho đến vụ gặt tháng 10 năm ấy, thì món nợ 15 quan, biến thành món tiền quan trọng, mà bác xã không còn có cách gì trả được cho chu đáo nữa.

Do đấy, ông Lý đã xin quan tịch thu nhà đất của bác xã.

Vợ chồng, con cái bác xã Thuật, với hai bàn tay trắng, đành phải giắt díu nhau qua vùng Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, tính nương nhờ người em họ đang trông nom một cái ấp khá rộng của một vị hưu quan trong vùng.

Một gia đình với 5 mạng người lớn nhỏ, một sớm tinh sương về mùa Đông, phải lìa bỏ nơi chôn nhau cắt rún, bồng bế nhau ra bến đò Sâm-Thị, để vượt qua sông Nhị Hà, lên bến Mễ Tiên, đò không có, tiền cũng không, bác xã phải năn nỉ xin thiếu phụ chèo đò, may gặp được người phúc hậu, chẳng những đã vui lòng, cho gia đình bác quá giang, mà còn vồn vã hỏi thăm và sốt sắng chỉ đường tắt vào ấp cho vợ chồng bác khỏi phải đi xa.

Nhưng tiền đò dù không phải trả, vợ chồng con cái bác biết lấy gì độ nhật trong thời gian chưa tìm được thân nhân ?

Nhất là ba đứa con thơ dại, chỉ mới chập chững có một bữa, chúng cũng đã la khóc om sòm, đứa nào cũng nhăn nhó, không cất nổi bước đi nữa !

Thấy con đói khát quá, người mẹ hiền cảm thấy đau nhói tâm can, nên chẳng quản túi nhục, sượng sùng, bác xã gái đưa chồng con vào nghỉ chân trong một quán vắng bên đường, rồi lẳng lẳng tìm đến các thôn xóm chung quanh, xin cơm thừa, canh cặn, hy vọng ba đứa con sẽ được tạm no lòng trong cơn túng ngặt.

CHỈ MỘT CƠN BỆNH ĐÃ THÀNH NGƯỜI THIÊN CỐ

Mãi sẩm tối hôm ấy, bác mới xin được chừng hai bát cơm trộn ngô xay, với chút xíu muối vùng gói tất cả vào một tàu lá chuối tươi hí hờn đem về quán, thâm tính sẽ chia đều cho bốn bố con lót dạ ! Còn bác ? Bác tự nhủ : sẽ cắn răng cố nhịn thêm một ngày nữa, chờ khi gặp người em họ lúc bấy giờ sẽ ăn cũng...chẳng chết nào !

Rất thỏa mãn với sự hy sinh cao cả ấy, bác nhanh nhẹn đi mau trên bờ ruộng gập gềnh, mong chóng về đến quán, cho chồng con đỡ đói khổ được giờ phút nào, hay giờ phút đó !

Còn cách chiếc quán vắng, chừng năm trượng, bác đã văng vẳng nghe thấy tiếng khóc đứt nối của con Thu, đứa con út của vợ chồng bác !

Bác hấp tấp chạy gần, đến nỗi vấp ngã tới mấy lần mới về được đến nơi, và kinh ngạc xiết bao, khi thấy ba đứa trẻ, mỗi đứa nằm la khóc một nơi, mà bác xã trai cũng đang lăn lộn rên la trên mặt đất.

Hốt hoảng quăng gói cơm xuống cạnh thằng Tý, bác chạy vội về phía chồng, cúi xuống nhìn, bất giác rú lên một tiếng thất thanh, khi thấy bác trai mặt mày tái mét, mũi rãi bết chung quanh mồm miệng, hai mắt lơ lơ, lim dim, tay ôm bụng lăn lộn, quần quai, rên rỉ nho nhỏ trong cuống họng, như không còn đủ hơi thốt ra thành tiếng.

Ngồi bệt xuống đất, bác đặt tay lên trán chồng lo lắng hỏi :

- Bố nó làm sao thế ? Đau bụng à ?

Bác xã trai cố ngóc đầu dậy, nhăn nhó nói qua giọng hỏn hển, gượng gạo :

- Tôi bị... đau bụng ! Vừa rồi mò ra ngoài đồng, không ngờ lại cảm, trở vào được trong quán là ối mưa, lạnh run người, ruột gan như bị cẩu xé đau đớn vô cùng.

Bác xã gái chỉ biết luôn mồm kêu khô !

Ngoài ra không còn xoay sở được cách gì cứu chữa chồng.

Mấy đứa trẻ, thấy mẹ về quăng cái gói dưới đất, liền nín khóc, chạy ùa tới, mở gói ra, rồi reo mừng tranh nhau bốc vội, bốc vàng những miếng cơm cháy, cho vào mồm, nhai ngon lành, trong chớp mắt, gói cơm chỉ còn tro lá !

Bác trai vẫn rên rỉ, quần quai, lăn từ phía vách này, qua phía vách khác, như cố vật lộn với cơn đau xé ruột xé gan.

Gian quán siêu vẹo, bốn phía trống trơn, không có cửa ngõ gì, nên gió đêm lùa vào, lúc nào cũng như vũ bão, càng về khuya, càng lạnh lẽo, giá buốt hơn nhiều.

Cho đến quá canh tư, bác xã gái mới mệt quá dựa mình vào cột quán, ngủ thiếp đi lúc nào

không biết.

Khi tỉnh dậy, bác chợt nhớ đến chồng, và cảnh ngộ bi đát của gia đình, vội đưa tay lần mò về phía chồng, muốn lay gọi.

Nhưng bốn bề yên lặng như tờ.

Trong quán tối om, như giữa đêm ba mươi tết !

Ngoài tiếng thờ đều đều của bọn trẻ con, bác không còn nghe thấy chi khác hết, kể cả tiếng rên la của bác xã trai.

Linh tính như báo trước, một tai biến nặng nề, bác hốt hoảng quơ mạnh cả hai tay về phía chồng...

Bác kinh sợ, quỳ gối lết nhanh đến bên chồng, và kêu thét lên một tiếng hải hùng, khi nhận thấy, khắp thân thể bác xã trai giá lạnh như tiền, ngực không còn thoi thóp ma ghé tai sát tận mũi chồng, bác cũng không thấy một hơi thở nhẹ nào !

Bất giác bác khóc oà nức nở !

Ba đứa nhỏ đang ngủ say, thấy ồn ào, cũng choàng cả dậy một lượt, cất tiếng khóc theo khiến lòng dạ người đàn bà sa chân, lữ bước, đã đau khổ, tủi nhục lại càng thêm bấn loạn, hoang mang.

Sáng hôm sau, những nông dân quanh đây khi ra đồng, đi qua quán hoang, nghe thấy tiếng gào khóc thảm thiết liền bảo nhau vào xem, và cũng xúc động, trước cảnh mấy mẹ con lẫn lộn than khóc bên thi hài bác xã trai, nằm ngay đơ trên nền đất.

Nghe thiếu phụ kể lẽ hoàn cảnh éo le ngang trái của mấy mẹ con, các nông dân vội đưa mẹ con bác vào trong làng, đến trình bày tự sự với những hương chức kỳ hào, để nhờ họ đi báo quan huyện sở tại, và lo liệu giúp việc khâm liệm tống táng.

Trong thời đại phong kiến, mỗi khi có người xa lạ đến chết tại một địa phương nào đó, thì hương lý sở tại phải lên đồn, xuống phủ, khai báo lời thôi, thủ tục rất phiền hà phức tạp.

Nhất là kẻ xấu số không có thân nhân, quyền thuộc nhìn nhận, hoặc có, mà gia đình người bất hạnh, lại nghèo túng, khốn quẫn đến cực độ, không sao đảm nhiệm được công việc tống táng ma chay, thì hương chức, kỳ hào sở tại thường phải đốc xuất tuần tráng, đi các nhà, kêu gọi tình tương trợ, tương thân giữa người chung cùng một nòi giống, để kẻ ít, người nhiều góp gió thành bão, lấy tiền mua hòm, mua vải khâm liệm cho người xấu số, rồi sai tuần đinh khiêng đi chôn, đánh dấu cẩn thận, để phòng thân nhân đến tìm phần mộ.

Trong trường hợp, các nhà hào sản, hảo tâm quyên trợ không đủ số tiền chôn cất cho người chết đường, chết chợ được mồ yên mả đẹp, thì những hương lý, chức dịch có thể trích quỹ làng để làm việc từ thiện.

Do đây nhiều nơi, bọn cường hào, ác bá, quanh năm suốt tháng, chỉ biết bám vào lũy tre xanh, để cờ bạc, rượu chè, đã lợi dụng những thầy ma vô thừa nhận, hoặc có thân nhân mà không may lại nghèo khổ quá, phải nhờ cậy dân làng chôn cất giùm, để "ăn đầu ăn cổ" ! Nếu chỉ có hết năm quan tiền, thì họ không ngần ngại khai tới mười quan để lấy món "tiền bông" qua xác chết tạo ra, mà tùm năm, tùm ba, hợp tập nhau, say sưa, chè chén !

Ai sống, ai chết, mặc thiên hạ !

Bọn sâu mọt cứ ung dung ngồi yên hưởng lợi, chẳng cần biết đến sự đau khổ của bà con nghèo túng !

Những ông già, bà cả giờ đây, hẳn chưa bao giờ quên được "cảnh cười ra nước mắt" của một

đám chết đường trong thời đại phong kiến !

Vì giữa tiếng khóc than chua xót, thảm thiết của mẹ goá, con cô, nghèo khổ, khốn quẫn, không sao chạy được tiền chôn chồng, chôn cha, phải nhờ sự giúp đỡ của làng xóm, thì mấy ông hương lý chức dịch, không một ai chịu "bỏ lỡ dịp may hiếm có ấy" đã thừa nước đục thả câu, đi quyên của các nhà từ thiện được bao nhiêu, họ lấy trích ra một món tiền chi tiêu vào vài ba bữa chén, gà, vịt chẻ, rượu, thuốc cho thỏa thích, còn lại mới bồi bác sấm sửa chôn cất cho người xấu số !

Thấy bác xã Thuật gái vào trình bày cảnh cơ cực của gia đình và cái chết bất ngờ của chồng, các hương chức sở tại liền kéo nhau vào quán khám nghiệm làm biên bản trình quan, để xin chôn xác chết.

Một mặt, họ đến những nhà giàu có ở trong vùng để quyên tiền tổng táng cho kẻ bất hạnh.

Trong lúc chờ quan huyện cho người tận nơi khám nghiệm tử thi, họ họp tập tại nhà Tuần Tra chè chén lu bù.

Mãi trưa hôm sau, các thủ tục giấy tờ mới thật xong xuôi, bọn hương chức liền ủy thác cho viên Tuần Tra phải đi mua quan tài, sấm vải khâm liệm và sai người đi chôn xác chết.

Ở thôn quê, tuy dân làng có tinh thần tương thân, tương trợ rất sốt sắng, thành thực, nhưng đó là đối với bà con cùng sống chung trong vòng rào một lũy tre xanh !

Còn riêng đối với những người chết đường, chết chợ, từ các phương trời xa lạ, bỗng nhiên đến chết tại làng xóm họ, thì họ chẳng nhúng tay vào khâm liệm, hay chôn cất, vì sợ "xúi quẩy" !

Do đó, một là các hương chức, lý dịch ở trong làng, phải dùng đến quyền ăn trên, ngồi trước, để cất cử, sai khiến bọn đàn em, hoặc tuần tráng đảm trách công việc bạc bẽo ấy.

Hai là nhà chức trách sở tại, phải trích một phần tiền công quỹ, hay tiền quyên được của các nhà hảo tâm, rồi mướn người chôn xác chết, chớ nếu không, có khi để đến mấy ngày, cũng chẳng có ai dám tình nguyện chôn vùi cho kẻ xấu số được mồ yên, mả đẹp.

MỘT KIỂU ĐẤT QUÝ CÓ CHIỀNG, TRÔNG, CỜ BIÊN...

Đã từ lâu, những ông già, bà cả trong mấy phủ huyện Kim Đông, Khoái Châu, Ân Thi, Mỹ Hạo, thường truyền tụng về một kiểu đất đế vương, mà theo đấy thì có đủ những hình thể kỳ dị :

" Tiền long phụng cổ,
Hậu cảnh đương chung,
Tả ngọa Thanh Long,
Hữu châu Bạch Hổ,
Tinh kỳ rực rỡ
Kiếm Ấn đằng hoàng
Phúc trạch trời ban
Trăm năm hiển hách !"

Thiên hạ truyền tụng, nhập tâm những hình thể kỳ dị trên đây, không biết từ đời nào, để mỗi khi có dịp bàn luận đến môn địa lý, người ta lại đọc cho nhau nghe, với dụng ý cố tìm cho kỳ được khu đất quý kia.

Nhưng năm qua tháng lại, những câu đồng giao và kiểu đất đế vương, dù đã gần chìm sâu vào trong quên lãng của thời gian, mà thiên hạ vẫn không sao biết được đích xác nó ở chỗ nào ?

Người ta chỉ đồn đãi là nó nằm trong địa phận mấy phủ huyện ở giữa tỉnh Hưng Yên.

Có thể thôi. Ngoài ra không ai biết gì hơn nữa !

Sau thấy mã bác Trương Thuật được mỗi đùn, trong số có một đēm mà bỗng to cao như gò đồng lớn, thiên hạ mới yên trí là họ Cừ đã táng được đúng huyết đế vương, úng vào những đēm trong đồng giao được truyền tụng. Sự thực nào có phải thế đâu ?

Mấy chú tuần đinh, đảm nhiệm công việc khâm liệm và mai táng bác xã, theo sự sai khiến của hương chức, kỳ hào trong làng, vì mải mê chè chén say sưa, mãi tới canh hai đēm ấy, mới chệnh choạng khiêng thi hài kẻ xấu số, được bó gọn trong một manh chiếu cũ ra đồng, nơi họ đã đào sẵn huyết từ buổi trưa.

Nhưng vừa qua hết đường cái, rẽ xuống bãi tha ma được chừng năm trượng, trời bỗng nổi cơn giông tố ầm ầm, mưa như trút nước, sấm chớp liên hồi, khiến cho mấy chú tuần phiên hoảng sợ, trượt té lên, té xuống, trước họ còn bảo nhau cố gắng gượng khiêng xác chết tới huyết, sau mưa gió mỗi lúc một dữ dội hơn, không còn trong rõ đường lối chi hết, họ đành phải đặt thi hài bác xã xuống một vũng trâu đầm, rồi lật đặt ôm đầu, dầm mưa, chạy vội về nhà, định khi ngớt cơn bão táp, sẽ lại trở ra chôn cất tử tế cho kẻ bất hạnh.

Không ngờ mưa gió suốt đēm không tạnh, mãi đến gần sáng, trời mới dịu dần, họ vội rủ nhau đēm cuộc xẽng ra bãi tha ma, định vui dập cho người xấu số được mồ yên mả đẹp.

Song họ ngạc nhiên xiết bao, khi thấy vũng trâu đầm đēm trước, có đặt tạm thi hài bác xã Thuật, đã biến thành một gò đất cao, cỏ mọc xanh um, tươi tốt lạ lùng, không còn để lại một vết gì được gọi là một ngôi mả mới nữa.

Tin mỗi đùn trong có một đēm, khiến cho một vũng trâu đầm, biến thành một gò đất cao, được loan truyền rất nhanh chóng trong vùng, nên nội ngày ấy, khách hiếu kỳ đã rủ nhau đến xem ngôi mả kết phát, lũ lượt, nô nức như những người đi xem hội vậy.

Một thầy địa lý chính tông, sau khi quan sát kỹ lưỡng địa hình, địa thế nơi này, đã gật gù, khen ngợi, nói với mấy người bạn thân rằng :

- Đúng là mả thiên táng ! Nhà phong thủy chính tông, dù có chân tài, thực học đến đâu, khi thấy ngôi mả cũng không sao chê trách, sửa đổi vào đâu được.

Đây đúng là kiểu đất " huỳnh đệ đồng khoa ", minh đường đã có chiêm trổng, phía sau lại có cờ biển, nhưng chỉ tiếc cho tay hổ đã đi nghịch có nhiều chỗ lỗi lổm quanh co, thoát thẳng, thoát gẫy không chừng nên về phần con gái, e rằng sẽ không được hưởng phúc trạch hoàn toàn như nam giới trong họ !

Tuy nhiên, đó cũng là một kiểu đất đặc biệt hiếm có lắm rồi, không phải dễ tìm kiếm được ở vùng này đâu ?

Sợ mọi người chưa hiểu rõ, thầy địa lý phải chỉ tay về phía trước mặt, nói thêm :

- Đúng ở chánh huyết, nhìn ra minh đường, chúng ta hẳn thấy hai khoảnh đất vuông vắn, nằm "ấn" song song đằng kia, cách đây không xa lắm, đó là hai chiếc ấn, tượng trưng cho sự kết phát sau này của giòng họ Cừ : đời nào cũng có hai người đồ cao, làm lớn.

Đoạn, quơ tay hướng về phía hữu, nhà phong thủy tiếp lời :

- Chỉ tiếc cho dòng sông kia, đã chảy nghịch lại với chánh huyết ! Chẳng những thế, gềnh đá, nằm chắn ngang ở giữa lòng sông, còn làm cho gió giội ngược lại. Đã "nghịch thủy " lại "phản phong" , thì sau này, nhất định con gái họ Cừ sẽ mắc phải nạn loạn âm, việc tình duyên trắc trở, có khi còn phát điên cuồng nữa là khác !

Nếu đây không phải là mả "Thiên Táng", mà lại do bàn tay người tìm kiếm án hướng, phân kim, thì với sự chân tài, thực học của nhà phong thủy chính tông, người ta có thể trấn yểm để làm giảm bớt sự nguy hại được ít nhiều.

Đoạn, chăm chú quan sát rất kỹ lưỡng ngôi mộ, thầy địa lý tỏ ý tiếc hận và tiên đoán :

- Vẫn hay là mả thiên táng, song có lẽ phước trạch họ Cừ còn đơn bạc, nên đường ắt không được rõ ràng cho lắm. Đồng thời những cờ biển ở phía sau, cũng như chiêng, trống nằm án trước minh đường, hầu hết đều chưa nổi bật hẳn lên và nếu nhìn kỹ, sẽ thấy không được cân đối rõ rệt.

Do vậy, sự kết phát chẳng những sẽ bị trì trệ, mà những người khai khoa trong họ sợ rằng không được hưởng thụ lâu bền phú quý !

Rồi, dăm dăm nhìn về phía tả, nhà phong thủy lầm bầm nói bằng quơ :

- Lạ lùng hơn nữa, bên tay long đường như có cả hình cung tiễn, không chừng họ Cừ còn phát luôn cả văn lẫn võ, cũng nên !

Mấy người bạn cùng đi với thầy địa lý, tuy không ai nói ra, nhưng hết thầy đều hoài nghi lời quyết đoán ấy !

*** HẾT ***

BÀI THỨ BA : Kiểu đất PHỤNG-HOÀNG HÀM THU'

"Ngũ bách niên chi tiền, mạch tại thượng,

Ngũ bách niên chi hậu, mạch tại hạ,

Vị thù vô mục, quả vô mục dã"

TẬP GIA PHẢ VỚI TÁM NGÔI TỔ MỘ!

Họ Nguyễn ở làng Báo Văn là một danh gia, lệnh tộc, không biết phát tích từ đời nào, nhưng người quanh vùng vẫn thường đồn đãi với nhau rằng: từ trên một trăm năm nay, họ Nguyễn ở làng Báo Văn, chẳng đời nào là không có người làm quan to, hay đại hào phú, chủ nhân ông những ruộng vườn thẳng cánh cò bay, đất đai chồn chân, ngựa chạy.

Thiên hạ còn nói nhiều đến tám ngôi tổ mộ của họ Nguyễn táng song song ở giữa cánh đồng vùng Mông Sàng, Mông Phụ mà người ta tin chắc đó là những ngôi mả kết phát rất to tát, lâu dài.

Nhiều nhà phong thủy chính tông Hoa, Việt nghe thiên hạ đồn đãi, đều không ngại vất vả, tốn kém, tìm đến tận nơi quan sát khu vực có mộ phần tổ phụ họ Nguyễn.

Hết thầy đều đồng ý tán thưởng sự tinh tế của cổ nhân: người đã có cặp mắt tinh đời, chọn được thửa đất hiếm có ấy, vì theo sách địa lý, đó chính là kiểu đất Phụng-Hoàng Hàm Thu,

mà tám ngôi tổ mộ đều nằm vào đúng giữa bụng chim thần.

Nhưng vào đầu mùa thu năm Ất Mùi (1775) một ông già đầu, râu, tóc bạc, quần vải, áo nâu, bề ngoài trông rất tiêu tụy, lam lũ, tìm đến tận nhà quan Án sát họ Nguyễn ở làng Báo Văn, để trình bày về sự nhận xét riêng của lão về tám ngôi tổ mộ.

Hồi ấy quan Án Sát tuy đã cáo lão hồi hưu, song dinh thự vẫn có người canh gác cẩn mật, không kém gì lúc chủ nhân đang còn tại chức.

Tên gia nhân gác cửa, thấy khách lạ hình dung cổ quái, y phục rách vá tứ tung, thì có ý khinh rẻ, yên trí là khách lạ, nếu không định đến xin tiền quan Án, thì hẳn cũng chỉ tới cầu cạnh một ân huệ chi đó, chứ đáng điệu ấy, người ngợm ấy thì hỏi còn có gì đáng bàn chuyện quan trọng về đất cát mồ mả với chủ nhân hẳn, vốn là một vị đường quan, danh tiếng ở Bắc Hà!

Nghĩ vậy rồi, hẳn liền dơ tay xua đuổi ông già, một mặt khép chặt hai cánh cổng gỗ lim nặng nề, khinh khỉnh nhìn khách lạ, như nhìn một quái vật hiểm nguy, nhor nhóp!

Khách lạ chỉ hơi nhú mày, ngờ ngàng về cách xử sự phũ phàng của tên gia nhân, nhưng chỉ thoáng qua một chút, lão lại bình thản, mỉm cười ung dung nói lớn:

- Chú em đừng nên khinh người, rẻ của quá như vậy? Lão đến đây với tất cả lòng thành khẩn, kính mến đức độ, uy danh của Cụ lớn nhà, chứ nào phải tới cầu xin ân huệ, tiền bạc chi đâu, mà chú em nỡ tâm xua đuổi cho đành?

Lão nói thiệt: chú em nếu muốn cho Cụ lớn nhà đời đời vinh hiển, kế thế công khanh, thì hãy kíp vào bảo với Cụ lớn cho lão được diện kiến, còn nếu không thì thôi, lão càng khỏi phải tốn công, nhọc sức...

Tên gia nhân vẫn không thay đổi ý định: cương quyết đóng chặt cổng dinh, và lớn tiếng quát mắng:

- Lão già vô lý quá! Khi không tới đây, bày đặt chuyện đất cát lôi thôi. Nếu không khôn hồn cút mau đi lờ ra đến tai Cụ lớn thì lão chắc chắn sẽ bị ăn đòn nứt thịt!

Đang lúc hai người điều qua tiếng lại, thì Cụ lớn từ tư thất bước ra, thấy vậy, vội tiến thẳng đến gần tên gia nhân, hỏi vội:

- Chi đó bây! Nếu người ta lỡ độ đường thì đem ra chút ít tiền gạo, đãi người ta, chứ việc chi mà lớn tiếng vậy?

Khách lạ chưa kịp nói gì, thì tên gia nhân đã xun xoe tiến đến trước mặt quan Án, vái lạy, rồi tăng hăng liền tiếp mấy cái liền, mới rụt rè cất được tiếng:

- Bẩm Cụ lớn, lão già này không biết từ đâu tới đây, cứ nhất định một hai đòi vào yết kiến Cụ Lớn cho kỳ được, để trình bày đất cát mồ mả chi đó. Con đã đem tiền gạo cho lão và đuổi lão

ra, nhưng lão ngang bướng lắm, cố tình muốn ăn vạ đẩy ạ.

Quan Án Sát liếc nhanh cặp mắt sâu thẳm, sau lớp kiếng trắng, gọng bạc về phía khách lạ, bắt giác phát sanh lòng kính phục con người bản hàn, lam lũ vô cùng, vì qua lớp y phục bản thủ, vá rách, vị hưu quan ở làng Bắc Văn đã như tượng thấy được một vẻ cao quý khác thường, ẩn hiện trên khuôn mặt già nua, cần cỗi, mà bộ râu ba chòm bạc phơ, in hết mớ cước trắng của khách lạ, đã làm nổi bật hơn nữa, nét phong sương của một kẻ giang hồ phiêu lãng!

Quan Án nguyệt dài tên gia nhân lỗ mãng, dơ tay ra hiệu cho nó lui vào phía trong, đoạn thông thả đi ra cổng, đến bên lão già niêm nở nói:

- Lão trượng phu chớ chấp kẻ thất phu vô lễ, và xin mời vào chơi trong nhà cho tiện đàm đạo.

Khách lạ gật đầu, có ý thỏa mãn, ung dung xách khăn gói, kéo lê chiếc gậy trúc dài gần hai sải tay, đầu uốn cong thành hình một con cú đứng co một chân, cánh xoè rộng hẳn ra như muốn lấy đà tung bay, theo thế "Anh hùng độc lập", rồi thản nhiên đi ngang hàng với vị hưu quan, cùng bước qua một cái sân gạch Bát Tràng, rộng rãi, vuông vắn, để lên thềm đại sảnh.

Ngôi nhà chính của quan Án Sát hưu trí trông bề thế, cổ kính, như được xây cất từ mấy mươi đời trước bằng các thứ danh mộc, hầu hết đều chạm trổ cực kỳ công phu, tỷ mỉ do những thợ mộc tài hoa chuyên nghiệp ở các vùng Hà Nam, Ninh Bình đảm trách.

Tư thất kiến trúc theo lối Đông Phương cổ kính, tám mái cong vút như sừng trâu, do mấy hàng cột lớn tay ôm, bóng lộn như gỗ mun, chống đỡ, được chia ra làm năm gian lớn, bài trí toàn đồ cổ ngoạn gia bảo, sập gụ, tủ chè, đỉnh đồng lớn, giá lọ bộ, chốe sứ, lọ Giang Tây, ánh vàng sơn rực rỡ từ những chiếc hoành phi, câu đối, sơn son thếp vàng, lộng lẫy tỏa ra, càng tăng thêm, màu sắc, huy hoàng, nguy nga, tráng lệ cho toà đại sảnh.

Quan Án Sát họ Nguyễn mời khách lạ ngồi trên chiếc cật đôn phủ nệm bọc gấm điều trước một án thư bằng gỗ gụ, dưới một cặp tán tía, lọng vàng, treo cao gần sát mái nhà.

Trên tường, một thanh bảo kiếm, chuôi ngà, vỏ bạc, nằm vắt chéo, giữa một đôi tay thước khảm xa cừ có tua đồ dài lòng thông, bên cạnh cái trống châu sơn đỏ và đôi tù và làm bằng hai con ốc cực lớn, bóng lộn như sừng.

Quan Án Sát ngã người trên chiếc sập gỗ chân quỳ, tựa tay lên chông gối xếp màu hoàng anh, mắt tuy lơ đãng nhìn ra ngoài sân, song kỳ thực, vẫn luôn luôn chăm chú theo dõi từng nét biến chuyển trên khuôn mặt nhăn nheo của người khách lạ, đoạn vừa vuốt râu, vừa vui vẻ hỏi người đối diện:

- Nghe bày trẻ nói: lão trượng có nhã ý đến chơi để bàn chuyện về môn phong thủy.

Hạ quan rất hoan nghênh và sẵn sàng kính cẩn nghe lời vàng ngọc.

Rất mong lão trượng đừng tiếc lời dạy bảo, thì không những may mắn cho hạ quan mà cả

dòng họ Nguyễn ở làng Báo Văn cũng được đội ơn hà hải...

Khách lạ ngạo nghễ nói:

- Lão đi qua vùng này, tình cờ được thấy một khu đất cực quý ở ngay ngoài cánh đồng làng ta. Lão hỏi thăm, thì bà con quanh đây chỉ cho lão coi tám ngôi cổ mộ, và bảo rằng đó là phần mộ của tổ phụ đại nhân.

Vì vậy lão mới tìm tới đây, không ngoài ý muốn, được hầu chuyện với đại nhân về môn phong thủy.

Quan Án Sát chặn ngang:

- Lão trượng nói sao?

Mấy ngôi mộ của dòng họ Nguyễn, táng tại cánh đồng xứ Cốt Đàng, làng Báo Văn, cũng đã khá lâu ngày, không hề xảy ra sự nguy hại chi hết, sao giờ đây lão trượng lại có ý thắc mắc? Xin hãy vui lòng cho lão phu biết rõ lý do?

Khách lạ không trả lời thẳng câu hỏi của vị hưu quan, mà lại nói lảng qua chuyện khác:

- Trước khi bàn về mấy ngôi cổ mộ, lão muốn biết sơ qua ít điều thắc mắc: chẳng hay đạo nhân bình thường có chuyên khảo cứu về khoa địa lý không?

Quan Án sát nhìn khách lạ, như cố tìm hiểu xem trong sự hiếu kỳ của người đối thoại, có xen lẫn một dụng ý gì, khả dĩ gây được thiệt hại cho dòng họ Nguyễn nói chung, và cho bản thân quan Án Sát nói riêng.

Trên khuôn mặt dày dặn phong sương, đen cháy vì nắng mưa dầu giải, đôi mắt sâu thăm thẳm nằm dưới lớp kiếng lão của khách lạ, vẫn luôn luôn tiết ra một tinh thần khẳng khái trung thực: nền tảng căn bản của tín đồ Không Mạnh, khiến cho bất cứ ai được tiếp xúc, dù chỉ mới là lần đầu tiên, cũng phải chân thành kính trọng, cảm mến, coi như bậc trưởng thượng trong gia đình.

Vốn nề nếp nho phong, trầm anh thế phiệt nên vị hưu quan nhận thấy ngay được nét tinh hoa đáng quý ấy trên gương mặt quắc thước của khách lạ.

Vì vậy, chẳng một chút ngại ngần, nghi kỵ, quan Án Sát sẵn sàng cởi mở ngay niềm tâm tư, ấp ủ thâm kín trong kẽ phổi, khe gan từ bao lâu nay, chưa có cơ hội nào thuận tiện, cũng như chưa gặp được bạn tri âm nào tâm đầu ý hiệp để giải tỏ can tràng:

- Ngay từ khi còn đề chòm, ngày ngày cắp sách đến tập làm văn tại trường Cụ Thám Hoa ở làng dưới, lão phu đã đặc biệt chú ý đến môn phong thủy, mỗi khi thấy người quanh vùng đem trầu rượu, lễ vật đến nhờ Cụ Thám Hoa tìm đất giúp.

Có nhiều lần được Cụ Thám cho theo hầu, lão phu thường nhìn ngắm say sưa chiếc tróc long hàng giờ không biết chán, nâng niu cái la kinh, thậm trọng còn hơn một người chơi đồ cổ săn sóc đôi lọ từ đời Tống, đời Đường, đến nỗi thấy lão phu ham mê môn phong thủy, Cụ Thám đã vui vẻ giảng dạy cho lão phu biết sơ qua về cách phân kim, án hướng, thế nào là án nga my, thế nào là tay long, tay hổ, thế nào là thuận nghịch, thế nào là quán khí.

Nhờ đấy, lão dù không am tường, thấu triệt một cách tinh vi khoa học, huyền bí, kỳ diệu ấy, cũng có thể hiểu đại cương sự chuyển vận của long mạch, để tìm trũng chánh huyết tại các khu đất quý.

Khách lạ không chờ cho quan Án dứt lời, liền hỏi ngang:

- Thôi thế cũng tạm đủ! nhưng có điều lão vẫn chưa hiểu: Vì nếu đại nhân đã biết rành mạch môn địa lý thì sao lại không nhận chân được sự sai lệch của tám ngôi tổ mộ ở xứ Cốt Đàng?

Vị hưu quan có vẻ sượng sùng, vội dơ tay phác một cử chỉ ngăn chặn rồi nói nhanh:

- Thì lão phu có dám nhận mình là am hiểu tinh vi môn địa lý đâu? Lão phu sở dĩ biết sơ qua chút ít, cũng là do sự chiếu cố của Cụ Thám Hoa, lúc còn đi học, thấy lão phu mê say khoa phong thủy, người mới giảng dạy đại cương cho lão phu nghe, sự kỳ bí, huyền diệu của mạch đất, có thể thôi! Nào lão phu có biết gì hơn.

Vậy nếu những ngôi tổ mộ kia có chi sai lệch, xin lão trượng vui lòng chỉ dạy, lão phu nguyên tạc dạ, ghi xương, thề trọn đời không dám quên ơn lão trượng.

Khách lạ ha hả cười to, đầu gật lia lịa như vô cùng đắc ý:

- Được, Lão xin nhận lời giúp đỡ đại nhân.

Nhưng công việc xem xét mộ phần, phúc lại! Lúc tới tám ngôi mã, không phải là việc làm một sớm, một chiều mà xong được?

Phải mất ít ra hàng tháng mới mong tìm được tất cả mọi sự khuyết điểm, không những ở bề ngoài căn cứ theo hình thức mộ phần, mà còn dùng thuật riêng đặc biệt bí truyền, để xem xét lòng huyết cũng như hài cốt an táng ở trong tiêu...

Công việc phức tạp ấy, không phải một vài hôm hay năm, bảy bữa mà xong được đâu? Đại nhân là bậc danh sĩ, quán thông lý, số, y, nho, lại thấu triệt được cả lẽ huyền vi, kỳ bí của môn phong thủy, thì hẳn không cho lời lão là viễn vong, vu khoát.

Quan Án Sát thông thả đứng lên, hướng về phía khách lạ, vái dài, chậm rãi nói:

- Được nghe lời giảng dạy vàng ngọc, lão phu như kẻ đang lần mò đi trong đêm tối, bỗng gặp được ánh đuốc soi đường!

Quả thật là vạn hạnh.

Lão phu tin rằng cuộc sơ kiến bữa nay, do lòng Trời đưa lại, cũng là duyên kỳ ngộ từ kiếp trước, nên mới run rủi cho lão phu gặp đặng quý nhân, để nghe lời dạy bảo của bậc cao hiền, hầu biết đường họa phúc và lẽ thanh suy của đời mình!

Vậy nhân dịp này, nếu lão trượng không chê hàn xá thô lậu, lão phu xin kính mời lão trượng tạm ngừng gót ở chơi tẽ xá ít ngày, cho lão phu có cơ hội thuận tiện học hỏi thêm đạo lý cao siêu của thánh hiền, nhất là sự nhiệm mầu của khoa địa lý.

Khách lạ vui vẻ ngắt lời:

- Đại nhân bắt tất phải quá khiêm, lão xin hoàn toàn tuân lệnh đại nhân sai khiến. Vả lại, lão không đến đây thì thôi, chứ một khi đã tới thăm quý phủ, được đại nhân dùng biệt nhãn đón tiếp, không phân biệt giàu nghèo, quý tiện, lại cũng chẳng câu nệ bức tường ngăn cách quan, dân, khiến cho tấm thân già nua, vô dụng gần kề miệng lỗ này được tiếp xúc với bậc quý nhân, trau dồi thêm cho mở kinh nghiệm căn cỗi thêm phần quảng bác thì há chẳng phải là một cơ hội hân hữu muôn thuở nhất thời cho lão ư ?

Vị hữu quan tươi nét mặt, vui mừng đáp rằng:

- Được lão trượng nhậm lời, lão phu thật vô cùng cảm kích. Vậy trong thời gian tạm lưu tại tẽ xá, nếu có cần gì, xin lão trượng cứ truyền gọi gia nhân, sai khiến chúng và coi chúng như nô bộc của lão trượng.

Khách lạ tiếp lời:

- Xin đa tạ thịnh tình của đại nhân. Có điều lão phu phải cần thưa trước: ngay từ sáng mai, kính xin đại nhân cho người hướng dẫn lão đi thăm lại một lần nữa, cánh đồng có an táng tám ngôi tổ mộ của dòng họ nhà ta, và nếu không có chi bất tiện, xin đưa lão đi thăm luôn cả các ngôi mã khác ở trong họ nữa.

Có thể, lão mới có thể quyết đoán đích xác được sự kết phát hay nguy hại của của các ngôi tổ mộ.

Quan Án Sát mỉm cười, ngăn cản:

- Lão trượng đi đâu mà vội vàng quá thế ? Xin hãy thông thả dạo thăm phong cảnh trong vùng ít bữa, rồi sau đấy, sẽ lưu ý đến mồ mả, đất cát, tường cũng không phải là quá muộn.

Ông già, lắc đầu, tỏ ý bất mãn:

- Đại nhân quá thương, muốn cho thân già này được ung dung, nhàn nhã, tấm tình tri ngộ ấy,

lão xin ghi sâu trong phế phủ. Nhưng số lão vất vả, ngay từ khi ra đời, vẫn phải luôn luôn vật lộn với sinh kế từng khắc, từng giờ, chẳng mấy lúc được thanh thoi, rỗi rãi!

Do đấy, nếu cho lão ngồi yên hưởng lạc, chỉ những hai bữa liền, là thế nào lão cũng bị đau đốn gân xương, chân tay ngứa ngáy, cơ hồ như có một mãnh lực kỳ bí thúc đẩy, lão phải chạy nhảy, hoạt động hăng hái hơn, để giữ cho sức khỏe được dồi dào bền bỉ lâu dài!

Vị hưu quan chợt nhìn trên án thư có đủ đồ văn phong tứ bảo. Nhớ tới một việc quan trọng, nên vội đưa tay cầm một cuốn sách bìa sơn đen dày cứng, rồi nhích mình qua phía khách lạ, đoạn hạ thấp giọng nói vừa đủ nghe:

- Lão phu có một điều tâm sự, liên can đến hạnh phúc, vận mạng của cả dòng họ Nguyễn ở làng Báo Vãn, mà từ khi khôn lớn tới bây giờ, lão phu vẫn nhất định chôn sâu trong phế phủ, chưa hề dám thổ lộ với một ai, kể cả những bạn bè, hay họ hàng thân thích!

Số là trong gia phả của tiền nhân lưu lại, từ đời Hậu Lê, có ghi một lời ký chú, đình ninh dặn lại con cháu rằng:

"Tám ngôi tổ mộ, an táng tại xứ Cốt Đàng thuộc cánh đồng làng Báo Vãn, tuy kết phát, nhưng muốn cho dòng họ hưởng phúc lộc lâu dài, thì năm Ất Mùi (1775) phải nhờ thầy địa lý chính tông xoay lại hướng mộ phần. Nếu không tuân theo lời trong gia phả, dòng họ sẽ bị suy tàn, mau chóng..."

Lời ghi chú trong gia phả, con cháu trong chi trưởng của dòng họ lão phu, phải luôn luôn chôn sâu nơi tâm khảm, coi đấy như nguồn sống chánh yếu của cả một dòng họ, không thể vì một lẽ gì lãng quên được!

Vì vậy ngay từ đầu năm nay, thấy đã tới hạn kỳ ghi trong thế phả, lão phu đã phải tìm thầy địa lý, nhờ phúc lại tám ngôi tổ mộ ở cánh đồng làng Cốt Đàng.

Nhưng dù lão đã tốn nhiều công phu cũng như tiền bạc, cho gia nhân đi khắp mọi nơi, cố lòng kiếm cho được một nhà phong thủy chính tông, mà không hiểu vì nhà lão kém âm công, phúc đức hay sao, mà người đi tìm đã mấy tháng nay, vẫn chẳng sao kiếm nổi một thầy địa lý nào, khả dĩ có tài tìm được chánh huyệt trong một khu đất quý, chứ đừng nói là để mà kết phát nữa!

Lão phu đang lo buồn, thì lão trượng đến chơi!

Quả thật là đại hạnh cho dòng họ Nguyễn Nhà lão!

Do sự tình cờ, mà cũng là duyên kỳ ngộ ấy, lão phu thành khẩn yêu cầu lão trượng, hết lòng giúp đỡ cho lão phu, làm trọn vẹn được lời ký thác của tổ tiên, thì suốt đời, lão phu thề mình

tâm, khắc cốt đức độ cao dày ấy của lão trượng.

Nói xong, quan Án Sát lại vái dài rất cung kính.

Khách lạ vội đứng phắt lên, dơ tay ngăn cản mà vui vẻ nói rằng:

- Đại nhân bắt tất phải thủ lễ và quá khiêm nhường như vậy, khiến cho lão bị tổn thọ mất hàng kỷ đó!

Lão không đến đây, không được nghe chuyện đại nhân thuật lại về lời ký thác trong gia phả thì thôi, chứ một khi đã tới tận chỗ, được biết rõ tính cách quan trọng của tám ngôi mã thì có lẽ nào lão phu lại không hết lòng giúp đỡ.

Vậy ngay từ ngày mai này, yêu cầu Đại nhân hướng dẫn lão đi thăm những ngôi mộ kia một lần nữa cho thật cẩn thận, để lão mới có thời giờ nhận xét một cách chính xác hơn.

Sáng hôm sau, qua mấy tuần trà nước, vị hưu quan làng Báo Văn thân hành hướng dẫn thầy địa lý đi thăm các ngôi tổ mộ.

Lũ trẻ mục đồng thấy quan Án hưu trí trịnh trọng trong chiếc áo gấm dài màu da đồng, chân mang văn hài thêu chỉ ngũ sắc, lộng lẫy đi sóng vai với một ông già, dáng điệu rất quē mùa, y phục rất thô lậu, thì kinh ngạc vô cùng, bỏ mặc cho trâu ăn cỏ ngoài đồng, nô nức rủ nhau chạy theo hai người tíu tít kêu gọi nhau vui mừng như được xem đám rước thần ở trong làng vậy.

Chúng càng ngạc nhiên hơn nữa, khi thấy hai người không noi theo con đường làng đi ra ngoài chợ, mà lại mang theo những bờ ruộng, đi ra xứ Cốt Đàng ở cách xa cổng làng Báo Văn tới trên hai dặm, khu đất có an táng tám ngôi mộ của họ Nguyễn, cao gần như một cái gò lớn, chung quanh có một hàng rào cây khúc tần xanh om, chằng chịt những sợi giấy tơ hồng vàng chói !

Cả tám ngôi mã đều không xây đắp chi hoa mỹ, nằm song song thành một dãy dài theo hình chữ nhất, chiếm rải rác cả chiều dài của thửa ruộng cao không kém một chiếc gò !

Điều đặc biệt, làm mọi người lưu ý hơn hết là cả tám ngôi mã, đều to cao, cỏ mọc xanh um, tươi tốt lạ thường, khác hẳn những mồ mã ở chung quanh thường xuyên bị chủ đất phát cỏ, đắp bờ muren có xén cắt bớt ít nhiều những phía tiếp giáp khít ruộng đang trồng khoai hay cấy lúa cho rộng châu vi canh tác.

Vừa hướng dẫn khách lạ đi coi khắp nơi ngoài cánh đồng, quan Án vừa gíơ tay tính nhẩm từng đốt, rồi bất giác thở dài nét mặt đượm ve ưu tư, hoảng hốt nói to :

- Mà Ất Mùi thì đúng là năm nay rồi lão trượng ạ !

Vậy mà từ tháng giêng đến bây giờ tốn công tốn của đã khá nhiều, vẫn chưa tìm được nhà phong thủy chính tông nào, khả dĩ có đủ tài năng phúc lại những ngôi mã này, để theo đúng

lời ghi chú trong gia phả, xê dịch lại cho hợp với sự di chuyển của long mạch.

Thầy địa lý nhìn quan Án Sát hỏi gặng lại :

- Đại nhân định tìm nhà phong thủy như thế nào ? Xê dịch tổ mộ thì cứ xê dịch, hà tất còn phải phúc lại mà cho mất công vô ích.

Vị hưu quan, lắc đầu đáp liền không cần nghĩ ngợi :

- Lão trượng nói thế là sai rồi. Thời buổi này, nho đạo mỗi ngày một suy vi, các môn lý, số, phong thủy cũng hầu như bị mai một lần hồi. Đốt đuốc đi tìm những thầy địa lý chính tông, ít ra cũng phải mất hàng năm mới kiếm được một người tài năng am hiểu đến nơi đến chốn cách để mả, và chọn đất, còn đa số đều mờ mờ, mịt mịt, chưa cầm vững chắc cái tróc long, chưa biết phương pháp sử dụng la kinh, cũng vỗ ngực tự nhận mình giỏi địa lý !

Bởi sự tìm kiếm nhân tài rất khó khăn như thế, nên lão mới bày ra cách phúc duyệt lại các ngôi tổ mộ, vừa để xét nghiệm khả năng của người ta, vừa muốn được hiểu rõ hiện trạng đích xác của các ngôi tổ mộ, vì nếu gặp kẻ mạo nhận danh nghĩa là nhà phong thủy chuyên môn, tất họ không sao biết rõ được phương hướng các bộ hài cốt nằm dưới lòng đất ?

Do vậy, lão phu mới có thể loại trừ được họ một cách dễ dàng !

Còn trái lại, nếu họ nói đúng được vị trí an táng, của từng bộ hài cốt, như nằm nghiêng nằm ngửa hay đầu gối lên đầu, chân đạp vào đâu, đúng như lời ghi chú rành mạch trong cuốn gia phả của dòng họ Nguyễn, thì đây mới thật là thầy địa lý chánh tông !

Lão phu có thể tin tưởng vào tài năng của người ấy để nhờ xê dịch mộ phần.

ĐỒ KHÔNG CÓ MẮT

Ngừng lại một lát như để suy nghĩ thêm, quan Án Sát nói tiếp :

- Lão phu không phải là thân trọng vô ích đâu ? Cả tương lai một dòng họ khá đông con cháu như dòng họ Nguyễn ở làng Báo Văn này, hết thầy đều trông cậy vào tám ngôi tổ mộ, mà theo sự truyền tụng, đã kết phát được tới trên một trăm năm rồi.

Nay nhất đán, đang yên, đang lành, lại đem xê dịch đi, hay hơn trước thì chẳng sao, nếu rủi lại bị đứt long mạch, hay động trệ, nay tai này, mai họa khác, cất đầu lên không nổi, chẳng còn mong gì nở mày, nở mặt được với dân làng, thì hỏi ai phải chịu trách nhiệm, không những với bà con trong họ mà còn luôn cả với tổ tiên nơi chín suối nữa !

Lão phu là ngành trưởng, phải gánh vác hậu quả nặng nề hơn hết của sự xê dịch di táng này !

Nhiều lúc lão phu cảm thấy lo âu, sợ hãi trước công việc phức tạp, khó khăn mà tổ tiên từng trải trăm lại, nên có ý muốn giữ nguyên tình trạng hiện thời, được đến đâu hay đến đó, chờ khi nào trong họ có triệu chứng suy sụp, lúc bấy giờ sẽ lo liệu cũng không muộn gì !

Nhưng khốn nỗi trong gia phả, các cụ đã định ninh ghi chú, đời nọ ký thác cho đời kia, dặn con cháu phải luôn luôn nhớ như in vào tâm tư, phước phũ là đến năm Ất Mùi, dù trong họ không xảy ra việc gì cũng phải nhờ thầy địa lý di tản cả tám ngôi tổ mộ, không được vì có gì trì hoãn hay trái lời trần trời !

Lão phu bình sanh tôn trọng lễ nghi, đạo đức, nên không thể nào dám cưỡng lời tổ tiên truyền lại !

Tình cờ được gặp lão trượng, lại được lão trượng giảng dạy cho nghe sơ lược về môn phong thủy thần bí, khiến lão phu mừng rỡ vô cùng, tin tưởng mãnh liệt đó là trời xanh phù hộ, và tổ tiên họ Nguyễn khôn thiêng dung rủi cho lão trượng đến đây vừa đúng lúc, để giúp cho lão phu hoàn thành trọng trách đối với tổ tiên !

Sau này con cháu họ Nguyễn giữ vững được nền nếp của Ông Cha, hẳn chẳng bao giờ dám quên ơn sâu hà hải của lão trượng !

Thầy địa lý vừa thông thả dạo bước quanh khu ruộng cao, vừa chăm chú quan sát địa hình, địa thế khắp nơi, bỗng đứng khựng lại, ngơ ngác nhìn thẳng vào mấy ngôi mộ nằm ở giữa ruộng, đoạn mở khăn gói lấy tróc long ra, thận trọng đặt xuống một mô đất cao nhất vùng, rồi bắt giắc vỗ đùi kêu lên một cách tức bực :

- Hừ ! Đồ mù ! Không biết một tí gì đến môn phong thủy mà cũng đòi để mả cho người ta, làm thiệt thòi nặng cho các gia đình mộ chủ !

Vị hưu quan kinh ngạc trước sự tức giận bất ngờ của khách lạ, hấp tấp hỏi vội :

- Thưa... Có việc gì xảy ra, mà lão trượng phải nặng lời như vậy.

Như được người "gãi đúng chỗ ngứa", nhà phong thủy dơ tay chỉ vào mấy ngôi mộ nằm giữa ruộng, gằn giọng !

- Đây, Đại nhân coi kìa ! Ai từng nghiên cứu về môn địa lý, cũng đều nhận thấy ngay được nơi tụ tập tinh khí của thửa đất, hay nói cho rõ nghĩa hơn : nơi quy tụ long mạch của ngôi đất quý !

Vậy mà người tìm đất, phụ trách về công việc phân kim, án hướng, lại lựa chọn chỗ quá cao kia, để an táng tám ngôi mả, thì quả là một chuyện lạ lùng ngoài sức tưởng tượng của những nhà địa lý chánh tông. Từ chỗ tám ngôi mả hiện thời đến nơi qui tụ long mạch, chỉ có chừng năm thước !

Nhà phong thủy, năm xưa, chỉ cần cho đào huyệt ở thửa ruộng thấp, là có thể táng mả trúng long mạch, tạo được sự kết phát vinh hiển hơn, oanh liệt hơn điểm phúc mà họ Nguyễn đã được hưởng thụ từ trước tới bây giờ.

Vị hưu quan tỏ ý hoài nghi :

- Lão trượng dạy thế, lão phu cũng biết thế thôi. Nhưng lão phu tin rằng : tổ tiên dòng họ Nguyễn, đa số là những danh nho, khoa bảng xuất thân, thấu triệt tinh tế lẽ huyền vi của môn địa lý, một khi đã tin tưởng vào sự lựa chọn của nhà phong thủy nào đó, ủy thác cho người ta trông coi một lúc tới tám ngôi mả, có tính cách quyết định vận mạng, phúc trạch của hàng mấy người, trong dòng họ, thì có lẽ đâu lại sai lầm cho được ?

Hơn thế, từ hơn một trăm năm nay, căn cứ theo lời ghi chú trong gia phả, đang còn lưu lại từ đường, do chính lão phu là chỉ trưởng gìn giữ, thì con cháu họ Nguyễn, ngay từ khi tám ngôi mả kia quán khí, đều phát tích, thi đậu, kế tiếp nhau làm quan, dù chẳng Tể Tướng, Trạng Nguyên, cũng nối đời Tiên sĩ, Cử Nhân, Tri Phủ, Án Sát...

Thầy địa lý trừng mắt nhìn quan Án Sát, đoạn cười nhạt trả lời :

- Đại nhân không tin ? Đó là quyền riêng của Đại Nhân ! Lão chẳng biết nói sao bây giờ ? Tuy nhiên, muốn cho Đại Nhân tin lời lão là xác thiết, chứ chẳng phải là lời viễn vong, vu khoát thốt ra trong một lúc cao hứng nhất thời, lão sẽ cắm một cành cây khô héo, có thể nói là một cành cây đã chết hẳn hoi, xuống chỗ có long mạch, lão vừa chỉ cho Đại Nhân coi, rồi sau ba ngày, ba đêm, đại nhân sẽ biết rõ ràng sự thực.

Nếu quả thực đó là nơi quy tụ long mạch, có đầy đủ khí thiêng nhật nguyệt, thì thời gian ba ngày, ba đêm, sẽ làm sống lại một cành cây khô héo, khiến cho cành khô đâm chồi, nảy lá, tươi tốt mơn mớn, như đang được sống trên cây đại thụ, trồng vào nơi đất màu mỡ, phì nhiêu.

Trái lại, nếu đúng long mạch đang quy tụ ở trên cao, nhằm chỗ an táng tám ngôi tổ mộ, thì cành khô sẽ vẫn khô héo cằn cỗi như lúc mới cắm xuống đất, chẳng tạo được một chút sinh khí nào hết !

Đến nước ấy, lão sẽ quăng bỏ tróc long, đập bể la kinh, để tự ý đi tìm nghề khác, chứ không còn mặt mũi nào, đóng vai thầy địa lý đi đâu.

CÀNH CÂY KHÔ ĐÂM CHỒI NẤY LỘC

Phóng thẳng luồng nhìn tuyến, vào giữa mặt vị hưu quan, nhà phong thủy gay gắt tiếp lời :

- Ngay cả đến Đại Nhân, người được lão vô cùng kính trọng về tiết tháo, văn chương, lại tiếp đãi lão cực kỳ trọng hậu, ngay từ buổi đầu tiên, hội ngộ, lão cũng xin thề độc : cương quyết giả từ đại nhân, để đi âm thầm ở một nơi nào xa xôi hẻo lánh !

Bao nhiêu tình nghĩa dang dở ngày nay, kiếp lai sanh chúng ta sẽ nối tiếp cho thỏa tình tri kỷ tương phùng !

Quan Án Sát cảm động trước lời tâm huyết chí tình của khách lạ, vội dơ tay phác một cử chỉ ngăn chặn, cất giọng trầm trầm như có vẻ ngẹn ngào, xúc cảm :

Lão trượng bất tất phải bị quan thái quá ! Lão phu sở dĩ phải phân trần khúc triết về những sự kiện kỳ dị bao phủ quanh tám ngôi tổ mộ, chỉ là muốn có dịp trình bày một sự thực hiển nhiên : đó là sự kết phát từ khi an táng những hài cốt ấy đến bây giờ, căn cứ theo gia phả dòng họ lão phu chưa hề có một đời nào bị gián đoạn trong khoa danh hay hoạn lộ ! Bảo rằng những ngôi mộ ấy bị sai long mạch, thì sao lại kết phát được tới mức độ ấy, Lão phu e sự tính toán xem xét của lão trượng có một phần nào sai lầm chăng ?

Thầy địa lý châu mày, lộ vẻ bất bình :

- Bất tất phải tranh luận làm chi, vô ích ! Đại nhân nếu chưa hoàn toàn tin tưởng những lời lão vừa trình bày, thâm tâm còn một phần nào hoài nghi, thắc mắc, thì lão xin hiến thêm một phương pháp thử thách nữa, tiến hành cùng một lượt với việc cắm cành cây khô xuống nơi hiện đang quy tụ long mạch do lão mới tìm được.

Đó là cách đem một thân cây hết nhựa, cắm xuống cạnh ngôi tổ mộ, nằm chính giữa khu ruộng này, thử xem sau 3 ngày, nó có tươi tốt, khôi phục được nhựa sống như cành cây trồng ở nơi lão chỉ định không ?

Vị hưu quan vui vẻ gật đầu tán thành ý kiến ấy, rồi nhanh nhẹn tiến thẳng đến bụi khúc tần trước mặt, dơ tay bẻ luôn hai cành ổi lớn, tuốt bẻ hết mầm, lá đi, đem về chỗ cũ, đưa cho nhà phong thủy xét nghiệm.

Hai người hì hục một lúc lâu, vẫn không làm cách nào trồng được hai cành cây, vì ngoài một chiếc khăn gói nhỏ trên vai thầy địa lý, cả hai người đều không ai mang theo một thứ dụng cụ gì, khả dĩ đào được hai hố sâu để trồng cây, như lời đề nghị của nhà phong thủy là ... Trồng hai cành cây xuống hai nơi xa cách nhau không quá ba sải tay : một cành ở giữa địa khu an táng tám ngôi tổ mộ nằm trên gò cao, một cành ở dưới ruộng thấp nơi chánh huyệt mà thầy địa lý vừa khám phá được.

Vừa dừng gót chân, nện chặt những tảng đất ẩm ướt gần đó, để cho hai cành cây tựa vào, nhà phong thủy vừa cất giọng gay gắt mỉa mai :

- Làm thầy thiên hạ kể ra cũng chẳng có chi là khó khăn cho nó lắm !

Chỉ cần chuẩn bị đủ lệ bộ : cỗ mua sắm cho kỳ được mấy cái tróc long, la kinh và vài ba cuốn sách, đem xếp gọn tất cả vào một chiếc khăn gói là đã có thể nghiễm nhiên vỗ ngực : tự xưng mình là địa lý chánh tông, tìm đất để ma cho mọi người một cách rất tự nhiên, làm như mình là con cháu những vị thánh sư địa lý, được thừa hưởng cả một kho tàng vô giá về môn phong thủy thần kỳ !

Ngừng lại một lát lão lui hẫn về phía sau ba bước, nghiêng nghiêng mái đầu bạc phơ, nhìn sững cành cây, đoạn quơ tay, như muốn diễn tả sự bất bình !

- Hừ, Thật là quái dị long mạch từ các phía đổ dồn cả về đây hết sức rõ ràng như thế này rồi mà ông " thầy gà mờ " nào đó lại còn nhận định sai lầm, đem tất cả tám ngôi tổ mộ táng hết ở phía trên, thì liệu có đáng tiếc không ở trời !

Nhưng sự sai lầm ấy, kể ra cũng còn tạm tha thứ được phần nào, chứ cái lối xếp đặt vị trí mộ phần, theo hình chữ nhất, thì... quả thiệt là bất khả thứ đã !

Chẳng cần phải bỏ công phu nghiên cứu, học hành về môn địa lý mới biết rõ, mà ngay đến những người chẳng bao giờ cầm đến cuốn sách, giảng dạy về các kiểu đất, với cách dò tìm long mạch, chánh huyệt, chỉ khê liếc qua địa hình, địa thế khu vực này, cũng nhận thấy ngay được tính cách cầu thả của ông thầy địa lý mà chẳng hề biết gì về môn địa lý !

Chính nhờ đây, lão mới nảy ra ý định tìm tới quý phủ để bàn luận với đại nhân hầu kiếm phương pháp cứu vãn cho tám ngôi tổ mộ đắc địa hơn, vì kiểu đất Phụng Hoàng Hàm Thu đầu có phải là một kiểu đất tầm thường, có thể tìm thấy được ở bất cứ chỗ nào, mà thực ra, nó có nhiều đặc điểm quý báu lạ lùng, dù không kết phát được tới đế vương, công hầu, khanh tướng song cũng làm đến Bồ Chánh, Ấn Sát, đời này qua đời nọ, kéo dài hàng vài trăm năm mới bị suy giảm lần hồi, nếu người để mà biết rành về khoa phong thủy.

Mới trông sơ qua hình thế khu gò Cốt Đàng với vị trí tám ngôi mộ, lão cũng tưởng nó chỉ phạm vào chút khuyết điểm tầm thường không đáng kể mà nếu có ảnh hưởng đến sự kết phát thì cũng chẳng gây được tai họa chi nặng nề, khả dĩ làm tổn thương cho con cháu dòng họ Nguyễn sau này.

Nhưng quả thực là một việc quá bất ngờ, khi lão có cái may mắn được theo hắc Đại Nhân hôm nay, qua vùng này, vì nhờ đó lão mới có cơ hội thuận tiện quan sát kỹ lưỡng, toàn thể khu cánh đồng xứ Cốt Đàng, để nhận chân ra sự sai lệch, không những về vị trí an táng, mà còn luôn cả đến long mạch nữa !

Mà nói đến long mạch, thì Đại Nhân hắc cũng hiểu rằng : đó là vấn đề then chốt, một yếu điểm cực kỳ của môn địa lý !

Bất cứ ai, một khi đã am hiểu khoa phong thủy, cũng đều phải công nhận một sự thật hiển nhiên : tay long, tay hổ, minh đường, án, trảm v.v...tất cả các điều kiện cần thiết của một mộ phần đắc địa, dù cho có đủ hết cả, mà chỉ sai lệch chánh huyệt, hài cốt không táng được đúng vào nơi quy tụ long mạch, thì nhất định ngôi mộ ấy chẳng còn mong gì kết phát được nữa !

Trái lại, có khi còn gây thêm sự động trệ, nguy hại cho gia đình mộ chủ là khác !

Hậu quả ấy, chính là do âm công phúc trạch của tiền nhân, cũng như của chính bản thân mộ chủ, hãy còn đơn bạc quá, chưa đáng được hưởng ân huệ của Phật Trời, nên Tạo Hóa an bài, mới xui khiến cho mộ phần táng không nhằm chánh huyệt !

Tính cách quan trọng của sự dò tìm chánh huyệt, đã làm cho lão nhớ đến công trình học tập

năm xưa về môn địa lý : Suốt ngày lão phải dò xét, tìm kiếm cho được những đồng tiền điều, dấu kín dưới các mâm gạo, mà sư phụ lão, đã dàn xếp, bố trí theo hình thể núi sông, gò đồng, ruộng nương để giảng dạy học trò.

Khi nào tìm thấy được đủ cả trăm lần, không sai lệch một lần nào, dù chỉ cách nhau một đường tơ, một sợi tóc, lúc bấy giờ mới được kể là thành tài, có đủ điều kiện đi để mả cho thiên hạ !

Trong những ngày đầu, thấy địa hình, địa thế, do sư phụ lão bày ra trên mâm gạo, không có gì khó khăn lắm, lão cũng như các bạn đồng môn hết thấy đều coi thường, nhiều khi đùa nghịch bịt mắt lại, cũng kiếm được ngay tức khắc đồng tiền điểm dấu tại chánh huyệt !

Nhưng rồi, địa thế, địa hình, theo đà tiến bộ của sự học hỏi, cứ mỗi ngày một phức tạp thêm, bí hiểm thêm, đòi hỏi lão cùng các bạn đồng môn phải khổ công nghiên cứu, đến quên ăn, quên ngủ mỗi khi gặp phải những kiểu đất lạ lùng, hóc hiểm.

Kiểu đất Phụng Hoàng Hàm Thụ này, cũng thuộc vào loại bí hiểm mà lão vừa trình bày, nên có lẽ vì thế, thầy địa lý nào đó, năm xưa, mới mắc phải những lỗi lầm đáng tiếc !

Tuy nhiên, ở trên cõi đời, nếu đã có bệnh trọng thì lẽ tất nhiên cũng phải có thuốc hay !

Đây là công lệ của Tạo Hóa !

Người ta chỉ lo không biết rõ căn bệnh, không biết đích xác bệnh chứng phát ra từ đâu, chứ nếu đã tìm được rành mạch bệnh căn, thì nhất định, sự điều trị không còn phải là chuyện viễn vong nan trị nữa !

Tám ngôi mả của dòng họ Nguyễn cũng vậy !

Nhà phong thủy ngày xưa đã tìm được đúng kiểu đất quý, xứng đáng là thầy địa lý chính tông, nhưng tiếc thay, lại táng sai chánh huyệt, khiến cho long mạch chảy dồn cả xuống phía dưới .

Tám bộ hài cốt chôn ở khu ruộng trên cao, vì vậy, chẳng có ngôi mả nào được long mạch tưới vào.

Sự kết phát nếu có, hẳn chỉ là nhờ những khí thiêng tỏa ra, tạo ảnh hưởng ít nhiều cho cho các mộ phần kế cận !

Trước những lý luận đanh thép, và lời phán đoán sâu sắc, minh bạch của khách lạ, vị hưu quan cảm thấy kính phục nhà phong thủy một cách chân thành, coi lão như một nhân vật phi thường, thông kim, bác cổ !

Quan Án Sát gạt bỏ tất cả những ý nghĩ không tốt đẹp đối với thầy địa lý, hoàn toàn tin tưởng vào khả năng của khách lạ để xoay sở, thay đổi một tình trạng có thể gọi được là vô cùng trở ngại cho con cháu họ Nguyễn ở làng Báo Văn.

Nghĩ thế, rồi vị hưu quan không chút ngần ngại gì, hướng thẳng vào nhà phong thủy mà chấp tay kính cẩn nói rằng :

- Được lão trượng giảng dạy cho nghe những lời vàng ngọc, lão phu như kẻ tối tăm, được vén mây, thấy ánh mặt trời !

Càng nghĩ, lão phu lại càng thêm cảm ân huệ của Phật Trời, đã dung rui cho lão trượng dời gót ngọc đến đây, ban phúc trách cho lão phu và luôn cả con cháu dòng họ Nguyễn ở làng Báo Văn !

Lão phu chẳng còn biết dùng lời lẽ gì để chứng tỏ lòng tri ân chân thành của lão phu đối với một bậc cao hiền có chân tài thực học như lão trượng !

Vậy chỉ xin kính cần nhờ lão trượng mở lượng hải hà, thay đổi lại chiều hướng cho ngôi tổ mộ của lão phu được yên vị như như lời tiên nhân ghi chú trong gia phả, thì ơn ấy, lão phu thề chẳng bao giờ dám lãng quên !

Hai người nhìn nhau, cùng mỉm cười, rồi bất giác nắm chặt lấy tay nhau, xiết mạnh, như muốn truyền vào cơ thể của nhau, niềm thông cảm sâu sa giữa đôi bạn già, dù chỉ mới gặp nhau trong buổi sơ giao, nhưng lại biết trọng nhau vì nết, quý nhau về tài, qua những thử thách gay go phức tạp !

Trông được hai cành cây khô xuống đất ở hai địa điểm khác nhau, nhưng vẫn không cách xa nhau tới ba sải tay, tuy không phải là việc khó nhưng tuổi già sức yếu, hai người đành rủ nhau, men theo đường cũ, trở về trong làng để gọi thêm một tên gia nhân trong nhà quan Án ra giúp sức.

NGƯỜI TÌM RA KIỂU ĐẤT PHUNG HOÀNG HÀM THU QUẢ NHIÊN BỊ MÙ THIỆT

Nội bọn trở lại cánh đồng có chôn tám ngôi mã thì mặt trời đã đứng bóng.

Tám gia nhân lực lưỡng, không hề phí một chút giây nào vô ích, ngay khi được nhà phong thủy chỉ cho biết chỗ phải đào để trồng hai cành cây khô, vội bắt tay ngay vào công việc một cách rất mai mê, chăm chú.

Mới trông toàn thể cánh đồng, ai cũng tưởng đất ở nơi này cũng không đến nỗi khó đào cho lắm, nhưng chỉ nhìn qua những nét nhăn nhó, in hằn trên khuôn mặt đen sạm của tên gia nhân từ khi y vừa đào hết được lớp đất thứ nhất, sâu chưa tới một thếp mai, những người đứng gần đây, cũng đều biết là y đang gặp phải loại đất cứng rắn, dù chẳng bền bỉ như đá, gạch, song cũng tốn nhiều công phu mới có thể đào sâu được gần tới long mạch, như lời căn dặn của thầy địa lý. Đào xong được chiếc hố sâu thứ nhất ở trên gò cao để chôn cành cây khô, thử xem khu vực này có đúng thiệt là linh địa không thì đã sang giờ Mùi khá lâu.

Tên gia nhân lại cắm cúi đào thêm hố thứ hai ở dưới ruộng thấp, nơi thầy địa lý cả quyết là đang tập trung tất cả linh khí và long mạch của kiểu đất Phụng Hoàng Hàm Thư.

Mặt đất chỗ này mới đào có vẻ như dễ dàng lắm, vì tên gia nhân chỉ cần ấn nhẹ lưỡi mai xuống cũng đã bắt sang bên cạnh được một tảng đất khá to.

Nhưng càng đào sâu xuống phía dưới, đất lại càng như khô quánh, rắn chắc lại, đến nỗi người lực điền có hai cánh tay gân guốc nổi lên cuộn cuộn như thừng chân, mà cũng phải mím môi, nín thở, dồn hết cả sức lực vào cán mai, mới đào được những miếng đất nhỏ không bằng nửa viên gạch chỉ !

Vị hưu quan và thầy địa lý đứng gần đây, hình như thông cảm nỗi khó khăn vất vả của tên gia nhân đã luôn miệng khuyến khích y, và thay đổi nhau, kể lại những chuyện cổ tích ân đền oán trả, ở hiền gặp lành, ở ác gặp dữ cho y nghe, hầu y tạm lãng quên sự khổ cực, để mong hoàn thành cho chóng xong công việc, vì thực ra, hai người mãi mê đi quan sát kiểu đất suốt từ sáng, cũng đã cảm thấy mỏi mệt lắm rồi !

Đúng lúc hai người đang uể oải vươn vai ngáp dài tỏ vẻ mệt nhọc sau gần nửa ngày đi đứng vất vả thì tên gia nhân chợt kêu to một cách cực kỳ sùng sốt :

- Ô này lạ ! Có cái gì đây này các Cụ ơi !

Tiếng kêu giật giọng của người lực điền đã khiến thầy địa lý giật mình, cặp mắt đang nặng trĩu như có vẻ buồn ngủ ghé ghớm của lão chợt mở to thao láo hẳn ra, rồi không cần chờ coi thái độ của quan Án Sát hưu trí, lão nhảy ngay đến bên hố sâu hấp tấp hỏi vội :

- Có chi lạ mà chú em la hoảng thế hử ?

Tên gia nhân vẫn chăm chú thận trọng đưa nhẹ lưỡi mai đào sâu thêm chút nữa, không buồn ngẩng đầu lên, mà chỉ trả lời cộc lốc :

- Không biết là cái gì ? Hình như là viên đá thì phải...

Vị hưu quan cũng đã theo kịp bạn, đứng sát bên mình thầy địa lý, rồi cả hai cùng nghiêng đầu, phóng một lượt bốn luồng nhìn tuyến, theo đà chuyển động của lưỡi mai sắc bén sáng ngời. Anh lực điền bỗng quăng chiếc mai lên mặt đất, cúi rạp người xuống, lấy tay bới những mảnh đất vụn, gạt ra chung quanh, để lộ ra một màu trắng đục, khác hẳn màu đất thịt pha trộn cát sỏi ở phía trên.

Hai ông già bất giác cùng reo lên một lượt.

- Đúng là có tảng đá thật rồi.

Trong lúc tên gia nhân phải tay đứng thẳng dậy, nhìn hai người như có ý thăm hỏi anh ta phải làm gì bây giờ, thì thầy địa lý đã đồng giọng nói to :

- Cứ trông qua tình hình, tảng đá này chắc cũng khá to, chứ chẳng phải tầm thường đâu ? ta bắt buộc phải đào lên cho kỳ được để bỏ đi, thì mới có thể trồng được cảnh cây vào đúng nơi có long mạch quy tụ.

Vậy chú em hãy chịu khó đào rộng ra chung quanh, theo diện tích tảng đá xem sao ?

Người lực điền không nói gì, lẳng lặng quơ ngay lấy cái mai, cặm cùi làm theo lời sai khiến của nhà phong thủy.

Bề mặt phía trên tảng đá không to lắm như sự tiên đoán của thầy địa lý, vì tên gia nhân chỉ đào rộng ra bốn phía, bằng diện tích một cái thúng lớn, đã thấy lộ ra đầu một tấm bia đá.

Hắn lại tiếp tục đào sâu xuống, bới gạt đất sang hai bên để moi hẳn tấm bia lên.

Hai Ông già thấy dưới lòng đất khu Phụng Hoàng Hàm Thụ có tấm bia đá, biết trước là sẽ có những chuyện bất ngờ kỳ dị lạ lùng sắp xảy ra, nên cũng mất hết vẻ mặt nhọc, uể oải lúc trước, nhìn chòng chọc cả xuống hố sâu, theo dõi từng tảng đất của người lực điền sấn ra.

Đào sâu thêm chừng ngót một thước nữa (thước ta) thì tên gia nhân có vẻ thấm mệt, mồ hôi chảy giòng giòng trên hai gò má, chiếc áo cánh nâu dày cộm ướt sũng như vừa ngâm dưới nước đem lên, anh ta thở phì phò, dồn dập in hệt người vừa bắt buộc phải nín hơi, để vận dụng hết sức lực, chạy thi một quãng đường dài !

Tên gia nhân chống cán mai, đứng lặng người nhìn sừng tấm bia đá như muốn ước lượng xem bề sâu của nó còn độ bao nhiêu nữa, rồi thần thờ đưa cặp mắt ngao ngán nhìn trộm chủ nhân.

Vị hưu quan bất chợt bắt gặp cái nhìn thất vọng, mệt mỏi ấy của người lực điền, hiểu ngay tâm trạng anh ta, liền nói với nhà phong thủy :

- Cứ xem qua tấm bia, lão phu tin chắc rằng nó còn được chôn sâu hơn nhiều nữa ! Mà tên gia nhân thì lại có vẻ mệt mỏi lắm rồi ! Vì vậy, lão phu thiết tưởng chúng ta nên tạm hoãn việc làm trong chốc lát, để cho nó về nhà, gọi thêm vài người nữa ra giúp sức.

Như thế, có lẽ vừa chóng xong, lại vừa đỡ cho tên gia nhân được một phần nào sự nhọc nhằn vất vả.

Tuy nóng ruột, muốn biết ngay xem tấm bia đá có những chữ chi kỳ lạ, nhưng trước những lời lẽ chí lý, rất xác đáng của vị hưu quan, nhà phong thủy tự xét, không còn có một giải pháp nào khác, đành phải miễn cưỡng gạt đầu.

Quan Án Sát liền vỗ vai người lục điền, giọng thân mật :

- Mi khá về trong nhà, kêu ra đây hai người nữa, với đủ các thứ thuốc, cuốc, nghe ! Mau lên, kéo mặt trời sắp xế bóng rồi đây !

Tên gia nhân, dạ một tiếng rồi lanh lẹ nhảy khỏi miệng hố sâu, vừa đi vừa rũ những lớp đất cát bám đầy bộ quần áo nâu dày cộm !

Thầy địa lý kín đáo, liếc trông vị hưu quan, đang đi đi, lại lại chung quanh chiếc hố đào dở, mắt không rời khỏi tảng đá nằm im lìm ở giữa đồng đất ngổn ngang.

Lão hiểu rõ hơn ai hết, sự nóng lòng, sốt ruột của quan Án Sát hưu trí !

Vì mới mấy giờ trước đây, không nghe lão tỏ ý lo ngại về nạn đất rắn, không thể nào, chỉ dùng tay không mà trồng nổi được hai cành cây xuống tận nơi có long mạch đang quy tụ, vị hưu quan cũng nhất định không chịu nghe lời, cứ cương quyết đòi trồng ngay cho kỳ được.

Nhưng loay hoay, soay sở mãi, hai cành khô vẫn nghiêng ngã muốn đè rạp cả về phía trước, khiến ông ta cuống quýt, phải vội vàng dùng gót chân, nện mạnh chung quanh gốc cây khô, mong nó có thể đứng vững được.

Nhưng chỉ trong chớp mắt, nó lại lao đảo theo chiều những cơn gió giật và cuối cùng bật tung hẳn lên, kèm theo ít mảnh đất vụn !

Thầy đã tốn công: Ba lần trồng xuống mà cả ba lần đều bật tung cả lên, vị hưu quan mới chịu trở về gọi người nhà ra giúp sức.

Vậy mà có ai ngờ đâu, đất nơi đây chẳng những đã pha cát sỏi, rắn chắc như gạch ngói, mà mới đào hố tới nửa chừng, lại còn gặp phải một tảng đá khá to ngăn chặn, khiến cho một tên gia nhân lực lưỡng, vẫn không đủ sức làm được trọn vẹn công việc : đào tám bia đem lên cho mọi người xem, để lấy chỗ trồng cành cây khô, thử coi chỗ này có long mạch thật không, hay đó chỉ là lời úc đoán vu vơ của nhà phong thủy ?

Phải cho tên gia nhân chạy về kêu thêm hai hay ba người khỏe mạnh nữa đến giúp sức, thầy địa lý hiểu rõ nỗi khổ tâm của vị hưu quan trong sự đợi chờ bất đắc dĩ này lắm, vì mộ chủ rất băn khoăn về những việc xảy ra, nhất là muốn biết ngay tức khắc xem tám bia kỳ lạ kia có viết những chữ gì ? Liệu có liên can chi tới sự kết phát của dòng họ Nguyễn hay không ?

Quan Án Sát hưu trí đi quanh chiếc hố đào dở không biết đã đến mấy chục vòng rồi, mà trí óc hình như vẫn còn trĩu nặng niềm ưu tư, phiền muộn, nên ngao ngán, tiến đến bên cạnh nhà phong thủy, hỏi vội, sau một tiếng thờ dài não ruột :

- Lão trượng tính sao về tám bia quái dị kia ? sao nó lại nằm trong khu vực an táng mộ phần họ Nguyễn ?

Liệu nó có dính líu chi đến kiêu đất Phụng Hoàng Hàm Thụ không ? Do ai khắc bia với chôn bia hờ lão trượng ?

Trước những câu hỏi dồn dập, đượm vẻ lo âu, bắn khoăn đến tột độ của vị hưu quan, nhà phong thủy như cảm thấy ái ngại, rồi bất giác, nắm chặt lấy bàn tay khẳng khiu, nóng hổi như bàn tay một người đang lên cơn sốt trầm trọng mà an ủi rằng :

- Đại nhân bất tất phải băng khoăn; thắc mắc làm chi cho hao tổn tinh thần. Bất cứ việc gì, dù lớn nhỏ tầm thường hay quan trọng đến đâu, cũng đều do sự an bài của Tạo hóa, thu gọn trong luật nhân quả của Phật Trời !

Sức người dù mạnh thế nào, cũng không sao cưỡng lại được ?

Việc phải đến, sẽ đến ! Người hiền lương có bao giờ gặp phải tai ương đâu ? Dòng họ Nguyễn, từ bao đời nay, được nối tiếp hiển vinh, dù là bằng có hiển nhiên do âm công tích thiện của các Cụ nhà ta ngày xưa cấu tạo nên !

Đại nhân có thể vững tin vào đấy, mà trau dồi tô điểm thêm cho âm đức được cao dày hơn nữa thì lo gì con cháu không được nối đời hưởng thụ giàu sang !

Quan Án Sát hưu trí, tươi nét mặt hơn hờ tạ rằng :

- Đội ơn lão trượng chỉ dạy, lão phu như người đang đi trong đêm tối, được vén mây trong thây thái dương ! Nhờ có những lời vàng ngọc ấy, từ nay lão phu có thể vui sống theo số mạng, lấy việc tu thân, tích đức làm phương châm duy nhất và lẽ sống tối thượng ở đời, hy vọng con cháu sau này, nở mày, nở mặt được với thiên hạ !

Hai người còn đang mải mê đàm đạo, thì từ xa, ba người lực điền đã vác cuốc, vác thuổng lần theo con đường đất gồ ghề ra khỏi cổng làng rồi men bờ ruộng, lầm lũi đi tới.

Ra đến nơi, mấy chú gia nhân, không chịu bỏ phí một giây phút nào bắt tay ngay vào công việc, phân công nhau kê đào đất người xúc đất lên miệng hố.

Chỉ chừng đầu giờ Thân, toàn thể tấm bia đá phơi hắt mình dưới ánh hoàng hôn êm dịu.

Nhưng ba người lực điền bỗng cùng một lúc kêu lên hoảng hốt :

- Ô hay, Sao lại thế này ? Không phải chỉ có một tấm bia mà thôi đâu ? Hình như còn có cả một tảng đá lớn nữa, nằm ngang ở dưới đáy này các Cụ ạ !

Hai ông già cùng nhảy vội xuống hố, cúi rạp mình quan sát, thì thấy rõ ràng tấm bia, bề cao độ thước rưỡi (ta), bề ngang chừng một thước, được đặt dựng đứng trên một phiến đá to hơn nhiều.

Chân bia được lồng hắt vào phiến đá lớn, bằng một lỗ đục vừa vặn, như người đóng mộng

kẹp vào, mà đất cát, qua năm tháng thời gian, đã nêo chặt lại, vững vàng, kiên cố còn hơn gắn bằng các chất vôi cát pha trộn với mật, mà các cụ ngày xưa thường dùng xây cất nhà cửa, bể đựng nước v.v...

Mấy chú lực điền xúm nhau lại, mím môi nín thở cùng vận dụng toàn lực cố lay tấm bia, định nhấc bổng hẳn lên trên mặt đất, nhưng vô ích, tấm bia vẫn đứng trơ không nhúc nhích, hàn gắn liền với khối đá nằm ngang, toàn thể chỉ là một phiến, được chia ra làm mấy bộ phận khác nhau.

Với dáng điệu bồn chồn khắc khoải của một người nóng nảy, vị hưu quan không cần câu nệ, giữ gìn phong độ oai nghiêm, bề vệ lúc thường nhật, ngồi xổm luôn dưới hố sâu, lấy tay thoa đi, thoa lại nhiều lần lên mặt tấm bia, cố ý muốn đọc ngay những dòng chữ chi chút, ghi trên, xem người chôn bia viết những gì, có dụng ý gì mà lại chịu tốn công, chôn tấm bia một cách cực kỳ bí mật như thế ?

Song mặc dầu đã lau chùi rất kỹ lưỡng, hai bàn tay gầy đét nhăn nheo, chỉ còn trơ da với xương của quan Án Sát hưu trí, lại bị đỏ ửng, sưng phồng lên nhiều chỗ vì bị cọ sát mạnh trên một vật cực kỳ cứng rắn, vị hưu quan vẫn không sao đọc được chữ nào, ví ánh sáng buổi hoàng hôn dưới hố sâu, không đủ soi rõ những hàng chữ đục trên đá, mà hầu hết những nét ngang dọc, chằm phẩy đều bị bùn đất che lấp, sờ lên chỉ thấy nhẵn lỳ và mát rượi, cơ hồ như một tấm ván mới được bào gọt rất tinh vi kỹ lưỡng !

Đứng vụt thẳng người lên, quan Án Sát lắc đầu, nói qua giọng tức bực :

- Không đọc nổi chữ nào hết ! bây giờ bọn mình phải ráng sức, đào rộng và sâu thêm chút nữa đi ! Mau tay lên kéo không kịp đó !

Ba chú lực điền, thấy chủ cau có, cũng có ý sợ hãi, vội hè nhau tiếp tục làm việc.

Với tất cả sức cố gắng, bọn gia nhân cũng hăm hở, kẻ đào, người xúc, chẳng chút nề hà, quàn ngại, nên chỉ một lát sau, toàn thể tảng đá đã lộ hẳn ra.

Thì ra đó là một con rùa khá lớn tạc bằng một phiến vân thạch tuyệt đẹp, mà trên mai rùa, có đục một lỗ thủng, vừa vận đủ chỗ để đặt tấm bia.

Phải tốn nhiều công phu, mãi tới gần tối, sáu người lực điền mới đem được "con rùa đội tấm bia đá " lên khỏi hố sâu, để sau khi lấy nước lau chùi thật sạch sẽ kỹ lưỡng, quan Án Sát và thầy địa lý mới sai gia nhân đốt đuốc lên, để cùng đọc những hàng chữ viết theo đủ các kiểu : chân, thảo, triện, lộ, nét bút tung hoành như rồng bay, phượng múa !

Dưới ánh mấy bó đuốc làm bằng nhựa thông, bốc cháy ngùn ngụt, soi sang cả một vùng đồng ruộng, gò đồng chập trùng, thầy địa lý cất cao giọng đọc :

" Ngũ bách niên chi tiền , mạch tại thượng "

" Ngũ bách niên chi hậu, mạch tại hạ "

" Vị thù vô mục, quả vô mục dã "

Phía dưới có mấy hàng chữ nhỏ :

" Dương Đức nguyên niên "

" Thanh Lã bi ký ".

Đọc xong mấy hàng chữ trên bìa, quan Ân Sát hưu trí mỉm cười, liếc mắt nhìn trộm thầy địa lý.

Nhưng nhà phong thủy, ngay từ khi mới được đọc hết mấy hàng chữ lớn, đã đỏ bừng mặt mày, mồ hôi ướt đầm trán mặc dầu gió đêm ở cánh đồng mông mênh hiu quạnh, thổi tới ào ào lạnh buốt, làm tê dại cả thịt da những thanh niên cường tráng !

Lão lẩm bẩm :

- Hừ ! Lạ thật ! Thế này là nghĩa lý gì ? Chẳng lẽ cụ Thanh Lã từ mấy trăm năm trước, lại có thể biết được đích xác là long mạch kiểu đất Phụng Hoàng hàm Thụ bắt đầu từ ngày này, tháng này, năm này, lại di chuyển từ trên cánh đồng cao quy tụ xuống cả dưới ruộng thấp sao ?

Thật là khó hiểu !

Nhà phong thủy cứ lẩm bẩm đọc đi, đọc lại mãi mấy hàng chữ trên tấm bìa, trí óc hoang mang, vẫn vương trăm ngàn câu hỏi, cơ hồ lãng quên cả những người đứng chung quanh.

Cho mãi đến lúc quan Ân Sát lên tiếng hỏi, lão mới gạt mình, băng khuâng như đang chìm đắm trong một giấc mơ quái dị.

Lão trượng nghĩ sao về tấm bìa này ? Chẳng lẽ cụ Thanh Lã, từ mấy trăm năm trước, đã tiên đoán được sự di chuyển long mạch, từ trên cao xuống dưới thấp sao ?

_ Thầy địa lý ngơ ngác nhìn bạn đáp bằng giọng câu kinh, tức bực :

- Thì bằng có hiển nhiên đấy rồi, Đại nhân còn nghi ngờ chi nữa ! Cụ Thanh Lã năm xưa, nếu không biết rõ ràng thế vận chuyển của long mạch, thì sao cụ lại bí mật chôn tấm bìa này, để gián tiếp báo cho người đời biết rằng : từ mấy trăm năm trước cũng đã có một vị thánh sư địa lý, quán triệt địa lý của luật âm dương, thông suốt được sự hưng vong, thịnh suy, bi thái của các dòng họ...

Đoạn thở dài nảo nuốt, nhà phong thủy chép miệng, vừa lắc đầu, vừa ngao ngán nói tiếp :

- Lão nghĩ lại mà thấy hổ thẹn vô cùng ! Minh tài học vốn không bằng ai, sự hiểu biết lại cũng chỉ thu hẹp trong phạm vi mấy cuốn sách : chi hồ giả giả, cũ rích, vậy mà trong lúc

bồng bột sôi nổi, lại dám lớn tiếng chỉ trích, chê bai cả cổ nhân, tài năng, đức độ, xứng đáng là bậc thầy của mình, thì quả thật là mình ngu dốt lạ lùng, nếu không phải là đứa ngông nghênh thì cũng chẳng khỏi mang tiếng cuồng ngôn, loạn ngữ, làm trò cười cho người thức giả !

Rồi, vò đầu, bứt tai, mắt môi đỏ gay như người say rượu, thầy địa lý lâm bầm như chỉ muốn nói riêng với chính mình :

- Hừ ! thiệt không còn trời đất nào ?

Mình ngốc nghếch đã chẳng tự biết thân, lại dám công khai mở miệng phê bình người tìm được kiêu đất Phụng Hoàng Hàm Thụ là đồ mù, đồ hữu nhãn vô châu, thì hỏi còn gì điên rồ hơn nữa không ?

Như chợt nhớ tới một điều gì quan trọng, thầy địa lý vội cúi sát đầu gần chạm mặt tấm bia đá, hai ba lần giụi mắt chăm chú, đọc đi, đọc lại câu cuối cùng :

"... Vị thủy vô mục, quả vô mục dã " Rồi lại lâm bầm tự hỏi :

- Thế là nghĩa thế nào ? Người viết văn bia có dụng ý gì, khi trách thiên hạ bảo mình mù rồi lại chính tự nhận mình là... không có mắt thiệt ?

Sao lại có chuyện rắc rối kỳ dị như vậy ? Khó hiểu quá trời đất ơi !

Thấy người bạn già đột nhiên đổi hẳn thái độ, đang hiền hòa vui vẻ, bỗng biến thành buồn phiền, ủ rũ, hết nói lâm bầm một mình, lại đến kêu trời, kêu đất, giọng điệu cực kỳ chán nản, thì kinh ngạc, nhìn sững nhà phong thủy với nét mặt lo âu, sợ hãi, rụt rè, mãi mới dám đặt nhẹ bàn tay khẳng khiu của mình lên trên vai bạn, dịu dàng cất tiếng :

- Lão trượng có điều chi bất như ý, mà thần sắc lại vụt biến đổi nhanh chóng dị thường như thế ? Vào cỡ tuổi chúng mình mà lo buồn thái quá lão trượng há không sợ hao tổn tinh thần sao ?

Thầy địa lý có vẻ xúc động trước sự săn sóc chu đáo của bạn cũng vội đưa bàn tay run run xiết chặt lấy cánh tay của vị hưu quan, như muốn biểu lộ niềm thâm cảm sâu sa, rồi mới chậm rãi trả lời :

- Lão không buồn phiền sao được khi nhớ tới thái độ ngạo mạn, và lời nói hỗn xược của mình hôm trước trong lúc đại nhân đưa lão đi phúc lại mấy ngôi tổ mộ ở cánh đồng xứ Cốt Đàng ?

Đem rìu múa rối ở trước cửa Lỗ Ban, lão đã làm một việc rất vô ý thức, mà nếu lọt tai các bạn đồng nghiệp, lão tránh đâu cho khỏi mang tiếng là người thiển cận ?

Lão không còn biết làm cách nào, để có thể tạ tội được với cổ nhân ?

Mà nào đã hết đâu ? Mấy câu đầu khắc trên bia đá, nói về sự chuyển dịch của long mạch : năm trăm trước long mạch quy tụ ở trên cao, còn năm trăm sau, long mạch lại quay chiều, quy tụ ở dưới thấp, thì ý nghĩa đã rõ ràng lắm rồi !

Chẳng cứ chúng ta, mà có thể nói là bất cứ ai ai, một khi đã học hết cuốn Tam Tự Kinh, cũng đều hiểu được rành mạch ý nghĩa của văn bia. Nhưng còn câu nói cuối cùng thì sao ?

Đại nhân thử đọc kỹ lại một lần nữa, rồi cho lão phu biết qua tôn ý ?

Vị hưu quan không nói gì, cẩn thận đọc từng chữ, như cố tình nghiền ngẫm toàn thể bản văn, muốn tìm một ý nghĩa xác thực về câu cuối cùng, xem nó có liên quan gì đến khu đất quý có táng tám ngôi tổ mộ của họ Nguyễn ở làng Báo Văn không ?

Nhưng không ? Càng đọc, quan Án Sát càng đi sâu vào sự băng khuâng, hoang mang, chẳng biết đâu mà phỏng đoán nữa.

Nếu nói rằng thiên hạ bảo người tìm được kiêu đất Phung Hoàng Hàm Thư là...mù, không biết long mạch quy tụ ở phía ruộng thấp, lại đem táng một lúc cả tám ngôi tổ mộ ở trên đồi cao, hai địa điểm dù chỉ cách nhau vài sải tay, song ảnh hưởng kết phát, nếu đúng như lời tiên đoán, sẽ khác biệt nhau một vực, một trời, nhưng sao chính thầy địa lý, người tìm được kiêu đất ấy cũng tự nhận mình không có mắt !

Thật là vô cùng kỳ dị, khó hiểu lạ lùng !...

Làm nghề gì mà thiếu cặp mắt tinh tường cũng còn không phân biệt được sự xấu tốt, đẹp đẽ, hay thô sơ, chứ một khi đã đi tìm đất để mả cho thiên hạ mà không may lại bị mục tạt, hai mắt không trông thấy thì còn biết đâu là tay long, tay hổ, nơi nào là chánh huyệt để ban phước lành cho mộ chủ ? Vậy mà trên văn bia, chính nhà phong thủy, sau khi phiên trách thiên hạ bảo mình là " đồ không có mắt " lại cũng tự nhận luôn mình quả nhiên không có mắt thật thì còn biết thế nào mà xét đoán nữa ?

Trong lúc hai ông già mãi suy nghĩ trầm ngâm về ý nghĩa mấy câu văn bia hóc hiểm, mà chưa tìm được một lời giải đáp nào khả dĩ gọi là vững vàng, chắc chắn, thì đám thanh niên trong dòng họ Nguyễn, ngồi xúm quanh con rùa đá, người thì tò mò lấy lưỡi dao nạy đất ở chung quanh chân tấm bia, người thì đưa tay vào mồm rùa, sờ nắn coi có chi khác lạ ở phía trong không, chàng trai thứ ba chột đưa tay lay mạnh tấm bia, thấy tấm đá nặng nề chuyển động thì kêu lên sững sốt :

- Tấm bia chỉ gắn trên mai rùa thôi, chứ không phải là một khối nguyên vẹn với con rùa đâu ?

Nghe chàng trai này nói thế, thanh niên đang dùng lưỡi dao nạy đất ở chân tấm bia, vội nhanh tay cạo mạnh thêm.

Đồng thời, tên gia nhân kia cũng tiếp tay, giúp sức bạn.

Chỉ trong chốc lát, họ đã lấy ra được tất cả đất bùn, cát sỏi, bám chặt dưới chân bia, nên tấm đá đang dựng đứng, bỗng nghiêng hẳn về phía trước.

Ba thanh niên vội đứng vùng dậy, đỡ lấy tấm bia, khiêng đặt ra bên cạnh.

Trên mai rùa lớn, lúc bấy giờ, để lộ ra một hóc to đen ngòm.

Thầy địa lý không mãi mê theo dõi những dòng chữ trên văn bia, mà lại cúi đầu nhìn xuống mai rùa.

Chợt lão thò tay vào hóc sâu, lôi ra một ống đồng dài chừng hai gang, chung quanh sét rỉ, nham nhở, chứng tỏ chiếc ống này nằm trong lòng rùa đá cũng khá lâu ngày !

Loay hoay mãi, thầy địa lý vẫn không sao mở được nắp chiếc ống đồng quái dị, chỉ không to hơn miệng cái chén cỡ trung bình, nhưng sét rỉ lại bám đầy, không còn phân biệt phía nào là đáy, phía nào là nắp nữa.

Một chàng trai đứng gần đấy, thấy thế, liền lễ phép xin lão trao lại mình chiếc ống, để anh ta dùng đá sỏi đánh kỹ lên lớp đồng hoen rỉ thì có thể mở được dễ dàng.

Quả nhiên chỉ trong chốc lát, chiếc ống đồng bản thiêu, như nhớp đã biến thành một chiếc ống xinh xắn với nước đồng bóng lộn, sáng như gương, làm nổi bật một đường hằn nhỏ như sợi tóc, ngăn cách hai phần : nắp và đáy chiếc ống !

Thầy địa lý phải lấy lưỡi dao mỏng, luồn theo đường hằn nhỏ kia, để cạo dần những đất cát bám ở phía trong, hầu như được kết tụ lại có vẻ rắn chắc, không kém gì một chất nhựa đặc biệt, mà cổ nhân vẫn dùng để hàn gắn các loại kim khí, hay đồ sành sứ vậy !

Khi chiếc nắp đồng được bật tung ra, hai ông già lại càng kinh ngạc hơn nữa, vì người nào cũng yên trí rằng sẽ được trông thấy một bảo vật kỳ lạ chỉ đó ở bên trong. Nào ngờ đâu phía trong lại chỉ có một chiếc ống tre già nữa, bọc sáp khá dày, bao quanh khúc tre giống hệt như ruột khúc cây bào gọt nhẵn nhụi.

Mọi người truyền tay nhau xem xét khúc cây rất kỹ lưỡng một lúc lâu, mới lấy dao, gạt bỏ lớp sáp ngoài, để lộ ra một lần giấy bản phết nhựa cây và nhựa sơn đen kịt, láng bóng như quang dầu.

Trong lúc thầy địa lý còn đang ngẫm nghĩ, muốn tìm đầu mối của cuộn giấy nhựa để mở ra cho dễ, thì vị hưu quan chừng như nóng ruột, không thể nào chờ đợi được lâu nữa, liền mạnh tay dần lấy lưỡi dao của chàng thanh niên đứng kế cận vạch thẳng một đường dài từ trên xuống dưới.

Lớp giấy sơn dày tới nửa ngón tay theo đà cắt của lưỡi dao, mở tung ra, để lộ màu nâu sẫm

của chiếc ống tre, mà qua năm tháng thời gian, đã không còn giữ được màu xanh tươi thuở ban đầu

Đó là một cái ống quyển thô sơ, mà ngày xưa người ta thường dùng, để cất giữ những giấy tờ cần thiết như văn tự hay gia phả của dòng họ.

Các thầy khóa thời mực tàu, giấy bản cũng dùng ống quyển để đựng kinh sách. Nhiều người còn chăm lo cho chiếc ống quyển của mình một cách cực kỳ mỹ miều, diêm dúa như sơn đỏ, kẻ một vài đường kim nhũ hay ngân nhũ ở trên nắp.

Nắp chiếc ống quyển bằng tre già được mở ra, vị hưu quan vội đưa hai ngón tay vào, nhẹ nhàng nhưng thận trọng, lôi ra cuốn sách cuộn dài theo chiều chiếc ống quyển.

Thấy dáng điệu nóng nảy, hấp tấp của quan Án Sát, nhà phong thủy cười thâm, càng chăm chú theo dõi hành vi của bạn.

Vị hưu quan cầm cuốn sách không dày lắm lên tay một cách trù mến, lật ngược, lật xuôi xem xét rất cẩn thận thì thấy hai tấm bìa bồi rất công phu, toàn phết bằng nhựa cây, dày cứng như mo cau.

Cố đưa về phía trước mặt, để đọc qua mấy hàng chữ ghi ở trang đầu, nhưng quan Án Sát đành thở dài, buông thông tay xuống, vì ánh sáng không đủ chiếu rõ những hàng chữ nhỏ, mà muốn đọc, quan Án Sát cần phải có một thứ kiếng riêng chỉ dùng để xem sách.

Thầy địa lý ái ngại an ủi :

- Đại nhân để về nhà rồi chúng ta coi, cũng không muộn gì ?

Điều cốt yếu, ta nên cho khiêng luôn cả con rùa đá với tấm bia này về làm kỷ niệm, để ghi nhớ một giai thoại liên quan đến kiểu đất dị kỳ, ít khi thấy trong môn phong thủy

Thứ nhất dinh cơ, thứ nhì mồ mả !

Cuốn sách nhà phong thủy tìm thấy trong mai rùa bằng đá, cùng với tấm bia của vị thánh sư địa lý Thanh Lã, chôn vùi trong khu vực kiểu đất Phụng Hoàng Hàm Thụ : nơi an táng tám ngôi tổ mộ của họ Nguyễn ở làng Báo Văn, ngoài sự ghi chú rành mạch về phương hướng chuyển vận long mạch, từ trên cao xuống dưới thấp, trong mỗi thời hạn năm trăm năm, còn biên chép thêm cả tiểu sử và vận hạn của vị thánh sư địa lý, từng nổi tiếng là kỳ tài trong thiên hạ từ bấy giờ.

Vị hưu quan càng đọc thêm phụ chú nói về tai họa của Cụ Thanh Lã, vì nhà phong thủy trứ danh về đời Lê, không những đã có biệt tài tìm đất, để mả, mưu hạnh phúc giúp người đời, khiến cho nhiều gia đình đang nghèo khổ, khốn quẫn, nhờ có một ngôi mả kết phát, chỉ trong một thời gian ngắn ngủi đã có thể vống lọng nghênh ngang, ngựa xe đủng đỉnh, bạc vàng đầy

đủ, danh giá lẫy lừng, mà còn có tài để hướng nhà cũng linh nghiệm, có khi còn hay hơn cả việc an táng hài cốt người quá vãng !

Một ngôi dinh cơ khoáng đảng, tả hữu, tiền hậu có đủ những cảnh trí thiên nhiên, tốt tươi đẹp đẽ, nóc nhà nhờ thầy địa lý chính tông đặt cho thật đúng chỗ, đúng hướng, cổng mở phải phép, bếp làm đúng kiểu thì nhất định sự kết phát không còn là chuyện hoài nghi, viễn vong nữa.

Chính vì vậy, mà các cụ nhà ta ngày xưa, mới có câu cửa miệng : "Thứ nhất dinh cơ, thứ nhì mồ mả " !

Nhưng thường tình thiên hạ, người ta phần nhiều chỉ chú trọng vào việc mồ mả, lo tìm kiếm, xây đắp mộ phần cho ông bà, cha mẹ thật chu đáo, chứ chẳng ai nghĩ tới sự tìm đất làm nhà, mặc dầu thanh niên nào, khi lập gia đình, cũng phải cố xây dựng cho kỳ được, một mái nhà, vừa để làm tổ ấm yên ương cho đôi vợ chồng son mới cưới, vừa để tập cho quen một đời sống tự lập, không cần đến sự giúp đỡ của cha mẹ, anh em !

Nói thế, không có nghĩa là người ta làm nhà cầu thả, thích hướng nào làm hướng ấy đâu ?

Mà sự thực, người ta cũng xem xét kỹ lưỡng lắm, nào là chọn ngày đổ nền, khởi công đào móng, nào là nhờ người cất nóc, trấn yểm quỷ quái, tà ma ! nếu gặp phải một ngôi nhà nào khác, hay đình, chùa đền, miếu chi đó, đâm thẳng vào giữa nhà mình, gia chủ còn phải rước thầy về cúng vái yểm trừ bằng một lá bùa bát quái hay một tấm gương nhỏ có thư phù cần thận đặt đúng ngay vào nơi phản chiếu với chướng ngại vật nọ !

Nhưng công việc tìm kiếm nền nhà, xây dựng tường mái, dù thận trọng đến đâu, so với sự an táng hài cốt người quá vãng, cũng vẫn bị thua kém xa.

Sự kiện ấy, cũng không có gì là lạ, khi người ta quan niệm rằng : kiếp sống của con người chỉ là một chuỗi ngày tạm bợ, phù du, dù cho vua chúa, khanh tướng, công hầu, phu nhân, mạng phụ hay cùng đinh, phú hộ, đến khi tắt thở, nhắm mắt buông tay cũng phải trở về với cát bụi, bỏ mặc trên trần thế tất cả tiền bạc, của cải.

Lúc đó, mới là nơi an nghỉ vĩnh viễn theo đúng lời thánh hiền truyền lại : sinh ký tử quy, dịch nôm là (" sống gửi thác về ").

Mới tàn cốt chôn sâu dưới đất, vì thế mới có liên hệ mật thiết với những thân nhân trên dương thế.

Hài cốt an táng ở một địa điểm mát mẻ, có cảnh trí kỳ tú bao quanh, thì con cháu cũng được mát mặt phong lưu. Trái lại, nếu phần mộ nằm vào nơi u uất, như chôn giữa vùng đất vôi, hoặc có rễ cây, đâm từ trên cao xuống, làm thương tổn đến tiểu đưng hài cốt, thì thế nào thân nhân cũng gặp phải tai họa nặng nhẹ tùy theo số mạng và trường hợp mộ phần bị động trệ !

Hơn nữa do tinh thần tôn trọng tổ tiên, theo tục lệ cổ truyền bất di, bất dịch của Đông phương, các cụ nhà ta ngày xưa đã coi việc săn sóc mộ phần tổ tiên như một bổn phận thiêng liêng của bất cứ ai trong dòng họ.

Nhiều người không may làm ăn bị thất bại, có thể lìa bỏ dễ dàng cửa nhà, để đi nơi khác lập nghiệp. Nhưng họ lại rất băn khoăn, tỏ vẻ đau đớn vô cùng, khi phải xa cách phần mộ tổ tiên, không còn được tới thường, săn sóc, chăm nom đến nơi an nghỉ cuối cùng của người quá vãng nữa !

Thiên hạ thường tin tưởng mãnh liệt rằng : chỉ khi nào những linh hồn dưới chính suối được an nghỉ mát mẻ thì thân nhân nơi trần tục mới có thể lạc nghiệp an cư !

Nhiều giai thoại về mồ mả kết phát hay động trệ, đã được truyền tụng, phổ biến khắp nơi, để chứng minh cho lẽ huyền bí kỳ dị của môn địa lý !

Cuốn sách tìm được trong mai rùa đá, không phải là thủ bút của cụ Thanh Lã, tác giả tấm Văn bia, được chôn trong khu đất Phụng Hoàng Hàm Thư từ năm Dương Đức đầu tiên (nhằm đời vua Lê Gia Tôn), mà chính do tổ phụ quan Án Sát họ Nguyễn sưu tầm, ghi chép, để người đời sau biết rõ đức tài lỗi lạc, trí óc siêu việt của một vị tước nhỏ, quán thông kim cổ, không may bị nhà vua nghi ngờ, kết tội khi quân, đến nỗi uổng phí cả một kiếp hào hoa, phong nhã !

Cứ theo mấy lời ghi chú mở đầu trong cuốn sách, thì sau khi tìm giúp được cho dòng họ Nguyễn ở làng Báo Văn khu đất Phụng Hoàng Hàm Thư, để an táng tám ngôi tổ mộ, Cụ Thanh Lã có tiên đoán số phận đen tối của mình cho mọi người biết.

Dân làng, nhất là tổ phụ họ Nguyễn thuở ấy, không một ai chịu tin là có thể xảy ra việc đó. Cụ Thanh Lã thấy mọi người tỏ ý hoài nghi, tức mình quá, liền mượn thợ đá, khắc một tấm bia, nói rõ sự chuyển hướng long mạch từ trên cao xuống dưới thấp, và không quên nhấn mạnh cả lời chê bai của thiên hạ : sẽ có người bảo mình là đồ không có mắt, nên tuy làm nghề địa lý mà lại không biết rõ nơi nào quy tụ long mạch !

Đồng thời vị thánh sư địa lý dưới triều Hậu Lê, cũng nhận luôn là mình ... không có mắt thật sự !

Nhưng tại sao lại có sự tiên đoán kỳ dị ấy ?

Đó là cả một thiên thảm tử vô cùng đau thương, mà tổ phụ quan Án Sát họ Nguyễn đã dụng công ghi chép, hai mươi năm sau, khi tám ngôi tổ mộ, do cụ Thanh Lã táng giúp đang bắt đầu kết phát, còn Cụ thì bị tai họa khốc liệt, tàn phế trọn đời.

Nguyên thuở thiếu thời, Thanh Lã tiên sanh, vốn tài cao học rộng, kiến văn quảng bác, nhưng tâm tính hào sảng, quanh năm chỉ thích lê gót giang hồ đi khắp đó đây, mong tìm gặp bạn rượu thơ tri kỷ : chớ không nghĩ đến sự giùi mài kinh sử, để tranh lều giật giải với sĩ tử bốn

phương !

Vì vậy mấy lần mang lều, xách chõng vào trường thi, vị tức nhỏ, dù văn chương thi phú có thừa, mà phạm hăm, duyên hôi, cả mấy bận đi thi đều không thấy có tên ghi trên bảng hồ ! Người nào thi rớt mà không buồn phiền, tủi hận ?

Chỉ duy có Thanh Lã tiên sinh là không tỏ ý chán nản hay âu sầu chi hết, vì đối với tiên sinh, sự đậu, rớt đâu có phải là lẽ sống ở đời ?

Nhiều bạn đồng môn khi còn đi học, vẫn phải nhờ tiên sinh "gà" giúp cho những bài kinh sách khó khăn, không ngờ " học tài, thi phận" những thầy khóa" " đốt lòì đuôi" ấy, lại nhẹ gót thanh vân, thi đâu đỗ đấy, dễ dàng như người ta ăn cơm, uống nước vậy !

Một vài người bạn thân của tiên sinh thấy thế, thường tỏ ý bất bình, cho rằng các quan chắm trường thi, nếu chẳng có tư vị, thì cũng là những kẻ gà mờ không có mắt xanh, phân biệt được hạt châu với mắt cá, nên mới không đủ tài thưởng thức những áng văn chương xuất sắc, cũng như không biết gạt bỏ những bài văn viển vong, rỗng tuếch chẳng có một chút giá trị về văn chương cũng như về tư tưởng vậy !

Thanh Lã tiên sinh chỉ cười, chấp tay cảm tạ thịnh tình săn sóc của bạn nhưng rồi lại yêu cầu bạn không nên coi đó là một việc quan trọng có thể làm cho mình hao tổn tinh thần !

Tiên sinh còn nhấn mạnh : người nào được sanh ra trong trời đất, cũng đều có số mạng hết !

Số được làm quan thì dù có ngu đần, dốt nát đến đâu, cũng được chễm chệ trên ghế phụ mẫu chi dân, mặc dầu khi cấp sách đến trường chưa bao giờ đọc trôi một bài văn sách !

Trái lại, nếu chỉ là số bạch đình, thì dù trí cả, tài cao, học quán năm xe, lầu thông kinh sử, xuất khẩu thành chương, thấu triệt cổ kim, họ cũng không sao vào lọt được cả ba trường, để hưởng thụ lộc nước, ân vua, áo bào, đai tía, xem hoa thượng uyển, dự yến vua ban, bái tổ vinh quy, được dân làng đón rước trọng thể như đón rước một vị đường quan đi kinh lý.

Với lối sống khoáng đạt của một vị quân tử nhỏ, tiền không mừng, thoái không năn, thành công không kiêu bạc, thất bại chẳng chịu hạ mình làm điều thương tổn đến giá trị nho phong. Thanh Lã tiên sinh, sau mấy phen đua tài thử sức, trong trường văn, trận bút, sẵn sàng lãng quên món nợ công danh, để lao mình vào công trình nghiên cứu các môn nho, y, lý số, coi đó là môn giải trí duy nhất trên đời.

Càng tìm được những cuốn cổ văn, giảng dạy về huyền vi của Tạo hóa, sự cấu tạo mầu nhiệm của luật âm dương với bao nhiêu chi tiết biến ảo phi thường, hầu như ly kỳ, quái đản, mê tín, hoang đường, tiên sinh càng say sưa, không quản ngại tốn kém, vui lòng bỏ ra hàng trăm lạng bạc một lúc, để có mua cho kỳ được những áng cổ văn hiếm có của Trung Hoa, Nhựt Bản,

đem về ngày đêm khảo cứu, suy gẫm những lời vàng ngọc của cổ nhân.

Ngoài ra với tinh thần cầu tiến, lúc nào cũng tha thiết học hỏi, một cách cần cù, khắc khổ, tiên sinh mỗi khi nghe đồn nơi nào có thầy hay, bạn giỏi, là tức khắc tìm đến tận chỗ, dùng hết phương kế để kết giao cho kỳ được.

Với bậc trưởng thượng, tiên sinh vui vẻ, tôn kính như bậc sư phụ, phụng thờ có khi còn chu đáo hơn cả mẹ cha, để mong được túc nhỏ đạo đức ấy, truyền thụ cho cái học sở trường.

Với những người đồng trang lứa, không phân biệt giàu nghèo, quý tiện, tiên sinh niềm nở kết liên, quý trọng như anh em ruột thịt.

Gặp bạn phong lưu, phú quý thì chẳng nói làm gì, nếu người bạn mới bần hàn, khôn quản, tiên sinh sẵn sàng chia sẻ bạc tiền, thóc gạo để anh em có thể chung sống dưới một mái nhà, chung sách, chung đèn, cùng nghiên cứu, khảo luận những lý lẽ nhiệm mầu, kỳ ảo của các môn lý, số, nho, y.

Nhờ vậy, chẳng bao lâu, tiên sinh đã nổi tiếng là bậc kỳ tài, không những tương số như thần mà chữa bệnh cũng kỳ diệu không kém những tay danh y thuở trước, quyết đoán được sự sanh tử của các loại chứng bệnh nan trị.

Nhưng đặc biệt hơn hết, tiên sinh vẫn chỉ sở trường và chăm chú trao đổi, nghiên cứu về riêng môn phong thủy.

Nhờ những kết quả hiển nhiên về sự kết phát mấy ngôi mã trong vùng, thiên hạ đồn đãi, một đồn mười, mười đồn trăm, chỉ ít ngày sau, tiên sinh đã được mọi người suy tôn là Thánh Sư Địa Lý !

Nhưng " sinh nghề, tử nghiệp ", cái công lệ của Hóa Công mà ít ai tránh khỏi đó, không ngờ lại nhằm ngay đúng vị túc nhỏ, thánh sư địa lý nước Nam mà báo ứng, không những khiến cho Thanh Lã tiên sinh bị mục tật, tàn phế trọn đời mà trong hàng ngũ danh nhân nghèo nàn của ta cũng mất đi một ngôi sao sáng chói !

Kiểu đất LƯỠNG LONG TRANH CHÂU

Nguyên tiên sinh là dòng trưởng trong họ, từ khi học được kỳ thuật về lý số, thường được nghe bà con, anh em trong họ yêu cầu tiên sinh phải cố gắng tìm cho kỳ được một ngôi đất thật quý, để hoặc chôn cất hài cốt tổ phụ, hoặc xây dựng nhà thờ họ, tùy theo địa điểm và địa thế hầu con cháu trong họ sau này, có hy vọng mở mày mở mặt được với thiên hạ.

Tiên sinh vốn dừng dừng với bã vinh hoa, coi công danh, phú quý như đám mây trôi nổi giữa nền trời giông tố, mà luôn cả cuộc đời cũng không hơn gì một giấc chiêm bao, hợp tan, tan hợp nào có gì là vững bền vĩnh cửu đâu ?

Nhưng trước lời yêu cầu của các bậc phụ chấp trong họ, tiên sinh tự thấy không tiện chối từ.

Vả lại, tiên sinh cũng không có quyền gì và cũng không thể nào bắt buộc được mọi người phải chán ghét sự bon chen danh lợi như mình, nên đành phải nhận lời.

Từ đây, ngoài việc chữa bệnh cho dân làng và để mả giúp cho những người quen biết trong vùng, tiên sinh ngày chăm chú vào việc tìm kiếm một kiểu đất thật đặc biệt, để làm mộ phần tổ phụ, cho trọn lời cam kết, hứa hẹn với họ hàng.

Đất tốt tuy không hiếm, song nếu được hào này lại hồng hào khác, chỗ kết ngành nọ, lại hại ngành kia, suy đi xét lại rất kỹ lưỡng tiên sinh vẫn không được toại nguyện, chút nào, nên hầu hết những thửa đất lựa chọn, được tiên sinh đều đem tặng cho những gia đình nghèo khổ nhưng có tiếng là trung hậu trong vùng.

Những gia đình này đang khốn quẫn đến cực độ, sau khi tổ mộ quán khí, bỗng phần khởi hân lên, có gia đình con cháu thi đậu làm quan, có nhà thì tự nhiên làm ăn, sinh sôi nảy nở, hưng thịnh lạ lùng. Họ mừng rỡ kéo nhau đem lễ vật đến nhà tạ ơn Thanh Lã tiên sinh.

LƯỠNG LONG TRANH CHÂU

Hành vi trung hậu của những gia đình mới được kết phát không ngờ vô tình, lại làm gây phiền lụy cho tiên sinh rất nhiều !

Vì các vị phụ chấp cũng như anh em trong họ, thấy thế đều oán giận, chê trách tiên sinh là ăn ở vô tình với họ hàng thân thích !

Theo lời họ phê bình, thì tiên sinh không chịu tận tâm lo việc tìm đất cho cả họ, mà chỉ sẵn sóc giúp đỡ người dung, nước lã, theo đúng câu cửa miệng : " địa lý không để được mả nhà ".

Cay nghiệt, oan uổng hơn nữa là người ta còn gán cho tiên sinh cái tiếng tham tiền, nên mới chăm chú để mả cho người ngoài, mà lơ là sự kỳ thác chí tình của cả họ !

Tiên sinh giải thích thế nào, họ cũng chẳng chịu tin, là tiên sinh không muốn chọn những kiểu đất tầm thường, dù có kết phát cũng chỉ là sự kết phát nhỏ nhặt mà chỉ muốn cố tìm cho kỳ được những kiểu đất đặc biệt, khả dĩ tạo được sự kết phát lâu bền, oanh liệt để làm vẻ vang cho dòng họ.

Với tâm tính hồn nhiên của một nho gia thuần túy, Thanh Lã tiên sinh vui lòng hứng nhận tất cả lời dị nghị, chỉ trích của họ hàng, chẳng một chút buồn phiền hay oán giận.

Tiên sinh cứ tiếp tục âm thầm làm việc theo ý mình, mong một ngày kia, có thể tìm được kiểu đất đai quý để trả lời sự suy xét thiện cận của mọi người trong họ.

Quả nhiên, chỉ nửa năm sau, tiên sinh đã khám phá được kiểu đất " lưỡng long tranh châu " ở làng Mía mà người quanh vùng này, thường gọi là " Hạc Hải " để hiến dâng cho họ, theo đúng lời hứa khi trước của tiên sinh.

Đó là một khu đất cực kỳ quý báu, đem lại sự kết phát tới đế vương, tồn tại liên tiếp được ngoài một ngàn năm, nhưng nếu biết " tiếp phúc " sẽ lại có thể phục hồi long mạch để con

cháu hưởng phước thêm vô thời hạn !

Tuy nhiên, có một trở điều ngại rất quan trọng đã làm cho Thanh Lã tiên sinh phải bận tâm suy nghĩ rất nhiều thì giờ : đó là địa thế ngôi đất quý !

Nó nằm ngay trong vòng lũy tre làng, chứ không phải như mọi kiểu đất khác, tọa lạc ở ngoài đồng ruộng hay núi, đồi, đều có thể an táng được hài cốt người quá vãng một cách dễ dàng !

Tục lệ ở thôn quê, đâu có cho phép ai được xây đắp mộ phần ở trong làng, viện cớ : "người sống không bao giờ chịu ở lẫn với hồn ma " !

Những hương chức thôn, thân hào dù cho giàu có như Thạch Sùng, Vương Khải, quyền uy hách dịch không kém các vị đương quan, cũng không thể nào vượt nổi lệ làng, để công khai đem hài cốt tổ tiên chôn cất ở trong làng đã được giới hạn từ bao đời trước, bằng một vòng lũy tre xanh, phân biệt đất ở của dân cư, với đồng ruộng, bao gồm cả tha ma, mộ địa !

Phép vua thua lệ làng, là thế đó !

Nhưng tìm được kiểu đất " lưỡng long tranh châu" không phải là một sự dễ dàng, mà có thể nói là bỏ qua được một cách dễ dàng như vậy ?

Phải tìm đủ mọi phương pháp sử dụng ngôi đất quý ấy cho kỳ được mới nghe ! Thanh Lã tiên sinh, lúc đầu đã định chôn dấu hài cốt tổ phụ, không cho một ai biết, kể cả bà con trong họ, nhưng suy đi, tính lại, tiên sinh thấy có nhiều điều bất tiện, lại thôi.

Cuối cùng, tiên sinh cương quyết vận động bỏ tiền ra mua thửa đất ấy, rồi đổ nền cao để cất nhà thờ họ !

Việc làm của tiên sinh kín đáo vô cùng !

Dân làng và luôn cả mọi người trong họ, không một ai biết dụng ý của tiên sinh.

Nhưng sau ngày hoàn thành từ đường chừng gần một năm, cả họ, nhất là, chi trưởng của tiên sinh, làm ăn hưng thịnh, phát đạt lạ lùng, trẻ em học một biết mười, đứa bé sơ sinh nào trong họ mới ra chào đời, cũng thông minh, đĩnh ngộ, khôi ngô, tuấn tú khác thường, khiến cho dân làng kinh ngạc, một đồn mười, mười đồn trăm, chẳng bao lâu, khắp vùng lân cận đều đồn đãi rùm beng là mồ mả của Thanh Lã tiên sinh được xây cất trên một khu đất quý, kết phát rất to !

Trước những lời thì thầm, bàn tán của dân làng, tiên sinh chỉ mỉm cười, không công nhận mà cũng không cãi chách.

Sự thực, thì chỉ có một mình tiên sinh biết rõ.

Nó không phải là mồ mả kết phát chi hết, mà chính là ngôi nhà thờ họ làm trên kiêu đất "lưỡng long tranh châu", mà chiếc khám thờ, đặt bài vị của tổ tiên của Thanh Lã tiên sinh, được thiết lập ngay tại đúng quả châu, nên hấp thụ linh khí của hai thần long, mới quán khí một cách nhanh chóng, mãnh liệt như thế.

Sở dĩ tiên sinh không muốn nói cho ai biết tính cách quý báu của khu đất Hạc Hải chỉ là vì tiên sinh hiểu rõ sự ghen ghét của người đời, một khi biết rõ dòng họ của tiên sinh, sớm muộn gì cũng sẽ được kết phát vẻ vang, nhờ về ngôi từ đường kia xây cất trên kiêu đất " lưỡng long tranh châu " tất sao cũng tìm cách hãm hại, hay phá hủy tòa nhà ấy cho kỳ được.

Đó là tâm lý thường tình của những kẻ không muốn cho ai sang đẹp hơn mình ? Không những nạn "ố mỹ" lan rộng trong dân làng, thôn xóm, mà nó còn ăn sâu cả vào tâm não, phế phủ những bạn đồng nghiệp với tiên sinh nữa !

Những người cùng nghề trong thiên hạ, có mấy khi chịu ư nhau bao giờ đâu ?

Dù là những tín đồ Khổng Mạnh, luôn luôn tôn trọng đạo đức, cương thường, họ cũng không tránh khỏi được cái nạn " hàng thịt nguýt hàng cá " chê bai nhau, dèm xiểm nhau, để duy trì cho kỳ được địa vị độc tôn của họ ! Các thầy địa lý cũng vậy !

Tuy khoát ngoài cái danh nghĩa đồng nghiệp hay đồng môn, họ vẫn chẳng bỏ được óc vị kỷ, chèn ép bạn bè trong trí não, nên mỗi khi thấy đồng nghiệp thành công rực rỡ, họ không ngần ngại gì, tìm cách "phá đám" với mục đích duy nhất triệt hạ uy thế của người bạn cùng nghề.

Đây là nói sự thành công trong việc tìm đất để mả cho thiên hạ !

Còn nếu là trường hợp thầy địa lý táng được hài cốt thân nhân vào đúng cát huyết, để có thể kết phát oanh liệt, hiển vinh thì thôi, trăm ngàn " mũi dùi " khốc hại của các đồng nghiệp sẽ cùng một lúc, nhắm cả vào khu đất quý báu kia, để trấn áp, yểm trừ cho mất hẳn sự kết phát đi !

Lòng ghen tài đã biến họ, từ người học vắn thuần lương, thành một kẻ đồ kị tâm thường thâm hiểm, độc ác vô bờ bến !

Phải chăng vì thế, người ta mới có câu " Địa lý không mấy khi để được mả nhà ", để ám chỉ sự phá hoại kinh khủng giữa anh em đồng nghiệp !

Đây là chưa kể tới âm công, phúc trạch của tổ tiên từ mấy mươi đời trước !

CHỈ VÌ MỘT LỜI KHIÊU KHÍCH

Hơn ai hết, Thanh Lã tiên sinh biết rõ nền âm công phúc trạch của dòng họ nhà mình, tính cho đến đời tiên sinh, quả thực không lấy gì làm đặc biệt cho lắm để khả dĩ được xứng đáng thụ hưởng sự giàu sang, phú quý của Tạo Hóa dành cho, mặc dầu, căn cứ theo lời ghi chép trong gia phả, ông cha tiên sinh vẫn luôn luôn giữ được nền nếp nho phong, đức hạnh, từng được dân trong vùng mến yêu, kính nể.

Kiểm điểm lại công đức của tiên nhân từ hai mươi đời nay, tiên sinh thấy các Cụ tuy cũng sốt sắng giúp đỡ người bần hàn, túng thiếu, từng góp công, góp của khá nhiều trong các việc đúc tượng, xây chùa, dựng cầu, cất quán, song âm công phúc trách ấy, vẫn không đủ cho con cháu thụ hưởng sự kết phát về vang đến tốt độ, do kiểu đất " lưỡng long tranh châu" đem lại !

Cứ theo sự hiểu biết của tiên sinh, thì sau khi xây dựng được hoàn toàn ngôi nhà thờ họ, trên khu đất Hạc Hải ở làng Mía, chỉ trong vòng bách nhật (100 ngày), tất cả mọi ngành trong họ nhất là chi trưởng, sẽ làm ăn phát đạt, thịnh vượng một cách mau chóng lạ lùng !

Đồng thời chỉ ba năm sau, do những sự tình cờ dung rủi, trong họ thế nào cũng có người làm tới Đế Vương, công hầu, khanh tướng.

Còn quan lại, văn võ từ nhị, tam phẩm trở xuống thì không biết bao nhiêu mà kể nữa, vì bất cứ ai trong họ, một khi đã cấp sách đi học theo nghiệp văn, hay cầm thanh kiếm múa men theo nghề võ, cũng đều hiển đạt, được hưởng lộc nước ơn vua suốt lượt ! đó là sự kết phát về con trai.

Còn về nữ giới, thì con gái trong họ, nếu không được tuyển vào cung làm hoàng hậu, quý phi, thì cũng lấy được chồng khoa bảng, đảm nhiệm những chức vụ quan trọng trong triều, để cuối cùng, cũng nghiêm nhiên được là mệnh phụ phu nhân, ra hòi vào bẩm, ngựa xe rộn rịp, võng lọng nghênh ngang, danh giá không kém gì con trai trong họ.

Có thể nói : đó là một kiểu đất cực kỳ quý báu, hàng ngàn năm mới kiếm nổi một ngôi, chớ chẳng dễ dàng gì như những ngôi mà kết phát vinh hoa phú quý trong phạm vi bình thường chỉ có công dụng tồn tại chừng năm ba chục năm, rồi thế nào cũng lại suy sụp như trăm ngàn kiểu đất khác ở rải rác khắp nơi trên đất nước này.

Một nhà phong thủy chính tông Trung Quốc, trên con đường theo dõi long mạch kiểu đất " Cửu Long triều đế khuyết " phát nguồn từ dãy Thập Vạn Đại Sơn, vượt biên giới qua Việt Nam, khi đến làng Mía, được nhìn thấy khu vực Hạc Hải, trên có xây dựng một ngôi từ đường, kiểu cách, phương hướng rất chính xác, đúng theo lời chỉ dạy chân truyền của những thầy địa lý chính tông, có chân tài, thực học, thì cả kinh, vò đầu, bứt tai, làm bầm đầy tiếc hận :

- Tiếc thay ! tiếc thay ! Một kiểu đất hiếm có ở trên đời, chẳng cứ khó tìm thấy ở Nam bang mà ngay đến cả bên Trung Hoa, đất vuông tới ngàn vạn dặm, nhưng đốt đuốc trọi đời, cũng chẳng mấy khi kiếm được nổi một ngôi đất tương tự ?

Cha chả ! Tay nào khám phá nổi kiểu đất kỳ dị này, hẳn cũng là một bậc kỳ tài trong thiên hạ, mới có mắt xanh nhận định được những nét huyền bí tàng ẩn trong khu đất trũng thấp, mà nếu chỉ nhìn sơ qua bề ngoài, không một ai lại có thể ngờ rằng : đây là một kho tàng vô giá, dành riêng cho người hữu phước, được hưởng thụ đủ các thứ : phú quý, thọ, khang ninh ở

trên đời !

Càng chăm chú quan sát khu Hạc Hải, nhà phong thủy Trung Hoa lại càng say sưa, đứng ngây mặt nhìn sững hàng giờ không biết chán, tự trách mình đã quá chậm chân, nên người nào đó mới chiếm được ngôi đất quý báu ấy, để làm nhà thờ họ, tạo nên sự kết phát cho cả một dòng họ to lớn. Chứ nếu ông ta nhanh chân đến được nơi này sớm hơn chút nữa, thì tìm thấy khu vực này, chắc sao cũng cố vận động, bằng tất cả mọi phương pháp, không quản ngại gì tốn kém công phu để chiếm đoạt cho kỳ được môn bảo vật vô giá ấy !

Nhưng rồi lão tự an ủi : có lẽ đó cũng là số phận an bài của Tạo Hóa, hoặc do tổ tiên nhà lão kém phúc trạch, âm công : hoặc bởi lão chưa gặp vận hanh thông, hưng thịnh, nên mới xui khiến cho lão la cà trên đường đi từ Tứ Xuyên qua Bắc Việt, làm cho hành trình bị chậm trễ mất bảy, tám tháng trời, một thời gian khá dài, đủ cho người nào đó xây dựng được trọn vẹn tòa từ đường trên khu cát địa !

Cuối cùng, không sao ngăn chặn được tính hiếu kỳ và lòng tiếc hận, nhà phong thủy Trung Hoa liền hăm hở dò những người quanh đây để tìm vào hội kiến Thanh Lã tiên sinh.

Đôi bạn đồng nghiệp tuy không đồng hương, đồng quán, nhưng lại vốn cùng xuất thân nơi cửa Khổng sân Trình, cùng theo đuổi một mục đích chung : lê gót giang hồ đi khắp mọi nơi trong thiên hạ, để tìm kiếm những kiểu đất quý báu, kỳ dị rồi xem nhà nào dày âm công, phúc trạch sẽ táng giúp, hầu khuyến khích mọi người tu nhân, tích đức.

Hơn thế, nhờ cùng thông hiểu Hán Tự, nên dù ngôn ngữ bất đồng họ cũng có thể dùng lối bút đàm nói chuyện với nhau một cách dễ dàng.

Duyên kỳ ngộ giữa đôi bạn cùng nuôi chung một chí hướng, đã làm cho họ vượt qua được mọi trở ngại, ngõ ngàng của buổi sơ giao hội kiến, để đi ngay vào truyện tâm tình tri kỷ.

Theo lời thuật của nhà phong thủy Trung Hoa, thì ông ta đã đi theo một mạch đất từ bên Tàu, qua biên giới đến quá Lạng Sơn chừng năm mươi dặm, thì lạc mất dấu vết.

Không ngờ đi tới đây, ông ta lại thấy kiểu đất lưỡng long tranh châu, so với kiểu đất ông ta đang tìm kiếm, tuy chẳng bằng một nửa, song cũng thuộc vào loại kỳ tú, hiếm có ở trên cõi đời này.

Thanh Lã tiên sinh cũng không dấu diếm nói hết những đặc điểm thiêng liêng quái dị của ngôi đất cho người bạn mới nghe, và không quên khiêm tốn yêu cầu :

- Duyên hạnh ngộ xui khiến cho đôi ta gặp nhau, vậy nếu tiên sinh không chê tôi tài sơ, trí thiển, thì thấy có gì sai lệch, không đúng với lời chỉ dạy của thánh hiền, dám xin tiên sinh vì cảm tình đặc biệt, dạy bảo cho.

Nhà phong thủy Trung Hoa quơ tay, phác một cử chỉ chối từ, rồi mới khiêm nhượng trả lời :

- Không, không có gì sai lệch hết !
- Tất cả đều đúng theo phép tắc địa lý chính tông.

Có điều, gian chánh tâm, thiết lập bàn thờ tổ phụ hơi thấp một chút, trong lúc bốn gian ở hai bên lại cao quá. Như vậy, tôi e rằng sự kết phát sẽ bất lợi một phần nào cho những người thuộc về chi trưởng trong dòng họ.

Thanh Lã tiên sinh bề ngoài, tuy gật đầu tán thành ý kiến của người bạn mới, song trong thâm tâm, tiên sinh không cho là phải mà nghĩ thầm rằng :

- Trước khi quyết định xây dựng ngôi từ đường này, mình đã khổ công nghiên cứu hàng nửa năm trời, đến nỗi quên ăn, bỏ ngủ, nghe đồn ở đâu có sách hay thầy giỏi, cũng cố lần mà tìm đến để tham khảo ý kiến, hay mượn sách quý về tra cứu, cực kỳ công phu vất vả.

Nhờ đó mới hoàn thành được một ngôi từ đường toàn bích, đem lại sự kết chắc chắn, chẳng những cho riêng mình, mà còn cho tất cả các chi khác trong họ nữa.

Vậy mà giờ đây, người bạn mới này lại chê bai, chỉ trích gian chánh tâm và bốn gian kề cận thì quả thực là chuyện lạ lùng, hầu như vô lý vậy ?

Sau cùng, tiên sinh kết luận : có lẽ thầy địa lý chính tông Trung Hoa này cũng không thoát khỏi cái bịnh " sù diện ở nga my " vốn là một cố tật bất di, bất dịch của những người cùng làm một nghề, nên muốn phá nhau, ông ta mới sui đại tiên sinh như vậy.

Nhân dịp này, tiên sinh còn mời thêm một viên đề lại họ Phạm ở trên huyện, để giới thiệu với người bạn đồng nghiệp Trung Hoa, vì ngày thường, viên đề lại, cũng tỏ ra là người thức thời, lịch duyệt, văn chương, thi phú, dù không phải là bậc kỳ tài trong thiên hạ, song, trong mấy làng Mông Phụ, Mông Sàng, viên đề lại vẫn nổi danh là tay thông kim bác cổ.

Tiên sinh kết giao với viên đề lại cũng không phải là không có dụng tâm, sâu sắc, nhất là đối với một người có tâm hồn sáng khoái, khinh thế ngạo vật, coi rẻ lợi danh, phú quý như tiên sinh thì có bao giờ lại chịu giao du mật thiết với một viên đề lại, quanh năm suốt tháng, lúc nào cũng trù mưu tính kế, để thay đen đổi trắng án từ, soay sở bóc lột dân lành và tìm cách su phụ xiểm nịnh quan trên, mong các bậc "phụ mẫu dân" ngó lơ, cho y mặc tình làm mưa, làm gió, tác phúc, tác oai !

Tư cách, cũng như tâm tính những viên thông lại, đề mục đã được phản ánh rõ rệt, vô cùng xác đáng, qua câu phương ngôn "một đời làm lại, bại hoại ba đời " !

Sở dĩ thiên hạ chỉ biết kết tội bọn thông lại, đề lại, mà không lên án các quan phủ, huyện chỉ là vì các án văn, tố tụng ở các vùng thôn quê, hết thấy đều do ngòi bút của các thầy đề, thầy thông cấu tạo nên, chỉ một nét bút của họ, cũng đủ làm tán gia, bại sản một gia đình hào phú,

chỉ một lời thêm bớt của họ, cũng đủ khiến cho người dân lương thiện bị tù đầy, khảo tra khổ cực !

Biết bao mối oan khiên, khóc liệt đã xảy ra vì ngòi bút của bọn sai nha tham lam, thâm độc !

Biết bao nhiêu việc bất công vô lý, đã do lũ ruồi nhặng tạo ra, làm người dân thấp cổ, bé miệng, đành cam chịu đau đớn, không còn biết kêu đâu cho rõ trắng đen, thực giả ?

Thanh Lã tiên sinh, biết rõ hơn ai hết những tệ đoạn ấy của bọn sai nha, nên trước kia, viên đề lại họ Phạm thường muốn tìm cách kết thân, tiên sinh cũng cố tình lảng tránh, mặc dầu tiên sinh vẫn khéo léo, mềm mỏng trong ngôn từ, cử chỉ để không làm thương tổn đến lòng tự ái của viên đề lại họ Phạm.

Tiên sinh vẫn tự nhủ thầm : sẽ mãi mãi duy trì sự giao du hời hợt này, chứ nhất định không chịu chơi bời mật thiết với loài tâu cầu nguy hiểm ấy, e có khi vì quyền lợi riêng tư, y cũng có thể bán đứng tiên sinh để mưu cầu chút lợi danh, chung đỉnh !

Nhưng đến khi tiên sinh tìm được kiểu đất Hạc hải, xây dựng ngôi từ đường trên trái châu giữa hai con thần long, thì tiên sinh không thể nào giữ được vẻ lạnh lùng, thờ ơ như trước nữa !

Tiên sinh dư hiểu sự bói móc, soi mói, ghen ghét, dèm pha của bà con nơi thôn xóm mỗi khi họ thấy có ai hơn họ về cách này hay cách khác !

Kiểu đất Hạc Hải, dù đã được tiên sinh giữ gìn rất kín đáo, cũng không che đậy được lâu dài, trước sự tò mò của mọi người, nên chỉ hai tháng sau, dân làng đều biết hết.

Thế là đứng đâu, ngồi đâu, họ cũng đem truyện địa lý ra bàn tán sôn sao, với những sự thêu dệt, vẽ rắn thêm chân, khiến cho chính Thanh Lã tiên sinh, nhiều lúc, cũng phải ngơ ngàng, trước những chi tiết bịa đặt, cực kỳ khéo léo, lớp lang rất chu đáo, tế nhị !

Hơn nữa, khu Hạc Hải từ bao nhiêu đời trước, vẫn là vùng cấm địa ở làng Mía, không một ai được phép sử dụng sở hữu chủ thửa đất ấy.

Các ông già, bà cả cũng không người nào biết rõ nguyên do nào sui khiến làng xóm phải ra lệnh cấm xây dựng nhà cửa trên thửa đất này ?

Người ta chỉ biết lơ mơ rằng đó là lệnh cấm đã có từ lâu lắm rồi, hết đời nọ, qua đời kia, lâu dần biến thành luật lệ bất di, bất dịch, mà tất cả những người sinh sống trong vòng rào lũy tre xanh làng Mía phải triệt để phục tùng.

Mãnh lực quái dị sui khiến cho dân làng phải răm rắp tuân theo lệnh cấm ấy, chỉ là vì mỗi khi có một kẻ ngỗ nghịch, ngang bướng nào đó không chịu tin một việc mà hấn cho là dị đoan mê tín hão huyền, cứ nhất định kiếm tre lá làm nhà trên thửa đất này, thì tức khắc làng

xóm bị động trệ, tứ tung : người lớn, trẻ con đau ốm suốt lượt, trâu bò, gà lợn chết toi, đến nỗi chôn không kịp !

Rồi bất thành linh lại phát cháy cùng một lúc ở nhiều nơi khác nhau.

Và kỳ dị, đáng ghê sợ hơn nữa là cứ mỗi đêm từ giờ Tí trở đi, là trên các ngã đường, nhất là ở sau đình và trước cổng chùa luôn luôn có tiếng gươm giáo va chạm vào nhau loảng soảng, hoà với tiếng ngựa hí, quân reo, tạo thành một âm thanh rùng rờ, ma quái !

Trong ba ngày đêm liên tiếp, nếu các kỳ hào, hương chức trong làng không can thiệp, bất kể ngang bướng phải lập tức triệt hạ căn nhà kia đi, thì đến ngày thứ tư, thế nào một vị bô lão cao niên nhất ở trong làng, cũng đập đồng lên, đang tự nhiên, mặt mũi hồng đỏ gay như người say rượu, rồi vừa đi ra đình, vừa hò hét om sòm, quở mắng hương chức, lý dịch, đã không giữ gìn được trật tự ở trong làng, để đến nỗi có kẻ dám ngang nhiên chiếm đoạt khu đất linh thiêng của thần thánh !

Rồi vị bô lão ấy ra mở cổng đình, chạy vào chánh điện, nhảy lên bàn thờ Thành Hoàng, ngồi chễm chệ, hoa tay lên không khí như múa may, phù phép chi vậy !

Thế là kẻ ngang bướng, làm nhà trên khu cấm địa, bị hộc máu tươi, chết ngay không kịp trăn trối nữa lời.

Theo lời các ông già, bà cả thuật lại, thì từ trước tới nay, đã có tới năm người bị chết bất đắc kỳ tử như thế rồi !

Từ ngót một trăm năm nay, tuyệt nhiên không còn một ai dám " chơi đại " trêu vào uy lực của Thánh Thần, nên cả thửa đất cấm ở làng Mía bỏ mặc cho cỏ lau mọc cao lút tới đầu người, làm sào huyệt vững chắc cho các loài chuột, rắn !

Nay đột nhiên, Thanh Lã tiên sinh lại bí mật điều đình với chủ đất, chịu bỏ ra một món tiền khá quan trọng để mua lại thửa đất, cỏ mọc um tùm, bao trùm, không biết bao nhiêu chuyện quái đản, dị kỳ !

Ngay hai bên mua bán chính thức làm văn tự, một số người hiếu kỳ đó không ngớt lời chê bai Thanh Lã tiên sinh là y tài, cậy của, nên mới điên rồ, bỏ ra một số tiền lớn, để tự rước lấy " cái nợ mười đời ", vì mặc dầu biết tiên sinh thông thạo cả nho, y, lý, số, người ta cũng vẫn không tin rằng, tiên sinh lại có đủ tài năng, chế ngự được uy quyền tối linh của thần thánh, mặc nhiên coi khu đất linh thiêng ấy như một nơi bất khả xâm phạm ở trong vùng ?

Thanh Lã tiên sinh chỉ mỉm cười, trước những lời phê bình cay nghiệt, của dân làng và lẳng lặng bắt tay vào việc.

Với tất cả tài học sở trường về môn phong thủy, thâm lường được trên bước đường giang hồ phiêu lãng, tiên sinh cố sức trấn yểm khu đất thiêng liêng quý giá để mong xây dựng ngôi nhà thờ theo lời yêu cầu của bà con trong họ.

Trong thời gian ấy, tiên sinh đã phải đối phó rất cam go, nguy hiểm với một bọn người, có ý kiếm chuyện để định phá rối tiên sinh, vì họ biết chắc rằng nếu tiên sinh dựng được chu đáo ngôi từ đường, thì nhất định dòng họ nhà tiên sinh, sẽ được hưởng thụ sự kết phát vô cùng hiển hách !

Một mặt phải đối phó với sức phá rối của một số dân làng ngang bướng, một mặt tiên sinh phải sử dụng khả năng chuyên môn, để công cuộc trấn yểm đem lại kết quả mỹ mãn, thì mới có thể tiến hành việc xây dựng được ngôi từ đường.

Đó thật là một công trình gian nan khó khăn đến cực độ, vì thầy địa lý trong trường hợp này, nếu chỉ non tay ăn một chút có thể bị thần thổ địa quật chết ngay nháy mắt !

Muốn rảnh tay, để tập trung tất cả khả năng vào công việc trấn yểm, tiên sinh buộc lòng phải giao dịch với viên đề lại họ Phạm, mong nhờ uy thế viên lại mục khét tiếng là cơ mưu sâu sắc nhất ở trong huyện, để bịt miệng dân làng, không cho một ai được phép khiêu nại, hay chỉ trích về sự xây dựng ngôi nhà thờ trái phép của tiên sinh.

Trong thời phong kiến xa xưa, khi chế độ quan liêu còn cực thịnh ở trên đất nước này, thì uy quyền của một viên thông lại, đề mục, luôn luôn được đồng bào thôn quê coi như thần minh, thánh sống, có khi còn được mọi người kính nể, quý trọng hơn cả những vị phụ mẫu chi dân chánh công !

Biết rõ được tâm trạng ấy của bà con thôn xóm, Thanh Lã tiên sinh đành ép mình giao du mật thiết với viên đề mục họ Phạm, để mỗi khi có cơ hội chèn chén, tiệc tùng với nhau, tiên sinh lại không quên nhắc đến dụng tâm phá rối của một số dân làng, trước công cuộc xây dựng từ đường của tiên sinh, và khôn khéo yêu cầu viên đề mục, nếu có nhận được đơn từ khiêu nại về việc đó, thì xin vì tình tri kỷ bác bỏ hay quở trách nguyên đơn, để họ không dám theo đuổi sự quấy rối tiên sinh nữa.

Một lời nói của đám sai nha, thân tín của các quan phủ huyện ngày xưa, đã có một giá trị cực kỳ quan trọng.

Nó như quyết định được cả tính mạng của người dân thấp cổ bé miệng, vì chỉ cần một lời thêm bớt ra của bọn sai nha viết trong biên bản đệ trình lên quan trên, là đủ làm cho một người vô tội bị tù đầy, một phú nông phải táng gia bại sản hay trái lại một tên sát nhân được ung dung, sống tự do giữa rừng người lương thiện hoặc dung túng một kẻ ác bá cường hào tha hồ lấn bờ, cướp ruộng của bà con nghèo khó, làm mưa, làm gió như một "thảo khấu đại vương" ở nơi thôn xóm !

Dòng họ Thanh Lã tiên sinh, cũng không phải là cùng đỉnh, lép vế gì mà thực ra, thì từ mấy đời gần đây, vẫn kế tiếp có người đảm nhiệm những chức vụ quan trọng ở trong làng, nhất là từ khoảng hơn hai mươi năm nay, hầu hết những vai trò then chốt trong đám kỳ hào, hương lý, đều do người trong họ tiên sinh nắm giữ cả !

Nhưng không phải vì thế, mà tiên sinh có thể tự do, muốn xây cất nhà thờ trên khu cấm địa lúc nào cũng được đâu ?

Vì ngoài phe nhóm kỳ hào trong dòng họ của tiên sinh, trong làng xóm có dòng họ Trần cũng giàu sang không kém !

Hai họ chia nhau đặc quyền theo từng guồng máy hành chánh trong lũy tre xanh, và luôn luôn giữ miếng đề phòng nhau, cũng như chờ đợi cơ hội thuận tiện để triệt hạ nhau, mong độc chiếm quyền "ăn trên ngồi trước" ở chốn đình trung cho riêng những người trong họ mình.

Cứ nhìn qua danh sách hương chức trong làng, người ta cũng có thể đoán biết được sự tranh chấp gay go của hai dòng họ : chức tiên chỉ nếu về tay một vị bô lão, thuộc vào hàng phụ chấp của Thanh Lã tiên sinh thì theo chức thứ chỉ, nghĩa là chức vị cao quý thứ hai ở trong làng, thế nào cũng phải thuộc về phe nhóm họ Trần.

Đồng thời, nếu cái triện lý trưởng do người họ Trần đảm nhiệm, thì cái chức phó lý nhất định phải về tay một người chú, bác hay anh em chi đó của Thanh Lã tiên sinh.

Hai họ ráo riết kiềm chế nhau, công kích nhau khá kịch liệt, bằng tất cả mọi mưu mô, phương pháp, kể cả những mưu mô xảo trá và phương pháp gian manh, mặc dầu bề ngoài họ vẫn cố giữ thuận hòa, lịch sự vồn vã chào hỏi nhau những lúc hội họp ở đình trung hay gặp mặt nhau trong các đám khao, cưới, ma chay, hội hè, tế lễ.

Do thành kiến cố hữu, không biết phát sanh từ bao giờ, hai họ lớn nhất ở trong làng, luôn luôn coi nhau như thù địch, và không một bên nào chịu bỏ lỡ cơ hội triệt hạ nhau.

Vì vậy, khi mới nghe tin Thanh Lã tiên sinh mua khu đất cấm làm nhà thờ, họ Trần đã lập tức mở cuộc hội họp khẩn cấp, để hoạch định mưu kế phá tan dự định ấy của nhà phong thủy lừng danh đất Bắc.

Nhưng nhờ tài quyền biến khôn khéo, nhờ sự giao dịch mềm mỏng, nhờ biết dùng đồng tiền một cách rộng rãi, Thanh Lã tiên sinh đã vượt được hết mọi trở ngại do phe nhóm đối phương ngấm ngầm liên tiếp tung ra để hoàn thành mỹ mãn công cuộc mua bán khu cấm địa.

Bước đầu tiên, mà cũng là bước gian nan, khó khăn nhất vừa vượt qua được, đã như một phần thưởng tinh thần quý giá, khuyến khích người trong cuộc, vững tâm tiến mạnh, tiến nhanh, hơn nữa trên con đường tuy đầy dẫy chông gai, chướng ngại, nhưng lại có một cái vườn thượng uyển, ngào ngạt quả ngọt, hoa thơm, líu lo oanh ca, vượn hót chờ đợi ở đầu đường đằng kia, sẵn sàng tiếp đón người tài trí, biết dùng nhiệt tâm cương quyết đập bằng mọi trở lực để đến bến thành công.

Thanh Lã tiên sinh, sau khi được chính thức làm sở hữu chủ khu đất Hạc hải, liền xúc tiến việc trấn yểm, ròng rã ba tháng trời, không phân biệt ngày đêm, sớm tối, chẳng nề hà khổ trí, lao tâm, mới thấu hoạch được một phần nào kết quả.

Sở dĩ tiên sinh không thành công hoàn toàn trong công cuộc trấn yểm trước khi khởi công xây cất, chỉ là vì các bậc tiền bối của tiên sinh, không tạo được một nền âm công, phước trạch đầy đủ khả dĩ cho con cháu được xứng đáng hưởng thụ ơn huệ của trời Phật.

Vẫn hay rằng, tổ phụ tiên sinh, căn cứ theo lời ghi chú trong gia phả, từ hai mươi đời nối tiếp nhau, tính cho đến lúc tiên sinh ra đời chẳng những không có một ai làm điều bạo thiên, nghịch địa, tàn ác, gian tham, dâm ô, cường ngạnh, mà thói thường lại còn giúp đỡ dân làng, góp công xây chùa, tạc tượng, bố thí cho người nghèo khổ trong những năm hạn hán, thủy tai.

Nhưng tất cả những hành động từ thiện ấy, chỉ vừa đủ giúp cho các vị tổ phụ của tiên sinh tránh khỏi kiếp trầm luân, đọa lạc sau khi thác xuống suối vàng, chứ không đủ gây nên âm công, phước trạch, tạo thành duyên nghiệp đặc biệt để cho con cháu hưởng phúc, lâu dài, hiển hách !

Tiên sinh biết rõ điều đó hơn ai hết !

Nhưng bản tính háo thắng, tinh thần tự ái và sĩ khí bất khuất của một danh nho, đã thúc đẩy tiên sinh gấn bó vấn đề vận mạng để qua một bên, để cương quyết dùng tài năng vượt khỏi số Trời.

Luôn bảy ngày, bảy đêm liên tiếp, cứ vào khoảng giữa giờ Tí, khi thấy bốn bề yên lặng như tờ, thôn xóm vắng bật tiếng gà gáy, chó sủa, tiên sinh mang tróc long ra khu cấm địa, hô thần, bắt ấn định làm phép trấn yểm, thì cả bảy lần, đều bị thổ thần hất tung tróc long, và quật tiên sinh ngã quay xuống đất.

Thanh Lã tiên sinh không thể nào làm phép trấn yểm khu đất Hạc Hải như ý muốn, đành lừng thững trở về nhà để tìm phương thế khác, vừa đi vừa suy nghĩ mãi mà lạc bước tới gần sáng qua khỏi làng Mía, tiên sinh chợt gặp được người bạn cố tri : Ông Tú Lê, là người tinh thông bùa chú, trấn yểm long mạch nổi danh ở làng bên. Mặc dù không làm thầy địa lý chuyên môn, để mà cho thiên hạ dễ lấy tiền, ông Tú Lê cũng nổi danh là nhà phong thủy chính tông, mỗi khi nhận lời tìm đất cho gia đình nào là người ấy, chắc chắn sẽ có ngày mát mặt hơn tình trạng hiện tại.

Biết rõ khả năng của ông Tú Lê, nên tiên sinh luôn luôn nhắc nhở đến danh tánh bạn, những lúc có dịp hội họp bạn đồng môn thuở ấu thơ, hay gặp những kiểu đất kỳ hình, quái dị. Giữa giờ phút tuyệt vọng, ưu phiền, được gặp mặt cố nhân, Thanh Lã tiên sinh mừng rỡ như người cùng khốn nhất đời, mới bắt ngờ bắt được một hủ vàng ròng quý giá, hoặc hơn thế, như một thầy khóa nghèo, được liên trúng tam nguyên, nhẹ bước thanh vân làm nở nang mày mặt, rở ràng mẹ cha.

Quả nhiên, tiên sinh đã không uổng công kỳ vọng vào người bạn tâm giao thuở trước, vì vừa

được tiên sinh thuật lại những sự khó khăn mới gặp ở khu đất Hạc Hải, ông Tú Lê liền sốt sắng nhận lời. Ngay chiều hôm ấy : ông bảo bạn đưa đi coi địa hình địa thế vùng cấm địa, rồi chờ đến khuya, một mình lẳng lặng ra tận nơi, làm phép nhường tinh, hô thần, trấn yểm.

Sau ba đêm liên tiếp, việc trấn áp mới hoàn thành, Thanh Lã tiên sinh liền đích thân đào viên đá đầu tiên, chôn một đạo bùa trấn trạch, mà không xảy ra một sự trở ngại gì như mấy buổi trước, mỗi khi phải dùng thuốc, cuộc đào xới khu cấm địa, thế nào cũng phải bị thổ thần trách phạt, hoặc quát ngã người đứng trông nom, hoặc sui khiến cho người gầy mai, mẻ cuốc, làm đình trệ công việc đến phải bãi bỏ, không dám động gì tới khu đất nữa !

Nhưng sau khi bắt đầu xây cất từ đường, Thanh Lã tiên sinh lại phải đương đầu ráo riết với sự phá rối của phe nhóm họ Trần.

Những người thù nghịch với tiên sinh đã thay đổi nhau làm đơn khiếu nại, yêu cầu quan Huyện hạ lệnh đình chỉ việc xây dựng phi pháp của tiên sinh, viện có khu cấm địa Hạc Hải, từ bao đời nay, vẫn được coi là địa điểm tối linh thiêng, bất khả xâm phạm, không cho một ai được quyền sử dụng để làm nhà hay trồng trọt, kể cả chủ nhân được chánh thức thừa kế thừa đất ấy !

Nếu cứ miến cưỡng xây dựng, đào xới vùng cấm địa, là thế nào dân làng cũng bị khốn khổ về sự động trệ tai hại !

Tự biết mình làm điều ngang bướng vì quyền lợi riêng, không chịu tôn trọng tục lệ trong làng nên Thanh Lã tiên sinh bắt buộc phải xử sự nhún nhường, thân hành đến tận nhà các bô lão, hương chức trong dòng họ Trần, để yêu cầu họ vị tình bà con trong xóm ngoài làng khi tắt lửa, lúc tối đèn có nhau mà sẵn lòng làm ngơ cho tiên sinh được phép xây dựng ngôi nhà thờ chung cho cả họ.

Bề ngoài, họ Trần tuy nói cười vui vẻ, không tỏ ý bất bình, phản đối ra mặt, song họ vẫn ngầm ngầm vận động để ngăn cản công cuộc xây dựng từ đường.

Biết rõ thế lực của viên đề mục họ Phạm, họ đã dùng tiền bạc để hối lộ tên này, để nhờ y tìm cơ hội triệt hạ phe nhóm đối phương.

Thanh Lã tiên sinh nghe được tin ấy, sợ viên đề mục, tay sai thân tín của quan Huyện ám hại mình, cũng vội thu xếp lễ vật tìm cách kết giao với họ Phạm.

Con cáo già họ Phạm được cơ hội bóc lột cả hai phe, không ngần ngại gì, tỏ ý thân thiện với cả đôi bên.

Với ai, y cũng khôn ngoan hứa hẹn, hết lòng săn sóc, bênh vực, để nuốt trôi những nén bạc bạc trắng hay những bu gà vịt, những thùng gạo rượu của hai họ đem đến "vi thiềng" !

Nhân dịp thầy địa lý Tàu ghé vào xem kiểu đất "lưỡng long tranh châu", tiên sinh liền cho

mời luôn cả họ Phạm đến uống rượu. Bên mâm cơm thịnh soạn, ba người vui vẻ chuyện trò về đạo lý thánh hiền, và không ngớt lời ca tụng những nét tinh hoa, sâu sắc của nền văn hóa cổ kính Đông Phương đến cuối cùng, cực lực suy tôn sự huyền bí cao siêu, uyên thâm, uẩn súc của các môn lý, số, phong thủy !

Nhân dịp này, thầy địa lý Tào, khi đề cập đến các kiểu đất đế vương, có hỏi Thanh Lã tiên sinh :

- Tiên sinh thường lưu ý các ngôi đất quý, vậy kiểu đất ở Lam Sơn, nơi phát tích của Lê triều, hiện thời ra sao ? Theo ý tiên sinh, thì nơi ấy có những nét gì đặc sắc ?

Hơi men bốc cháy bùng bùng trong phé phủ, Thanh Lã tiên sinh vừa nâng chén lên môi, vừa cao hứng gật gù một cách vô cùng đắc ý :

- Kể ra cũng không có gì quý lắm, Cả khu Lam Sơn, chưa chắc đã ăn đứt được cái cổng nhà từ đường này đâu, nhị vị tiên sinh ạ !

Viên đề lại họ Phạm, trở mắt kinh ngạc nhìn sững Thanh Lã tiên sinh, trong lúc tiên sinh vô tình, cứ cao hứng nói cười như thường !

Và cũng từ đây, y không còn nghĩ gì đến sự ăn uống nữa, mà chỉ chăm chú theo dõi từng lời nói, cử động của chủ nhân.

Sau tiệc rượu này, viên đề mục đi tìm mấy viên hương chức thù nghịch với Thanh Lã tiên sinh, thuật lại cho họ nghe, những lời tiên sinh vừa thốt ra trong hơi men chũnh choáng và hứa sẽ đem tố cáo hành vi phạm thượng đó với triều đình để làm tội Thanh Lã tiên sinh, nếu phe họ Trần chịu vui lòng bỏ ra ba trăm nén bạc.

Muốn cho những người trong họ Trần tin lời mình, họ Phạm đã thao thao bất tuyệt khoe khoang thế lực của ngài bút một tay đề lại lão luyện, muốn thay đen, đổi trắng, khuấy nước nên hồ thế nào cũng được, miễn là án văn cấu phải tạo sao cho thiệt hợp tình hợp lý.

Hơn thế nữa, lại còn cần được lòng tin của quan trên.

Mà về điểm này, thì viên đề lại họ Phạm có thừa điều kiện, vì từ khi được bổ nhiệm về huyện này, quan Huyện đối với hắn, luôn tỏ lòng tín nhiệm, ủy thác cho hắn nhiều án từ, công việc quan trọng.

Muốn mua chuộc lòng yêu mến, thương tưởng của quan Huyện, họ Phạm đã khôn khéo, bày mưu tính kế cho quan Huyện đục khoét lương dân, khiến cho mới có mấy năm trời mà quan Huyện đã tậu được trên một trăm mẫu ruộng ở quê nhà.

Nghe họ Phạm nói rõ âm mưu ám hại Thanh Lã tiên sinh, họ Trần hân hoan tiếp nhận tin đó, và không ngần ngại gì, chấp thuận toàn vẹn đề nghị của viên đề lại.

Họ về hội họp ngay các bô lão, chức sắc trong họ rồi trình trọng thuật lại rõ ràng lời nói, bao hàm ý nghĩa phản nghịch của Thanh Lã tiên sinh do viên đề lại họ Phạm nghe được và sẵn lòng tố cáo nội vụ với quan trên, nếu được họ Trần đền ơn xứng đáng. Kết luận, người trưởng tộc yêu cầu tất cả mọi người trong họ, không phân biệt già trẻ, gái trai tính theo đầu người, cứ mỗi xuất phải nộp một lượng bạc, mới có thể chu tất được món tiền mà viên đề lại đã yêu sách.

Theo lời trình bày của người trưởng tộc, thì đó là một cơ hội may mắn phi thường, để họ Trần triệt hạ hạ đối phương bằng một miếng đòn quyết liệt, không còn hy vọng gì để ngóc đầu lên được, vì trong thời đại phong kiến cực thịnh, kẻ khinh mạn triều đình, xúc phạm đến uy thế hoàng gia, sẽ bị trăm quyết, bêu thủ cấp làm gương cho thiên hạ !

Đây là trường hợp khoang hồng đối với những tội nhân không có đầy đủ bằng chứng, tang vật phản nghịch.

Còn có những vụ án tương tự, mà nạn nhân lại có thể bị xử tới tru di tam tộc, hay hành hình một số chính phạm, và lưu đầy những thân nhân, họ hàng giây mơ, rễ má !

Trong dòng họ Thanh Lã, vẫn hay rằng có nhiều hương lý, chức sắc, lắm kỳ mưu, diệu kế, có uy danh, tín nhiệm với dân làng, nhưng tựu trung vẫn không được ai tài giỏi như Thanh Lã tiên sinh, nên họ chỉ nhắm riêng mục đích : triệt hạ một mình tiên sinh, cũng đủ khiến cho cả dòng họ tiên sinh phải suy sụp.

Viện trưởng tộc còn nhấn mạnh : nếu bây giờ không triệt hạ được tiên sinh, tức là ngôi từ đường ở khu Hạc Hải vẫn còn, thì chỉ trong vài ba năm nữa, long mạch nổi dậy, cả dòng họ ấy sẽ được hưởng thụ sự kết phát vẻ vang, quan văn, quan võ khắp triều đình, hồi lúc đó, họ Trần chỉ cầu được sống yên ổn trong xóm làng cũng còn khó, chứ hy vọng gì cạnh tranh với họ và được dân làng kính nể nữa !

Mình có cơ hội diệt trừ họ mà không biết lợi dụng tức khắc, thì sau này, khi họ có nhiều người làm quan, họ Trần đành chỉ còn có nước làm đầy tớ họ, để đổi lấy sự an cư lạc nghiệp mà thôi. Viện trưởng tộc đã khéo dùng chính sách "thỉnh tướng không bằng khích tướng" để gợi lòng tự ái của mọi người trong họ, khiến cho tất cả nam phụ lão ấu đều nhiệt liệt tán thành âm mưu tố cáo ông Thanh Lã, và sốt sắng đóng góp ngay số tiền viên trưởng tộc vừa đề nghị.

Chỉ một ngày sau, họ Trần đã thu được đủ ba trăm lượng bạc của bà con trong họ, để ngay chiều hôm ấy, bí mật đem đến nộp cho viên đề lại và không quên nhắc đi nhắc lại điều kiện thiết yếu : nếu không diệt trừ được ông Thanh Lã, nếu không phá hủy được ngôi từ đường, thì viên đề lại phải trả lại họ Trần đủ số tiền đã lấy !...

Giấy tờ cam kết xong xuôi, mấy ông hương lý, thân hào trong họ Trần hý hứng ra về, ngày

nào cũng tụ họp chề chén với nhau, để chờ nghe tin tức.

NHỮNG HIỆN TƯỢNG QUÁI DỊ TRONG HOÀNG CUNG

Đúng vào thời kỳ ấy, tại hoàng cung liên tiếp xảy ra mấy hiện tượng quái dị: luôn 3 đêm ngày liên tiếp, thanh thượng phương bảo kiếm của nhà Vua, treo gần long sàng, bỗng phát ra những tiếng vo vo đều đều như tiếng gió xào xạc trong một cơn mưa rào rích.

Đồng thời, chiếc đỉnh cao bằng đầu người nặng tới mấy ngàn cân, đặt trước điện Thái Hoà, cũng đột nhiên bị đổ nghiêng hẳn về phía trước, mặc dầu nơi ấy, suốt ngày đêm không có ai tới, và luôn luôn có võ lâm quân canh gác cực kỳ nghiêm mật. Mà lúc chiếc đỉnh đổ nghiêng, cũng không gây ra một tiếng động nhỏ nào.

Vị lão quan thần thờ, bước xuống lầu, vào thư phòng ngồi thần thờ suy nghĩ trước án thư, đoạn dơ đốt ngón tay tính toán một lúc lâu, bất giác giật mình kinh hãi lắm bầm :

- Vận mạng hoàng triều có cơ suy giảm đến nơi mất rồi, nếu linh khí đất kinh kỳ không sớm phục hồi, cho hùng hậu như khí phát tích, thì khí thiêng ở phương Bắc sẽ có ngày quật khởi, lần át được cả long mạch hoàng thành... Ngai vàng nhà Lê chắc khó lòng giữ vững.

Ngày hôm sau, quan Khâm Thiên Giám dâng sớ tâu rõ những hiện tượng quái dị đêm trước và kết luận :

Ở phương Bắc chắc có huyết đế vương, khí thiêng đang thời kết phát, nên bắt đầu làm thương tổn tới nền tảng vững chắc của Hoàng cung. Nếu không sớm tìm cách diệt trừ, sớm muộn gì, cũng sẽ gây ảnh hưởng không tốt cho vận mạng hoàng triều và non sông, xã tắc.

Nhà vua xem sớ tấu, bàng hoàng lo sợ, vội giáng mật chiếu cho các quan Tổng Trấn đại thần các nơi, phải lưu tâm dò xét xem chỗ nào có long mạch đế vương thì một mặt phải tâu ngay cho nhà vua biết, một mặt phải tìm thầy địa lý cao tay trấn yểm cho kỳ được. Hạn trong ba tháng phải báo cáo tình hình cho triều đình biết.

Mật chiếu được sứ giả dùng hỏa bài đem ngay đến các biên trấn xa xôi, khi tới tỉnh Bắc Giang thì vừa đúng lúc viên đề lại họ Phạm đang bày mưu tính kế ám hại Thanh Lã tiên sinh, sau khi tiên sinh chót thốt mấy lời kém suy nghĩ giữa lúc bị ma men ám ảnh.

Được quan Huyện cho gọi vào, nói rõ lời nhà Vua truyền dạy trong mật chỉ, viên đề lại cả mừng, vội về làm báo cáo tố giác khu cấm địa Hạc Hải, và ý nghĩa biểu lộ sự phản nghịch trong những lời thốt ra trong lúc vô tình của Thanh Lã tiên sinh, tại bữa rượu có cả thầy địa lý Trung Hoa cùng dự.

Trong bản báo cáo này, họ Phạm đã tỹ mỹ tường thuật rõ ràng vị trí của khu đất cấm Hạc Hải.

Đồng thời, còn trình bày luôn cả tục lệ từ ngàn xưa, với những sự linh ứng dị kỳ ấy, mỗi khi có người nào ở trong làng, không chịu tuân theo lệnh cấm của hương chức, cứ làm nhà hay

trồng trọt, canh tác trên thửa đất Hạc Hải.

Để có đủ yếu tố buộc tội Thanh Lã tiên sinh, viên đề lại gian ác này, còn nhấn mạnh đến mưu tính của tiên sinh lúc mua khu cấm địa mà muốn đạt thành ý nguyện, tiên sinh đã lợi dụng uy quyền, thế lực của một dòng họ có nhiều người vào bậc đàn anh, chức sắc, ăn trên, ngồi trước, để bắt buộc dân làng phải im hơi, lặng tiếng, không cho một ai phản đối chi hết, mặc dầu họ biết dân làng sẽ bị động trệ ?

Họ Phạm lại gian xảo, dính kèm theo bản văn tố giác của y, những bản sao các đơn từ của bọn chức sắc, hương lý trong phe nhóm họ Trần, trước đây đã đệ trình quan sở tại để phản đối sự xây dựng từ đường của Thanh Lã tiên sinh.

Bằng một giọng văn kết tội rất chặt chẽ của một viên lại mục chuyên nghiệp, nhiều kinh nghiệm quý báu trong nghề điên đảo án tù, dệt thêu bịa đặt một cách rất khéo léo, có mạch lạc, tạo được một niềm tin tưởng vững chắc cho các quan tỉnh khi thẩm xét nội vụ, viên đề lại họ Phạm còn thâm độc, tường thuật luôn cả trong bản báo cáo, sự vận động và lợi dụng quyền lực uy thế của một dòng họ, vốn từ mấy đời nay, vẫn được liệt vào hàng cường hào, ăn trên ngồi chốc ở trong làng để buộc tội thêm cho ông Thanh Lã là cố tình chiếm đoạt cho kỳ được khu cấm địa với tất cả mọi giá, chỉ cốt sao xây dựng được ngôi từ đường, mưu cầu sự kết phát hiển vinh cho cả họ. Để kết luận, viên đề lại còn cam đoan, lấy tính mạng ra bảo đảm cho sự tố cáo của mình, để nếu có điều gì không đúng, y xin sẵn lòng chịu tội với triều đình.

BẢO TOÀN SĨ KHÍ, ÔNG THANH LÃ BỊ ĐỔ CHÌ VÀO MẮT

Quan Tổng Trấn nhận bản văn tường trình của quan Huyện, có đính kèm tờ cung khai rất rõ ràng, tỷ mỉ của viên đề lại họ Phạm, không dám chậm trễ, vội một mặt đệ biểu chương về triều tấu các sự việc xảy ra ở mấy vùng Mông Phụ, Mông Sàng, căn cứ theo lời dân cư địa phương tiết lộ, một mặt sai quân lính về làng Mía, bắt Thanh Lã tiên sinh.

Đất bằng nổi sóng, Thanh Lã tiên sinh không ngờ mỗi tai họa tày đình, đang dồn dập cả ở sau lưng mình, ngay từ sau bữa rượu thịnh soạn mà tiên sinh vẫn yên trí đó là cơ hội hãn hữu để gặp mặt bạn hiền, làm cho cả dòng họ tiên sinh bị tan tành, điều đúng.

Với tâm hồn bộc trực, sáng khoái của một vị chính nho, quân tử, lúc nào cũng coi đạo lý thánh hiền như khuôn vàng, thước ngọc, lấy tình trung hậu, tín nghĩa làm phương châm chánh yếu trong sự giao du, thù tạc, sẵn sàng đặt lòng tin tưởng vào bất cứ ai ở quanh mình, nếu đã có cơ hội được tiếp xúc với họ, mặc dầu dĩ vãng của họ, thường bị mọi người chỉ trích chê bai.

Tiên sinh luôn luôn chủ trương : dùng cảm tình, ân nghĩa để cảm hóa những kẻ lạc lối, lầm đường, lúc nào cũng chỉ mong bớt thù thêm bạn để tâm hồn được thanh thoi, tâm trí được hoàn toàn rảnh rỗi.

Cũng vì thế, tiên sinh mới không ngần ngại gì, kết giao mật thiết với viên đề lại họ Phạm mà

tiên sinh biết rõ tâm tính gian xảo cố hữu của kẻ lại mục và sẵn lòng cởi mở ruột gan, lúc tiên sinh ngồi tiếp chuyện hẳn với thầy địa lý Tàu hôm trước.

Thực tình mà nói, thì những lời cao đàm hừng luận thốt ra trong lúc phế phủ đang ngùn ngụt hơi men, tiên sinh đều quên hết sau một giấc ngủ ly bì, mỗi một, đến nỗi bạn về bao giờ tiên sinh cũng không rõ !

Cho mãi đến cuối giờ Mão hôm sau, khi thấy tiên sinh tựa mình ngồi choàng dậy, một người em họ của tiên sinh, đứng hầu rượu chiều hôm trước, vội đi lấy nước cho tiên sinh rửa mặt, pha trà cho tiên sinh uống như thường lệ, rồi mới thông thả thuật lại những lời nói của tiên sinh trong bữa rượu, cùng thái độ kiêu ngạo, rất khả nghi của viên đề lại !

Thanh Lã tiên sinh lúc ấy mới giật mình, sợ hãi, toát mồ hôi khi nghĩ tới hình phạt khắc nghiệt của chế độ phong kiến, mà mỗi hành vi, cử động hay ngôn ngữ, văn tự, chỉ hơi có vẻ ngông cuồng, cũng có thể bị bọn vua quan kết án là "khi quân" để làm tội đương sự rất nặng nề, tùy theo từng trường hợp : hoặc tử hình hay tru di tam tộc !

Chợt nhớ đến tâm tính xảo quyết thâm độc của bọn sai nha, nhất là thành tích " ăn thịt người không biết tanh " của viên đề lại họ Phạm, tiên sinh lại càng hoảng sợ, vô đầu, bứt tai, không biết lo nghĩ mưu kế gì, để có thể tránh được tai họa sắp xảy ra ?

Nhưng rồi tiên sinh lại tự nhủ thầm : mình quen ăn ngay nói thẳng, không làm điều gì phản dân hại nước, thì có lý nào triều đình lại nỡ kết tội oan uổng, chỉ căn cứ vào những lời nói vu vơ, thốt ra trong lúc vô tình, say sưa, chề chén ?

Thiên hạ chẳng đã có câu : " cây ngay không lo chết đứng " đấy ư ?

Vả lại, con người ta sống chết có số mạng !

Không một ai tránh khỏi được sự an bài của Tạo Hóa.

Nghĩ tới đây, tiên sinh vội vào thẳng thư phòng, lục trong chiếc tráp sơn đen, lấy ra lá số tử vi của tiên sinh, rồi chăm chú nghiền ngẫm cứu xét...

Bỗng tiên sinh tái mặt, mồ hôi toát ra khắp mình, toàn thân lạnh buốt như băng giá, suýt kêu lên một tiếng hải hùng, khi thấy trong cung Mệnh của lá số có ghi rõ những vận hạn kinh khủng, nếu không đưa đến thảm họa chết người thì cũng làm cho tiên sinh bị tàn phế trọn đời, cặp sao Thái Dương và Thái Âm tượng trưng đôi mắt của tiên sinh trong lá số gặp sát tinh hội chiếu.

Tiên sinh buông lá số, thần thờ một lúc lâu, rồi thở dài náo ruột :

Muôn sự đều do số mệnh ! Chỉ tiếc cho công phu tìm kiếm đất quý trong mấy năm trời gian nan vất vả khổ trí, lao tâm mà rút cuộc lại vận chỉ là cảnh dã tràng xe cát, bao nhiêu công phu kỳ diệu phút chốc biến thành ảo ảnh !

Sức người cường sao nổi Mệnh Trời !

Đến từ giờ phút này, tiên sinh mới cảm thấy sự tai hại của tánh ông cuồng, tự đắc, vì ngay từ khi khám phá được khu cấm địa Hạc hải, hiểu được rõ ràng địa điểm quy tụ linh khí kỳ tú, khả dĩ đem lại sự kết phát tới Vương bá, Công hầu, nhưng xét lại âm công, phước trạch nhà mình, tiên sinh tự biết âm đức quá mỏng manh, không xứng đáng thụ hưởng sự kết phát lớn lao hiển hách ấy !

Tuy nhiên, với tính tự ái của một sĩ phu lâu thông lý số, quán triệt âm dương, tiên sinh chắc rằng mình sẽ có đủ tài sức chế ngự mạng số, để hoàn thành chí nguyện.

Do đấy, tiên sinh mới cố gắng tìm đủ mọi phương pháp huyền diệu, kỳ ảo để trấn yểm khu Hạc Hải, chế ngự được Thổ thần, xây dựng được chu đáo ngôi nhà thờ họ.

Chín phần mười đoạn đường đầy chông gai, trở ngại, tiên sinh đã dùng tài năng sở trường vượt qua được gần hết, chỉ còn có một quãng ngắn nữa là có thể đạt được hoàn toàn mục đích mong muốn, từ khi tiên sinh bắt đầu nghiên cứu môn địa lý !

Nào ngờ đâu chỉ vì mấy lời vô ý thức, thốt ra trong lúc mềm mại vui chén với bạn bè, mà kẻ gian ác đã căn cứ vào đây, hãm hại tiên sinh, khiến cho công trình xây dựng của tiên sinh, phút chốc suy sụp, đổ vỡ !

Càng nghĩ, càng buồn, càng giận tiên sinh lại càng chán ngán, nhiều lúc muốn tự kết liễu đời mình cho rảnh nợ, nhưng, rồi tiên sinh lại bác bỏ ngay ý định nông nổi ấy khi tự nghĩ rằng mình là người vô tội, triều đình không thể viện vào có gì, để hãm hại tiên sinh cho được ?

Nghĩ thế rồi, tiên sinh thản nhiên đợi chờ những sóng gió sắp xảy ra...

Một buổi chiều mưa đông năm Ất Vỵ, nhằm đời vua Lê Cảnh Hưng, quan trấn tỉnh Bắc Giang phái một viên Cai Cơ, đem một toán lính về tận làng Mía, nã tróc Thanh Lã tiên sinh, giải về triều cho Tam Pháp Ty thẩm vấn về tội mưu toan phản nghịch nhà Vua.

Tuy đã tiên đoán hậu quả này, khi thấy lính về nã tróc, thân nhân của tiên sinh cũng hoảng sợ, cuống cuống. Người nào cũng run rẩy, bàng hoàng, chỉ lo bị vạ gió, tay bay, vương phải họa lây với Thanh Lã tiên sinh.

Thừa dịp viên sai quan đang mải mê lục soát trong các căn phòng, để đi tìm kiếm tang vật phản loạn, tiên sinh liền căn dặn thân nhân :

- Hôm nay ta phải theo sai quan lên tỉnh, nhằm đúng ngày 23 tháng tám, thì bốn mạng của ta, không lo bị thương tổn, mặc dầu ta vẫn vướng phải cực hình : bị mù cả hai mắt !

Ta đã tính toán kỹ lưỡng từ hôm qua rồi !

Nếu sai quan tới tróc nã ta vào ngày mai, thì nhất định, thế nào ta cũng bị trăm quyết, mà mọi người trong họ sẽ cũng phải lưu đây.

Nhưng hôm nay ta đã bị bắt, thì không còn gì lo tới tính mạng nữa.

Vậy đúng ngày 28 tháng mười tới, người nhà phải chờ đón ta ở cổng tòa Tam Pháp để dắt ta về quê, vì chắc là đến hôm ấy, ta không còn trông thấy ánh sáng mặt trời nữa. Mọi người phải nhớ lời ta dặn, chớ để cho ta bơ vơ ở nơi đất khách, quê người nhé !

Quan trấn không tra hỏi tỳ mỷ phạm nhân, mà chỉ làm báo cáo giải theo với phạm nhân về kinh sư, để tùy triều đình xét xử.

Trước tòa Tam Pháp, khi bị cật vấn về mưu toan phản nghịch qua lời nói khinh mạn Hoàng triều trong tiệc rượu, và tính cách thiêng liêng của khu cấm địa Hạc hải, Thanh Lã tiên sinh đã khẳng khái khai rằng :

- Trước khi có ý định tìm một ngôi đất quý, để hoặc an táng hài cốt ông cha, hoặc xây dựng nhà cửa, khả dĩ đem lại được sự kết phát, vinh hiển cho con cháu trong họ sau này, tiểu dân đã khảo xét tình tường, nghiên cứu lý số, đoán biết chắc chắn vận mạng Hoàng triều không còn được lâu dài nữa, ngôi bảo tổ vì vậy, nhất định sẽ phải qua tay họ khác.

Tiểu dân thấy thế, mới dám có tham vọng dùng sức học sở trường để : một là thử xem học vấn của mình có quả thực đã đạt được tới mức uyên bác, tinh thông chưa, hay đó chỉ là những sự hiểu biết hời hợt trên giấy trắng, mực đen, không hơn gì cái học từ chương, phù phiếm; hai là muốn gây dựng cho con cháu có cơ hội mở mày, mở mặt, được với thiên hạ, mặc dầu tiểu dân tự biết phước trạch tổ tiên nhà tiểu dân chưa đủ cho con cháu hưởng thụ sự kết phát quá hiển hách vẻ vang !

Nay quả nhiên, sự mưu tính của tiểu dân bị sụp đổ, đúng như vận mạng tiểu dân đã tiên đoán, vì tuy tiểu dân thành công trong việc xây dựng từ đường trên khu Hạc Hải, song vì một lời nói thốt ra trong lúc cao hứng, vô tình tiểu dân bị mắc tội với triều đình, nhà thờ họ bị triệt hạ, tương lai tiểu dân hoàn toàn tan vỡ, thì tiểu dân quả thực không còn mong gì sống ở trên đời nữa ?

Vậy giết, tha thế nào, xin tùy lượng cao minh của thương quan định đoạt. Riêng về phần tiểu dân, ngay từ lúc theo sai quan lên tỉnh, tiểu dân đã coi như được về... với tổ tiên rồi, không còn hy vọng gì được trở lại vui sống cùng gia đình nữa !

Quan Đô sát còn tra hỏi thêm về các chi tiết liên quan đến ngôi đất "luống long tranh châu", bắt nhà phong thủy phải tự viết một bản cung khai, trình bày rành mạch tất cả những công việc đã làm, từ khi mới khám phá được khu cấm địa, như cách dùng bùa phép trấn yểm tà khí, để giữ vững long mạch như thế nào, phương pháp vận động cho dân làng không phản đối sự xây dựng từ đường, như thế nào, tính cách linh thiêng và những hiện tượng quái dị quanh khu đất Hạc hải từ ngày xưa như thế nào, nhất nhất đều phải ghi chép rất rõ ràng, để các quan trong tòa Tam pháp cứu xét.

Riêng về lời nói của tiên sinh, thốt ra trong bữa rượu với nhà phong thủy Trung Hoa và viên đề lại, tiên sinh cũng không dấu diếm, khai thực đó là do câu hỏi của thầy địa lý Tàu, muốn so sánh kiểu đất phát tích của Hoàng triều, với khu Hạc hải, xem nơi nào quý địa hơn !

Tính nết tiên sinh, bình sinh rất thẳng thắn, nghĩ sao nói vậy, có hay nói hay, có dở nói dở, không bao giờ chịu làm một điều gì mờ ám, nên tiên sinh mới trả lời nhà phong thủy Trung Hoa một câu phát xuất từ đáy lòng, mà sự thực, nếu không xảy ra tai biến này chắc chắn sẽ được chứng minh một cách rất rõ ràng, sau thời gian ngôi từ đường của dòng họ tiên sinh bắt đầu quán khí !

Thấy phạm nhân đã khai khẩu cung rất đầy đủ, quan Đô Sát liền làm biểu văn phúc tấu triều đình, để xin nhà vua định tội.

Nhà Vua hạ chỉ : truyền quan Đô Sát phải áp giải phạm nhân vào triều rồi đương diện, dụ ông Thanh Lã, bắt tiên sinh phải tìm cách tiếp phúc kỳ được cho ngôi tổ mộ của nhà Lê ở đất Lam Sơn cho được hưng thịnh như trước.

Nếu việc làm này có kết quả, triều đình sẽ tha tội cho phạm nhân.

Thanh Lã tiên sinh không chút lưỡng lự, lạy giập đầu trước bệ ngọc mà tâu rằng :

- Kẻ tội phạm này nhất sanh trung thực, nghĩ sao nói vậy, không bao giờ quen đưa đón, phụng thừa, dù biết đó có thể làm nghịch ý Thánh Hoàng, để tự tìm lấy cái chết !

Vậy thần xin tâu thực : hạ thần đã khảo sát tinh tượng, tính toán âm dương, rất kỹ lưỡng, nên mới dám có ảo mộng ngông cuồng, để đến nỗi đắc tội với triều đình !

Nay công việc của hạ thần tuy không thành đạt, song chỉ trong một thời gian ngắn nữa, cũng sẽ có họ khác xuất đầu lộ diện để tranh dành ngôi bảo tổ !

Đó là thiên cơ đã ấn định, sức người dầu mạnh đến đâu, cũng đành khoanh tay cam chịu !

Hạ thần đã một lần, cưỡng lại mệnh Trời, nên giờ đây mới bị vướng tai ương.

Vậy cúi xin bệ hạ minh xét, kẻ tội phạm này cam lòng chịu chết chứ không dám tuân thánh chỉ, vì tự biết sức mình không sao thắng được thiên mạng !

Nhà vua nổi lời đình thịnh nộ, cho là ông Thanh Lã cố tình ngang bướng, không chịu tìm cách tiếp phúc cho ngôi tổ mộ của nhà Lê ở đất Lam Sơn, liền hạ chỉ cho tạm giam phạm nhân vào ngục tối.

Sau bao lần dụ dỗ không có kết quả, đúng ngày hai mươi tám tháng mười, nhà vua liền hạ chỉ cho Hình Bộ Thị Lang phải làm tội ông Thanh Lã !

Bị giải từ ngục thất ra pháp trường, Thanh Lã tiên sinh tự biết số phận mình nên thần sắc

chẳng chút biến chuyển ung dung theo võ lâm quân, ra quỳ trước án thư quan Hình Bộ.

Viên Thị Lang đọc thánh chỉ kết phạm nhân vào tội phản nghịch triều đình, phải bị đồ chì vào cả hai mắt, để trọn đời không còn tìm được kiêu đất để vương nào khác nữa.

Ông Thanh Lã còn đang đảo mắt nhìn quanh để tìm thân nhân, thì một tên võ lâm quan đã đề nghiêng tiên sinh xuống cho một tên lính khác đồ bát chì nấu sôi; bốc khói rừng rợn vào hai mắt ...

Tiếng kêu rú thất thanh, hoà với giọng nức nở, nghẹn ngào của thân nhân tiên sinh đứng quanh đây, đã tạo thành một âm thanh ai oán, bi thiết, não nùng vô bờ bến !

Tai họa bất ngờ này, quả đã phù hợp với lời tiên đoán của tiên sinh, khi táng giúp tám ngôi tổ mộ cho họ Nguyễn ở làng Báo Văn mà bằng cớ, còn được ghi lại rõ ràng trên bia đá, tìm được dưới lòng huyết của kiêu đất Phụng Hoàng Hàm Thư :

"... Ngã thuỳ vô mục quả vô mục dã ".

MÁU CHẢY CHAN HÒA KHU HẠC HẢI

Ngay sau khi phái công sai về tróc nã Thanh Lã tiên sinh, quan Trấn đã ủy nhiệm cho viên tri huyện sở tại, phải niêm phong ngôi từ đường xây dựng trên khu cấm địa ở làng Mía, để chờ lệnh quyết định của triều đình.

Sau mấy tháng thăm vắn, cứu xét vụ án rất kỹ lưỡng, triều đình đã cho áp giải phạm nhân trở về nguyên quán, để chứng kiến cho quân lính phá hủy ngôi nhà thờ họ, mà trước đây không lâu, cũng chính phạm nhân này đã lao tâm khổ tứ, tận dụng khả năng chuyên môn và sức học vấn uyên thâm, để cố tạo nên một kỳ công vĩ đại cho con cháu trong họ được thụ hưởng lâu dài.

Trước khi tự tay đặt nhất cước thứ nhất trên nền nhà, ông Thanh Lã đã thiết lập bàn thờ, khấn vái thổ thần phù chú và đốt liễn tiếp ba đạo bùa để xin giải sự trấn yểm lúc trước. Sau đây quân lính mới ulla vào gỡ mái chặt cột, phá móng đào nền...

Nhà phong thủy thần thờ, ngậy đại đứng nhìn công trình xây dựng của mình với bao mồ hôi, nước mắt, phút chốc bị đồ vỡ tan tành.

Còn đang bơ phờ, ngao ngán, thầy địa lý chột rừng mình, toàn thân như bị một luồng gió độc luôn qua kẻ phổi, khe gan, rồi sấm sét bỗng nổi dậy vang rền, mặc dầu trước đây, trời rất quang đảng, mây xanh từng đám, nhẹ nhàng chuyển vận theo làn gió cuối thu mát mẻ, dịu dàng, không có một triệu chứng nào báo hiệu một cơn mưa gió phủ phàng !

Vậy mà chỉ trong khoảnh khắc, lúc đám lính huyện đang hò hét phá hủy ngôi từ đường trên vùng cấm địa, trời đất bỗng chuyển động ầm ầm, từng luồng chớp xanh lè, nối tiếp nhau hiện lên cùng một lượt với những tiếng gầm thét kinh thiên động địa của lôi thần, rồi mưa tuôn xối xả, gió giật đùng đùng làm tung bay cả những tàu lá cọ, vừa được gỡ từ trên mái nhà xuống !

Trận mưa tầm tã, như những tỉnh nước khổng lồ bị trút ngược xuống trần gian, kéo dài từ đầu giờ Tỵ đến cuối giờ Mùi mới ngớt hạt, khiến cho những nứa lá bị gỡ, trôi mất hết, kiểm soát lại, thì ngôi nhà thờ năm gian chỉ còn trơ lại mấy cây cột cái, với một mớ đòn tay !

Cả khu Hạc hải đều bị ngập nước mưa sâu tới quá gối !

Đó là một trường hợp lạ lùng, không hề thấy xảy ra lần nào ở mấy làng Báo Văn, Mông Sàng, Mông Phụ, từ trước tới nay, vì thường nhật, những năm trời làm lụt lội không kể, cả mấy thôn xã trong vùng, chưa từng bị lụt nước mưa bao giờ !

Mọi khi , dù mưa to gió lớn, đến đâu, kể cả những trận mưa giông rã rích liên tiếp nhiều đêm ngày rùng rã, hay trong suốt tháng Ngâu, (tháng bảy), nước mưa, nếu không thấm được hết vào lòng đất, thì cũng trôi xuống các cống rãnh, rồi chảy tuốt qua những hồ ao rải rác ở khắp các thôn xóm, chưa có đâu bị ứ đọng lại một cách kỳ dị như trận mưa hôm lính phá nhà thờ của ông Thanh Lã ?

Ngay chiều hôm ấy, khi công việc phá hủy từ đường hoàn tất, nhà phong thủy lại phải theo lính về trại giam trên Huyện, để sáng hôm sau, lai kinh chịu tội.

Nước mưa vẫn ứ đọng khắp khu Hạc hải vừa đúng bảy ngày bảy đêm mới cạn hết.

Nhưng trên mặt đất, từ đấy lại luôn luôn rỉ ra một chất nước đỏ sẫm như máu tươi.

Mà lạ lùng hơn nữa, hiện tượng quái dị ấy, lại chỉ thu hẹp trong phạm vi nền nhà vừa mới bị phá hủy, chứ chung quanh đấy, chẳng nơi nào giống thế cả !

Mấy bà già thấy vậy, hoảng sợ, vội lấy tro đổ lên, song vô ích; thứ nước đỏ, phảng phất có mùi tanh in hệt chất máu tươi, vẫn cứ ngày đêm rỉ ra, đều đều, không khác gì mồ hôi tiết qua lỗ chân lông của một người đang đi dưới bầu trời nắng gắt !

Những ông già, bà cả trong làng cho rằng long mạch kiểu đất lưỡng long tranh châu đã bị đứt, nên mới có điềm kỳ dị ấy.

Nào đã hết đâu !

Cây đa bảy rễ ở đầu xóm Thượng, một nơi nổi tiếng linh thiêng trong vùng, từ bao nhiêu năm trời nay từng được dân làng đặt nhiều bình nhang ở các hốc cây và treo các thứ hài, nón trên cành, bỗng dưng bị khô héo dần, rồi chết rũ, cùng một lúc với hai cây ngọc lan trồng ở sân đình.

Quái gở hơn nữa, là sau đây chừng mười hôm, giữa thân cây đa cổ thụ tự nhiên lại có một đôi rắn dài chừng năm thước ta, lớn bằng bắp vế, một con màu đỏ, một con màu xanh, nằm cuộn tròn trong hốc cây, đầu luôn luôn hướng thẳng về phía đình làng, chốc chốc lại rít lên từng hồi như tiếng còi lãnh lót, cực kỳ rùng rợn, khiến nhiều người yếu bóng vía không còn dám đi qua con đường ấy nữa.

Cũng từ hôm phá ngôi từ đường, đêm đêm, cứ giờ Tí trở đi, một số dân cư trong làng, đi kéo vó hay đi đơm cá, thường được thấy giữa khu Hạc Hải, hiện lên một vùng ánh sáng xanh rờn, lớn bằng quả cam, múa lôn, bay lượn chung quanh vùng cấm địa, rồi trong khoảnh khắc, tan vỡ thành ngàn vạn mảnh vụn, vàng tím đủ màu, bắn tóe ra khắp bốn phía giống hệt những tia sáng như hoa cà, hoa cải, như khi người ta đốt cây pháo bông vậy !

Đồng thời, từ giữa lòng đất lại văng vẳng phát ra những tiếng nức nở, nghẹn ngào, rên la rên rĩ như quỷ khóc ma kêu, khi rõ ràng như trước mặt, khi mơ hồ như ở cõi xa xăm, hòa cùng tiếng giun rế, nỉ non, gió đêm xào xạc tạo thành một điệu nhạc quái đản, rùng rợn, làm ớn xương sống những chàng thanh niên ngỗ nghịch nhất trong làng !

Nạn trộm cướp xảy ra như cơm bữa, hết ở xóm này, lại qua xóm khác, khiến cho mọi người, nhất là những gia đình có máu mặt, ăn ngủ không yên, vì từ bao đời nay, có ai bị mất trộm, mất cướp bao giờ đâu.

Tuy không được hưởng cuộc sống thanh bình như thời Nghiêu Thuấn : ban đêm nhà không phải đóng cửa, ban ngày chẳng ai thềm nhặt của rơi, nhưng dân cư người nào cũng biết an phận làm ăn, chẳng ai có tính tham lam gian trá ?

Vậy mà những thuận phong, mỹ tục ấy, phút chốc biến đâu mất hết, để nhường chỗ cho bọn trộm cướp hoành hành, làm mưa, làm gió !

Thế rồi, cứ đúng bảy hôm, lại xảy ra một vụ hỏa hoạn, mặc dù các hương lý, kỳ hào sau khi thấy mấy vụ cháy liên tiếp, đã phải chia phiên nhau, đích thân hướng dẫn tuần đinh, đi canh gác khắp các hang cùng, ngõ hẻm ở trong làng, để thấy ai hay lơ là, cầu thả không chịu giữ gìn củi lửa, là cảnh cáo hay phạt vạ ngay tức khắc !

Nhưng tất cả mọi sự đề phòng cẩn mật của các chức dịch hương lý, cũng đều hóa ra vô ích, khi các vụ hỏa hoạn cứ đúng bảy ngày một lần, diễn ra rất đều đặn, như có bàn tay vô hình nào đó, sẵn sàng chờ đến hạn kỳ, là châm lửa đốt nhà tức khắc.

Có điều nạn nhân hỏa hoạn, hết thấy đều là những người khá giả, giàu có ở trong dòng họ nhà ông Thanh Lã, chứ dân cư họ Trần hay các họ nhỏ khác, đều không có nhà nào bị cháy hết !

Tình trạng bi đát, hỗn loạn ấy, kéo dài vừa đúng ba tháng mười ngày, tính từ hôm bắt đầu triệt hạ ngôi từ đường kiến tạo trên khu Hạc Hải, thì bỗng nhiên đôi rắn có màu im bất tiếng rít thường lệ, khiến dân làng nghi ngờ, tò mò rủ nhau đến gần xem xét.

Trước họ còn đứng xa nhìn ngắm, sau thấy chung quanh yên lặng như tờ, không xảy ra gì nguy hiểm, kỳ dị, họ liền tiến đến gần gốc cổ thụ, đã chết khô cả cành lá từ lâu và ngạc nhiên, cùng reo hò một lượt, như biểu lộ sự mừng rỡ hân hoan khi nhận thấy đôi rắn lớn nằm cuộn khúc đã chết rũ trong hốc cây đa tự bao giờ.

Cũng từ đây sự yên ổn lần hồi trở lại với dân làng : các chứng bệnh thời khí, hại người, hại vật không còn hoành hành, gieo rắc tai họa đau thương như mấy tháng trước nữa.

Đồng thời, nạn hỏa hoạn cũng hết luôn, chất nước đỏ sẫm như máu tươi cũng không còn tiết ra suốt ngày đêm, trên nền nhà thờ khu cấm địa nữa.

Nhưng trong lúc dân làng vui mừng được hưởng thụ sự bình yên, tai qua nạn khỏi, không phải sống hồi hộp, lo âu từng giờ từng phút trước cảnh đe dọa hải hùng, như tình trạng bi đát đã xảy ra sau ngày Thanh Lã tiên sinh bị bắt, chỉ riêng dòng họ nhà tiên sinh, liên tiếp phải chịu đủ thứ tai ương thâm khốc.

Người con trai lớn của tiên sinh, năm ấy mới mười tám tuổi, đang được tiên sinh ký thác cho ông Cử Ba ở phủ Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh để rèn luyện kinh sách, văn bài, chờ nạp quyển dự kỳ Hương Thí năm sau, bỗng không đâu ồm gì lẫn ra chết.

Ở quê nhà, hai đứa cháu gọi Thanh Lã tiên sinh bằng Bác họ, con trai hai người em họ, thuộc về hai chi dưới trong dòng họ của tiên sinh, cũng tự nhiên trợn mắt, sùi bọt mép, ngã quay dưới đất, rồi cứ thế, lịm dần... tắt thở.

Nhưng đau đớn hơn hết, là trường hợp đứa con út của tiên sinh, mới ra chào đời một tháng, sau ngày hoàn thành khu từ đường, mà tiên sinh yên trí đó là đứa trẻ thụ hưởng sự kết phát hiển hách hơn hết cả, trong bao nhiêu người khác ở trong họ. Mà quả thực đứa trẻ này cũng có nhiều điểm dị kỳ, khác hẳn những hài nhi cùng trang lứa, vì hôm hạ sanh nó, đúng vào giờ Tí ngày mùng một tháng tám, trong căn buồng kín mít, chỉ le lói có một ngọn đèn dầu trầm, bỗng lờ mờ như có ánh trắng lọt qua khe cửa, mặc dù lúc bấy giờ, nhằm vào nửa đêm đầu tháng, cả bầu trời như trùm phủ một bức màn vĩ đại tối đen !

Rồi, ánh sáng lờ mờ, cứ mỗi phút một rõ ràng thêm, để đến lúc đứa bé chào đời, thì cả gian buồng tràn ngập ánh sáng êm dịu, như bóng trắng rằm chiếu rọi xuống giữa sân vậy !

Hiện tượng kỳ dị này, vụt biến mất ngay sau tiếng khóc đầu tiên chào đời của đứa bé, không những thế, liên tiếp theo đây, trời đất bỗng dung lại còn nổi cơn giông tố, sấm chớp ầm ầm, mưa tuôn sôi sả, mãi tới gần sáng mới ngớt hạt.

Đứa bé khôi ngô, đỉnh ngô lạ lùng. Nó cứng rắn khác hẳn những đứa trẻ sơ sinh và đặc biệt hơn nữa, ở lòng bàn tay bên trái, lại có một dấu son đỏ chói, giống hệt một chiếc ấn vuông vắn, còn bàn tay mặt thì ở ngón chính giữa, có một đường chỉ chạy dài rất rõ ràng, ăn thẳng từ đầu ngón tay xuống tới cườm tay, mà lạ lùng hơn cả, dưới lòng thứ ba, lại có một chỉ dài chạy ngang gần suốt lòng bàn tay, song song với một đường chỉ khác, ngắn hơn, nằm ngang

trên cườm tay chừng hai ba phân, trông phảng phất như chữ " sĩ " vậy.

Đứa trẻ, trừ mấy tiếng oa oa lúc chào đời, suốt từ khi đẻ ra cho đến hôm Thanh Lã tiên sinh bị bắt, không hề khóc một tiếng nào.

Trái lại, nét mặt nó lúc nào cũng tươi tỉnh, như muốn chuẩn bị một nụ cười hồn nhiên giữa hai vành môi đỏ chót.

Nó hay ăn chóng lớn khác thường, biết lẫy, biết ngồi trước cả thời gian quy định trong ca dao, nên Thanh Lã tiên sinh yêu quý như nén vàng mười, thường tiên đoán : nó sẽ là thần đồng, ứng vào điểm kết phát hiển hách của kiểu đất " lưỡng long tranh châu " !

Nhưng " mưu sự tại nhân, thành sự tại thiên ", lòng người dù muốn, mà trời xanh không cho, cũng không sao cưỡng nổi " thiên mạng ", mặc dù kẻ muốn soay chuyển thời cơ có đủ tài trí thông kim, bác cổ, quán triệt âm dương, am tường lý số !

Đó là trường hợp ông Thanh Lã, người nổi danh " Thánh sư địa lý " dưới triều Lê, một nhà phong thủy chân tài, thực học, đã khám phá được kiểu đất quý trong khu Hạc Hải, nhưng lại không có cái điểm phúc thụ hưởng và cam chịu sống trọn đời trong cảnh tối tăm đau khổ.

Hôm Thanh Lã tiên sinh bị bắt, đứa trẻ vẫn ăn chơi, vui đùa như thường.

Nhưng từ ngày tiên sinh phải áp giải về nguyên quán để chứng kiến sự phá hủy ngôi từ đường, thì tự nhiên đứa bé bỏ ăn, suốt ngày đêm, khóc ra rả, dỗ dành thế nào cũng không chịu nín.

Rồi đến ngày mừng một tháng sáu, cũng đúng vào giờ Tí, nó bỗng thở rống lên mấy hơi dài, buông sui hai tay, mắt mở trừng trừng nhìn thẳng lên trần nhà...

Người nhà tưởng nó khóc nhiều, mệt mỏi, nằm nghỉ, nhưng khi sờ vào mình nó, thì toàn thân nó giá lạnh như đồng, tim ngừng đập từ bao giờ không rõ !

Sáng hôm ấy, chính là ngày ông Thanh Lã phải chịu cực hình : đồ chì vào hai mắt !

Làng Mía sau đây bị xơ xác tiêu điều tới mấy chục năm ròng rã, cho mãi đến trận bão lớn năm Nhâm Thìn, theo lời một nhà địa lý ở miền xuôi, có dịp sinh sống nhiều năm quanh vùng Mông Phụ, Mông Sàng, khu cấm địa Hạc Hải mới phục hồi long mạch nguyên vẹn như trước.

*** HẾT ***

**BÀI THỨ 4 : TỪ CUỐN GIA PHẢ ĐẦU KÍN TRONG HANG CHÚA
...ĐẾN KIỂU ĐẤT LƯƠNG NGƯỜU ẨM THỦY...**

MẢ TỔ VI-VĂN-ĐÌNH Ở ĐÀU

Trong thời lệ thuộc, đồng bào Bắc Việt, và có khi ở cả Trung Nam phần, không mấy ai không biết đến cái tên Vi Văn Đình : một quan đại thần được Triều đình Huế phong tới Hiệp Tá Đại Học Sỹ, thay họ Hoàng, làm Tổng Đốc tỉnh Hà Đông, một địa điểm kề cận cố đô Thăng Long, chỉ cách Hà Nội có 11 cây số.

Đối với thực dân, họ Vi tuy không được kính trọng bằng họ Hoàng, nhưng thực sự lại được tín nhiệm hơn nhiều, vì một lẽ rất dễ hiểu : Vi Văn Đình trung thành tuyệt trần với... Mầu Quốc, bất cứ trường hợp nào hay hoàn cảnh nào cũng đều hết lòng xả thân thờ nhà nước Bảo Hộ, để sẵn sàng diệt trừ tất cả mọi mầm mống, mà y gọi là phản loạn, muốn khuynh đảo... nước Mẹ !

Thiên hạ cho rằng : y sở dĩ bạo ngược, ác độc tới mức độ dã man, mọi rợ ăn xương, uống máu người Việt Nam không biết hôi tanh, không cần tiêu ớt, chỉ là vì y không có một chút máu huyết Lạc Hồng nào trong huyết quản, mà thực sự là con cháu người Thổ ở miền Lạng Sơn, Cao Bằng gì đó...

Người ta đã trưng thêm bằng cứ : họ Vi hiện thời, còn có nhiều sản nghiệp dinh cơ ở đất Lạng Sơn gần sông Kỳ Cùng, để minh chứng cho lời kết tội trên là đúng !

Nhưng sự thực ra sao ? Vi Văn Đình là người Việt hay là người Thổ ?

Đó là điều thắc mắc mà ai cũng muốn tìm cho ra lời giải.

Hồi ấy, tôi còn nhớ rõ về mùa hè năm 1941, nhờ có một người bạn học làm Tri Châu ở Bắc Quang, tôi đã lên thăm phong cảnh tỉnh Hà Giang và ở chơi Bắc Quang tới hơn ba tháng trời. Một thầy Nho già, người giúp việc án từ rất đắc lực cho quan Châu huyện, tuy là dân miền xuôi, nhưng vì lưu lạc lên mạn ngược từ thuở ấu thời, nên rất am hiểu phong tục, địa dư trong các thôn bản ở khắp tỉnh Hà Giang, đã thuật lại cho tôi nghe nhiều giai thoại cực kỳ huyền bí, quái dị, mà nếu ai không sống qua một thời gian nào đó với dân chúng miền sơn cước, hẳn cũng khó tin là chuyện thực.

Một hôm, đạp bè xuống Ngòi Xảo, nhìn thấy phong cảnh đẹp như tranh vẽ, núi non trùng điệp, vượn mình sừng sững trên dòng sông cuộn cuộn nước chảy về xuôi, tôi hỏi thì thầy Nho già chỉ về phía một trái đồi ở ngay đầu bến Vạn, nơi các lái buôn gỗ thường kết bè, thả cây về miền Việt Trì, Hà Nội mà nói rằng :

-Đấy kia là đồi Tướng, trên đó có ngôi mả tổ của Vi Văn Đình, lúc đó đang làm Tổng Đốc Hà Đông.

Nói rồi, thầy Nho bắt trạm phu phải ghé bè cho tôi lên bộ, đoạn hướng dẫn tôi lên đồi xem phong cảnh.

Dây leo chẳng chịt, những cổ thụ lớn tay ôm, đa số là loại cây bông sặc (gỗ quý) sần sùi, cao vút, cành lá rậm rạp đan kết thành một vòm trời xanh thắm, khiến cho khu đồi núi mát rượi, mặc dầu lúc đó đang là giữa mùa hè nóng bức.

Rẽ lau, vạch lá một cách khó khăn tới hơn nửa giờ, chúng tôi mới lên được tới đỉnh đồi.

Đến trước một ngôi mả lớn, cỏ mọc xanh um, thầy Nho nói :

- Mả tổ họ Vi này, theo lời bô lão thổ dân thuật lại thì đã được an táng từ đời nhà Lê Trung Hưng. Rồi bể dâu biến chuyển, họ Vi di cư qua đất Lạng Sơn, xưng hùng, xưng bá một cõi giang sơn, không khác gì một vị tiểu vương quyền khuynh thiên hạ.

Thầy Nho điểm nụ cười nhạt nhẽo nói tiếp :

- Mà đúng thật ! Dù không được quyền khuynh thiên hạ thì họ Vi cũng là anh hùng một cõi, đúng với lời dân chúng sở tại vẫn còn truyền tụng cho đến bây giờ những lời đồng giao về kiểu đất quý báu, hiếm lạ này :

" Lưỡng Ngưu ẩm thủy,
Bột phát Công Khanh,
Huỳnh đệ hiển danh,
Anh hùng nhất Khoảnh..."

Nói xong, thầy Nho sợ tôi không hiểu, vội đưa tay chỉ qua hai gò đất, đứng cao sừng sững ở hai phía tả hữu Ngòi Xảo giải thích thêm :

- Đây ông coi, có phải hai cái gò ở bên bờ Ngòi bên kia giống hệt hai con trâu mộng, đang cúi đầu xuống dòng nước không ?

Đó là "lưỡng ngưu ẩm thủy" đấy !

Chỉ tay về đằng trước mặt, thầy nói tiếp lời :

Nếu đây là chánh huyết, thì ngôi mả này trông thẳng ra trái Cao Sơn, một hòn núi cao ngất tới trời xanh mà thiên hạ đồn đãi là có một làng Mèo sống biệt lập ở trên núi cao ấy từ đời nhà Trần, khi Chiêu văn Vương Trần Nhật Duật đem quân triều đình đến điều phạt mấy động chúa ở vùng Lĩnh Nam. Ngôi mả tổ của họ Vi trông thẳng ra ngọn núi Cao Sơn kia, tựa lưng vào dãy Trường Sơn, tay long, tay hổ là hai dãy đồi thoải thoải chạy dài theo dòng sông Cả, tạo thành một kiểu đất kỳ thú vô cùng quý báu, mà theo lời thuật lại của các bô lão sở tại thì hình như Bà chúa Rừng đã cố ý để dành riêng cho dòng họ Vi vậy.

Rồi vừa dẫn tôi đi coi quanh khu đồi, thầy Nho vừa thuật lại giai thoại mà chính thầy đã được nghe thổ dân kể lại rất rõ ràng về những sự tình cờ kỳ dị xảy ra chung quanh ngôi mả dòng họ Vi, lúc đó đang là những nhân vật hét ra lửa ở đất Bắc Hà.

CON CHÁU HOÀI-ÂM HẦU HÀN TÍN

Sau khi đem hết sức học bình sinh và tài kinh bang tế thế, định quốc, an bang ra giúp sức cho anh Đình Trưởng họ Lưu dựng nên cơ nghiệp nhà Hán, lưu truyền được tới trên 400 năm, thì Hoài Âm hầu Hàn Tín bị vua Hán tru di tam tộc (do Lã Hậu hạ lệnh thì đúng hơn).

Một gia tướng trung nghĩa của họ Hàn, đem đứa con nhỏ của Hàn Tín chạy trốn về phía Nam, mai danh, ẩn tích, đổi thành họ Vi (một nửa chữ Hàn) sống lẫn lút ở vùng biên giới Việt Hoa. Đến đời nhà Trần, họ Vi lúc đó làm Tù Trưởng ở động Lĩnh Nam, lại bị quân sĩ của Chiêu văn Vương Trần Nhật Duật kéo đến chinh phạt.

Bình đơn, tướng thiếu Tù Trưởng Vi Đạt bị tấn công cả bốn mặt, một lần nữa, lại phải đội đứa con thơ là Vi Thành mới lên ba tuổi ở sau lưng, rồi nhảy lên mình ngựa, đánh phủ trùng vây, chạy về lánh nạn ở Ngòi Xảo, phó mặc gia quyến cho sự rủi may, của cơn binh lửa phủ phàng.

Sống giản dị chung đụng với thổ dân trong một túp lều siêu vẹo ở Ngòi Xảo, Tù Trưởng Vi Đạt ban ngày phải đai con trên lưng vào rừng lấy măng tìm gỗ quý, cũng như trăm ngàn người khác ở địa phương này, tối về, hai cha con lại hủ hự với nhau ở bên bếp lửa, cuộc sống của viên Tù Trưởng thất thế, như vậy, cũng gọi là tạm yên.

Năm Vi Thành lên bảy tuổi, ông Vi Đạt ngoài việc dạy học chữ, còn bắt Thành phải tập luyện cả võ nghệ, hy vọng sau này, con trai sẽ trở nên hữu dụng, văn võ toàn tài.

Đất sơn cước hiểm nhân tài, ông Vi Đạt phải tự đảm nhiệm lấy công việc dạy bảo con trai, và do đó một số dân cư sở tại cũng nô nức cho con em đến nhà ông Vi Đạt, để nhờ ông dạy chữ, dạy võ.

Một buổi kia, chợt có một lão hành khất cúi đến xin ăn ở các nhà trong vùng Ngòi Xảo.

Thấy ông lão mặt mũi sần sùi, ngón tay bị cụt, bàn chân lở loét, góm ghềnh, ruồi nhặng bu chung quanh, mỗi khi xê dịch, tiếng vo ve nổi lên rào rào như đàn ong vỡ tổ.

Trẻ con chạy theo ở tít xa xa, vỗ tay hò reo chế diễu, còn người lớn thì ghé tòm nếu không đưa tay bịt mũi, khạc nhổ thì cũng lảng đi chỗ khác, chớ không dám đến gần.

Vi vậy, ông lão đi đến đâu, cũng bị xua đuổi, không một ai chịu bố thí cho một chút gì, khiến ông lão đói khát quá, lã đi nằm co quắp trên nền miếu Sơn Thần, cơ hồ không còn đủ sức gượng dậy, để lê bước đi nơi khác nữa khi bị tuần đinh đến hạch hỏi, đòi bắt giải lên quan Châu Bắc Quang để đưa về nhà thương Vòi ; một bệnh xá chuyên trị những người cùi, sống riêng biệt trong một khu vực rộng mông mênh, có hàng rào giây kẽm gai ngăn cách với thế giới bên ngoài.

Thuở ấy, thiên hạ ghé tòm, kinh sợ bệnh hủi hơn tất cả mọi chứng bệnh nan trị khác ! Cứ thấy ai mắc phải bệnh ấy, là người ta đi báo quan đến bắt đem nhốt trong nhà thương Vòi ở Bắc Giang để điều trị.

Lão hành khất nằm ở miếu Sơn Thần mỗi ngày một thêm yếu đuối, trước còn lăn lộn rên la thành tiếng, sau hình như đói khát quá cơ thể suy nhược quá độ, đến nỗi lão chỉ nằm co quắp, thoi thóp thở chờ chết.

Mấy bô lão thổ dân và viên Chánh Tổng sở tại bàn luận với nhau, rồi nhất định cho trai tráng trong bản khiêng lão bỏ ra ngoài thung lũng ở cách xa đấy chừng hai dặm đường, để tránh trách nhiệm, vừa sợ quan trên quở trách là có người mắc bệnh hủi đến quanh quẩn trong vùng, mà không chịu đi báo, vừa ngại bị tổn kém, lời thôi, phải chôn cất cho kẻ xấu số, nếu lão hành khất không còn đủ sức chống chọi với tử thần.

Đúng lúc ấy, ông Vi Đạt đi săn về, vai vác con nai to, lưng đeo cung tên, lầm lũi đi ngang miếu Sơn Thần, thấy viên Chánh Tổng đang đứng sai phái mấy thanh niên trong bản đem võng ra khiêng lão hành khất bỏ ngoài thung lũng, một nơi nổi tiếng là nhiều hổ báo, lợn rừng thường về phá phách ngô khoai của dân cư sở tại và bắt các gia súc đem vào núi sâu ăn thịt.

Ông Vi Đạt nghĩ đến cảnh hoạn nạn của mình năm nào, giọt lệ anh hùng bất giác tuôn rơi tầm tã, động lòng thương kẻ tuổi cao, tác lớn, không may bị sa cơ lỡ bước, gần phơi gửi xương nơi đất khách, liền đặt con nai xuống, chạy vội vào trong miếu, trước vẻ mặt ngơ ngác của các bô lão đất Ngòi Xảo.

Không quản ngại mùi hôi tanh nhức óc, máu mủ đầm đìa, ông già họ Vi dơ cao chiếc khăn bịt đầu phất ngang một cái mạnh, để xua đuổi những đàn ruồi nhặng bay vo vo như tiếng sáo diều ở chung quanh lão hành khất, rồi ngồi bệt xuống nền miếu, sờ ngực nạn nhân, mím môi, lắng tai nghe ngóng.

Thấy toàn thân lão hành khất vẫn còn hơi nóng, mạch vẫn còn thoi thóp đập đều, mặc dầu rất yếu, ông Vi Đạt mừng rỡ, vội đứng phắt lên, đến gần viên Chánh Tổng, tha thiết yêu cầu cho mình được đem nạn nhân về nhà chữa.

Viện có câu cửa miệng : " cứu nhất nhân, đắc vạn phúc " để kích thích lòng bác ái, từ bi của hương chức sở tại, ông Vi Đạt tin tưởng rằng các bô lão sẽ vui lòng cho phép ông gánh giúp họ gánh nợ mười đời ấy, nhưng không ngờ ông bị thất vọng hoàn toàn, vì viên Chánh Tổng cương quyết đuổi lão hành khất ra khỏi vùng Ngòi Xảo, sợ để lão ở quanh quẩn trong bản, sẽ gây nguy hại cho cả dân cư sở tại.

Lỡ ra quan Châu biết thì họ tránh sao khỏi sự quở trách ?

Ông Vi Đạt tha thiết nói thế nào, họ cũng không chịu nghe, khiến cho ông già họ Vi tức bực quá không còn biết làm cách gì để cứu mạng lão hành khất.

Nghĩ đi, nghĩ lại mãi, sau ông Vi Đạt phải đem con nai cho người bạn vẫn đi săn với mình, để nhờ làm thịt rồi muối mặn, để dành ăn dần dần, còn ông thì hăng hái đứng chờ, đi theo lão hành khất cho đến cùng, chớ ông không nỡ bỏ rơi người bạc số, mắc nạn giữa đường.

Sở dĩ ông Vi Đạt dám có ý định táo bạo ấy, là vì ông sinh sống ở vùng này từ lâu, biết rõ địa dư đồi núi, chỗ nào có hang có động, nơi nào có quán, có miếu, nên ông đoán được rằng, nếu bọn trai tráng khiêng lão hành khất đem bỏ ra ngoài thung lũng thì gần đây có cái nhà mồ bỏ hoang không biết từ bao giờ, tuy siêu vẹo, tiêu tụy, song tạm thời cũng có thể che mưa tránh nắng được trong cơn gấp rút này.

Nghĩ thế rồi, ông chạy vội về nhà, đem thằng con trai là Vi Thành đến gửi một người hàng xóm, rồi thu xếp quần áo với mấy món cần dùng, đi theo lão hành khất.

Quả nhiên các việc đã xảy ra đúng như sự dự đoán của ông Vi Đạt.

Ngay sau khi hai thanh niên trong bản cuốn võng, đem về Ngòi Xảo phục lệnh viên Chánh Tổng, ông Vi Đạt cố nâng lão hành khất vào nhà mồ, chỉ ở cách đấy chừng ba mẫu ruộng.

Sinh trưởng miền rừng rậm núi cao, ông Vi Đạt rất thạo về tính được các loại cây cỏ, vẫn được dân cư địa phương dùng chữa các chứng bệnh hiểm nghèo, nên vừa thu xếp yên ổn nơi ăn chốn ở cho hai người, họ Vi liền chạy vào rừng, tìm thuốc chữa bệnh cho lão già hủi.

Thuốc gia truyền tuy rất giản dị nhưng lại cực kỳ hiệu nghiệm, nên chỉ ba ngày sau đó, lão hành khất đã tỉnh táo, nói năng, cử động được.

Vả lại, lão hành khất vốn bị đói khát, khổ cực quá độ, sức khỏe suy giảm nhanh chóng, khiến chứng bệnh hoành hành dữ dội đến ngất lịm đi, bề ngoài giống in người đang hấp hối.

Nhưng sự thực, tình trạng lão không đến nỗi nào !

Phản nhờ các phương thuốc gia truyền, phần được sự săn sóc chu đáo, tận tâm của ông Vi Đạt, lão hành khất có cơm ăn, thuốc uống đầy đủ, nên chẳng bao lâu đã đi lại được một mình, không còn phải dìu giắt như mấy hôm trước nữa.

Trong thời gian ấy, ông Vi Đạt vẫn thỉnh thoảng về Ngòi Xảo thăm con.

Vi Thành tuy nhỏ song vốn là con nhà tướng, được rèn luyện quyền cước, tập tành võ nghệ từ khi mới chập chững biết đi, nên mạnh dạn phi thường, một mình dám cầm thanh mã tấu, đi sâu vào rừng núi lấy măng để đem về đổi gạo giúp đỡ cho nhà một phần nào, giải quyết sinh kế gia đình.

Từ hôm được thân phụ đem gửi ở nhà hàng xóm, Thành nhớ bố, thường cứ lần mò tìm đến nhà mồ thăm cha, sau giờ học, mặc dầu đã bị ông Vi Đạt cấm đoán nghiêm ngặt. Ông chỉ sợ con trai gặp thú dữ ở dọc đường, hay rủi ro bị lạc lối thì khôn.

VÀO HANG SÂU TÌM DI CHÚC

Sau thấy Thành mạnh tợn, có lần đánh nổi một con heo rừng, lại khôn ngoan, quyền biến, hiếu thảo, thông minh, ông mới yên tâm, ngày nào ông không về bản được, lại cho phép con đến thăm, để luôn tiện mang theo các thứ thực phẩm cần thiết cho hai người ở ngoài thung lũng.

Một tháng trời trôi qua.

Bệnh tình lão hành khát đã thuyên giảm rõ rệt, mặc dầu lão vẫn còn phải chống gậy mỗi khi muốn xê dịch.

Thấy thế, Vi Đạt liền tính chuyện đưa lão hành khát về bản cho tiện việc săn sóc, và đỡ phiền phức trong sự làm ăn của mình, nhưng lại sợ các bộ lão vẫn còn giữ thành kiến không hay với ông già bệnh hoạn.

Vi vậy, ngay ngày hôm sau, họ Vi phải đi thăm các hương chức để dò xét ý kiến của mấy người nắm quyền hành trong bản.

Các hương chức thấy bệnh tình lão hành khát đã gần bình phục, hơn thế, người hàng ngày sống gần bệnh nhân là họ Vi, vẫn khoẻ mạnh, cường tráng như thường nên họ cũng không quá khắc nghiệt khó khăn như trước, bằng lòng cho họ Vi rước lão hành khát về nhà.

Vi Đạt mừng rỡ quá, vội chạy ra nhà mồ, thuật lại tin đó cho lão hành khát biết, rồi ung dung dẫn lão về nhà.

Vi Thành cũng hớn hờ theo chân hai người, trên vai vác một bọc đồ dùng cần thiết.

Đến lúc ấy, lão hành khát mới cho biết : lão họ Lương tên Nhất Kiếm, vốn là người Trung Hoa, nguyên quán ở huyện Lịch Thanh, qua Việt Nam từ hơn hai chục năm nay, vẫn quanh quẩn ở vùng biên giới Lạng Sơn, Cao Bằng, Hà Giang, sống bằng nghề xem tướng số.

Vi Đạt thấy người bạn già đã tỉnh táo, vui vẻ vô cùng, ngoài ra họ Vi không hề nghĩ gì đến sự đền ân đáp nghĩa của Lương lão.

Nhưng ba hôm sau, vào hồi quá nửa đêm, giữa lúc cha con họ Vi đang say sưa trong giấc ngủ ngon lành thì Lương lão chợt đến bên, lay gọi cha con Vi Đạt dậy, bảo Thành đi sửa soạn pha trà uống, để lão nói một câu chuyện cực kỳ quan trọng cùng ông Vi Đạt.

Cha con họ Vi kinh ngạc, ngơ ngàng nhìn lão già, tướng Nhất Kiếm cuồng ngôn, loạn trí...

Nhưng thoáng thấy, nét mặt nghiêm trang trịnh trọng của Lương lão, không chứa đựng một vẻ điên dại hay đùa giỡn, điều cốt gì, nên cũng lắng lắng làm theo lời yêu cầu của Lương lão.

Ấm trà tươi vừa pha xong, lão hành khát cầm chén nước trên tay, nhưng không uống, lại đắm đắm nhìn thẳng vào mắt chủ nhà, luồng nhỡn quang như muốn xoáy chặt lấy người đối diện.

Họ Vi chợt rùng mình, khi nhận thấy ánh mắt của Lương lão lúc này sáng ngời một cách kỳ dị, không lơ dờ, đần độn, ngây dại, chất phác như bình nhật nữa.

Vi Đạt bất giác rung mình, lơ lảo nhìn quanh như muốn tìm một cái gì để tự vệ.

Không ! Nhất định tổ phụ lão không lầm lộn đâu ! Cứ xem cách thức các cụ dấu diếm cuốn gia phả nơi thâm sơn cùng cốc, khó khăn, gian hiểm, cũng đủ hiểu mức độ quan trọng của khu linh địa.

Vậy như lời lão vừa trình bày, ngày mai đây, lão sẽ cùng đi với tiên sinh đến Hang Chúa, để tìm tập sách quý, mà theo chúc thư, có ghi chú rõ ràng phương pháp hộ thần, án hướng, tự mình phân kim an táng lấy, chứ không cần phải nhờ thầy địa lý.

Đó là một lối đề phòng rất cẩn thận, chu đáo của các Cụ, ví các Cụ sợ kẻ tiểu nhân, sẽ lợi dụng cơ hội này, để chiếm đoạt khu đất quý.

Sau khi đã tìm được cuốn gia phả, ghi dấu rành mạch phương hướng rồi, tiên sinh sẽ trở về quê quán kiếm hài cốt ông cha, còn lão thì nằm... chờ chết ở Ngòi Xảo, vì lão biết mình, lão không sông được mấy ngày nữa đâu ?

Lương lão thở dài, đoạn cười gượng :

- Làm người ai không một lần phải chết ! Huống chi sinh, ký, tử, quy (sống gửi thác về), người có nhẹ nợ, mới sớm được về với cát bụi. Vì thế, lão tính rằng : muốn cho khỏi lỡ việc, chúng ta phải đi ngay vào Hang Chúa mới kịp !

Vi Đạt vội dơ tay phác một cử chỉ phản đối, rồi nghiêm nghị cắt ngang :

- Không được ! Sao lão trượng lại nghĩ quẩn như vậy ! Đã biết có huyết tốt, thì cứ đánh dấu đây, ai dám tranh cướp mà sợ ! Người đang khoẻ mạnh sao lão trượng lại bàn đến chuyện chết chóc làm chi ?

Lão trượng cùng tôi đi thăm đường đất, rồi lão trượng cứ về đã, chung sống với tôi, bao giờ Trời Phật rước đi, sẽ hay ! Tiên sinh đừng câu nệ, nghi ngại chi hết. Bốn bề đều là anh em cả mà !

Lương lão nắm chặt cánh tay họ Vi, tỏ ý bùi ngùi, cảm động :

- Lão rất đội ơn chiếu cố của Tiên sinh, nhưng lão nói vậy không phải là không tính toán, suy nghĩ, kỷ lưỡng đâu ? Lão biết vận mệnh của mình lắm !

Vậy tiên sinh khá yên tâm, đừng thắc mắc chi cho số phận của lão, mà cứ lưu ý lo việc riêng của Tiên sinh, chỉ cốt sao cho khỏi lỡ làng đại sự, thì dù lão nhắm mắt, cũng được ngậm cười nơi chín suối.

Trọn đêm đó, đôi bạn già nằm nói chuyện cho tới sáng, mới sai Vi Thành đi đun nước, pha trà, khi cơm nước xong xuôi, hai người dắt nhau đi lần vào núi sâu, trèo đèo, vượt suối, rẽ lau, vạch sậy cực kỳ vất vả, gian nan, nhiều chỗ hiểm trở quá họ Vi lại phải nâng đỡ, dìu dắt hay cõng Lương lão lên lưng mới vượt qua được những gềnh đá cheo leo, chung quanh toàn đá tai mèo nhọn hoắt, sắc bén chom chồm như mớ giáo gươm dựng ngược, kẻ yếu bóng vía rung mình, cơ hồ muốn xây xẩm mặt mày, ngã lộn nhào xuống những vực sâu thăm thẳm.

Đốt nến xem lại bản di chúc, Lương lão đi lần vào phía sau, tìm được một cái rương đã gắn liền với vách Hang.

Vi Đạt dùng rìu bổ mạnh, nắp rương bật ra, để lộ ra một gói lớn, bọc vải sơn, chẳng buộc rất kỹ lưỡng bằng gân nai. Lấy dao găm cắt đứt dây và mở bọc vải ra, thì thấy bên trong có một cái đĩa bần, một lá cờ ngũ sắc, trên vẽ chi chút những hình bát quái và ghi nhiều chữ triện rất dị kỳ, lạ mắt.

Trong một cái hộp đồng vuông, còn có một con rùa đất, miệng ngậm đầy bùa chú và một lọ thủy tinh gắn kín, ngoài ghi rõ hai chữ : cấm mở !

Cuốn gia phả được xếp gọn dưới đáy hộp.

Trái với sự dự đoán của hai người, cuốn gia phả của tổ phụ họ Lương không dày lắm, mà chỉ có vốn vẹn có 5 tờ giấy bản khổ lớn chia ra : 3 tờ đầu dạy về phương pháp an táng, cách thức hô thần, trấn yểm, phân kim, án hướng, tờ thứ tư là bản đồ ghi chú địa điểm rõ ràng của hai khu đất " Lưỡng ngư ẩm thủy " phía dưới có mấy câu, viết bằng sơn đỏ chói :

" Minh nằm Ngòi Xảo,

" Đầu gối Núi Rồng,

" Chân đạp Cầu Vòng,

" Tay đang Nam, Bắc,

" Hạn kỳ bách nhật,

" Bội phát công khanh,

" Huynh đệ hiển danh,

" **Quyền uy nhất khoảnh...**" So với lời truyền tụng trong dân chúng ở vùng Bắc Quang, thì mấy câu tổng kết này có hơi khác, nhưng tựu trung, ý nghĩa cũng vẫn là ca ngợi kiểu đất " lưỡng ngư ẩm thủy".

Tờ cuối cùng, dạy về cách lễ tạ ơn, sau khi mả đã được an táng xong xuôi, cũng như khi quán khí hoặc mỗi lúc không may bị động trệ.

Mỗi thời kỳ phải sắm sửa lễ vật và phải theo phương pháp cúng vái khác hẳn nhau, không thứ nào giống thứ nào hết.

Mới thoát đọc những tên Núi Rồng, Cầu Vòng... hai người không ai hiểu nơi ấy ở đâu, nhất là Vi Đạt, đến ngụ cư vùng này đã khá lâu, mà vẫn tuyệt nhiên, chưa hề được nghe ai nói đến những cái tên lạ lùng, có vẻ huyền bí thiêng liêng đó lần nào !

Nhưng nhìn kỹ vào bản đồ, một lúc lâu, vì chữ viết nhỏ như con kiến, ông Vi Đạt mới nhận được những vị trí trên. Thì ra Núi Rồng là ngọn núi chỉ cách dải Cao Sơn chừng hai dặm.

Còn Cầu Vòng là cái đồi uốn cong đối diện với dãy Cao Sơn ở phía sau Bản Ty, chỗ nọ cách chỗ kia hàng vài ba chục dặm.

Vi Đạt còn đang ngẩn ngơ suy nghĩ về vị trí xa xôi, diệu vợi ngăn cách các nơi có ghi tên trong gia phả, thì Lương lão đã hiểu rõ sự băn khoăn của bạn, vội nói ngay :

- Các Cụ dạy thế, chỉ là có ý bảo mình phải an táng hài cốt theo những phương hướng ấy, chứ có bắt buộc mình phải đặt hài cốt gối hân đầu lên Núi Rồng, đạp hân chân lên đồi Cầu Vòng đâu ?

Chỉ cốt đầu nằm về phía Núi Rồng, chân đạp về phía đồi Cầu Vòng, là đủ rồi, tiên sinh ạ !

Khác hẳn sự an táng hài cốt ở những mộ phần của thiên hạ, trong khu linh địa "Lưỡng Ngư ẩm thủy", huyết chôn hài cốt ở hai bên bờ Sông Cả là huyết bằng, còn chính huyết thì lại nằm giữa lòng sâu, trên một hòn núi cao, phải trấn yểm bằng con rùa và chiếc lọ đầy kín, không biết bên trong chứa đựng những gì, cùng lá cờ bát quái vẽ chỉ chút những hình thù quái đản. Đặc biệt hơn hết, là sau khi an táng cả hài cốt ở hai bên huyết bằng, lúc ấy mới được khởi sự trấn yểm huyết chánh bằng cách đọc bài chú, ghi ở trang cuối cùng cuốn gia phả, chờ cho nước sông đang lên mới được thả những lễ vật xuống vào đúng nửa đêm thanh vắng. Nếu đúng phương hướng và cách thức trấn yểm, thì nội bách nhật, hòn núi giữa lòng sông sẽ biến mất, sau một cơn bão tố ngắt trời.

Thế là hài cốt bắt đầu quán khí, đúng như lời di chúc của tổ phụ họ Lương.

Trở về Ngòi Xảo được ba ngày thì Lương lão trở bệnh, lên cơn sốt mê man chừng một trống canh, rồi bỗng mở choàng mắt ra, nhìn quanh, có vẻ rất tỉnh táo, nắm chặt lấy tay Vi Đạt mà rằng :

- Tiên Sinh ! Duyên bèo mây xui khiến cho lão gặp Tiên Sinh, được Tiên Sinh lấy mắt xanh đoái tưởng, khiến cho lão lưu được chút sống thừa, vừa đủ thời gian cho lão hoàn thành nguyện ước của tổ phụ. Đồng thời, nhờ đó, lão cũng không đến nỗi uổng phí công lao vất vả liên tiếp hơn hai chục năm trời ! Tất cả những sự may mắn ấy, đều do bàn tay bác ái, từ thiện của Tiên Sinh, đã tận tình thương mến lão, giúp đỡ lão vượt qua mọi cơn sóng gió ! Sống lão ghi tâm khảm, chết lão nguyện sẽ phù hộ cho Tiên Sinh.

Ngừng lại một lát, Lương lão thở hổn hển như có vẻ mệt mỏi, đau đớn lắm, đoạn đưa hai bàn tay khẳng khiu, run rẩy lần theo gấu áo, theo đường chỉ lấy ra một tờ giấy nhỏ cuộn dài, dấu kín ở bên trong mông mê đưa cho họ Vi rồi nói tiếp :

- Trước khi lìa giả cõi đời, lão còn một việc nữa, phải nhờ Tiên Sinh thương tình nhận lời giúp đỡ cho, thì lão mới đành tâm nhắm mắt được.

GỀNH ĐÁ CÓ BỊ CHÌM SÂU DƯỚI NƯỚC THÌ MÀ MỚI BẮT ĐẦU KẾT PHÁT...

Số là lão vâng theo di chúc của tổ phụ, sang đây tìm cuốn gia phả và nghiên cứu kỹ lưỡng ngôi đất, đã do tổ phụ lão dày công lựa chọn, từ hơn hai mươi năm nay, bao phen cứ tưởng phải bỏ xác xứ này, trước khi tìm được cuốn gia phả kia.

May sao, khi lần mò tới vùng Ngòi Xảo, lại kiếm được Hang Chua, và nhờ một sự tình cờ nữa, còn được kết giao với Tiên Sinh, để hợp tác với Tiên Sinh, cùng hưởng chung ân lộc của Trời Phật đã dành riêng cho hai họ Vi, Lương của chúng ta.

Có lẽ cũng vì lòng trời, mới xui khiến cho chúng ta được gặp nhau, hiểu nhau và mến thương nhau không khác chi anh em ruột thịt.

Dứt lời, có lẽ vì cố gắng quá, Lương lão nhắm mắt, ngất lịm đi, thiêm thiếp mê man .

Một lúc sau, lão bừng mở mắt nhìn họ Vi tha thiết nói thêm :

- Lão cần căn dặn Tiên Sinh một điều cực kỳ trọng hệ, có liên quan chặt chẽ đến vận mạng con cháu chúng ta về mai hậu : là kiểu đất Lưỡng ngư ư ẩm thủy, cứ theo lời di chúc của tổ phụ lão, vốn là một kiểu đất đặc biệt, cổ kim không có một nơi nào có được một khu quý địa như thế đâu ?

Bởi vậy, khi lão nhắm mắt rồi, nếu có người am tường môn phong thủy, được xem qua kiểu đất, mà có nói ra nói vào điều gì hay bàn luận, thêm bớt nào, cũng xin Tiên Sinh thận trọng tuyệt đối không được nghe theo lời họ, vì họ chỉ biết quan sát bề ngoài, đánh giá sự kết phát theo địa hình địa thế, chứ biết sao được những lẽ huyền bí, kỳ ảo, phát sanh từ nơi khác, ở cách xa đây hàng vạn dặm, có lẽ cao xa, hóc hiểm lắm, nên cá Cù chỉ di chú lại qua loa cho mình biết thôi không cần phải dài dòng giải thích.

Tóm lại, thầy địa lý nào, xem kiểu đất của mình mà phân kim, án hướng, mai táng hài cốt theo lẽ lối thông thường của khoa phong thủy thì nhất định sẽ bị thần linh trừng phạt tức khắc, sự kết phát trong trường hợp ấy đã hiển nhiên hổng hết, mà thầy địa lý cũng khó lòng giữ gìn được cho vô sự.

Vi Đạt hứa làm theo lời Lương lão căn dặn. Họ Lương cảm tạ, rồi nắc lên một tiếng, từ từ nhắm mắt lại, hơi thở nhẹ dần, rồi im bất.

Sau khi chôn cất Lương lão ở khu đất phía hữu sông Cả mờ yên mà đẹp, đúng như phương pháp tổ phụ họ Lương đã ghi chép từng chi tiết nhỏ nhặt nhất. Vi Đạt liền thu xếp hành trang đem con trai đến vùng Lĩnh Nam dò xét tông tích thân quyến, và đem hài cốt thân phụ về

Ngồi Xảo an táng.

Nhưng Vi Đạt chỉ cải táng được phần mộ chớ không dò hỏi được tí tin tức gì của người nhà hết, vì theo lời dân cư sở tại thuật lại, thì sau cơn khói lửa kinh khủng, khiến Vi Đạt phải bỏ thân giang hồ, cả thân quyến họ Vi cũng tàn mất, mỗi người một ngả, chẳng còn ai biết được họ sống chết còn mất thế nào ?

Cuối cùng, dò hỏi khắp nơi, thì Vi Đạt còn một người em, theo lời thuật lại của họ Phùng thì người em này đang bị giam ở trong tù. Vi Đạt đau đớn vô cùng. Anh em phải thất lạc bao nhiêu năm trời, khi tìm được tung tích, không ngờ em lại bị vạ gió tai bay, mà mình bất lực, không có phương gì giải cứu. Càng nghĩ, họ Vi càng tức bực, nhiều lúc muốn bạo động, song e quả bất địch chúng, họa hổ bất thành, chắc lại nguy hiểm thêm cho tính mạng Vi Hoành. Sau khi viên Tù Trưởng cùng bọn thủ hạ áp giải kẻ bị tình nghi đi rồi, họ Phùng mới cho Vi Đạt biết rằng : viên Tù Trưởng họ Hoàng, vốn là một kẻ tham tàn, bạo ngược, từ khi được nối chức cha, đã gieo bao tan tóc đau thương cho dân chúng trong vùng.

Y lại còn liều lĩnh hơn nữa, thường tìm cách xâm lấn ruộng rẫy, đem gia nhân thân tín đến các khu rừng núi kế cận, thuộc quyền cai trị của các Lang Đạo khác, để lấy các thứ lâm sản và săn bắn, thường xuyên gây sự bất hòa với các động ở gần quanh Hoàng Su Phì, khiến cho dân cư bị ảnh hưởng lây, cũng luôn luôn bị các bộ lạc thù địch đến đánh phá cướp đoạt trâu bò, thóc lúa, làm cho người dân Hoàng Su Phì không mấy khi dám ra khỏi địa hạt.

Theo lời vợ con của họ Phùng thuật lại thì vụ Vi Hoành bị bắt cũng không có gì quan trọng, vì viên Tù Trưởng chỉ tình nghi qua giảng điệu lực lưỡng, khỏe mạnh của Hoành, chớ không hề tìm được một bằng cớ rõ rệt nào khả dĩ chứng minh được là Hoành to rập với đám cướp để đưa đường đánh phá họ Hoàng.

Họ Phùng bàn luận với Vi Đạt, rồi định sáng hôm sau, sẽ thân hành lên động Tù Trưởng, để biếu lão một ít lễ vật, xin tha cho Vi Hoành.

Không ngờ sáng hôm sau, giữa lúc hai người vừa định sửa soạn ra đi, thì bỗng được tin tráng đinh trong bản phi báo rằng : vào hồi nửa đêm hôm qua, viên Tù Trưởng ở gần đấy, kéo thủ hạ đến đánh cướp dinh họ Hoàng, giết được họ Hoàng, và toan kéo nhau vào phá kho thóc, cướp vàng bạc, trâu bò, thì đám tù nhân, ước chừng năm chục người, toàn là những thanh niên vũ dũng do Vi Hoành cầm đầu, tức giận, đã nổi cả lên, phá ngục thất, cưỡng hiếp đám lính canh phòng, đoạt chìa khóa kho vũ khí rồi cùng hợp lực, kéo nhau ra đánh đuổi bọn cướp.

Bị phản công bất ngờ, viên Tù Trưởng địch phải bỏ hết trâu bò, thóc lúa, hô thủ hạ chạy trốn vào rừng.

Nhưng chúng cũng bị hạ sát tới 5 tên, vớt lại nhiều giáo mác và ba con ngựa thồ.

Dân chúng và binh lính ở động Hoàng Su Phì cảm mến ân đức ấy của Vi Hoành, hơn nữa lại quá căm thù oán ghét Tù Trưởng họ Hoàng đã hèn nhát lại tham nhũng, nên đồng lòng tôn Vi Hoành lên làm Tù Trưởng.

Sau đó, một thời gian ổn định. Vi Hoành đã cho người về đón Vi Đạt lên động chơi, để anh em có dịp hàn huyên cho thỏa lòng nhớ thương trong bao ngày lạc lõng chia ly.

Vi Đạt mừng rỡ quá, vội sửa soạn hành trang đem Vi Thành cùng đi với người dân ở Hoàng Su Phì, lên động thăm em, ở chơi gần nửa tháng mới cáo biệt, theo họ Hoàng đi Nước Hai, để tìm mua mấy thứ thổ sản, đem về bán buôn cho các Hoa thương ở Hà Giang.

Không ngờ trong chuyến du hành này, họ Vi một lần nữa, lại gặp một điều vô cùng may mắn khác.

DUYÊN MAY NGÀN DẶM

Theo tục lệ thổ dân ở vùng Nước Hai, tỉnh Cao Bằng, hằng năm, cứ đến cuối mùa Xuân, lại có tục gieo cầu, trai tráng các nơi, không luận sang hèn, giàu nghèo, cứ miễn là thanh niên khoẻ mạnh biết cưỡi ngựa, bắn nỏ, thông thạo võ nghệ, đều được dự thí, miễn được thiếu nữ nào ném trúng quả tú cầu thêu vóc hồng thì được cha mẹ cô gái ấy, mời về nhà khoản đãi, gả con gái cho, rồi dựng nhà chia trâu, chia ruộng, gây dựng cơ nghiệp cho con rể, cho tới bao giờ vợ chồng con rể tạo được cơ nghiệp căn bản vững vàng mới thôi.

Do đó, nhằm tiết cuối xuân, các thanh thiếu niên trai tráng, chẳng cứ ở Nước Hai, mà có khi còn ở những vùng xa xôi, cũng rủ nhau tìm đến dự hội gieo cầu, để hy vọng chiếm được người đẹp và có cơ hội gây dựng cơ nghiệp lâu dài.

Năm ấy trên khu đồi gần đình quan Lang, nơi vẫn được chọn làm bãi gieo cầu cho những nam thanh, nữ tú, đã được trang trí rực rỡ, khác hẳn thường lệ, vì năm nay có con gái quan Lang Nước Hai đến tuổi gieo cầu, cũng theo chân các bạn đồng trang lứa, dự hội du xuân, để thử xem số mạng.

Tin đó như một ánh lửa loè sáng giữa đêm khuya tăm tối, đã có mãnh lực thu hút được hàng trăm thanh niên, đủ giai cấp ở miền sơn cước, nô nức kéo nhau đến Nước Hai để ... " tìm duyên nợ " !

Sự nô nức đó cũng không có gì đáng ngạc nhiên cho lắm vì con gái quan Lang, vốn nổi danh tài mạo, tuyệt vời, nhan sắc chẳng những hoa nhường nguyệt thẹn, cá lặn, nhận sa, mà khác hẳn với những sơn nữ khác, các môn cầm kỳ thi họa, nài nết đều lầu thông, không kể cái biệt tài võ nghệ.

Thiên hạ thường đồn đãi với nhau rằng vị thiên kim tiểu thư, con gái duy nhất của quan Lang Nước Hai, vẫn luôn luôn ăn vận nam trang, một mình cưỡi ngựa vào rừng sâu săn bắn, đã có lần hạ luôn một lúc được hai mãnh hổ, một con dùng tên bắn, một con nàng dùng bàn tay nhỏ bé mềm mại như nhung để giáng một cái thôi sơn, vào giữa đầu cọp, khiến chúa sơn lâm võ sợ, chết tươi, không kịp rống lên một tiếng giả biệt núi rừng.

Nhưng dù võ nghệ vào loại bạt sơn, cử đỉnh, vị tiểu thư lá ngọc cành vàng ấy, vẫn không quên cái địa vị cao quý của một giai nhân sinh trưởng nơi trường gấm màn the, ra hài, vào hán, mỗi lời sai bảo, trăm tiếng dạ vang, muốn gì được nấy, cha mẹ nung niu, chiều chuộng như trứng mỏng trên tay, nên những lúc chiều tà đối bóng, Đình tiểu thư thường gây một lò trầm hương ở căn lầu trông thẳng ra vườn hoa, mà nàng đã đặt cho cái tên rất thơ mộng là Nghênh hương các, để nhìn trăng, gảy khúc đàn tuyệt diệu, gửi tâm tình qua những âm hưởng thanh cao, du dương, thanh thoát, của chiếc nguyệt cầm, không kém gì tiếng giây tơ huyền ảo của những tay danh cầm, tuyệt kỹ thuở xưa, mà tên tuổi còn được lưu lại trong những áng diễm tình giai thoại, muôn ngàn thu, còn có tác dụng rung chuyển lòng người !

Khác hẳn lối giáo huấn khắc nghiệt của thời phong kiến, mà giá trị người con gái không hơn gì một món đồ chơi, hay một cái máy để khi ở nhà tùy thuộc quyền cha mẹ, khi xuất giá, làm tôi mọi cho chồng, dở hay sướng khổ đều không do tự mình quyết định, vợ chồng quan Lang Nước Hai thấy con gái tài sắc vẹn toàn, công dung, ngôn hạnh gồm đủ, văn võ gồm tài, cầm kỳ thông thạo, nên để mặc cho nàng tự kén lấy bạn trăm năm, chứ không ép uống con gái như những gia đình khác, vì cả hai ông bà cũng tin rằng : Nàng có đủ trí sáng suốt tìm được ý trung nhân để trao sương gửi thịch.

Vả lại quan Lang cũng hiềm hoi, dưới gối chỉ có một mình nàng, nên hai ông bà cũng muốn cho nàng kén được người tuấn tài để mai sau nối nghiệp ông cha.

CHÚA TÊ ĐẤT LẠNG SƠN

Sau khi an táng hài cốt tổ phụ vào huyết tả ngạn sông Cả, ở ngay cửa Ngòi Xảo, họ Vi đi buôn trên miệt Hoàng Su Phì, gặp được em ruột là Vi Hoành bị thất lạc từ khi có cuộc biến loạn ở Lĩnh Nam. Nhờ tài võ dũng quả cảm, Vi hoành đánh ta bọn giặc ở vùng Bắc Mực, nhân lúc bất ngờ kéo đến cướp đoạt trâu bò, vàng bạc của dân cư sở tại, nên được mọi người tri ân, tôn lên làm Tù Trưởng.

Vi Đạt cùng con trai là Vi Thành, sau đẩy lại qua phủ Nước Hai ở Cao Bằng để mua ngựa tốt, nhằm đúng hội gieo cầu, được quan Lang Nước Hai kén Vi Thành làm giai tể, hứa cho nối nghiệp khi từ trần, ví quan Lang không có con trai kế tự.

Họ Vi hiển đạt, làm chúa tể hai miền sơn cước hưng thịnh, trù phú, cha truyền con nối cho đến năm Minh Mạng thứ tám, mới di cư qua đất Lạng Sơn, cầm đầu các động thổ dân, rất được mọi người kính nể, tuyệt đối phục tùng.

MẢ PHÁT TO

nhưng nhiều người bị bắt đắc kỳ từ...

Khi Vi Văn Định làm Tổng Đốc tỉnh Thái Bình, nhờ có quan Tri Châu Bắc Quang họ Cao giới thiệu, được quen biết một nhà phong thủy chánh tông họ Triệu từ tỉnh Triết Giang bên Tàu trốn qua Việt Nam tỵ nạn, sau cuộc âm mưu khởi nghĩa định lật đổ để chế Mãn Thanh bị thất bại, khiến cho một số lớn đồng chí của họ Triệu phải rơi đầu trước lưỡi gươm đâm máu tàn bạo của bọn vua quan nhà Thanh, không ngần ngại gì, thường thẳng tay chém giết những người Trung Hoa, không chịu theo chúng, để củng cố chiếc ngai vàng mục nát.

Vi Văn Định tiếp đãi họ Triệu rất trọng hậu, dùng lễ thượng khách đối xử một cách cực kỳ cung kính.

Họ Triệu thấy Định đang đắc thời, đắc thế, được người Pháp tin dùng, tuy chỉ cầm đầu có một tỉnh, mà quyền uy khét tiếng khắp nơi, hách dịch như một vị tiểu vương, nghênh ngang một mình một cõi biên thủy, nên muốn được sống yên thân nơi xứ lạ cũng hết lòng cung kính, tận tâm, tận lực phụng thờ Vi Văn Định, coi Định như thần hộ mạng, có đủ thế lực che chở cho mình trong lúc sa cơ thất thế.

Bởi vậy, khi được Định đưa lên Ngòi Xảo phúc lại ngôi mả tổ tiên tả ngạn dòng sông Cả, họ Triệu đã một mình lẫn lộn vào rừng thẳm, núi cao, tận dụng tài học sở trường về môn phong thủy, để nghiên cứu kỹ lưỡng, địa hình, địa thế khắp vùng "Lưỡng Ngưu âm thủy", tới gần nửa tháng trời, mới nói cho Vi Văn Định biết rằng :

- Quả đúng là đất đại quý, sự kết phát sẽ bền vững lâu dài bất cứ triều đại nào, họ Vi cũng được coi là anh hùng một cõi giang sơn riêng biệt.

Nhưng so sánh hai ngôi mộ ở tả hữu ngọn sông Cả trong vùng Ngòi Xảo, thì mả của họ Lương đắc địa hơn nhiều.

Cứ nhìn qua bề ngoài của hai ngôi mộ, người không biết gì về khoa địa lý cũng có thể phân biệt được sự hơn kém : mả tổ phụ họ Lương không cần trông coi, bồi đắp mà quanh năm, lúc nào cũng to lớn, nổi cao lên như một cái đồi nhỏ, cỏ mọc xanh rờn, dây leo chằng chịt, trông xa như một tấm thảm nhung biếc, đẹp mắt vô cùng.

Còn mả tổ họ Vi, dù thường xuyên vẫn có gia nhân, canh gác, đắp đất, rẫy cỏ rất cẩn thận mà cỏ vẫn kém tươi, mộ phần cũng chỉ bằng tám phần mười ngôi mả của họ Lương, mặc dù phong cảnh cũng xinh đẹp lạ lùng. Sở dĩ có sự khác biệt ấy, theo sự nhận xét của nhà phong

thủy họ Triệu, thì nguyên do chỉ là vì con hỏa nằm án ngữ cách minh đường ngôi mộ chừng nửa dặm.

Đó là một gò đất nổi lên, nằm trơ vơ phía trái miếu sơn thần, chạy thoải thoải đến gần mộ phần, trong giống như một mũi dùi nhọn đâm thẳng vào ngôi mộ.

Vì thế, sự kết phát bị giảm sút mất một phần nhỏ.

Không những thế, nó còn là điềm bất đắc kỳ tử cho nhiều người trong họ nữa.

Vi Văn Định lo sợ, vợ năn nỉ tha thiết yêu cầu thầy địa lý tìm cách trấn yểm giúp cho con Hỏa không nổi dậy, tác quái, nhiều hại cho con cháu trong dòng họ, nhưng họ Triệu khẳng khái từ chối và cho biết : con Hỏa ấy nằm sát long mạch, không có phương thế chi để diệt trừ, hay trấn áp được hết, vì chỉ hơi động đến là long mạch bị thương tổn ngay tức khắc , chẳng những không có lợi chi mà còn có thể gây thêm nguy hại cho sự kết phát sau này, uổng phí cả tâm cơ của tổ tiên ngày trước.

Và lại, cứ như sự suy luận của họ Triệu thì các kiểu đất quý, phần nhiều đều có một vài nét khuyết điểm, nhẹ nặng tùy theo phước trạch của ông cha, đó là luật thừa trừ rất nhiệm mầu kỳ bí của Hoá công, chứ chẳng mấy khi được toàn mỹ, chỉ có kết mà không có động trê bao giờ. Chỉ cốt sao cho sự kết phát được nhiều hơn sự nguy hại, cũng đã là một điều đại hạnh cho gia chủ lắm rồi !

Ta không nên đòi hỏi quá nhiều mà vô tình cưỡng lại mệnh trời, tạo thêm sự thất đức, làm giảm bớt cả tính cách linh ứng của kiểu đất hiếm có, mà dám chắc, trên cõi đời này, chưa chắc đã tìm được một kiểu đất tương tự thứ hai !

Cuối cùng muốn an ủi quan Tổng Đốc Thái Bình, họ Triệu đã đem nhiều chuyện thi ân, bố đức, cầu phước, khuyến thiện ra nói với dụng ý kín đáo, ngầm khuyên Vi Văn Định nên tu nhân, tích đức, làm điều lành, tránh điều dữ, để may ra có thể cứu vãn được phần nào sự nguy hại do con Hỏa gây ra cho con cháu họ Vi.

Những lời khuyên kín đáo của thầy địa lý Tàu như bị rơi vào sa mạc, vì như ai nấy đều biết : Vi Văn Định khi còn nắm quyền sinh sát ở tỉnh Thái Bình, cũng như sau đây, ở tỉnh Hà Đông, vẫn luôn luôn thẳng tay sát hại đồng bào lương thiện, nhất là những nhà cách mạng nuôi chí lập bệ vá trời, muốn đánh đuổi thực dân, để khôi phục nền độc lập cho giang sơn tổ quốc.

Muốn được mẫu quốc ghi công để ban thưởng cho mề đay, kim khánh, tiền chức, thăng quan nhanh chóng hơn điều gặp gió. Vi Văn Định đã chẳng chút ngại ngần, trút hết cả mọi nỗi khổ lên đầu các chiến sĩ cách mạng, sáng chế ra nhiều loại hình phạt, cực kỳ dã man hiểm độc, đến nỗi chỉ nghe nói qua đến những thủ đoạn của họ Vi làm Tổng Đốc tỉnh này, người yếu bóng vía cũng đã thấy rùng mình sờn gai óc.

Bà con ở Thái Bình di cư vào Nam, hẳn còn nhớ thời kỳ họ Vi làm Tổng Đốc, đã có ra một nghiêm lệnh quái ác : triệt để bắt các hương lý chức dịch các làng xóm phải diệt cho kỳ được loại bèo Tây, mà có nơi quen gọi là sen Nhật Bản, một giống bèo có sù bành trướng mạnh mẽ phi thường, sinh sôi nảy nở nhanh chóng, nhiều vô số kể trong một thời gian ngắn ngủi, có rễ dài, nổi lênh bênh trên mặt nước cả hoa màu tím và lá màu xanh mới trông cũng khá đẹp mắt. Nhưng vì nó sinh sản nhiều quá lẹ quá, nên vẻ đẹp thuở ban sơ, đột nhiên biến mất, để nhường chỗ cho sự chán ghét trong tâm khảm mọi người.

BÁC SĨ T. EM RUỘT VI-VĂN-ĐÌNH BỊ NGỰA DẪM CHẾT DƯỚI LÒNG SUỐI

Theo lời những ông già, bà cả kể lại, thì khi thứ bèo hoa tím, lá xanh, hình cánh quạt mới xuất hiện tại biển đông nhiều nhà quan quyền ,phú hộ, cường hào đã không quản ngại tốn kém, mướn người đi lấy về để thả trong bể, cho bèo nổi trôi quanh hòn non bộ, giống hết những chiếc thuyền bông bênh giữa bể khơi, coi đó như một môn giải trí thanh cao, thích thú cho những người giàu sang, nhàn rỗi.

Nhưng người đời, xưa nay vẫn ham tân, chuộng lạ, chỉ say sưa mê thích những cái gì khan hiếm ít khi tìm thấy được dễ dàng ở trên thế gian, chứ nếu nơi nào cũng đầy rẫy, chất đồng cao như cây rom , cây rạ ở thôn quê, thì còn có nghĩa lý gì.

Giá trị nó lúc ấy, quả thật không còn đáng được nửa đồng.

Thứ bèo Nhật Bản kia cũng vậy !

Những gia đình quyền quý, thừa tiền, thừa bạc, khi thuê người đem thứ bèo đó về thả vào bể nước, thấy nó sinh con đẻ cháu nhanh chóng, mạnh mẽ lạ lùng, lúc đầu còn vui thích, sung sướng, nâng niu, lấy giống đem thả xuống hồ, xuống ao.

Chỉ mấy hôm sau, hồ, ao cũng đầy ứ loại hoa tím lá xanh, khiến chủ nhân không còn muốn "thường thức" cái loại hoa kỳ lạ đó nữa.

Hơn thế, những loại rau muống hay sen trắng, sen đỏ trồng sẵn ở trong hồ ao từ trước, lại còn bị thứ bèo mới tới lấn át, đến phải héo hắt, chết dần, chết mòn, suốt lượt.

Thứ bèo trông chơi từ bể nước, vì vậy đã bị mất địa vị danh hoa, phải đem ra quảng cả ra hồ ao, cống rãnh.

Và kỳ lạ hơn hết, là ở đâu, bất cứ rạch bần ao rộng hẹp thế nào, giống bèo đó cũng sinh sản nhanh hơn cỏ dại.

Người ta vớt ra ngoài ruộng chiêm ngập nước thì chỉ vài ba hôm cả cánh đồng đã tím ngắt màu... sen Nhật Bản.

Thuở bấy giờ nhằm kỳ nghỉ lễ, em ruột quan Tổng Đốc Thái Bình là Bác sĩ Vi Văn T... được nghỉ mấy hôm, về thăm quê nhà ở Lạng Sơn, một hôm Bác sĩ T. cưỡi ngựa dạo chơi quanh vùng, khi vượt qua một con suối nông cạn mà mực nước không ngập quá gối, Bác sĩ T. lại bị ngã ngựa, rồi bị ngựa cuống quít dẫm chết luôn ở giữa lòng suối.

Mọi người chung quanh đẩy vội đồ xô đến cứu cấp, nhưng không kịp.

Thì ra con ngựa của Bác sĩ T. lúc lội qua suối, bị vướng phải rễ bèo tây, cuống căng nên ngã quỵ ngay xuống suối, quăng luôn cả Bác sĩ T. xuống nước.

Khi con ngựa vùng vẫy thoát khỏi đám rễ bèo, nó lại hoảng hốt lội mau lên bờ, chẳng ngờ rủi ro làm sao, lại dẫm bẹp ruột Bác sĩ T. khiến Bác sĩ T. chết liền không kịp kêu cứu.

Tin dữ bay xuống tỉnh Thái Bình, làm cho Vi Văn Đình tức giận như kẻ điên cuồng, phần thương tiếc đứa em mới thành tài, chưa kịp hưởng thụ đúng mức sự giàu sang cho bố công học hành vất vả, đã phải bỏ mình vì một tai nạn không có nghĩa lý gì, nên ngay lúc ấy, liền hạ lệnh cho tất cả tổng lý, hương chức các làng xã trong toàn hạt Thái Bình phải trừ diệt loại bèo tây, nơi nào trái lệnh, sẽ bị nghiêm trị theo pháp luật.

Các hương lý, chức dịch thôn quê ở Thái Bình lúc bấy giờ thật đã vô cùng điêu đứng, khổ cực, trước cái lệnh quái gở của vị quan đầu tỉnh, vì giống bèo tây sống dai hơn đĩa muối, dù vớt lên bờ phơi khô, mà các bèo gặp trời mưa to, trôi xuống hồ ao cống rãnh, vẫn có thể hồi sinh, đã đẻ ra con, ra cháu, nhiều vô số kể và nhanh như chớp. Vì vậy, cứ vớt sạch được chỗ này, thì chỗ kia đã lại có bèo mọc. Nhiều nơi dân chúng không còn làm ăn được gì nữa mà chỉ lo

đi vớt bèo cũng vẫn không xong.

Nhiều đêm, quan Tổng Đốc đã bắt thành lính, mặc thường phục vì hành đến thăm các làng tổng, thôn xóm xa xôi trong địa phương, nếu thấy nơi nào còn sót ít nhiều bèo tây trong hồ ao, là lý dịch sở tại bị gọi ngay ra đình, cho quan đầu tỉnh sĩ võ chẳng tiếc lời và nọc nằm thẳng cẳng trên nền gạch, bắt lính hầu phải dùng ba toong to bằng cườm tay, quật cho quần dít, liền chỉ hồ điệp hàng hai ba chục chiếc đến nứt da, nứt thịt, máu me chảy đầm đìa, mới chịu buông tha cho các nạn nhân sau khi đã buông thêm lời cảnh cáo : nếu còn tái phạm, sẽ bị trừng trị nặng nề ghê ghớm hơn nhiều.

Tiếng tàn ác của Vi Văn Định lan rộng khắp nơi. Nhiều đoàn thể chánh trị, thấy y lợi hại quá, e trở ngại cho các hoạt động của các đảng phái yêu nước, đã tìm cách để ám hại y, nhưng lần nào Vi Văn Định cũng thoát chết.

Hôm mới được tin em ruột chết trước một tai nạn hầu như quá vô lý, vì người nào đã từng ở Lạng Sơn, hay có qua đó một vài lần, cũng phải công nhận rằng : con suối mà Bác sĩ Vi Văn T. đã cưỡi ngựa vượt qua mực nước thực sự chỉ sâu chừng hai gang , đứng trên bờ, bất cứ giờ nào cũng trông rõ cả lớp cuội trắng nằm lấp lánh dưới đáy .

Vậy mà khi Bác sĩ T. cho ngựa lội xuống suối, lại bị rể bèo quần cẳng, khiến con tuấn mã của họ Vi, vốn khét tiếng là giống ngựa tốt, phải ngã quỵ, quăng luôn cả chủ nhân xuống nước.

Lạ lùng làm sao, là khi bị té nhào, xuống suối, Bác sĩ T. lại không thể nào đứng vùng lên được, mặc dầu ngày thường, Bác sĩ T. rất khoẻ mạnh, ham chuộng tập dượt chạy nhảy, lại thêm am hiểu cả võ Tây và võ Nhật. Bác sĩ cứ nằm chịu trận dưới lòng suối cho đến lúc bị con ngựa dẫm chết mà vẫn không có một ai biết hết.

Cho mãi tới khi con ngựa theo đường cũ chạy về nhà, người nhà họ Vi thấy con ngựa hí vang rầm, khắp mình ướt sũng nước mà Bác sĩ T. lại không cùng về, nên lo sợ chia nhau đi tìm kiếm khắp nơi.

Một bọn gia nhân vừa ra tới bờ suối, đã thấy Bác sĩ T. nằm thẳng cẳng dưới lòng nước.

Chúng hè nhau lội xuống đem lên bờ, thì Bác sĩ đã tắt thở từ bao giờ, thân thể lạnh toát khắp mình, bị vó ngựa dẫm xây xước, tím bầm.

Sau khi nhận được hung tin, Vi Văn Định la hét vang dinh Tổng Đốc Thái Bình.

Lúc đầu, Định chỉ tưởng là một tai nạn rủi ro : nhưng sau phút căm giận, y chợt nhớ tới lời tiên đoán của thầy Địa lý năm nào, khi được mời đến Ngòi Xảo để phúc lại phần mộ Tổ phụ an táng trong kiểu đất " Lưỡng Ngưu ẩm thủy ", y mới giật mình, hoảng sợ, vội đi tìm cuốn gia phả coi lại những lời ghi chú về nơi đất quý địa ấy.

Thì rõ ràng, tổ phụ họ Vi cũng đã có dặn lại, là sự động trệ sẽ kèm theo với sự kết phát để trong dòng họ, luôn luôn có người bị bắt đắc kỳ tử do con Hỏa ở trước mộ phần gây ra.

Vi Văn Định tức bực, vỗ án rầm rầm, muốn lên ngay Ngòi Xảo để cải táng ngôi mà tổ đi, vì y được thấm nhuần ít nhiều Tây học, không tin mạch đất lại có thể giáng phúc, tạo được sự kết phát cho con cháu lâu dài.

Y viết thư gửi cho các em, nói rõ ý định ấy, làm cho em ruột y là Vi Văn L., Tri Phủ Nước Hai hoảng sợ, phải dùng ngay xe hơi nhà, đi suốt đêm về Thái Bình để ngăn cản ý định điên rồ ấy của Định.

Sau khi thấy anh đã nguôi giận, Vi Văn L. liền giới thiệu với Định một thầy Địa lý nguyên quán ở miền Trung, lúc đó đang ngồi dạy học tại nhà quan Phủ Nước Hai, để ủy thác cho người này tìm phương trấn yểm con Hỏa.

Vi Văn Định cho em biết là trước kia, y cũng đã cho người phúc lại ngôi mà và yêu cầu

người ấy trần yểm con Hỏa, song nhà phong thủy Trung Hoa này viện cớ con Hỏa nằm liên sát long mạch, nếu động tới, e sẽ làm thương tổn cho sự vận chuyển của mạch đất.

Vi Văn L. nhất định, tin tưởng vào tài ba của thầy Địa lý miền Trung nên hết lời phân trần với Định, đề xin về đưa nhà phong thủy qua Ngòi Xảo làm bùa phép trấn yểm. Nể em qua, Định đành phải nghe lời, cho phép Vi Văn L. được trọn quyền hành động.

* Địa lý có phải là hoang đường như nhận xét thiên cận của số người vẫn tự nhận là ... Tân học không ?

* Chôn nơi tốt, hài cốt nở ra bóng lộn có khi kết thành tượng, chẳng chịt tơ hồng.

* Táng nơi xấu, xương bị hao mòn dần, lâu ngày thành đất vụn.

NHƯ MỘT BÌNH ĐIỆN...

Vừa trở về đến Nước Hai quan Phủ Vi Văn L., sai lính hầu đi mời ngay thầy đồ Nghệ đến tư thất, nói rõ cho nhà phong thủy biết sự hoài nghi của anh ruột mình về tính cách động trệ do ngôi tổ mộ được kết phát ở Ngòi Xảo gây ra, đề yêu cầu thầy địa lý kiểm cách trấn áp con Hỏa, cho dòng họ Vi từ nay, tránh khỏi nạn bất đắc kỳ tử.

Nhà phong thủy xứ Nghệ An, ôn tồn đáp :

- Nhiều người được thắm nhuần Tây Học thường nghi ngờ môn địa lý, cho đó là một sự mê tín dị đoan, chứ một khi đã chết rồi, người khôn ngoan đến đâu, cũng chỉ là một mớ xương khô, theo năm tháng thời gian, mục nát với cỏ cây, hỏi còn biết gì là giáng phúc hay gieo họa cho con cháu nữa. Không cứ quan Tổng Đốc Thái Bình mới không tin việc linh ứng của mồ mả, đất cát, mà bất cứ một người nào, từng có ít nhiều cơ hội tiếp xúc với nền văn minh Tây Phương, cũng đều có ý nghĩ như thế cả.

Đó quả thực là một sự xét đoán sai lầm đáng tiếc, mà nếu chịu khó suy nghĩ ra sẽ thấy ngay sự nhận xét nông cạn, hầu như bất công của những người Tân Học đa nghi.

Ngay từ khi mới bắt đầu nghiên cứu về môn phong thủy, tôi (lời thầy địa lý) đã được sư phụ tôi cho biết rằng : địa lý hay nói cho đúng hơn, là môn địa ý, chỉ là một khoa học, căn cứ vào sự thuận mát đúng như ý muốn của mọi người nghĩa là phải chú trọng vào sự cân đối sáng sủa phong quan, có núi non, gò đồng có cây cối, sông ngòi.

Ví dụ một người ngồi ung dung nơi thư phòng, thì trên ghế ngồi phải có tay dựa mà thiên hạ quen gọi là tay ngai, đằng trước mặt phải có án thư, phí sau phải có chỗ tựa lưng.

Thi hài nằm dưới đất cũng thế, Chánh huyết là nơi an nghỉ ngàn thu, cũng phải trông ra một nơi quang đảng, sơn thủy hữu tình, đó là án minh đường, nói theo danh từ chuyên môn của khoa phong thủy, sau lưng phải gói vào gò đồng kỳ khu, đó là hậu trẩm.

Còn tay ngai để tựa hai tay là tay long với tay hổ.

Cứ tìm được nơi nào, có đầy đủ những điều kiện cốt yếu như vậy thì ngôi mả nhất định sớm muộn gì cũng phải kết phát không thể nào sai chạy được.

Người Âu Mỹ dù không tin sự linh ứng của mồ mả nhưng không phải như thế có nghĩa là họ chẳng chú trọng gì đến môn địa lý đâu ?

Sự thực, khi họ làm nhà, họ cũng vẫn luôn luôn xây dựng dinh cơ trên những thửa đất vuông vắn, quang đảng, trông về những hướng mát mẻ, để hưởng thụ, gió sớm, trăng khuya.

Mà nhà cửa nào có khác gì phần mộ đâu, vì nó cũng đem lại kết quả tốt đẹp hay ảnh hưởng nguy hại cho chủ nhân nếu gặp những khu đất làm nhà hợp ý hoặc miễn cưỡng.

Còn về sự kết phát hay động trệ tại đó cũng là việc rất thường, không thể gọi được là huyền bí, mờ ám chi hết !

Như ai nấy đều biết giữa người sống và người chết, cùng chung một huyết khí, bao giờ cũng

có sự thông cảm trực tiếp với nhau.

Do vậy, nếu hài cốt được an táng vào một nơi đẹp mắt, tiền, hậu, tả, hữu đều có những phong cảnh kỳ khu tươi tốt, thì lẽ tất nhiên mớ xương khô nằm đó, cũng được thấm nhuần linh khí thiên địa, phát sanh được những "tia điện" thiêng liêng, để truyền thứ tú khí đó cho con cháu, hay những bà con thân thích, có liên hệ huyết thông với người nằm dưới đáy mộ.

Nếu có thể ví dụ mà không sợ sai lầm, thì thi hài chôn trong lòng đất, được coi như một bình điện, tốt xấu, mạnh yếu tùy theo địa thế mộ phần, để có thể phát xuất những "luồng điện", đem lại sự kết phát hoạt động hỗ trợ cho người sống.

Chính bởi sự kết phát hay động trệ ấy, mà nảy sanh ra những chuyện ly kỳ có khi đến quái đản, gần như chuyện hoang đường thời Phong thần, khiến cho những "Ông Tân thời" mới căn cứ vào đây để chỉ trích, dè bỉu, chế giễu.

Họ có biết đâu rằng : bộ xương khô, một khi được an táng vào một khu địa huyệt đẹp mắt, có sự an bài sắp đặt kỳ dị của hóa công, sẽ phát xuất một sức mạnh kỳ ảo mà tôi (vẫn lời thầy địa lý) dám chắc, không có một luồng điện nào ở trên cõi đời này lại có thể hùng mạnh bằng và có thể so sánh kịp !

Cũng vì thế, mới xui khiến ra những sự kết phát lạ lùng : đang từ một kẻ ngu si dốt nát, trong một sớm một chiều, đã "phúc chí tâm linh" biến thành một người thông minh xuất chúng, có biệt tài thay đổi thời cơ, lật ngược hoàn cảnh, hay đang nghèo mạt rệp, đói khát, khổ sở, chợt gặp gỡ những điều may mắn dị thường để thay đổi hẳn địa vị nghèo khổ thành giàu sang, phú quý !

Trái lại, nếu mả động, thì sự nguy hại cũng nhanh chóng không kém : người khỏe mạnh bỗng lẫn ra chết bất ngờ , hoặc mắc phải những chứng bệnh hiểm nghèo không có một thứ thuốc men nào chữa khỏi, vậy mà chỉ cải táng được mộ phần là lập tức bình phục ngay trong nháy mắt.

Hài cốt táng nơi tốt sẽ nở ra, bóng lộn, có khi kết thành tượng. Chôn phải đất xấu, sẽ bị hao mòn dần, có khi biến thành đất vụn.

Chuyện mả chôn trong bụng một con ngựa đá dưới sông, của ông Đinh Bộ Lĩnh ngày xưa, tuy thuộc vào loại hoang đường, song nghĩ cho kỹ, cũng không phải là hoàn toàn vô lý vậy ! Có những chuyện dị kỳ xảy ra, mới có thể minh chứng được sức mạnh của các ngôi mả kết phát hay động trệ !

Thầy địa lý nói tiếp : nếu không do ngôi mả gây ra, thì sao " quan đốc" lại có thể bị chết đuối, khi vượt qua một con suối, chỉ nông chưa tới gối mà hàng ngày trâu, ngựa vẫn lội qua từng đám một cách rất dễ dàng ?

Quan Tri Phủ Nước Hai Vi văn L. chăm chú ngồi nghe lời giải thích của nhà phong thủy và ngỏ ý mời thầy địa lý ngay sáng hôm sau, đi Ngòi Xảo làm lễ trấn yểm.

Đích thân Vi Văn L. hướng dẫn nhà phong thủy đến Ngòi Xảo, đưa đi coi tường tận cả hai ngôi mả tổ của họ Lương và họ Vi.

Thầy địa lý lặng lẽ theo chân quan phủ Nước Hai, chăm chú quan sát địa hình, địa thế các nơi, nhất là gò đất có con Hồn nằm đâm thẳng vào tổ mộ họ Vi, đoạn chỉ tay về phía ấy, mới nói Vi Văn L. rằng :

Vừa đi quan sát một lượt quanh khu tả ngạn Sông Cả, nhà phong thủy xứ Nghệ đã lắc đầu nói

vời Vi Văn L. sau khi đã lần đốt tay tính toán :

- Kiểu đất quý thiệt !

Nhưng sự tác hại của con Hỏa nằm trước mộ phần, quả cũng vô cùng ghê gớm.

Nếu không trấn áp được gò đất ấy, thì cứ 15 năm trong dòng họ Vi, thế nào cũng lại có một người bị bắt đắc kỳ tử mới thôi.

Đây kìa, quan lớn thử trông : con Hỏa nằm án ngữ minh đường, chia thẳng mũi nhọn vào chánh huyệt, nào có khác gì một người cầm dao sắc, đâm vào cổ người nằm ở trong ngôi mộ này ! Nhu thế, hỏi con cháu mà làm sao sống yên ổn được.

Vi Văn L. lo lắng nhìn nhà phong thủy hỏi vợ :

- Nhưng thầy thử coi kỹ giúp ! xem chỉ nào trong dòng họ Vi bị nạn bắt đắc kỳ tử ấy ?

Thầy địa lý lắc đầu :

- Chưa thể nói đích xác được. Còn việc trấn yểm cũng cần phải chờ xem xét kỹ lưỡng hơn nữa rồi mới có thể định liệu được.

Công việc chưa biết sẽ còn phải kéo dài tới mấy hôm.

Vậy nếu quan lớn bận công vụ, thì xin mời Ngài cứ về phủ trước đi. Tôi ở lại đây, sau khi hiểu rõ địa hình địa thế sẽ tự ý lo liệu việc trấn yểm, quan lớn bất tất phải mãi công chờ đợi làm chi cho phí thời giờ vàng ngọc của Ngài.

CON HỎA

Một gò đất dài, như một mũi giáo nhọn, đâm vào cổ người nằm trong mả, nếu không trừ được, cứ 15 năm, lại có một người trong họ bị bắt đắc kỳ tử.

Vi Văn L. gật đầu ưng thuận :

- Ừ được ! thầy nói thế cũng phải ! Ta xin nghe theo. Nhưng muốn cho thầy có người sai bảo, ta xin lưu lại đây hai tên lính tâm phúc, toàn là người trong họ của ta đã theo hầu ta từ trên mười năm nay. Thầy có thể phóng tâm tín cẩn mà không cần phải đề phòng, ngàn ngại chi hết.

Dứt lời, L. từ giả lên ngựa cùng đoàn tùy tùng quay về Nước Hai.

Ngay đêm ấy, nhà phong thủy lần ra mả, làm phép hô thần rồi chôn ngay dưới chân con Hỏa, một chai thuốc, mà lão đã bí mật đem theo từ phủ Nước Hai để hy vọng có thể làm tiêu thổ cái gò đất nguy hiểm đó.

Khi lão trở về đến nhà viên chánh tổng sở tại được dùng làm nơi tạm ở Ngòi Xảo, thì gà rừng đã gàn gáy rạng đông..

Lão mới dậy, vội lên giường ngủ thiếp đi lúc nào không biết.

Tối thứ hai, lão lại lần ra mả, tiếp tục làm lễ trấn yểm, nhưng sớm hơn đêm trước, lúc lão trở về nhà viên chánh tổng, thì trống canh ngoài điểm mới điểm có bốn tiếng.

Lão ngồi uống tàn một ấm trà tàu, rồi lên giường nằm nghỉ.

Mơ màng lão thấy như có người gọi đích danh lão rồi một vị lão trượng, đầu râu tóc bạc, bỗng xuất hiện, cầm chiếc roi mây, chỉ thẳng vào mặt lão, mà lớn tiếng mắng rằng :

- Thằng kia ! Mi cậy mình pháp thuật cao cường, ý muốn giúp kẻ dữ, định cưỡng lại mệnh trời sao ?

Mi phải biết rằng : tổ phụ họ Vi tu nhân tích đức, nên Thượng đế mới ban phúc cho chúng ngôi đất quý, dưới quyền ta cai quản vùng này.

Nhưng từ hai mươi năm trở lại đây, con cháu họ Vi bỗng thay lòng, đổi dạ, giết người, hại kẻ hiền lương, nên con Hỏa mới có cơ hội, vùng lên : để vật chết những kẻ tham tàn, bạo ngược. Đó là lẽ trời chí công, chí chính mà mi là kẻ từng đọc sách thánh hiền, phải hiểu rõ luật

phước họa, ân oán ấy, chứ có đâu lại nhắm mắt làm liều như hành động của mi từ hôm qua tới bây giờ ?

Trước khi tới đây, ta cảnh cáo mi, ta đã hiển linh phá tan cả bùa phép của mi rồi đó !

Dứt lời, một trận gió ào ào cuốn tới, trong chớp mắt, vị lão trượng biến đâu mất tích !

Bằng hoàng tỉnh giấc, thầy đồ Nghệ toát mồ hôi cùng mình, vì lão biết đó không phải là mộng mị hảo huyền, mà có lẽ đã do một nguyên nhân thần bí nào xui khiến.

Với niềm thắc mắc nặng trĩu trong tâm khảm, thầy địa lý trần trọc mãi, không sao ngủ lại được, bất đắc dĩ đành phải trở dậy, chong đèn thức tới sáng.

Mặt trời vừa lấp ló ở dãy núi sau miếu Chúa, thầy địa lý đã chỉnh tề khăn áo, đi ra ngoài tả ngạn sông Cả với sự hồi hộp lạ lùng trong trí óc.

Vừa đến nơi, lão kinh ngạc, suýt kêu lên một tiếng thất thanh, khi thấy chỗ chôn chai thuốc với bùa chú, ở ngay dưới chân Con Hổ, một địa hình dài và nhọn như một chiếc giáo khổng lồ, nằm im lìm trước tổ mộ họ Vi, chỉ còn là một hố sâu hoắm, bùn đất tung tóe, lẫn lộn với những mảnh bùa chú và mấy vị thuốc đặc biệt, không hiểu vì lý do gì, bị tan vỡ nát vụn từng mảnh nhỏ như cát bụi, hình như do một bàn tay kỳ ảo nào đào bới, phá hủy vậy.

Cúi rạp nhìn xuống hố sâu, thầy đồ Nghệ chỉ thấy đen ngòm, không biết nông sâu thế nào, liền bẻ vội cành cây, đâm thẳng xuống hố.

Chiếc hồ cơ hồ như không có đáy, sâu ngập hết cả cành cây khô dài ngoằn, mà vẫn chưa tới đất, phía dưới cơ hồ vẫn còn bị trống rỗng !

Lão còn đang nghi ngờ, định kiếm cho kỳ được một sợi dây dài, buộc một đầu bằng một hòn đá nặng, để thả xuống hố sâu, hầu đo lường mức sâu nông của nơi chôn bùa phép, thì chợt từ dưới hố sâu, hình như phát xuất giữa lòng đất, một tiếng nổ lách tách như pháo tếp, rồi có tiếng rào rào như tiếng nước sông gầm thét khi con đê bao quanh bị phá vỡ, rồi từ dưới hố sâu, một luồng khói xanh cuộn cuộn bốc lên, khét lẹt như mùi thuốc súng, mơ hồ giống hệt hình thù một con hổ kết hợp toàn bằng sương khói.

Hoảng hốt, thầy địa lý vội lùi lại phía sau mấy bước, toàn thân run bắn như người bị sốt rét ngã nước lâu ngày.

Sau một phút định thần, lão mới bằng hoàng chợt tỉnh, vùng đứng phát lại, hai mắt trừng trừng nhìn thẳng xuống lòng hố sâu, rồi nghiêng răng cắn lưỡi, phun máu vào giữa luồng khói mờ ảo, tay bắt quyết ngũ lôi, miệng niệm thần chú lầm rầm.

Trong một phút chốc, giữa lúc trời quang mây tạnh mặc dầu ở trên đỉnh núi vẫn vương rất ít nhiều sương lam của miền rừng núi, bỗng từ trên không trung, nổi lên liên tiếp năm tràng sấm ầm ỏi, xé trời.

Và kỳ lạ hơn hết, tất cả sấm sét đều như hướng hết về phía hố sâu giáng xuống.

Luồng khói xanh mờ ảo, chợt đứng yên một chỗ, mơ hồ cuộn cuộn trên miệng hố.

Đồng thời, từ dưới lòng đất, những tiếng nổ rì rào, lẹt đẹt cũng im bật.

Thầy địa lý đang hí hửng mừng thầm là pháp thuật của mình đã chế ngự được tác quái của Con Hổ, thì bỗng lại có tiếng nổ to như muốn phá toang lòng đất, rồi luồng khói như được một sức mạnh kỳ diệu trợ lực lại tiếp tục bốc lên cuộn cuộn như trước, mà trái lại còn có phần hung hãn, hùng mạnh hơn trước nhiều.

Thầy địa lý rừng mình, toàn thân ớn lạnh, gai ốc nổi cùng người, đang luồng cuống chưa biết phải đối phó thế nào, thì cảm thấy mắt hoa, đầu váng, lão đảo một lúc lâu, rồi ngã lăn quay bên miệng hố, ngất lịm.

Đang lúc lão mơ màng thần hồn như phiêu diêu cảnh non bồng, nước nhược, chợt văng vẳng

có người lay gọi bên cạnh, liền mở mắt nhìn quanh và ngạc nhiên xiết bao, khi thấy quan Tri Phủ Nước Hai Vi Văn L., cùng đoàn tùy tùng đang sấn sát, lo sợ sấn sát bên mình.

SAU HAI ĐÊM TRẦN YỂM CON HOÀ NƠI CHÔN BÙA PHÉP BỊ ĐÀO PHÁ TUNG TOÉ.

Từ giữa lòng đất, bốc lên một luồng khói mờ ảo vô cùng kỳ dị.

Thì ra quan phủ Nước Hai, dù bận công vụ phải về phủ, nhưng sau hai ngày nóng ruột quá, lại cùng đám gia nhân, cưỡi ngựa qua Ngòi Xảo, để xem kết quả việc trần yếm của Thầy đồ Nghệ ra sao ?

Không ngờ lúc đến nơi, vào nhà viên Chánh Tổng không thấy có ai, quan Phủ đoán là nhà phong thủy đã ra thăm mộ phần, nên vội giắt lính hầu đi thẳng đến tả ngạn sông Cả, vừa đứng lúc thầy địa lý ngã gục bên miệng hố.

Nhà phong thủy vừa tỉnh dậy thấy quan phủ Vi Văn L. liền thuật sơ qua các việc đã xảy ra rồi chỉ tay xuống hố sâu, lúc ấy vẫn còn cuộn cuộn bốc khói lên ngùn ngụt sặc sụa mùi diêm tiêu muốn nghẹt thở rồi nói rằng :

- Đây, quan lớn trông ! Tôi đã dùng phương pháp đặc biệt chế tạo những thứ thuốc tiêu thổ rất hiệu nghiệm, mà chính sự phụ tôi đã bí truyền riêng cho một mình tôi, trong đám đông cả mấy chục đệ tử.

Theo đúng phép chế biến đó, thì nhà phong thủy, có thể, tùy theo địa hình, địa thế, những nơi đất mình muốn dùng để an táng hài cốt hoặc tạo thêm gò đồng hay tiêu trừ bớt những mô hình nào, xét ra đã gây trở ngại cho sự kết phát của mộ phần.

Tôi yên trí rằng sẽ được thành công một cách dễ dàng sau đêm bắt đầu làm lễ trần yếm với các thứ bùa chú cực kỳ linh ứng.

Nào ngờ chỉ được có một ngày yên ổn, thì mới rồi, vào hồi canh khuya đêm qua, tôi bỗng lại nằm mộng thấy thổ thần vùng Ngòi Xảo hiện về báo cho biết họ Vi vì kém phước trạch, nên Thượng Đế nhất định không cho phép được diệt trừ con Hỏa.

Đồng thời, thổ thần còn hiển linh phá hủy tất cả bùa phép và chai thuốc tiêu thổ.

Vừa nói, lão vừa chỉ tay về phía những mảnh vụn chai lọ, bùa chú nằm ngổn ngang gần đây. Sáng nay, vừa trở dậy, tôi lật đật ra ngay đây xem xét, thấy sự kỳ dị này liền niệm chú ngủ lờ, bắt ẩn yếm trừ lại.

Không ngờ tà khí xung kích quá mạnh, khiến cho tôi xây xẩm mặt mày, ngã lăn xuống đất. Nếu không được quan lớn đến kịp, cứu chữa cho, thì không biết, sẽ còn bị nằm mê man đến bao giờ nữa ?

Dứt lời, lão thở dài thườn thượt.

Quan Tri Phủ Vi Văn L. tức giận, nói to như gắt gồng :

- Sao lại có sự lạ lùng ấy !

Đã vậy, xin Tiên sinh lại thử chế thuốc và làm bùa khác đi, rồi đích thân tôi, sẽ tự tay đem chôn xuống đây biết đâu, tôi là mệnh quan của Triều đình, lại không được thổ thần kiêng nể sao ! Tà thắng sao được chính mà Tiên Sinh e ngại ?

Thầy địa lý tuy không cho lời nói đó là phải, nhưng vì kính nể quan Phủ, không dám làm phật

ý con người hiếu thắng ấy, nên đành phải miễn cưỡng gật đầu.

Cả bọn kéo nhau về nhà viên chánh Tổng nghị ngại.

Trong lúc chủ nhà hốt hoảng, chạy ngược, chạy xuôi lo giết gà, giết heo để thết đãi thầy trò quan Phủ Nước Hai, thì thầy đồ Nghệ đáp bè lên chợ Bắc Quang mua sắm các thứ cần dùng để làm lễ trần yểm lần thứ hai.

Quá ngộ ngày hôm sau, thầy đồ Nghệ mới về đến Ngòi Xảo, chỉ nghỉ ngơi một lát cho đỡ mệt, là bắt tay vào việc, đóng chặt cửa buồng nhỏ về phía trái bên Đông của ngôi nhà ngang, mà viên chánh tổng đã dành riêng cho nhà phong thủy, theo lời yêu cầu của lão.

Thầy trò quan Phủ Vi văn L. kiên nhẫn ngồi chờ ở bên ngoài, không ai dám nói to, đi mạnh, sợ làm kinh động, gây trở ngại cho sự luyện bùa phép của Thầy địa lý.

Trong thời gian này nhà phong thủy giữ gìn trai giới rất cẩn thận, suốt ngày chỉ dùng trái cây và nước mưa những khi đói khát, không uống nước, không uống rượu, không uống thuốc, lại tắm gội sạch sẽ bằng nước lá thơm, rồi đúng giờ Tí đêm sau, mới cùng thầy trò quan Phủ lặng lẽ ra ngoài thung lũng, người nào cũng nhón bước, cố bước nhẹ nhàng để không gây một tiếng động nào khả dĩ làm xáo trộn bầu không khí âm u, lạnh lẽo, hiu quạnh, hoang vu miền sơn cước.

Nền trời xám ngắt, sương khuya, gió đêm thổi vi vu từng cơn như cắt xé ruột gan da thịt, khiến đoàn người phải nghiêng chặt hàm răng, co ro đi sát vào nhau, như muốn truyền sức nóng cho nhau để hy vọng làm giảm bớt phần nào nạn rét buốt !

Xa xa, từng tiếng gầm rống lạnh lạnh của loài dã thú, hòa cùng tiếng vỗ cánh phành phạch của những con đà điểu, càng tạo cho cảnh rừng núi thêm mang đại đến rợn người.

Ra tới tả ngọn sông Cả, đoàn dạ hành đi tuốt đến gò đất : nơi con Hoả nằm án ngữ ngôi tổ mộ của họ Vi.

Lòng hồ sâu vẫn phun khói cuộn cuộn khét lẹt, sắc sủa mùi diêm tiêu khiến cho Vi Văn L. hắt hơi liên hồi, phải đứng lên phía trên chiều gió và dùng khăn tay bịt kín mồm mũi, trong lúc thầy Địa lý, đặt khăn gói xuống đất, thận trọng mở vuông vải, tay dò lấy ra chiếc tróc long với một bọc bùa chú, lễ vật gói kín trong một vuông lụa bạch, mà ngoài thầy Địa lý ra, không hề một ai được biết bên trong chứa đựng những gì.

Với dáng điệu cực kỳ, nghiêm trang, trịnh trọng, nhà phong thủy dùng quạt đốt nhang hướng về bốn phương trời, vái lạy, lâm râm khấn vái, hú từng hơi dài trước khi cất tiếng trầm trầm đọc chú, đoạn bắt quyết hô thần, sai âm binh giúp sức diệt trừ con Hỏa.

Làn khói xanh trong lòng hồ sâu, phút chốc tắt ngấm. Những tiếng rì rào như nước chảy xiết ở dưới địa huyệt cũng im bật !

Mùi thuốc pháo khó ngửi cũng không còn bốc ra u uất như trước nữa.

Thầy địa lý cả mừng.

Xuyên qua ánh than đỏ rực của bó nhang đang ngùn ngụt cháy, quơ qua quơ lại theo những hình vẽ kỳ dị trên không trung, mọi người nhìn thoáng thấy nét mặt hớn hờ, đắc ý của nhà phong thủy, rồi nhanh như cắt lão ngửa mặt lên trời thét to một tràng dài những tiền líu lo quái dị, đoạn vung bó nhang vừa đi, vừa khoán bùa quanh một khu vực chùng ngót một sào ruộng, ở ngay phía Đông Nam gò đất, cách cái hồ trước chỉ độ năm trượng !

Khoán xong, lão lại đốt giấy tiền và bùa chú, tung ra từng nắm gạo, đã được manh sẵn theo trong khăn gói mà thầy trò quan Phủ không một ai được biết trước.

Ba lần làm phép, ba lần hô âm binh, tung gạo, đậu muối và vẩy một thứ nước thoang thoang mùi trầm quế, đựng trong một cái lọ con rất xinh xắn, nhà phong thủy mới cầm bó nhang

đang cháy dở vào đúng giữa khu đất lão vừa khoán bùa, sai một tên lính hầu của Quan Phủ dùng thuổng đào sâu chừng bảy thước, tròn như một cái giếng nhỏ. Thầy địa lý đốt bùa, giấy vàng, giấy tiền, rồi trải một lượt giấy trắng kim xuống đáy hố sâu, bắt quyết đúng bảy lượt, mới đặt gói bùa phép và các thứ lễ vật, gói kín trong vuông lụa bạch, phủ lên trên bằng ba lớp gạo, đậu, muối, rồi lại đốt giấy tiền, bùa chú, bắt quyết an thần và rảy nước phép, rồi mới sai lấp đất kín, san bằng như cũ.

Xong xuôi đâu đó, thì gà rừng vừa gáy rộ trong bản xa xa, báo hiệu trời sắp sáng.

Nhà phong thủy, xoa hai tay vào nhau thở phào như đã trút hết được một gánh nặng trên vai vui vẻ nói với quan phủ Nước Hai :

- Thôi thế là tạm yên ! Nếu không có gì trở ngại,, thì với kỹ thuật tôi vừa sử dụng, nội trong vòng bách nhật, con Hỏa này thế nào cũng phải tan biến hết !

Bây giờ thì xin mời quan lớn hãy về nghỉ, kéo trọn đêm đứng ngoài sương lạnh, tôi e quan lớn sẽ không chịu nổi những chướng khí lam sơn của miền núi rừng lạnh lẽo.

Từ trên cành cây trước mặt, tiếng chim rừng chọt nổi lên thanh thót : " Bắc Quang, Bắc Mộc, Hà Giang nước độc ! "

Sương khuya mỗi lúc một dày thêm, lạnh thêm, làm cho quan Phủ Vi Văn L. không đợi cho nhà phong thủy phải thúc dục đến lần thứ hai, vội bảo nhau thu xếp đồ đạc thuôn, cuốc, lẳng lẳng theo con cữ trở về nhà viên Chánh Tổng.

Thấy mọi người có vẻ mệt mỏi vì phải thức trọn đêm vì sương gió lạnh lùng, chủ nhà vội lấy nước nóng mời quý khách rửa mặt, pha trà quan Phủ điểm tâm, rồi thu xếp giường chiếu để cho mọi người ngã lưng chốc lát cho lại sức.

Nhưng chỉ mới đến giờ Thìn, đang lúc thầy địa lý say sưa trong giấc ngủ nặng nề, thì chợt thấy có người lay gọi...

Lão vội mở choàng mắt ra, gấp gáp nhìn quanh, thì thấy một chú linh đồng, bộ hạ thân tín của viên Chánh Tổng hấp tấp nói rằng :

- Thưa... Thưa Cụ , lạ lắm ! Có chuyện lạ lạ lắm nên nhà cháu mới dám làm kinh động cụ, xin cụ thứ tội cho. Số là nhà Cháu vừa ra ngoài rẫy, tình cờ đi qua đồi Tương chợt thấy " ngôi mã quan " (thổ dân vẫn quen gọi ngôi mộ của họ Vi là " ngôi mã quan "- có mùi tanh hôi ghê ghớm, và quái dị hơn nữa, lại có một chút nước gì đỏ ngầu như máu tươi chảy dài từ ngôi mã tới cái gò đất ở đằng sau miếu sơn thần !...

Thầy địa lý bất giác kêu thoát lên một tiếng thất thanh, mặt tái nhợt, lạnh toát người, cơ hồ muốn ngất lịm đi trước cái tin bất ngờ, quá đột ngột ấy !

Lão thở dài lẩm bẩm :

- Thôi thế là hết ! Uổng phí công lao vất vả, khổ tử, lao tâm suốt mấy ngày trời quên ăn, bỏ ngủ !

Vừa nói, lão vừa uể oải nặng nhọc đứng lên, đi lảo đảo về phía sập gụ, nơi quan Tri Phủ Nước Hai đang thiêm thiếp giấc nồng.

Quan Phủ như được linh tính báo động, vùng ngồi dậy, hốt hoảng hỏi vội:

- Cái gì ? cái gì mà tiên sinh thất sắc thế hử ?

Nhà phong thủy không muốn gieo mối thất vọng nào nề cho vị quan phụ mẫu nên chọt úp mồm trả lời :

- Cũng chưa biết đích xác ra sao ? Lờn chú linh đồng mơ hồ lắm, không thể nào tin được ?

Vậy xin mời quan lớn sửa soạn ra bờ sông xem thử...

Vi Văn L. không nói gì lẳng lặng sửa soạn y phục, rồi lên ngựa, đi cùng nhà phong thủy,

không cần đem theo lính hầu như thường lệ.

Còn cách xa ngôi mộ tới nửa dặm đường, hai người đã thoáng ngửi thấy một mùi hôi thúi dị kỳ, không giống một thứ un khí nào trong thiên hạ hết !

Phân người hay phân muôn thú ? Xác người hay xác thú vật bị chết chương chết sinh ?

Đều không phải ! Mùi khó ngửi bốc ra nồng nặc mỗi lúc một nặng nề kỳ quái hơn, theo đà tiến của vó ngựa hai người...

Không ai bảo ai, họ cùng rút khăn tay đưa lên bịt mũi, rồi giật cương phi nhanh...

Đến nơi, họ buông cương, nhảy vọt xuống đất không buồn nghĩ đến chuyện cột ngựa vào gốc cây, mà hấp tấp bước mau qua một gò đất nhỏ, đến bên ngôi mộ cao, to như một trái đồi con...

- Vừa đúng lúc bấy giờ chợt có tiếng rã rã trên lùm cỏ thụ phía Tây Bắc, rồi một cành cây lớn đột nhiên gãy rớt xuống đất, mặc dầu trời không có mưa to gió lớn chi hết.

Nhà phong thủy giật mình, đi quanh ngôi mộ, bất ngờ lại thấy có vết đất bị cây lên, giống như một luống cày nhỏ, mà kỳ dị hơn nữa, ở hai bên mộ thứ cỏ tươi ngày thường vẫn mọc xanh rờn, lại héo hắt hẳn đi, in hệt quang cảnh điêu tàn sau một cơn hỏa hoạn vậy.

Đồng thời, trên mặt đất gần cổ đó, còn nhớp nhúa một chất nước nhày nhụa đỏ ngầu như máu tươi, chạy thẳng một vệt dài, ăn thông từ gò đất hình con Hổ đến mộ phần.

Mùi hôi thúi chính do từ chất máu ấy phát ra.

Nhìn kỹ vết máu, thầy địa lý sửng sốt, ngơ ngác một lúc lâu, rồi mới lăm bằm qua nét mặt tái nhợt, hải hùng :

- Kỳ dị ! Đúng đây là dấu vết quái vật từ con Hổ bò tới ngôi mộ, tác hại, nên long mạch mới bị đứt, róm máu ! Hừ, nguy hiểm thiệt !... Quan Phủ họ Vi vội hỏi :

- Có chuyện gì mà Tiên sinh kinh nghi, lo sợ thế ?

Nhà phong thủy nhìn quan Phủ, ngập ngừng mãi, rồi mới chậm rãi trả lời :

- Thấy các hiện tượng vừa xảy ra, tôi chợt nhớ tới lời ghi chú trong một cuốn cổ văn, khảo cứu về các kiểu đất. Tổ sư môn địa lý đã từng dạy rằng, khi nào có "quái vật xuất hiện bất thường, đoạn long, phạt mộc thì tai ương" , thì sớm muộn thế nào cũng sẽ có tin dữ đưa tới !

- Không thể nào tránh khỏi.

Quan Phủ có vẻ hoài nghi, hỏi lại :

- Nhưng đoạn long, phạt mộc thì tôi được thấy, còn quái vật thì đâu ?

Thầy đồ nghệ chỉ vào một vệt máu dài, giải thích :

- Cứ như mùi uế khí với dấu vết còn ghi lại, thì nhất định từ hôm qua tới nay, phải có một loại quái vật, mà tôi ngỡ là giống "Kim Tâm cổ" một thứ độc trùng kỳ dị, xuất hiện bất ngờ, do con Hoả tạo ra, để tác hại cho gia đình quan lớn...Nếu lời cổ nhân dạy không sai lắm thì rồi đây, thế nào cũng phải có chuyện không hay ...

Quan Phủ Nước Hai không nói gì, buồn bã đi theo nhà phong thủy qua gò Con Hổ.

Gần đến nơi, mọi người cùng đứng khựng lại, vì trước mặt họ, những bùa chú, chai lọ, chỉ ngũ sắc, giấy vàng bạc mới được trấn yểm đêm trước, nay bị vút tung toé, bừa bãi khắp nơi, như có một bàn tay huyền bí quái ác nào vừa đào lên, đem liệng bỏ ở bên gò đất.

Không hẹn, mà cả Vi Văn L. cùng thầy địa lý đều thở dài ngao ngán.

Họ đang muốn sai người dọn dẹp các thứ cho gọn ghẽ, thì chợt thấy viên cai lệ Nước Hai, từ

đăng xa phi ngựa tới, hốt hoảng đưa trình quan Phủ L. một tấm giấy xanh.

Đó là bức điện tín của Vi Văn Định gửi cho Vi Văn L. báo tin về vụ người em út, đang làm kỹ sư ở Hải Phòng, không biết vì buồn phiền chuyện gì trong gia đình, đã dùng súng lục tự sát. Vì vậy, Định yêu cầu L. phải xuống ngay Hải Phòng để cùng Định lo liệu việc tống táng đưa em xấu số.

Vi Văn L. cầm bức điện tín, tay run bần bật, hai mắt đỏ hoe đầm lệ, thần thờ nhìn quanh một vòng, rồi nắm tay thầy đồ Nghệ, nói qua giọng nghẹn ngào :

- Thôi muôn việc đều không tránh khỏi số trời. Xin tiên sinh thu xếp về Nước Hai nghỉ ngơi, để tôi đi Hải Phòng lo liệu việc nhà.

Việc trấn yểm con Hỏa không cần nữa.

*** HẾT ***

BÀI THỨ 5 : ĐÔI LỌ CỎ TRONG LÒNG HUYỆT

Theo phước âm tổ tiên họ Đặng Trần độ trì, lão đã thành công trong bước đầu, và như vậy có thể tin chắc là bởi sự kết phát hài cốt, cũng sẽ gặp được may mắn. Thầy Địa lý chừng như sợ mẹ con Đặng Mẫu không hiểu rõ lẽ huyền bí của sự kết phát, nên lại vui vẻ giải thích thêm:

- Sở dĩ lão phải chịu tốn công chiêu hồn thân phách ông tổ thất đại giòng Đặng Trần vào hình nhân để chôn theo cùng với hài cốt khi cải táng, chỉ là vì lão nghĩ rằng: theo thương tình thiên hạ, mỗi khi những thiếu nhi bị yểu tử, các bậc làm Cha Mẹ, hoặc thân nhân không mấy khi khâm liệm cẩn thận, chọn lựa quan tài đóng bằng gỗ tốt như người lớn bị mệnh chung, mà trái lại chỉ gói ghém qua loa, rồi dùng cây xấu đóng hòm, hoặc lấy chiếu hay vát giương bó lại, đoạn đem chôn cất cho sớm xong xuôi viện cớ : đó là nghịch cảnh, con cái chết trước Cha Mẹ! Với sự an táng cầu thả ấy trải qua hàng trăm năm, lẽ tất nhiên hài cốt phải bị tiêu hao, có khi tan biến mất hết, chỉ còn tro lại trong áo quan, một mớ xương tàn vụn vặt, trông không khác gì một thứ đất bị nghiền nhỏ vậy !

Sự liên hệ huyền bí, giữa người quá vãng với bộ hài cốt nằm dưới huyết sâu, chẳng cần nói ai cũng biết là vô cùng quan hệ !

Nó còn ảnh hưởng cả tới những thân nhân còn sống ở dương thế, nên mỗi khi hài cốt bị xâm phạm, tức khắc con cháu phải gánh chịu những sự ốm đau, tật bệnh hay làm ăn lung củng, thua thiệt đủ đường.

Trong trường hợp hài cốt tan biến thành đất vụn , linh hồn người đã khuất hẳn cũng giảm bớt một phần nào sự linh ứng, chứ không còn có thể hiển hiện, biến hóa dễ dàng được như khi hài cốt còn nguyên vẹn.

Do đó muốn cho ngôi mả sớm quán khí, để có thể kết phát trước thời gian của Ngọc Hoàng ấn định, lão mới phải tốn công chiêu hồn, thân phách ông tổ bảy đời trong giòng họ Đặng Trần, lấy hình nhân có hồn phách quy tụ đầy đủ thay thế cho người quá vãng, để hài cốt có sinh khí tiếp nhận tinh hoa của long mạch, hầu hết chóng đem đến cho con cháu trong họ sự kết phát, như phần số thiên đình đã ấn định, mà lão từng rõ được trong cuốn sổ luân hồi

chuyển kiếp khi nằm chiêm bao, tiếp xúc với Thổ Thần.
Đôi lọ cổ trong lòng huyết.

Với sự thấu hiểu hồn phách giờ đây và nạn yểu tử của người có hài cốt nằm sâu dưới huyết, lão tin chắc thế nào cũng đạt được kết quả mong muốn, vì theo sự hiểu biết của lão, những người chết non bao giờ cũng khôn ngoan, linh thiên hơn người thường, nên một khi được ám trợ thêm bằng bùa chú, phù phép, chắc sao cũng phải giúp đỡ đắc lực cho ngôi mã mau quán khí, để linh hồn được sớm phiêu diêu nơi non Bồng nước Nhược, hay chốn cực lạc tây phương.

Đó là sợi dây liên hệ giữa hai thế giới âm dương : người có hài cốt an táng đúng chỗ quý địa, có long mạch dồi dào tới sẽ được mát mẻ vong linh, cũng như con cháu trên trần gian được hưởng vinh hoa phú quý !

ĐÔI LỌ CỔ TRONG LÒNG HUYỆT

Đúng ngày 16 tháng chạp năm ấy, lễ cải táng sẽ được cử hành vào giờ Mùi, do sự lựa chọn ngày giờ rất cẩn thận của thầy địa lý.

Ngay tại chánh huyết, nhà phong thủy đã bắt đầu dựng tạm một căn lều chung quanh che vải đỏ bịt bùng, mà theo lời thầy địa lý, mục đích để tránh sự xung sát giữa linh khí của hài cốt với ánh thái dương, rất có thể xảy ra khi cần phải mở tiểu sành để, để xếp lại xương cốt, với các thứ bùa chú và đồ trấn yểm trước khi hạ huyết. Chẳng những cần phải giữ gìn cho mớ hài cốt mà luôn cả đến huyết đào, thầy địa lý cũng không muốn cho huyết bị để lộ thiên một giờ khắc nào vì làm như thế, khí thiêng liêng của long mạch ít nhiều cũng sẽ bị thương tổn, gây ảnh hưởng không hay cho sự quán khí của mộ phần.

Với tất cả sự thận trọng chu đáo ấy, từ mờ sáng hôm 16. Thầy địa lý đã gọi Trung trở dậy, thúc giục chàng phải đi gọi mấy người anh em trong họ cường tráng, khỏe mạnh để nhờ họ đi cất lều ở tại chánh huyết, rồi sau đấy mới đào huyết theo đúng kích thước và sự chỉ dẫn vô cùng cẩn kẹ của nhà phong thủy.

Cứ mỗi lần đào sâu chừng một thếp mai, thầy địa lý lại bảo mọi người tạm nghỉ tay, để lão đích thân đem la kinh đến đặt thử trên mặt đất, đo lường lại cẩn thận từng phân tấc tính toán rất kỹ lưỡng, rồi mới yên tâm ra lệnh cho đám trai tráng đào tiếp .

Mới bắt đầu đào, lớp đất bên trên không có chi lạ hết.

Nó giống in như những khu ruộng khác, đất đào lên chỉ là một thứ đất thịt, xèo quánh, nên những chàng thanh niên lực lưỡng phải khó nhọc lắm mới đào được sâu tới 2 gang tay.

Đến đây, màu đất bỗng đổi khác, đang từ đen sẫm, đổi thành sắc đỏ chói, tươi như có pha trộn với chất son tàu. Một chàng trai, em họ Trung, tình nghịch, lượm một cục lên xem, đoạn, vạch thẳng một nét dài trên trên chiếc áo bông của người đứng bên cạnh dệt bằng thứ vải hồng dày nhuộm võ già, thì lạ lùng thay, nét vạch dài bằng thứ đất lấy trong huyết, trông đỏ chói, tươi thắm lóng lánh như có lẫn cả chất kim loại nhỏ, không làm sao mà giặt giũ cho

sạch được nữa!

Đồng thời một luồng ôn khí, thoang thoảng có hương vị như chất trầm hương đốt cháy, bốc ra, làm cho mát dịu cả khu chánh huyết, khiến cho mấy chàng thanh niên cường tráng, đang suýt soa trước những trận gió cuối đông tê buốt thịt da chợt cảm thấy nóng bừng cả thân thể, ngứa ngáy cả tay chân, đến nỗi phải cởi bỏ bớt những chiếc áo bông giầy cộm ra đặt tạm trên cột lều.

Mặt người nào cũng đỏ ửng như lúc quá chén say sưa, mặc dầu thực sự, họ thấy khỏe mạnh, vui vẻ hơn bao giờ hết, hăng say làm việc một cách vô cùng thích thú, như có một mảnh lực huyền bí, thiêng liêng nào ám trợ vậy!

Trước những hiện tượng kỳ dị ấy, thầy địa lý đắc chí, nở một nụ cười khoái trá, vuốt râu sung sướng, mừng thầm cho sự thành công của lão: đã tìm được đúng chánh huyết !

Đám thanh niên lực điền vẫn hì hục, gắng sức làm việc luôn tay, và chỉ chịu tạm nghỉ mỗi khi có lệnh của thầy địa lý, để lão dùng la kinh đo lường, khảo nghiệm lại phương hướng .

Đào sâu độ chừng thêm ba thếp mai nữa thì sắc đất lại càng đỏ tươi, ẩm ướt hơn nhiều, đồng thời mùi trầm cũng tăng gia hương vị ngạt ngào gấp bội, như đâu đây đang có đặt sẵn một chiếc lư hương khổng lồ bí mật nào vậy !

Chợt em họ Trung reo lên :

-Ồ lạ chưa ! Có cái chai, cái bát gì đây này, anh em ơi ! Hãy ngừng tay lại đã nào ...

Cả bọn lập tức nghỉ việc, đứng ngơ ngác nhìn quanh.

Nhà phong thủy cũng kinh nghi không kém vội vén áo nhảy luôn xuống đáy huyết, vừa đúng lúc em họ Trung đang cúi rạp người sát mặt đất dùng những ngón tay nhẹ nhàng, thận trọng bới nhanh từng hòn đất một, ở góc huyết về phía Đông Nam.

Cả bao nhiêu cặp mắt cùng đổ dồn theo một chiều hướng cả về phía chàng thanh niên đang bới đất, chăm chú theo dõi sự chuyển động của mấy ngón tay đen sạm của người em họ

Trung, hồi hộp đợi chờ ...

Tiếng chàng trai này bỗng vang lên, mừng rỡ

- A ! Đây rồi ! Một cái lọ.. à mà hai cái lọ sành anh em ạ!

Đám thanh niên đổ xô cả lại, bao quanh người em họ Trung, nhưng họ chưa kịp trông thấy gì, thì nhà Phong thủy đã tiến vội đến, nói mau:

-Đâu, lọ đâu ? Lấy lên đưa cho lão coi nào.

Em họ Trung lần lượt bới đất, lấy ra được 2 chiếc lọ, chiều cao được chừng hơn một gang tay, như kiểu chiếc nậm đựng rượu ở các đình miếu ngày xưa.

Cầm cả 2 chiếc lọ dơ cao trước mặt cho mọi người cùng coi, thầy địa lý với cặp mắt lão luyện của một khách giang hồ giầy rạn phong sương, đã nhận thấy ngay được tính cách của đôi lọ cổ, qua lớp men da rạn và một hàng chữ triện khắc chìm sâu vào lớp sứ, nổi hẳn những đường vân chẳng chịt vô cùng tinh xảo .

Bề ngoài không có gì đáng gọi là quý báu hết ! Mới trông qua ai cũng tưởng nó giống in như những chiếc nậm đựng rượu, mà có khi giá trị còn kém hẳn những chiếc nậm tầm thường ấy nữa là khác, vì chất da rạn, màu nâu nhạt, bị đất bùn bám khắp chung quanh, trông nham nhở, bẩn thỉu vô cùng.

Như trên đã nói, thầy địa lý không nhìn cổ vật bằng cặp mắt nông nổi, mà trái lại, còn thận

trọng xem xét kỹ lưỡng, từng ly từng tý, có lúc giốc ngược hẳn lên, để đọc những chữ triện dưới đất lộ, có lúc dơ ngang tầm mắt, để soi men lộ qua ánh mặt trời, hy vọng khám phá được cái gì mới lạ.

Tìm một chiếc dừa tre, nhà phong thủy moi móc mớ đất mà lão tường nhét chặt đầy trong lộ, qua bao năm tháng, cổ vật nằm sâu dưới địa huyết.

Nhưng chỉ mới bới được một chút đất, đóng chặt ở phía trên lộ, lão chợt kêu khẽ một tiếng kinh dị, vì trái với sự dự đoán: chiếc lộ không chứa đầy đất như lão vẫn yên trí mà chỉ có một lớp dày, dài chừng 1 ngón tay ở ngay miệng lộ giống hệt một chiếc nút gấn chặt vậy.

Lấy hết những miếng đất nhỏ còn sót lại ở bên trong ra, thầy địa lý lại nghiêng chiếc lộ, neho mắt nhìn kỹ và lắc mạnh.

Không thấy gì rơi ra cả, nhưng trong lòng chiếc lộ vẫn như còn chứa đựng một vật chi mà lão không sao đoán được.

Lão vội đưa hai ngón tay vào, ấn thử, rồi lôi mạnh ra .

Đó là một vuông lụa hình chữ nhật khá rộng, nếu cuộn lại để vừa khít lòng chiếc lộ cổ.

Có lẽ khởi thủy, vuông lụa vốn màu nguyệt bạch, nhưng qua năm tháng thời gian, nhất là bị chất bùn đất thấm vào, nó đã đổi màu, biến qua sắc vàng nhạt, lốm đốm, năm ba vết nhơ đen sẫm hoặc tím bầm!

Trên mặt vuông lụa có thêu bốn chữ triện, mỗi chữ to bằng chiếc chén uống nước, chia đều ở khoảng giữa rất sắc xảo, rõ ràng: "Tổ Tiên Tích Đức" bằng chỉ ngũ sắc, nét thêu vô cùng khéo léo, không biết có từ bao giờ, mà vẫn giữ nguyên được mẫu chỉ tươi đẹp như vừa hoàn thành được chừng mấy năm trước đây vậy!

Ở góc dưới cùng về phía tả, có thêu hai chữ "Chí Công" nét thảo tung hoành, cực kỳ sương kính.

Bốn chữ "Tổ Tiên Tích Đức", tuy thêu ở chính giữa, nhưng lại chìm lẫn vào một bức tranh, thêu hình một thanh niên, nét mặt khôi ngô quả cảm, linh động dị thường là cặp mắt sáng ngời, mà người thợ thêu đã dựng công phác tả một cách cực kỳ khéo léo, khiến cho ai thoạt nhìn vào, cũng nhận thấy ngay được vẻ tinh anh , chí khí của chàng thanh niên, nằm dài dưới đất, đầu ngược cao lên cho thân mẫu chàng là một lão phụ, giáng điệu hiền hòa, phúc hậu, dùng kim và chất chàm đặc, thích lên lưng bốn chữ "Tận Trung Báo Quốc", nét nhỏ ly ty, vô cùng tinh xảo, chứng tỏ tác giả bức thêu, phải có một bàn tay điêu luyện đến mức độ phi thường, mới lột tả được trọn vẹn hình ảnh rất linh động của hai mẹ con chàng thanh niên trong bức thêu kỳ xảo ấy.

Vừa gạt đầu khen ngợi đường thêu trác tuyệt và nét mặt hiên ngang, nhưng không kém phần tuấn nhã của chàng trai nằm dưới đất, thầy địa lý vừa bảo mọi người:

- Bức tranh thêu tích "Nhạc mẫu dạy con" thật khéo, đẹp lạ lùng, tường trên đời này khó lòng có được một bức thêu thứ hai như thế nữa?

Rồi như sợ mọi người không hiểu, lão vội giải thích thêm :

- Ngay từ khi mới khôn lớn, Nhạc Phi ở đời nhà Tống đã được Mẹ dùng đại nghĩa dạy dỗ.

Muốn con lúc nào cũng ghi nhớ bổn phận của một thanh niên yêu nước, Nhạc mẫu đã chích vào lưng Nhạc Phi bốn chữ "Tận Trung báo quốc" !

Nhờ có sự dạy dỗ nghiêm khắc của Mẹ, lúc thiếu thời, mà đến khi ra đời. Nhạc Phi mới nổi tiếng là một vị danh tướng, có biệt tài cứu nước, an dân, lưu tên tuổi ngàn thu trong sử sách.

Đặc biệt hơn hết, bất cứ ở địa vị nào, khi còn hàn vi cũng như lúc đã hiển đạt, khi còn ở quê hương cũng như lúc mới được triều đình phong làm Nguyên Soái, cầm quyền sinh sát của trăm vạn hùng binh, để chống lại với giặc Kim từ phương Bắc kéo đến xâm lấn Trung Nguyên và giặc Động Đình Hồ ở trong nước nổi lên làm loạn, Nhạc Phi vẫn luôn luôn nhớ lại lời mẹ dạy: tận trung báo đền nợ nước, trong tất cả mọi trường hợp, đều hết lòng giúp đỡ bạn bè, lấy nghĩa khí, đạo đức ra cảm hóa mọi người, kể cả kẻ thù không đội trời chung với mình. Vì vậy, đức độ của Nhạc Phi nhiều phen, đã cảm hóa được những kẻ cường ngạnh nhất đời, để sau khi hồi cải, trở thành bằng hữu tâm giao với Nhạc Phi.

Sau khi lập được nhiều công lớn, họ Nhạc Phi bị gian thần hãm hại, Hiện ở bên Tàu, vẫn còn có đền thờ Nhạc Phi, quanh năm dân chúng phụng thờ, khói hương nghi ngút.

Chiếc lọ thứ hai cũng có một vuông lụa, màu sắc, kích thước giống in hết vuông lụa thứ nhất, nhưng trên mặt lụa lại thêu bốn chữ triện khác: "Tứ Tôn Hiến Vinh" .

Ở góc dưới cùng, về phía bên hữu, cũng có hai chữ "Chí chánh" viết theo lối thảo như ở tấm lụa kia, và liền sát đấy, còn có một dấu son dài đóng khung, trên ghi "Minh Triều Bình Bộ Thượng Thư Hoàng ..."

Hình thêu mô tả một ông già râu tóc bạc phơ, vận y phục sắc sỡ, xanh đỏ lòe loẹt như trẻ nít, đang dơ tay, hoa chân, múa may trước một lão bà căn cõi, lông mày bạc trắng như thoa phấn .

Thầy địa lý nhìn bức thêu, luôn mồm suýt soa khen ngợi tinh thần tuyệt hảo của những đường chỉ, màu sắc hòa hợp cực kỳ linh động, khiến cho ai thấy cũng phải giật mình kinh ngạc tưởng chừng như chính mắt mình được chứng kiến cảnh múa may, quay cuồng của ông già bằng xương, bằng thịt ở ngay trước mặt, rồi ung dung giải thích cho mọi người đang nhor ngác đứng nhìn ở chung quanh.

- Bức tranh này chắc là thêu cảnh ông già Lão Lai, đã ngoài 70 tuổi, còn già bộ như trẻ thơ, mặc quần áo xanh đỏ của con nít, rồi ra sân múa cho me già coi, để bà cụ vui lòng tưởng như con trai mình hãy còn bé dại lắm.

Tác giả dụng ý khuyên người đời phải hiếu thảo với mẹ cha. Có thể, mới được hưởng phúc sau này .

Lão chợt ngừng bật, nét mặt đăm chiêu, như suy nghĩ một điều gì quan trọng, một lúc lâu, rồi mới lẩm bầm trong mồm, vừa đủ cho Trung đứng gần đấy nghe rõ :

- Quái nhỉ ? sao lại là Minh Triều Bình Bộ Thượng Thư Hoàng? Không lẽ viên quan nhà Minh nào đó, đã lần mò sang được tận đây, tìm thấy ngôi đất quý báu này, rồi ghi dấu sẵn sàng cẩn thận, để dành đấy cho con cháu đem hài cốt tổ phụ qua an táng !

Bỗng lão im bật, đoạn gật gù nói tiếp :

- Hay có lẽ là Thượng Thư Hoàng Phúc ! Vì chỉ có họ Hoàng mới đủ tài trí làm nổi việc này, trước khi bị binh tướng Bình Định Vương bắt sống.

Theo dã sử, Hoàng Phúc há chẳng đã nổi tiếng là tay danh sĩ về đời nhà Minh, từng am hiểu cả Nho, Y, Lý số sao ?

Nhà phong thủy nhú mày, vỗ tay, đánh đét một cái vào đùi, nói lớn một cách hân hoan, như vừa khám phá được một điều gì mới lạ :

- Thôi, đúng rồi ! Đúng là Hoàng Phúc thật rồi !

Lão còn nhớ các cụ ngày trước thường truyền tụng rằng : Khi bị quân sĩ vua Lê bắt trói, giải

vào trình quân sư Nguyễn Trãi, viên thượng thư nhà Minh là Hoàng Phúc đã tiên đoán được vận mạng của mình, nên vẫn giữ vững vẻ ung dung, bình thản của một nhà Nho lỡ bước sa cơ, không chịu khuất phục trước uy vũ, cường quyền, thân nhiên nói với vị quân sư tài ba thao lược của Bình Định Vương rằng: Kẻ bại trận này, tuy thất thế, song đại nhân chỉ bắt được tôi, chứ không giết nổi tôi đâu, vì long mạch mà tổ nhà tôi, từ ngàn dặm dồn tới, sẽ bảo vệ cho tôi giữ toàn tính mạng

(-Ngã tổ mộ thiên lý chi lai long, -Nặng cảm ngã, bất năng sát ngã) !

Quả nhiên, sau đấy vua Lê tha tội cho họ Hoàng theo lời yêu cầu xin của Ông Nguyễn Trãi. Và, để đền đáp ơn cứu tử, Hoàng Phúc đã vẽ tặng Ông Nguyễn Trãi một bức truyền thần, hiện còn treo tại đền thờ họ Nguyễn ở làng Nhị Khê, phủ Thường Tín, tỉnh Hà Đông, Bắc Việt .

Nghe đâu, thời đấy, Hoàng Phúc còn xin ông Nguyễn Trãi đưa đi coi mấy ngôi mộ tổ, và nhân dịp này đã đề nghị cải táng gấp rút mộ phần Ông tổ tam đại, giòng họ Nguyễn vì ngôi mộ này trông thẳng vào một gò đất hình thanh kiếm tuốt trần, nếu cứ để vậy, chắc chắn thế nào cũng gặp đại họa, có khi đến bị chu di tam tộc.

Nhưng Ông Nguyễn Trãi tự tin ở lòng trung nghĩa của mình, khẳng khái từ chối mà nói rằng :

- Mệnh ta do tự Trời định! Há vì một chút địa hình mà phải cải táng phần mộ tổ tiên sao ?

Hoàng Phúc cố năn nỉ nhiều lần mà Ông Nguyễn Trãi vẫn khăng khăng không chịu nghe lời.

Quả nhiên sau khi giúp vua Lê đánh đuổi giặc Minh ông được phong thưởng tới chức Quan Phục Hầu, nhưng lại bị gian thần vu cáo, buộc vào tội mưu toan giết vua, khiến cho cả ba họ đều bị tru di chỉ trừ 1 đứa con nhỏ, nhờ sự tiên đoán của họ Hoàng Phúc lượng tính được cả ngày giờ năm tháng, người nhũ mẫu đem đứa con nhỏ của ông Nguyễn Trãi đi lánh nạn qua Động Đình Hồ, không may bị bão chìm ghe, đang lúc nguy cấp, bỗng được con cháu Hoàng Phúc vâng theo lời trăng trối của họ Hoàng đón đường cứu thoát, để đền đáp ơn cứu mạng năm xưa của quan Phục Hầu Nguyễn Trãi.

Chính con cháu Hoàng Phúc, theo đúng lời họ Hoàng căn dặn trong di chúc, không những đã sắm sửa thuyền bè, chờ đợi sẵn ở Động Đình Hồ, để khi người nhũ mẫu, gia đình họ Nguyễn, đưa đứa con cô của Nguyễn Trãi lánh nạn tới đấy, gặp con phong ba, bão táp, đắm thuyền sẽ không đến nỗi uổng mạng.

Sau đấy, thân nhân Hoàng Phúc còn đưa cả người nhũ mẫu và đứa con cô của ông Nguyễn Trãi, qua Tàu giúp đỡ, cho ăn học thành tài, chờ đến khi nổi oan thấu Trời của ông Nguyễn Trãi được giải tỏa, mới thu xếp cho trở về làng cũ ở Việt Nam.

Biệt tài về Nho, Y, Lý, Số của Hoàng Phúc đã khiến người đương thời rất kính phục, không còn coi họ Hoàng như những kẻ thù xâm lăng khác.

Với bằng có hai bức tranh thêu, nằm trong hai chiếc lọ cổ, có ghi dấu riêng của Hoàng Phúc, đủ chứng tỏ họ Hoàng đã từng đặt chân đến đây, tìm được ngôi đất này, nhưng có lẽ thấy nhà mình ít phước đức, không thể nào được hưởng sự kết phát, nên đành phải bỏ ra về Tàu, với sự tiếc hận, được minh chứng bằng cách lưu lại dưới huyết sâu mấy vật kỷ niệm, để đời sau biết cũng đã có người "có mắt xanh" hiểu rõ những chuyển vận của long mạch, và chỗ nào hình thế kỳ khu, có đủ điều kiện kết phát của môn phong thủy huyền bí .

Như vậy, nơi đất này nhất định thế nào cũng phải kết phát đúng như sự dự tính của lão.

Nói xong, lão đem tất cả hai chiếc lọ và hai bức tranh đến ngồi trên một mảng đá gần đấy để tiện trông coi công việc đào huyết của đám thanh niên.

Mấy chàng trai trẻ trong họ Đặng Trần lại hì hục, tiếp tục làm việc một cách hăng hái, say

sua hơn trước, vì trước mắt họ, viễn ảnh huy hoàng của sự kết phát, từ lúc được nghe lời giải thích của thầy địa lý, lúc nào cũng như chập chờn, múa lượn trong đầu óc họ, với cảnh ngựa xe phú quý, áo mào sênh sang, sau khi ngôi mộ được quán khí, long mạch bắt đầu vận chuyển, đem lại một sự hiệu nghiệm hiển nhiên cho con cháu họ Đặng Trần, cả trong công việc làm ăn, buôn bán như sự học hành thi cử !

Đào sâu được chừng hơn một thếp mai nữa, một thanh niên bỗng kêu lên giật giọng :

- A ha ! Đất mới đào sao lại biến sang màu vàng, và bốc hơi ẩm áp lạ lùng lắm anh em ơi !

Nhà phong thủy đang mãi mê quan sát kỹ lưỡng hai chiếc lọ cổ, chăm chú nhìn ngắm từng nét vẽ, nét chữ, vết men rạn cực kỳ tinh xảo trên da lọ, chưa kịp mở ra coi lại 2 bức tranh, có thủ bút của quan Bình Bộ Thượng Thư triều Minh nào đó, chợt nghe thấy tiếng kêu từ dưới huyết phát ra, vội rời khỏi chỗ ngồi, bước nhanh về phía mọi người đang đào đất, hấp tấp hỏi lớn :

- Gì thế, hử các chú em ?

Em họ Trung vọt lên mặt đất, vừa xoa tay phủi bới đất, vừa lễ phép nói rằng :

- Lạ lắm Cụ ạ !, Màu đất đang đỏ, bỗng tự nhiên biến qua màu vàng rất đẹp.

Đồng thời, trong huyết đang bốc ra hơi mát mẻ, cũng lại đổi qua khí ẩm áp lạ lùng, mà hương thơm lại còn bốc ngát nhiều hơn nữa.

Thầy địa lý, chừng như đã hiểu rõ vì sao có sự thay đổi ấy, nên chỉ mỉm cười, ung dung đến bên bờ huyết, cúi đầu nhìn xuống.

Dưới những bàn chân đen sạm, gân guốc của những chàng trai lực lưỡng đang chống cán mai đứng nhìn lão, chờ đợi sự phán đoán của nhà phong thủy nhiều kinh nghiệm, lão thấy lơ mơ như có một luồng khí trắng phảng phất từ lòng đất bốc lên, mơ hồ, cuộn cuộn, xoáy thành những vòng tròn, bay lướt qua đám thanh niên, nhưng bọn này, có lẽ mãi chăm chú theo dõi sự phán đoán của nhà địa lý, nên chẳng ai trông thấy .

Mãi miết nhìn sững luồng khí trắng, lão ngạc nhiên, khi thấy những làn hơi huyền ảo ấy, chỉ bằng bạc bốc cao lên được tới miệng huyết, rồi chợt như có một mãnh lực kỳ bí gì đó, đẩy mạnh xuống, khiến những vòng tròn cầu tạo toàn khí trắng, lại phải rút gọn cả xuống lòng đất, soáy tít như chong chóng một lúc, đoạn bất thành linh lại bốc cao lên như trước.

Nhà phong thủy hiểu đó là linh khí của huyết thiên, và yên tâm một phần nào về sự chu đáo của mình từ trước khi đào huyết : chiếc lều tuy cất sơ sài, cũng tạm thời che được cho âm khí, từ trong lòng đất bốc lên, khỏi bị xung khí thái dương.

Không muốn nói dài dòng, e lỡ mất thì giờ tốt đã ấn định, thầy địa lý phải giả bộ như không nghe rõ câu hỏi của người em họ Trung, cứ thản nhiên thúc giục họ phải vét sạch đất vụn, nên lại một lần nữa cho lòng huyết thật bằng phẳng, rồi bắt cả bọn đi ngay xuống cánh đồng làng dưới, đào gấp rút ngôi tổ mộ bảy đời của họ Đặng Trần.

Thầy Địa lý cũng đi theo, đích thân trông coi việc làm của mấy chàng trai trẻ.

Chính Đặng Mẫu được lão ủy thác cho ngồi canh gác trong lều, mà chiếc khám thờ có đặt hình nhân ông tổ bảy đời họ Đặng Trần đã được thầy địa lý trịnh trọng đem ra ngoài lều từ khi mới đào huyết. Lão căn dặn Đặng Mẫu phải triệt để ngăn cản không cho một loài vật nào bất cứ là to hay nhỏ, thứ nhất là các loài chuột, rắn, mèo, chó tới gần cái huyết đã được đào sẵn.

Trung tò mò, mấy lần hỏi lão xem vì có gì phải ngăn cấm, không cho các loài vật đến gần, nhưng lão chỉ cười khan, lắc đầu không chịu nói rõ.

Ngôi tổ mộ bảy đời của họ Đặng Trần đúng như lời tiên đoán của thầy địa lý, quả như đã bị

tiêu hao gần hết. Cả mớ hài cốt chỉ còn có một chiếc xương sống với cái đầu lâu. Nhưng một chàng trai vừa đặt tay vào định đem lên rửa, thì cả hai thứ bỗng tan vụn ngay, mớ xương tàn vụn rơi lẫn lộn cả vào một chất nước sền sệt bốc ra mùi tanh hôi rất khó chịu.

Nhà phong thủy lấy ra trong túi áo bà ba một gói bột nhỏ màu vàng, rắc vào quan tài. Chốc lát, mùi uế khí biến đâu mất hết.

Đám thanh niên đang đứng ngoảnh mặt nhìn về phương Bắc, cố tránh luồng gió, bốc hơi uế khí tanh hôi lộn mửa, để khỏi phải nhổ vật, e làm phật lòng Trung đứng đấy, bỗng thấy mớ xương tàn không có bốc ra mùi hôi tanh nồng nặc như trước nữa, đều cả mừng, xúm ngay lại, hốt hết bộ hài cốt, đã bị biến thành chất bùn sền sệt, đặc quánh vào chiếc tiểu sành, có lót sẵn giấy trâm kim, và vải đỏ trên vẽ chi chít bùa chú bằng chu sa.

Tiểu hài cốt, sau đấy, được khiêng ngay tới cánh đồng làng Đào Xá vào đầu giờ Thân.

Lòng huyết được trải một lá cờ bát quái khá lớn màu đỏ, chia thành nhiều ô ngang dọc, nối tiếp nhau bằng những hình thù kỳ dị, kèm liền bên cạnh những chữ son đỏ chói, viết ngoằn ngoèo, không ra nô, mà cũng chẳng ra tự, chi chít như đàn kiến lửa, bám quanh chữ "Phúc" ở giữa, rất to, viết theo lối thảo, nét bút tung hoành vừa sắc xảo, vừa sừng kính.

Chiếc tiểu sành đựng tàn cốt được chính tay thầy địa lý đặt ngay ngắn vào giữa lá cờ, theo đúng phương hướng, đã ấn định từ trước rất cẩn thận bằng chiếc la-kinh.

Xong xuôi đâu đấy rồi, nhà phong thủy mới gọi Đặng Mẫu, bưng chiếc khâm thờ tới bên huyết, rồi chính tay lão đón lấy hình nhân, mà lão đã thâm nhập được cả ba hồn bảy vía và khai quang điểm nhãn trong nửa tháng trời làm lễ nhượng tinh.

Hình nhân vẫn giữ nguyên vẹn những nét linh động như đêm hôm lão mới thâm nhập được đầy đủ hồn phách người quá vãng.

Mở nắp tiểu sành ra, thầy địa lý trịnh trọng, hai tay khẻ nâng hình nhân, đặt nằm lên trên mớ tàn cốt, đầu gối về hướng Nam, chân đạp về phương Bắc.

Một thanh gươm nhỏ không hơn một con dao bồ cau, bằng gỗ soan đào, đeo gọt rất công phu khéo léo được đặt vào tay phải hình nhân, và tay trái là một lá cờ lệnh màu xanh đậm, một mặt viết 2 chữ "phú quý", một mặt viết 2 chữ "hiển vinh" bằng kim nhũ.

Khắp mình hình nhân phủ kín giấy vàng, giấy bạc và bùa chú, bằng giấy bản, vắn chéo lại với nhau, trên đầu thắt múi, buộc mỗi cái đeo một cái nút chỉ ngũ sắc, cũng kết lại thành bùa.

Bốn góc tiểu, có đặt bốn ống nứa nhỏ trong để bảy hạt gạo nếp, bảy hạt đậu xanh, bảy đồng tiền điều, bảy cái kim khâu và bảy đạo bùa đặc biệt vẽ trên vóc vàng.

Thấy mọi việc cần thiết đã được chuẩn bị chu đáo, đầu vào đấy cả rồi, thầy địa lý mới đặt la-kinh lên trên hình nhân được phủ kín bùa chú với giấy vàng, chạm chú phân kim án hướng lại một lần nữa, xe dịch, xoay sở, những góc nào chưa thiết ngay ngắn, cân đối, đoạn bảo Trung thấp bảy ngọn nến, cắm chung quanh chiếc tiểu hài cốt dưới đáy huyết.

Lòng huyết rộng như một chiếc giường lớn, nên nhà phong thủy vẫn đứng yên bên cạnh tiểu hài cốt, đốt nhang, hướng lên không trung khấn vái.

Đoạn một tay chống nạnh, một tay cầm bó nhang, nhà phong thủy thư phù lên mớ hài cốt, có hình nhân nằm trên, vừa lâm râm niệm chú.

Tiếng rì rầm quái gở mỗi lúc một to hơn, thao đà cử động của bàn tay cầm nhang, và nhịp chân bước đều chung quanh chiếc tiểu.

Bỗng lão ngừng lại, hai mắt mở to trừng trừng như tóe ánh lửa ra bốn phía mặc dầu lúc bình thường, mắt lão không lấy gì làm tinh tường cho lắm, hướng thẳng về phía hình nhân gói đầu vùng mạnh cánh tay cầm nhang, đảo lia lịa theo hình bát quái.

Đồng thời một chân bước lên trước, lão nhận mạnh liên tiếp bảy lần, mỗi lần được điểm theo mấy câu phù chú quái gỡ và một hơi hú dài nghe ghê rợn như ma quỷ gào thét giữa đêm khuya.

Đám trai tráng, tuy vẫn đứng trên bờ huyệt, theo dõi hành động của thầy địa lý từ đầu cũng không khỏi giật mình, toàn thân nổi gai ốc, ớn lạnh, bàng hoàng.

Sau mỗi lần nhận long mạch, ở một góc tiểu hài cốt, nhà phong thủy lại đặt bó nhang xuống, bắt quyết và ném gạo muối ra chung quanh.

Trước quang cảnh ma quái, kỳ dị ấy mấy thanh niên họ Đặng Trần, toàn là những lực điền, vừa khỏe mạnh, vừa can đảm cũng cảm thấy sợ hãi, hết lấm lét nhìn thầy địa lý lại trông trộm Trung, băng khuâng như lạc vào một sào huyệt bí hiểm củ hồ ly tinh vậy!

Nhằm cuối tiết đông thiên, bầu trời âm đạm, giăng mắc mây đen dày đặc, chốc chốc một cơn gió lạnh lồng lộng, thổi lên, làm tê buốt thịt da những người đang đứng trên bờ huyệt, trong lúc Trung đứng sau lưng nhà phong thủy ở dưới hố sâu, cảm thấy ảm áp la thường, như ngồi ở giữa một gian nhà kín đáo.

Trời lúc ấy đã gần tối.

Tiếng trống thu không từ trong điểm canh ở hai làng Đào Xá, Mai Lĩnh đã văng vẳng đưa tới tai mọi người nhờ làn gió đông, giá rét kinh hồn !... Trong cảnh hoàng hôn tẻ lạnh nơi đồng vắng tiếng niệm chú kỳ dị, trầm bổng của thầy địa lý vẫn liên tiếp nổi lên, ê-a, đứt nối, có lúc như rên rĩ, du dương, có khi lại chọt cao vút hẳn lên, bắt thần hét to một tiếng cực kỳ man dại, rồi lại hú dài, lạnh lẽo như tiếng ma quỷ, từ thế giới vô hình vọng tới, làm cho Đặng Mậu run sợ nép mình sau em họ Trung, tay lấy bảy lần tràng hạt, mồm không ngớt niệm Phật lâm râm, thỉnh thoảng lại hướng về phía huyệt vái dài rất thành khẩn.

Đứng sát bờ huyệt ở phía sau lưng thầy địa lý, Trung ngơ ngác theo dõi cử chỉ lạ lùng, kỳ bí của lão già, nhiều lúc thấy rùng mình, băng khuâng, sợ hãi...

Bỗng chàng co rút một chân lên, suýt bật ra một tiếng kêu hãi hùng, kinh dị, vì đúng lúc thầy địa lý cắn chót lưỡi, phun máu tươi lên mớ giấy vàng bạc và bùa phép che phủ hình nhân, thì Trung cảm thấy mặt đất dưới chân chàng như rung chuyển nhip nhàng.

Mùi trầm hương mỗi lúc một thơm gấp bội.

Hơi nóng cũng bốc ra nhiều hơn, cuộn cuộn như mây khói, chập chờn bay lượn chung quanh chiếc tiểu hài cốt.

Đồng thời, ánh sáng mấy cây nến, như bị một sức huyền bí nào đè ép hẳn xuống, đang cháy đều, to ngọn, bỗng lụi đi, nhỏ như những sợi chỉ xanh rờn, nhường chỗ cho một ánh sáng kỳ bí, lộng lẫy, rực rỡ, khác thường.

Cả lòng huyệt như chan hòa ánh hào quang tuyệt diệu.

Trước những hiện tượng quái dị ấy, nhà phong thủy thêm phần khởi, tin tưởng mãnh liệt sự thành công của mình, nên càng cao giọng hộ thần, niệm chú, chân nhận long mạch, tay bắt ấn quyết, chùng một lúc lâu, khi ước lượng đã tới đầu giờ Tuất, thấy bóng đêm mỗi lúc một thêm dày đặc, che kín cả cánh đồng mênh mông bát ngát, lão mới tự tay kéo bốn mép lá cờ bát quái may bằng vải đỏ, trên ve chỉ chít bùa chú với nhiều hàng chữ son kỳ bí, dùng để trải lót lòng huyệt.

Kéo đầu bốn phía lá cờ cho thật ngay ngắn đoạn xem xét lại một lần nữa rất cẩn thận, lão mới

thận trọng buộc túm bốn đầu vải lại với nhau, làm thành một gói lớn, bọc kín chiếc tiểu hài cốt nằm ở bên trong.

Đặt la kinh lên trên, lão phân kim ám hướng kỹ lưỡng rồi tung mấy nắm gạo, muối, kim, tiền ra khắp chung quanh mặt đất, xong xuôi đầu đây, mới hạ lệnh cho các thanh niên trong họ Đặng Trần cùng hợp lực lấp kín huyết lại, kéo quá mất giờ đã ấn định.

Tảng đất cuối cùng vừa được đắp lên ngôi mộ, thì trời chuyển mưa, sấm nổ vang rền, chớp giật chói lòa, khiến cho cả bọn cuống quýt, thu xếp vội vàng xêng, cuốc, mạnh ai nấy chạy theo những bờ ruộng gập gềnh để về trong làng cho kịp trước khi trời đổ mưa. Nhưng không kịp !

Trong lúc thầy địa lý còn đang bọc chiếc la kinh bằng vuông vải đỏ, để cất gọn vào trong cái khăn gói nhỏ đeo bên mình cho gọn, thì mưa nhu trút nước xuống, gió giắc liên hồi, làm lão tối tăm mặt mũi không biết đường nào mà đi nữa.

Sau một phút hoang mang, lão mới định thần, vén gọn quần áo lên, rồi lăm lũi biến mình vào mưa gió.

Ngôi mã bắt đầu kết phát (tiếp theo- Đôi lọ cổ trong lòng huyết)

Sáng hôm sau, vừa trở dậy, thấy trời lạnh ráo, thầy địa lý vội chỉnh tề khăn áo, định ra đồng thăm xem ngôi mã tối hôm qua đắp có được chu đáo không, nhưng Đặng Mẫu đã cầm ấm nước sôi, từ dưới bếp đun đã đi lên vui vẻ nói:

- Nhà cháu hôm qua mua được gói trà ngon lắm, xin mời cụ hãy nán lại soi vài chén cho ấm bụng, rồi sẽ đi, kéo trời vẫn còn giá lạnh lắm!

Nhà phong thủy gật đầu, quay vào phía giường tre, lấy chiếc khay đựng bộ đồ trà ra lau chùi, vừa đúng lúc Trung từ ngoài sân, đem chiếc ấm gan gà với một bao trà làm bằng thiếc, ngoài còn bọc giấy bóng đỏ, trông rất đẹp mắt.

Dơ tay đón chiếc ấm và bao trà, thầy địa lý thận trọng bóc lần giấy bóng bọc ngoài, mở nắp hộp, lật ngửa lên thông thả đổ từng cánh trà xinh xắn vào đáy, rồi mới trút xuống ấm. Đặng Mẫu vừa định rót nước sôi, thì lão đã nhanh nhẹn đón lấy, đoạn bằng một cử chỉ cực kỳ kiêu cách, lão thông thả cầm siêu nước sôi, rót vào ấm, lắng nhẹ hai ba cái rồi mới dùng nước sôi cẩn thận tráng kỹ bốn chiếc chén hạt mít nhỏ xíu và một chén to, mà các tín đồ trà đạo thường gọi "một tổng" với "bốn quân"!

Bộ ấm chén này theo lời thuật lại của thầy địa lý, là của gia bảo dòng họ Võ, không biết có từ bao giờ, mà lão chỉ biết rằng từ khi có trí khôn, thuở còn thò lò mũi xanh, cắp sách đi học ngày ê a mấy chữ "tri, hồ, giả, giả..." lão đã phải luôn luôn đóng vai thối lữa để thân phụ lão, thuở ấy là "Thầy đồ Nghệ" vừa ngồi dạy học, vừa tự tay pha lấy nước, uống từng ngụm nhỏ, khoan khoái còn hơn người nghiện rượu khi nhấp chén!

Thế rồi, sao dời vật đổi, lúc lớn khôn ra đời, dù nhiều phen phải lận đận, bôn ba qua tỉnh này, tỉnh nọ, mỗi lần có dịp trở về cố lý, lão vẫn thấy thân phụ nâng niu, giữ gìn bộ đồ trà, đích thân lau chùi lấy, trước khi dùng, cũng như sau khi đã uống xong, cũng không hề trao phó

cho một ai làm hộ công việc ấy, kể cả Bà Đồ, hay người Trưởng tràng từng nổi tiếng là thận trọng, chu đáo nhất trong đám môn sinh.

Lão được thừa hưởng bộ đồ trà này, ngay sau khi thân phụ lão tạ thế, nên cũng bắt chước người cha đáng kính thuở sinh thời, chăm chú giữ gìn, khi còn ở quê nhà, mỗi ngày 3 bữa: sớm, trưa và chiều tối, đem ra sử dụng đoạn lau chùi rất kỹ lưỡng, coi như bảo vật gia truyền, mặc dầu bề ngoài giá trị thực sự, lão cũng không biết xuất xứ của bộ đồ trà ấy, ra đời từ bao giờ, mà chỉ biết nó là sản phẩm từ bên Tàu đưa qua đây.

Lão chưa hề chịu rời xa bộ đồ trà này lâu tới một vài tháng, kể cả những khi ngược xuôi bốn phương.

Ngay lúc đội lốt hành khất đến làng Đào Xá, để thử thách lòng trung hậu của mẹ con Trung, lão cũng chỉ tạm giấu bộ đồ trà ấy một nơi, vì sợ đem theo sẽ bị lộ hình tích, hay gieo mối nghi ngờ cho mọi người, vì không cần biết nó có từ đời vua nào bên Trung quốc, hoặc về đời Tống, đời Đường hay nhà Minh, nhà Thanh nhưng cứ trông sơ qua cái màu gan gà, nước men bề ngoài, với cái kiểu xinh xắn của chiếc ấm và mấy chiếc chén, người ta cũng biết ngay nó không phải là loại tầm thường, dễ kiếm như đa số những bộ đồ trà khác trên đất nước này! Vì vậy chỉ phải bắt buộc tạm xa rời nó có mấy bữa, khi thấy mẹ con Đặng Mẫu thành thực kính mến lắm, coi lão như một bậc trưởng thượng, trong gia đình, là lập tức, lão đem ngay bộ ấm chén ấy đến nói dối là, mượn được của một người quen biết ở vùng Vĩnh Phúc Yên.

Mẹ con Đặng Mẫu tuy không mấy khi lưu ý đến giá trị hiếm có bộ đồ trà, nhưng mỗi khi có dịp pha nước, cũng không khỏi ngỡ ngàng, ngạc nhiên, vì nước từ trong chiếc ấm gan gà rót qua cái chén hạt mít cũng cùng một màu men, lại thơm ngon lạ lùng, hương vị khác hẳn thứ nước pha bằng ấm to, hay rót qua những chiếc chén khác, dù người pha nước vẫn dùng có một thứ trà với một thứ nước in hệt nhau!

Đã mấy lần, không thể nào nhịn nổi nữa, Trung có hỏi lão về tính chất khác biệt giữa hương vị của một thứ trà, được pha qua hai thứ ấm khác nhau, nhưng nhà phong thủy chỉ cười, nói lảng sang chuyện khác.

Uống tàn ấm nước, thì đã bắt đầu giờ Mão, thầy địa lý vội chỉnh tề lại khăn áo để đi ra đồng xem, ngôi mộ hôm trước có lở sụt chỗ nào không, vì lão sợ khi thấy cơn mưa, bọn thanh niên họ Đặng vội vàng quá, không chịu nện đất cho thật mịn, để lở sụt, hay chỗ cao chỗ thấp, không đều, có thể làm tổ cho rắn, chuột sau này thì nguy hiểm lắm!

Trung năn nỉ xin đi theo, vì chàng cũng cảm thấy nóng ruột, muốn biết ngôi mộ đã có gì khác lạ, sau một buổi lễ, mà theo sự nhận xét của chàng, thật là vô cùng kỳ dị, không hề thấy tận mắt hay được nghe ai nói tới bao giờ cả!

Lạ lùng hơn nữa, chung quanh ngôi mộ, lại còn phủ kín cả cỏ non, đượm hơi sương buổi ban mai, trông lóng lánh như những hạt kim cương bám đầy mớ cỏ xanh rờn, không lưu lại một chút gì của một ngôi mộ mới, vừa được an táng chưa tới một ngày, một đêm!

Nhìn những đám cỏ vừa rậm vừa cao, Trung ngỡ ngàng, ngược trông thầy địa lý, chưa kịp nói rõ ý mình, thì nhà phong thủy, hình như đã hiểu được thắc mắc của chàng thanh niên ngư phủ, vội nói trước:

- Chú em chắc hẳn ngạc nhiên, muốn hỏi vì sao mà ngôi mộ lại vừa to, vừa cao, có cả cỏ mọc phủ kín chung quanh chứ gì?

Đoạn, thân mật vỗ vai chàng trai họ Đặng, lão vui vẻ nói tiếp:

Kể ra cũng không có gì là lạ, nếu chú em chịu khó nhớ lại lời lão đã từng nói với bà cụ cùng chú em, từ khi lão mới có ý định: tìm giúp cho họ Đặng Trần một ngôi đất quý! Mà đã gọi là

đất quý, có thể kết phát được, thì những hiện tượng kỳ dị xảy ra là thường, không có chi đặc biệt hết!

Mả vừa cải táng hôm qua, mà sáng nay lại vụt to cao hẳn lên, rồi lại có cỏ mọc kín cả chung quanh, đó là nhờ được linh khí âm dương, nhờ có long mạch trợ lực, nên mới sui khiến cho ngôi mả cao to khác thường ...

Cứ nhìn cỏ mọc xanh rờn như thế, đồ ai dám bảo đây là mả mới vừa táng chưa được một ngày đây ?

Thầy địa lý nói tiếp:

- Chú em không đi đâu xa không biết: có nhiều người, hoặc lúc chết gặp được giờ linh, hoặc tổ tiên tu nhân tích đức, dày âm công làm được nhiều điều từ thiện, cứu thế độ nhân, xả thân giúp đỡ thiên hạ, khi chết vì tai nạn như bị hổ vồ chết, tha xác vào rừng thẳm, núi cao, ăn hết thịt, còn xương liêng bỏ một nơi, không ngờ lại gặp đất quý, mới đùn lên thành gò đồng trong khoảnh khắc, con cháu sẽ làm ăn linh lợi, bán đất buôn may, học hành tấn tới, phúc chí tâm linh, thi đậu đậu đầy. Có người cùng khôn, khổ sở quá, phải tha phương cầu thực, lê tấm thân túng quẫn đi nhờ bà con, cô bác bố thí cho đồng tiền bát gạo, để sống cho trọn tháng qua ngày, nhưng gặp một ngày nào đấy, bị ốm đau, tật bệnh, cảm mạo gió sương, không có cơm thuốc đầy đủ, thở hơi cuối cùng ở xó chợ, đầu đường, khiến làng xóm phải chôn cất, vùi dập, hoặc bằng chiếc quan tài gỗ xấu, hay bằng manh chiếu rách, hay chiếc vạt giường để gọi là bọc gói thân cho khỏi bọc lộ thi thể.

Ấy thế mà kẻ xấu số lại được chôn vùi vào huyết quý, tạo sự kết phát hiển hách cho dòng họ, mặc dầu khi chôn cất, không có thầy địa lý, án hướng phân kim, không có bùa chú, vàng mã chi hết!

Gặp những trường hợp như thế, mộ phần, trong đầu hôm, sớm mai, sẽ được mới đùn lên cao ngất, cơ hồ như không có sức người nào làm được, vì ngoài bề ngoài cao ráo, ngôi mả thiên táng, dù mới chôn cất cũng có cỏ mọc xanh um, đất mịn nhẵn lỳ, như có sẵn đã từ bao nhiêu năm tháng. Người tinh tế đến đâu, cũng không sao nhận định được, đó chỉ là một ngôi mả mới!

Theo lời đồn đãi của thiên hạ quanh vùng này, thì trước kia ở bên Mai Lĩnh, cũng có một người nghèo khổ quá sức đến nỗi quanh năm cơm không đủ ăn, áo không đủ mặc.

Vì vậy lúc nào anh ta cũng ôm yếu vàng vọt xanh xao.

Một ngày kia, gặp lúc mưa to, gió lớn, trời đất rét cắt thịt, xẻ da, anh ta co ro vào nằm trong xó quán chợ, ở tổng dưới, không ngờ đến nửa đêm, lại có một thiếu phụ, cũng khổ sở, túng thiếu như anh ta, run rẩy vào nằm bên cạnh anh ta ở trong quán chợ.

Việc phải đến đã xảy đến cho đôi bên, vì tuy ở trong cảnh ngộ bi đát lạ lùng, cơm không đủ ăn, áo không đủ mặc, hai tâm hồn đau khổ ấy, một khi có dịp được sống gần nhau, cũng không sao giữ cho con tim khỏi rung động, rạo rực...

Họ vì thế, đã yêu nhau với tất cả niềm rung cảm của những cặp gái trai trong thiên hạ.

Nhưng đến gà gáy, thiếu phụ chợt tỉnh giấc thì thấy người bạn gối chẵn - dù thật sự họ chỉ nằm trên nền đất - đã tắt thở từ bao giờ.

Chị này hoảng hốt, bỏ trốn ra nằm ngoài hiên đình nghe ngóng.

Trời sáng rõ. dân làng thấy có người đàn ông nằm chết co quắp trong quán chợ, vội tri hô lên, đi báo hương chức đến làm biên bản trình quan rồi mai táng.

Không có áo quan mà cũng chẳng có vải lụa gì khâm liệm, viên lý trưởng trong làng ra lệnh cho hai chú tuần phiên đi lấy một manh chiếu rách, gói gém qua loa thì hài kẻ xấu số, rồi

dùng chiếc giát giường bằng tre bọc ngoài, lồng giây thùng vào khiêng ra đồng mai táng. Bọn tuần phiên, anh này nhường cho anh khác, không ai chịu nhận lãnh công việc nặng nề ấy. Sau viên lý trưởng phải hứa cho ai đi chôn xác chết sẽ được thưởng một chai rượu với một quan tiền.

Hai anh Mùi và Giáp vốn là hai tên sâu rượu, nên hăng hái nhận lời.

Họ đem tiền đi mua đồ nhắm về uống rượu, định nhờ hơi men, để lấy thêm can đảm lo việc mai táng người chết.

Họ uống mãi, uống ly bì mãi suốt từ đầu giờ Tý cho đến khi mặt trời xế bóng, họ vẫn cứ khê khà, chén chú, chén anh, mặc dầu lưỡi anh nào cũng riu lại, nói chẳng nên lời!

Viên phó lý ra điếm điếm danh tuần trắng, thấy thế, quát mắng om xòm, họ mới cuống quýt, vươn vai đứng dậy, loạn choạng ghé vai vào chiếc đòn ổng, nâng bổng xác chết, gói sơ sài trong mảnh giát giường.

Lúc đầu, họ tuy say rượu, cũng vẫn cố gượng, nhưng sau mỗi lúc, hơi men một thấm dần vào tạng phủ, lại thêm những luồng gió lồng lộng từ bốn phía đồng trống thổi tới, khiến cả hai anh đều thấy choáng váng mặt mày, chân đang bước bỗng như có ai níu kéo lại. Họ hè nhau, mím môi nghiêng răng, cùng cố gắng vừa khiêng vừa chạy nhanh ra ngoài đồng.

Trời chợt đổ mưa tầm tã, sấm sét nổ vang, chớp giật xanh lè, ngoằn ngoèo như những con mãng xà nhắm thẳng hai người xẹt tới.

Hai chú tuần hoảng sợ, cuống cuồng, vội vứt phịch, bó giát giường xuống vệ ruộng, ôm đầu loạng choạng chạy lộn trở về đường cũ, vào ẩn dưới mái đình, định khi tạnh mưa, sẽ ra đào đất chôn vùi cho người bạc số.

Trời vẫn mưa như trút nước...

Gió vi vu lạnh rét kinh hồn. Hơi men trong tạng phủ hai chú tuần phiên càng lúc càng bốc lên đầu, lên mắt, bất giác cả hai cùng ngủ thiếp đi từ lúc nào không biết.

Khi họ chòang tỉnh giấc, thấy mưa đã tạnh từ bao giờ, vầng đông đang bắt đầu le lói ở chân trời.

Trong xóm tiếng gà eo óc gáy ran, mấy bác nông dân đang thông thả, dắt trâu ra đồng, họ mới giật mình nhớ tới bồn phận và xác chết liệng ở ven bờ ruộng.

Họ hốt hải chạy vội ra ngoài cánh đồng thì lạ thay, nơi họ mới đặt thi hài kẻ xấu số đêm qua, lúc ấy đã biến đâu mất. Đồng thời, chỗ bờ ruộng trũng, mấp mô toàn gốc rạ, cũng nhường chỗ cho một gò đất lớn, rộng vừa bằng một chiếc chiếu cao, chừng hơn đầu người, chung quanh, cỏ mọc xanh um, trên gò, dây leo chằng chịt bám chặt vào một bụi cúc tần, tươi tốt.

Hai anh tuần ngơ ngác tìm kiếm mãi mảnh giát giường..

Họ hỏi nhau, và nhất định tin rằng chính đây là nơi họ đặt xác chết, không thể nào sai lầm được.

Dù cho đêm tối, gió mưa giăng mắc ngập trời, và hơi men ngấm sâu vào gan phổi, họ cũng vẫn nhớ mang máng rằng, nơi họ tạm quàn thi hài ở bên một bụi cúc tần, cách một cây gậy lớn mọc chơ vơ ở giữa cánh đồng không xa, mà về mùa hạ, nắng rực, những nông dân thường kéo nhau đến ngồi dưới gốc cây nghỉ mát, để ăn cơm trưa hay uống nước và uống thuốc lao mỗi khi mệt.

Vậy mà nhìn kỹ khắp nơi, cây gậy vẫn còn kia mà bó giát giường lại biến đâu mất!

Đồng thời bụi cức tần cũng thay đổi vị trí đang từ dưới ruộng bỗng lại mọc trên gò cao!

Mà cái gò mới lại càng lạ hơn nữa!

Từ thượng cổ đến giờ, dân cư ở chung quanh đây, có ai nghe nói ngoài cánh đồng có gò đồng gì đâu, vậy mà chỉ có một đám mưa gió, chiếc gò, mô đất cao ấy không hiểu do mãnh lực huyền bí gì, lại tự nhiên mọc ra, đem theo cả bụi cức tần với mớ dây leo chằng chịt?

Thật là quái dị ra ngoài sức tưởng tượng của mọi người.

Thiên hạ đồn vang, hết thấy đều tin chắc rằng, người xấu số chết gặp giờ linh, đã được hai chú tuần đình, đặt thi hài vào đúng huyết quý, nên mới đùn thành gò đồng trong có một đêm mưa gió.

Trong lúc ấy, người thiếu phụ trốn tránh dưới mái đình, nghe biết chuyện ấy, tuy hồi hộp, nửa mừng, nửa sợ, nhưng không dám nói ra cho ai biết mối tình ngán ngủi, đau thương của mình. Rồi chị ta thấy thân thể chuyển động, bụng mỗi ngày một lớn dần, trước còn tưởng là bệnh báng chướng, bệnh phù, sau thấy ỉ ạch, thèm của chua, chị ta mới biết mình đã thụ thai sau một đêm ân ái với kẻ qua đường bạc phước!

Sau chín tháng mười ngày, thiếu phụ nở nhụy, khai hoa, cho ra đời được một đứa con trai rất kháu khỉnh, khôi ngô.

Tuy không biết đích xác họ tên người bạn đường, chỉ có một đêm ân ái ngán ngủi, thiếu phụ cũng vẫn nhớ mang máng rằng trong những câu chuyện hàn huyên gọi tình trước khi đắm mình vào mộng yêu đương, khách qua đường có nói sơ qua là họ Nguyễn, nguyên quán làng Mai Lĩnh, gia đình hiện thời sa sút, dù khốn quẫn, song ông cha mấy đời trước, cũng đã từng giàu có, phong lưu, giữ những vai trò then chốt trong thôn xóm.

Một ngày là nghĩa, hưởng chi cuộc ái ân thâm vụng, còn đem lại một kết quả rõ rệt bằng xương, bằng thịt, nên thiếu phụ căn cứ theo lời tiết lộ của người quá vãng, cũng cho con trai mang họ Nguyễn, gọi là giữ chút kỷ niệm mối tình duyên bề bàng, ngán ngủi, và nhất là để an ủi vong hồn kẻ xấu số.

Muốn ghi nhớ mãi mãi, sự kỳ ngộ của đôi bạn lòng trong một đêm mưa gió bão bùng, thiếu phụ còn đặt tên con là Phong Vân!

Chú bé Nguyễn Phong Vân hay ăn, chóng lớn lạ lùng.

Thiếu phụ cũng lần hồi xoay sở được chút vốn liếng nhỏ mọn, dựng một quán nước ở bên đường để làm kế mưu sinh nuôi nấng đứa con cô thơ đại.

Năm Nguyễn Phong Vân lên 5 tuổi, đi theo trẻ con trong xóm đến chơi bời, đùa nghịch ở trước trường ông kép Ban, một vị danh sĩ thuở bấy giờ, nhưng vì vô duyên với đèn sách, năm, bảy lần đi thi, đều chỉ đậu tú tài, hết tú tài đơn lại đến tú tài kép, nên buồn tức không thèm mang lều đi tranh tài với sĩ tử bốn phương nữa, nhất định về ở lý quê nhà, việc chi tiêu lớn nhỏ đều trông cậy cả vào tài tháo vát của bà Tú!

Muốn cho gia đình đỡ hiu quạnh, ông tú liền nảy ra ý định thiết trường tại gia, thu nạp một số môn sinh để hàng ngày "Tiếng tri đồ dã giả" của những trẻ em đến thụ huấn, làm cho mái nhà tranh của ông Tú thêm rộn ràng, ấm cúng!

Chú bé Nguyễn Phong Vân đến chơi đùa ở trước căn nhà của ông kép Ban với đám bạn bè đồng trang lứa, nhưng khác hẳn với bọn trẻ đang tuổi ham mê, nghịch ngợm, chú bé Vân, mỗi khi thấy ông Kép Ban, cất tiếng sang sảng giảng dạy kinh sách, hay các học trò trong trường ê a đọc bài, bình phú, bình văn, là chú bé vội vàng bỏ dở hết mọi trò đùa giỡn, để cố nghiêng tai, nghênh cổ lắng nghe, chăm chú theo dõi từng câu, từng chữ của Thầy đồ giảng dạy cũng như của đám đệ tử ở phía trong đồng thanh lập lại.

Tuy không am hiểu nghĩa lý chi hết, nhưng do một sự huyền bí kỳ dị lạ lùng xui khiến chú bé Vân thuộc lòng được tất cả những kinh sách, thi, phú của thầy trò ông Kép Ban, đã đọc ở trong lớp, kể cả những bài khó khăn nhất.

Mỗi khi về đến nhà, chú bé Vân lại đọc lầu lầu những bài văn đã học được cho mẹ nghe, làm mọi người trong làng rất đổi ngạc nhiên, một đồn mười, mười đồn trăm, khắp cả vùng Đào Xá, Mai Lĩnh đều cho Vân là thần đồng xuất thế.

Ông Kép Ban nghe biết truyện, kinh ngạc vô cùng, từ đây đặc biệt lưu ý, quan sát tỉ mỉ hành vi, cử chỉ của chú bé, và rất hài lòng khi thấy bé Vân đĩnh ngộ, thông minh tuyệt trần, hai mắt sáng ngời, nét mặt biểu lộ sự trung hậu, mẫn tiệp, hơn hẳn đám trẻ con trong làng một trời một vực.

Một ngày kia, Ông Kép gọi bé Vân vào lớp học, hỏi thăm về gia cảnh và tên tuổi.

Bé Vân đối đáp rất trôi chảy, lễ phép, khiến cho ông Kép Ban càng quý mến, muốn tìm cách giúp đỡ cho bé Vân sớm thành tài.

Hôm sau, Ông Kép đi tìm đến tận quán nước, nói với thân mẫu Vân cho chú bé đi học.

Ông Kép tha thiết đề nghị với thiếu phụ: xin cho chú bé Vân theo hãnh mình, ăn ở luôn tại trường, cho tiện sự học hành, giảng dạy.

Thấy thiếu phụ còn ngần ngại, chưa quyết định có nên nghe theo hay không, ông Tú giải thích rõ ràng thêm :

- Cứ như sự nhận xét của lão, cháu Vân quả thực là đứa trẻ thông minh, đĩnh ngộ, phi thường. Với tài năng thiên phú ấy, mà có được thêm một sự học hỏi chu đáo nữa, thì sự thành đạt sau này; có thể được coi là chắc chắn và rực rỡ vô bờ bến!

- Nhưng trái lại, nếu không gặp được thầy hay, bạn tốt, thì với tài năng thiên phú ấy, bé Vân sẽ dùng sự thông minh, quyền biến của mình để làm những điều xằng bậy, bạo thiên nghịch địa, táng tận, vô lương, thì sự nguy hại, không còn biết thế nào mà ước lượng được nữa?

Nhạc Phi về đời nhà Tống, khi ra đời, nổi danh tài, trí, trung, dũng, tín, nghĩa, khoan, hòa, cũng là nhờ lúc nhỏ dại, gặp được thầy hay, bạn tốt.

Còn Tần Cối, cũng về đời nhà Tống, tuy thông minh xuất chúng, nhưng lại đem dùng tài trí hơn người ấy để dối vua, hại nước, giết hại danh thần, lương tướng, mưu cầu phú quý trên xương máu đồng loại, lưu tiếng xấu đến muôn đời sau.

Thiếu phụ nghe Ông Kép Ban nói mãi cũng chuyển lòng, không còn nghi ngại, e dè chi nữa, nhận ngay lời cho bé Vân nhập môn tại trường ông Kép.

Ông Kép đối đãi với bé Vân thân mến như đối đãi với con cháu trong nhà, chẳng những hết dạ trông nom, dạy dỗ, mà còn săn sóc chu đáo cho Vân cả từ bữa ăn, giấc ngủ đến sách vở, áo quần. Con trai ông Kép được nuôi dạy, sắm sửa thế nào, thì bé Vân cũng được nuôi dạy, sắm sửa như vậy.

Nhờ thế, bé Vân học hành tấn tới vô cùng.

Một mảnh lục kỳ bí nào đó đã giúp Vân học một biết mười, chỉ mới chính thức nhập môn

chưa đến một năm trời, mà chú bé trên đầu môn để trái đào, đã áp đảo được cả những bạn đồng môn vừa học lâu, vừa nhiều tuổi hơn Vân khá nhiều!

Cả trường, và luôn cả sĩ tử trong vùng, đều kính phục Vân, coi Vân như một nhân tài xuất chúng.

Năm 17 tuổi Vân đậu Tú tài, rồi mấy năm sau lại đậu Tiến sĩ, được bổ vào Hàn Lâm. Mẹ Vân cũng được triều đình ân thưởng "Tiết Hạnh Khả Phong".

Con cháu về sau đều hiền đạt liên tiếp tới 5 đời liền, mới bị suy sụp. Đó là trường hợp mà thiên táng.

Thi hài kẻ xấu số dù được chôn cất trong lúc rất tình cờ, hay dù bị chết đường, chết chợ, cũng vẫn gặp được cái huyệt, tạo nên sự kết phát lạ lùng, không khác gì những ngôi mộ có thầy địa lý chính tông phân kim, án hướng cẩn thận khi cải táng.

Thầy địa lý, đứng ở phía đầu ngôi mộ, vừa chăm chú quan sát những gò đồng, chạy dài đằng trước mặt, vừa say sưa kể cho Trung nghe những giai thoại về môn phong thủy huyền bí, chợt lão bước vội về phía Đông Nam, mặt đang hồng hào bỗng tái mét, hai mắt lảo liên biểu lộ sự kinh hoàng đến tột độ.

Trung hốt hoảng, hấp tấp theo, muốn hỏi, nhưng thấy thầy địa lý nghiêm nghị quá, lại sợ hãi không dám mở lời.

Trung còn đang hoang mang với bao mối kinh nghi, thắc mắc, thì nhà phong thủy đã kêu lên sững sốt:

- Sao lại lạ lùng thế này ? Kỳ quái !

- Thật là kỳ quái !..

Nghe có tiếng chân bước mạnh sau lưng, thầy địa lý bàng hoàng như vừa sức tỉnh cơn ác mộng, lúc bấy giờ mới nhớ là có chàng thanh niên ngư phủ họ Đặng Trần đi theo, liền quay phắt lại, kéo tay Trung, chỉ về góc mộ phía Đông Nam, nói qua giọng hốt hoảng:

- Chú em xem kìa! Cả ngôi mộ cao đều, mà sao chỗ này lại ...

Lão còn ngập ngừng, chưa kịp nói hết câu thì Trung theo ngón tay lão chỉ đã nhận định được nguyên cớ khiến lão phải sững sốt kinh nghi từ lúc nãy đến bây giờ: đó là góc Đông Nam ngôi mộ bị sạt hẳn xuống gần sát mặt ruộng.

Nhìn kỹ, ngôi mộ giống hệt một cái bát úp, bị sút mẻ mất một miếng nhỏ, mà nếu không đến gần tận nơi, chẳng bao giờ nhìn thấy được rõ ràng, vì ngôi mộ đắp tròn, cao vọt lên do một mãnh lực huyền bí tạo thành như một cái gò lớn, mà nứt nẻ, lại lớn bằng một cái chồi trông đằng xa, sao mà trông thấy được vết sạt lở?

Trung không nói gì, lẳng lặng đi khuôn đất, đắp vào chỗ bị sạt, trong khi thầy địa lý cứ ngây mặt đăm chiêu, suy nghĩ, mồm lẩm bẩm những gì không rõ...

Trung hì hục một lúc lâu, mới đắp được chỗ bị sạt, cao như mấy góc mộ khác.

Có khác chẳng, chỉ vì toàn thể ngôi mộ đều phủ cỏ xanh um với màu đất xuống mặt, như một ngôi cổ mộ, mặc dầu ngôi mộ mới được cải táng chưa quá 1 ngày, 1 đêm, còn chỗ đất mới đắp thêm, thì tro màu đất thịt, cỏ non chưa kịp mọc một cây nào, trông như một mụn vải vá xấu xí, giữa một chiếc áo lụa nõn nà vậy.

ƠN ĐỀN OÁN TRẢ

Nhưng lạ thay, sáng hôm sau, nhà phong thủy lại cùng Trung đi ra ngoài cánh đồng thăm mã,

thì thấy chỗ đất vừa đắp hôm trước, không hiểu vì sao, lại bị sụt xuống tới mặt ruộng, như lúc chưa được bồi đắp lại!

Và đúng bảy lần đắp đi đắp lại mãi mà ngôi mả vẫn bị khuyết hãm mất một góc nhỏ, không thể gì bồi đắp cho hoàn toàn được trọn vẹn như những ngôi mộ khác.

Thật là kỳ dị!

Sự việc xảy ra, như có một bàn tay bí mật nào đó, hoặc cố tình đùa nghịch hay do một ác ý chi xui khiến đã nhân dịp đêm tối, ra đào trộm đất ở một góc mộ phần, để gây sự xáo trộn cho gia đình họ Đặng.

Nhưng sự thực không phải thế, vì đến đêm thứ tư, thấy ngôi mả tổ cứ luôn luôn bị phá hoại mãi, Trung tức bực vô cùng liền rủ người em họ ra che sơ sài một túp lều con ở sát bên mộ, nằm thức suốt đêm canh gác.

Họ không chịu ngủ phút nào. Trọn đêm, hai người cùng chăm chú nhìn vào ngôi mả, chốc chốc lại đốt lửa hút thuốc lào và truyện trò, chờ đợi những truyện kỳ dị xảy ra.

Nhưng ba bề, bốn bên vẫn yên lặng như tờ, ngoài những tiếng giun đẻ nỉ non và gió đồng xào xạc.

Vậy mà đến sáng, nhìn đến ngôi mả, một góc vừa được đắp lại đêm trước, vẫn bị bàn tay huyền bí nào đó, đào trộm tới sát mặt ruộng!

Càng lạ lùng hơn nữa, là chỗ đất đào ấy, lại biến đâu mất hết, cả đất vụn, chứ không thấy vút bừa bãi, tung toé như đất đắp trên mộ, như những trường hợp đào hầm, đào hố khác!

Lúc đầu, hai chàng thanh niên họ Đặng Trần còn ngỡ là đã ngủ quên, để cho kẻ gian đào mả mà không biết.

Nhưng đêm sau, cả thầy địa lý cũng ra ngoài lều nằm với hai anh em họ Đặng, và lần này, cẩn thận hơn, họ còn thắp tới hai đĩa đèn dầu trầm, kê cao ngọn suốt đêm, chiếu ánh sáng, tuy không sáng lắm, cũng đủ cho ba người phân biệt được cảnh vật chung quanh một châu vi chừng nửa sào ruộng.

Song vô ích!...

Sáng hôm sau, ngôi mả vẫn bị mất một góc như thường!

Nhà phong thủy vô đầu, bứt tai, tức bực như muốn phát điên trước sự việc quá bất ngờ ấy.

Mẹ con Trung còn đang vui mừng, hí hờn khi thấy ngôi mả mới, chỉ sau một đêm to cao hẳn lên, giờ đây thấy bị sụt một góc cũng hoảng hốt, lo sợ đứng ngồi không yên, luôn miệng thờ ngấn than dài, buồn phiền, chán ngán.

Sau 7 đêm liên tiếp, hiện tượng kỳ dị vẫn xảy ra đều đều, một cách cực kỳ quái gở.

Thầy địa lý không còn nghi ngờ gì nữa về sự phá hoại do oán thù, ghen ghét của bàn tay người đời tạo ra nữa, mà hoàn toàn tin tưởng rằng đó là hậu quả tai hại của công việc phân kim, án hướng, phù chú, bùa phép lúc an táng hài cốt tổ phụ họ Đặng Trần.

Nhưng nhà phong thủy trứ danh ấy, không sao khám phá nổi sự bí mật và nguyên cớ vì đâu, đến nỗi xảy ra hiện tượng lạ lùng kia?

Càng nghĩ, lão càng lo, vì kinh nghiệm đã cho biết rằng, những phần mộ tự nhiên bị sụt lở, hết thảy đều bị động, gieo rắc sự nguy hại cho gia chủ.

Ngôi mộ tổ bảy đời của họ Đặng Trần, dù được an táng tại cát huyết với phương pháp trấn yểm cực kỳ chu đáo, nên chỉ sau một đêm đã cao vọt hẳn lên, từ một ngôi mả thường bỗng biến thành một gò đất lớn, lại có cỏ mọc xanh um, phủ kín chung quanh đủ chứng tỏ hài cốt đã quán khí, sự kết phát không còn là điều nghi ngờ, viễn vong nữa.

Nhưng nếu quả thật như sự suy luận của lão, thì sao một góc mả lại bị lở sụt, đắp đi đắp lại

nhiều lần, vẫn không cao khỏi mặt ruộng chút nào?

Thật là lạ lùng quá gở. Gần trọn một đời đóng vai thầy địa lý, lão chưa hề bao giờ gặp phải hiện tượng khác thường ấy?

Lão lo buồn đến mất ăn, mất ngủ luôn mười hôm liền, tính từ ngày làm lễ cải táng.

Cuối cùng lão quyết định phải phụ đồng triệu thỉnh ông tổ bảy đời giòng họ Đặng Trần lên hỏi xem vì đâu lại có sự kỳ dị ấy?

Nghĩ ra cách giải quyết này, lão cảm thấy vui bớt mối lo ngại, vì lão rất giỏi về khoa phụ đồng.

Hàng năm, cứ đến ngày giỗ thân phụ lão, khi ngừng gót phiêu lãng ở quê nhà, lão thường phụ đồng, triệu vong hồn thân phụ lão về để hỏi các việc họa phúc trong gia đình.

Có được chứng kiến giờ phút thiêng liêng của người quá vãng hiện về, qua cốt đồng của một chú bé chừng 12, 13 tuổi, hoàn toàn thơ dại, ngây ngô, vậy mà đã nói trúng tất cả những điều quan trọng về quá khứ cũng như hiện tại ở trong nhà, người ta mới tin việc phụ đồng là đúng, là thực, chứ không phải là chuyện mê tín dị đoan.

Trung có một đứa em họ xa, tên là Cu Tý, năm ấy vừa đúng 12 tuổi nhưng ngờ nghệch đàn độn vô cùng, có khi suốt ngày không mở miệng nói chuyện với ai một câu nào. Bà con, cô bác có sai bảo gì, nó cũng chẳng hề biết vâng dạ bao giờ, mặc dầu vẫn ngoan ngoãn làm theo lời chỉ dạy.

Do tính nết ngu đần ấy, Cu Tý được thầy địa lý chọn cho ngồi đồng.

Từ buổi trưa, nó đã được Trung bắt tắm gội sạch sẽ, thay đổi quần áo chỉnh tề, và phải ngồi luôn trên giường tre, không được ra khỏi nhà nửa bước.

Đúng đầu giờ Tuất, nhà phong thủy thắp đèn, châm nhang, đốt bùa, rồi làm lễ, khăn vái khá lâu trước bàn thờ, có dựng một cành phan với ba lá phướn trên vẽ bùa chú và tên tuổi mộ phần ông tổ bảy đời họ Đặng.

Cu Tý được gọi vào ngồi xếp chân vòng tròn, chỉnh tề ở trên chiếc chiếu, trước bàn thờ, đầu phủ một vuông khăn đỏ, tay cầm cành phan.

Thầy địa lý vẫn quỳ trước bàn thờ, khăn vái, rồi cất giọng trầm bổng sai âm binh triệu thỉnh vong hồn người quá vãng.

Từng xấp giấy vàng, giấy bạc, với bùa chú được đốt sau mỗi khóa cúng.

Đặng Mẫu ngồi ngoài, đã được thầy địa lý căn dặn từ trước, thấy mỗi khi dứt tiếng ê a, lại tung gạo, muối, mè với đậu xanh ra khắp bốn phương. Đến chừng gần hết giờ Tuất thì cành phan chợt lay động, đồng thời chiếc khăn đỏ trên đầu Cu Tý cũng rung chuyển nhẹ nhàng. Đầu thẳng Tý mỗi lúc một đảo nhanh hơn, mạnh hơn, theo nhịp điệu bổng trầm của bài sai âm binh mà pháp sư vẫn không ngớt tiếng từ đầu khóa lễ.

Thằng Cu Tý đang đảo đầu lia lịa, chợt hét lên một tiếng lớn, rồi hát tung chiếc khăn đỏ ra, hai mắt mở to, long lanh sáng chói, mặt đỏ gay gắt như những buổi nó đi chăn trâu giữa trời nắng trưa hè.

Nhìn dáng điệu lanh lợi của Cu Tý lúc bấy giờ không một ai có mặt trong đám cúng, lại có thể ngờ được rằng đó là một thằng bé mục đồng ngây ngô, đàn độn, nổi tiếng là đứa ngốc dại, để hàng ngày làm trò cười cho bọn trẻ chăn trâu tinh quái trong vùng.

Trong lúc ấy, Đặng Mẫu vẫn luôn tay lán tràng hạt, suýt soa hết van khăn lại niệm Phật lâm râm với vẻ mặt cực kỳ thành khẩn.

Thầy Địa lý lấy rượu hòa thang cho Cu Tý rửa mặt, rồi rót liên tiếp ba ly rượu khác mời "con đồng" uống tẩy trần, rồi mới đem một chiếc bát nhỏ trong có mười tờ giấy gấp vuông vắn

giống nhau, để cho "con đồng gấp phong thư" thử xem là "con đồng" có thực sự được người quá vãng nhập hồn vào thân xác không, hay đây chỉ là kẻ xảo trá, tạo sự lên đồng, để đùa nghịch khuấy phá.

Trong mười tờ giấy gấp vuông vắn giống nhau, thầy địa lý chỉ viết tên họ người đã chết, đang được triệu thỉnh, lên trên một mảnh giấy, còn chín mảnh kia thì để trắng.

Nếu là hồn ma chính thức trở về dương thế, nhập vào thân xác "con đồng" thì con đồng sẽ thò tay, gấp đúng "phong thư" có ghi từ trước, tên họ của mình.

Lúc bấy giờ, pháp sư mới hỏi hồn ma những điều cần thiết.

Thấy chiếc bát đựng phong thư được đưa ra trước mặt, Cu Tý không cần phải nhìn vào chiếc bát, hai mắt vẫn lảo liên trông thẳng vào lá phướn rung chuyển nhẹ nhàng trước bàn thờ, thân nhiên đặt tay vào cầm lấy một mảnh giấy.

Nhà phong thủy vội đón, mở ra xem. Nét mặt nặng trĩu lo âu của lão chợt biến đâu mất, để nhường chỗ cho vẻ vui mừng, hớn hờ, vì "con đồng" đã gấp đúng phong thư có tên tuổi của tổ phụ họ Đặng trần.

Sau khi đốt liên tiếp ba mớ giấy vàng, rót xuống đất ba ly rượu, ném ra bốn phía ngoài sân bảy mớ gạo đậu, thầy địa lý thắp thêm nhang, quỳ lại, khấn vái trước bàn thờ, rồi mới cất tiếng giọng dặc hỏi hồn ma:

- Hồn đã gấp đúng phong thư, quả thiệt hồn là tổ phụ họ Đặng Trần rồi. Vậy xin hồn cho con cháu biết, ngôi mộ vừa táng tại cánh đồng làng Đào Xá của hồn, có bị sai lệch, động trệ gì không?

Hồn ma nhập xác Cu Tý, vẫn đảo đầu nhẹ nhẹ, cặp mắt long lanh nhìn thẳng vào lá phướn, lắc đầu lia lịa.

Thầy địa lý chau mày, hỏi tiếp:

- Hồn bảo không sai lệch, động trệ gì thì tại sao, cả ngôi mộ được quán khí, đất đùn cao hẳn lên như một chiếc gò lớn, mà chỉ riêng một có một góc ở phía đông nam lại sụt xuống tới mặt ruộng. Đắp đi đắp lại bao nhiêu lần, cũng vẫn không được cao đều như các phía khác.

Như vậy là nghĩa lý gì??

Hồn ma bỗng dơ tay, phác một cử chỉ ngăn chặn lời nói của pháp sư, đoạn đằng hắng ba lần, rồi mới cất giọng sang sảng, khác hẳn giọng nói lẽ nhe, áp ứng của Cu Tý lúc bình nhật, mà nói rằng:

- Các người tham lam lắm, nên Thổ thần mới phải ra oai trừng phạt đó!

Hướng về Thầy Địa lý, hồn ma trong thể xác thằng Cu Tý chậm rãi nói tiếp:

- Người đã đọc sách thánh hiền, thấu triệt lẽ huyền bí của Tạo Hóa, thông suốt luật quả báo luân hồi, vậy mà vẫn u mê, đắm chìm trong sự tham lam, ngoan cố.

Trước đây, nhà ngươi đã cố ý làm trái đạo trời, cưỡng nghịch sự an bài của thần thánh, muốn đền ơn đáp nghĩa cho dòng họ nhà ta (họ Đặng Trần) mà vô tình, suýt làm cho dòng họ nhà ta, bị thiệt mất một ngôi đất kết phát!

Theo sự xếp đặt huyền bí của Hóa công, con cháu ta sau này, thế nào cũng phải được hưởng vinh hoa, phú quý do ngôi đất trời phật đã dành riêng cho con cháu ta.

Ngươi không cần tìm giúp, Tạo Hóa cũng xui khiến cho chúng nó kiếm được.

Sự giúp đỡ của nhà ngươi, chỉ là làm cho sự kết phát được mau chóng hơn hạn định một thời gian nào đó thôi, chứ sức người sao cưỡng nổi ý trời.

Nhưng nhà ngươi lại không chịu hiểu thế, cứ muốn làm quá sức mình, định trấn yểm cả con Hòa, khiến cho Thổ thần phải mấy phen hiển linh, để ngăn cản không cho ngươi thực hành ý

định nông cuồng ấy.

Nếu ta không khéo kêu cầu, van xin Thượng Đế thì con cháu ta có bao giờ còn được hưởng thụ ân lộc của Trời Phật nữa?

Tưởng thế là xong, không ngờ đến khi đào huyệt, để cải táng cho ta, nhà người lại phát sanh tánh gian tham, chiếm đoạt cả đôi lọ cổ với hai bức thêu làm của riêng, khiến cho Thổ thần không những phải nổi giận, làm sụt hẳn một góc mả, mà chính hồn phách ta, tuy trước kia, có được nhà người làm lễ nhượng tinh chiêu hồn, triệu phách, nhưng vì bùa chú của người chưa đúng phép, phải cần có đôi lọ cổ với hai bức tranh thêu ám trợ mới thực linh động, đủ sức tinh anh như người có trọn vẹn cả âm hồn, thất phách, để đương đầu với Thổ thần, hầu hiển linh cho ngôi mả được cao đều như khi mới đắp...

Thầy Địa lý, lắc đầu tỏ ý hoài nghi rồi sảng giọng hỏi hồn ma:

- Hồn ma bảo thế nào? Hãy nhắc lại cho pháp sư nghe thử? Sao đôi lọ cổ với hai bức tranh thêu, lại có thể tăng cường hồn phách là nghĩa gì hử?

Hồn ma nhập trong thân xác Cu Tý chợt ngoảnh hẳn đầu về phía thầy địa lý, trừng mắt nhìn nhà phong thủy nhu có vẻ tức bực, đoạn trề môi, nói thao thao bất tuyệt:

- Nhà người chỉ biết một không biết hai, chỉ biết qua môn phong thủy với hướng chuyển vận của long mạch, mà không am tường tinh vi phép an hồn, định phách, chỉ căn cứ vào sự truyền dạy mập mờ trong sách vở, không hiểu triệt được tinh tế những nét huyền bí của hai bức tranh thêu và công dụng của đôi lọ cổ, nên mới gây ra điều trở ngại cho sự kết phát của con cháu ta sau này.

Do đấy, mà hôm nay, ta mới phải về đây, mách bảo rõ ràng cho người biết để tìm cách cứu vãn những điều khuyết điểm sai lầm trước.

Nhà người có biết những bảo vật tìm thấy ở trong cát huyệt kia là của ai không?

Nói tới đây, hồn ma ngừng lại, như để chờ sự trả lời của pháp sư.

Nhưng thấy mọi người vẫn ngơ ngác nhìn mình, hồn ma lại ung dung nâng chén rượu rót sẵn, đặt trước mặt, uống thẳng một hơi cạn hết, rồi thản nhiên nói tiếp:

- Đó là của Hoàng Tướng Công về đời nhà Minh bên Trung Hoa đấy. Nguyên lúc bấy giờ Nam Bắc giao tranh, Hoàng Tướng Công đi theo tướng Minh, bị quân ta vây bắt giải vào nạp cho quân sư của vua Lê là ông Nguyễn Trãi.

- Vốn là bậc chính nho, quân tử, trọng sĩ khí và danh dự dù ở trong cảnh lỡ bước, sa cơ, Hoàng Tướng Công cũng không chịu khuất phục cứ đứng yên, chẳng chịu quỳ lạy vị quân sư của vua Lê.

Ông Nguyễn Trãi tức giận, thét giáp sỹ đem ra trảm quyết.

May được người mặc khách, giúp việc văn án dưới trướng quân sư, vốn có cặp mắt tinh đời, nhận xét được nét hào hùng khảng khái, và vận số của Hoàng Tướng Công, nên tiến ngay ra, hết sức khuyên can, xin tha tội cho Hoàng Tướng Công.

Thấy lời biện bạch hữu lý, ông Nguyễn Trãi chẳng những tha tội cho Hoàng Tướng Công, còn trọng đãi Tướng Công, coi người bại tướng ấy như một bạn chí thân tâm phúc vậy.

Người mặc khách cứu mạng cho Hoàng Tướng Công, chính là Đặng Trần Diên, ông tổ hai mươi đời của ta đó! Trong thế phả dòng họ Đặng Trần, có ghi rõ việc này!

Nhà người cứ bảo Trần Trung cho coi sẽ rõ ngay đầu đuôi gốc ngọn.

Tuy nhiên ta cũng có thể tóm tắt đại khái cho nhà người biết rằng:

Sau khi được tổ phụ ta xin tha tội, Hoàng Tướng Công vội tìm đến tận nhà cảm tạ và năn nỉ xin tổ phụ ta đưa đi coi các phần mộ trong dòng họ.

Tổ phụ ta có ngó ý muốn xin Tướng Công táng giúp cho một ngôi mộ để đem lại sự kết phát cho con cháu, vì tổ phụ ta cũng có am hiểu sơ qua về môn phong thủy, nên Cụ biết rõ là mộ mà trong họ chẳng có ngôi mộ nào kết phát cả.

Nhưng sau khi suy tính rất kỹ lưỡng, bấm số âm dương biết đích xác dòng họ nhà ta còn bạc phước lắm chưa được thụ hưởng ân huệ của Trời Phật nên Hoàng Tướng Công từ chối, hứa sẽ tìm cho một ngôi đất quý vào đúng hai mươi đời sau.

Tổ phụ ta không tin, cho lời nói của Tướng Công là vu khoác, vì làm sao mà để mà được cho hai mươi đời sau? Vậy mà sự thực, có ai ngờ đâu lại đúng như lời Tướng Công đã hứa!

Nhà ta lúc ấy còn kém âm công, phước đức quá chưa đủ điều kiện cần thiết để hưởng thụ sự kết phát về vang, do một ngôi mộ táng nhằm cát huyết tạo nên: vì mức độ phú quý của con cháu, bao giờ cũng tùy thuộc âm đức của tiền nhân, mà cho tới lúc ấy, tổ phụ ta chưa làm được nhiều điều từ thiện thì đâu có xứng đáng hưởng thụ hiển vinh?

Vả lại, họ Hoàng nếu không muốn tìm đất thì thôi, chứ một khi đã định táng giúp mà cho gia đình nào, thì nhất định phải đặc biệt lưu tâm, tìm kiếm những ngôi đất cực kỳ quý báu, kết phát to, thì đâu gì khó khăn lắm, chứ không thể an táng một cách tắc trách, gắp sao hay vậy, gia chủ cứ gọi là mát mặt cũng đã lấy làm mãn nguyện rồi.

Với danh tiếng lẫy lừng của một bậc chính nhân, quân tử, lại từng am hiểu tường tận các môn học huyền bí, lý, số, y, nho, Hoàng Tướng Công không thể làm được một công việc gì trái với ý muốn, nên sau khi biết đích xác âm công, đức độ của nhà họ Đặng Trần còn bạc nhược quá, Hoàng Tướng Công bèn nảy ra ý định: táng giúp cho gia đình ân nhân một ngôi mộ giả tạo, tại một khu đất rất quý ở cánh đồng giữa hai làng Mai Lĩnh, Đào Xá.

Nhưng không phải mộ chôn hài cốt, nhưng chỉ chôn mấy món bảo vật, mà Tướng Công đã đích thân dùng biệt tài trấn yểm, để giữ long mạch tồn tại tới bây giờ, hầu báo đền ơn tri kỷ! Nhờ thông suốt được cả quá khứ, vị lai, nhà danh sĩ Trung Hoa biết rằng: đến năm nay, nhằm đúng tháng này, nhà người sẽ tìm thấy ngôi đất có chôn sẵn bảo vật kia để táng giúp tổ mộ cho họ Đặng Trần.

Kỳ diệu hơn nữa, là Hoàng Tướng Công còn đoán được cả ý định của nhà người phải làm phép nhượng tinh: thân hồn, triệu phách ta, vì hài cốt một tiểu nhi, chôn sâu dưới lòng đất lâu ngày giữ sao được trọn vẹn?

Hài cốt không toàn vẹn, thì nói gì đến sự kết phát nữa?

Họ Hoàng hiểu rõ huyền vi kỳ diệu ấy, và không những thế Người còn biết luôn đến cả sự bất lực của nhà người, nên Tướng Công mới chôn sẵn lọ cổ và tranh thêu, tượng trưng thân thể, hồn phách của ta, để chứng tỏ cho thiên hạ sau này biết rằng: mấy đời trước, đã có người tìm thấy ngôi đất này, song vì tôn trọng mệnh trời, người tìm được đất không dám cưỡng chiếm, mà để dành trả lại cho dòng họ, có đầy đủ âm công, đáng được hưởng thọ ân huệ tối hậu của Phật Trời! Bề ngoài thì thế, song dụng ý chánh yếu của Hoàng Tướng Công không phải chỉ dùng để dựng đồ vật tầm thường như thế mà thôi đâu? Tướng Công còn có thiện chí cao quý hơn nhiều, nghĩa là muốn đáp đền ơn thâm, nghĩa trọng cho dòng họ Đặng Trần, vì Người không bao giờ quên được ơn cứu tử khi lỡ bước, sa cơ, suýt làm quỷ không đầu, trước quân trưởng Bình Định Vương Lê Lợi.

Cũng bởi tiên đoán được sự sơ sót của nhà người, họ Hoàng mới chôn sẵn đôi lọ cổ với hai

bức tranh thêu có ghi chú tên tuổi, ngày sanh tháng đẻ của ta, ở dưới huyết sâu, có ý muốn ám trợ cho nhà ngươi khi làm lễ nhượng tinh, sẽ thấu hoạch được toàn vẹn kết quả mỹ mãn. Nhưng nhà ngươi lại tham lam, ngu muội quá, không chịu hiểu rõ dụng ý thâm trầm, kín đáo của cổ nhân, nên mới chiếm đoạt cả mấy thứ bảo vật kia, mà nhà ngươi chỉ biết qua giá trị cổ kính, mỹ thuật chứ không bao giờ biết rằng đó là những bùa phép vô cùng linh ứng, thiêng liêng có mãnh lực phi thường màu nhiệm không những bảo vệ cho hồn phách ta, được quy nguyên trong hài cốt, mà còn tăng cường sự hiển linh gấp bội, giúp cho ngôi mả mau quán khí kết phát.

Các món bảo vật chôn dưới huyết, nhà ngươi đào được, đã do Hoàng Tướng Công, khổ công chế luyện với tất cả khả năng và kinh nghiệm già giặn của một nhà phong thủy chính tông, có sức hiểu biết, quán thông kim cổ, học vấn uyên thâm, không những về thi văn, kinh điển mà còn bao quát cả các phép hù gió, kêu mưa, di san đảo hải.

Do vậy, chắc chắn dòng họ Đặng Trần hai mươi lăm năm nữa mới có người làm rạng rỡ tông môn, Hoàng Tướng Công phải tìm cách duy trì long mạch của ngôi đất, hiện đang an táng hài cốt ta, vừa để tránh sự chiếm đoạt của người khác, vừa để cho long mạch không giảm bớt phần linh ứng do thời gian vận chuyển quá lâu ngày, vì như người đã biết, có mạch đất nào tồn tại vĩnh viễn đâu?

Giữ cho long mạch từ mấy trăm năm trước, để dành cho con cháu ta bây giờ thọ hưởng.

Hoàng Tướng Công quả thật đã làm một công việc phi thường, có thể nói là cổ kim chưa từng thấy.

Hành động ấy khiến Tướng Công cũng bị giảm thọ một kỷ.

Nhưng Người vẫn vui lòng và sẵn sàng tuân theo số mạng, vì có thể mới đền đáp được ân nghĩa của tổ phụ ta, đã cứu mạng cho Tướng Công lúc trước.

Nhìn những món bảo vật mà nhà ngươi đã tìm thấy không một ai có thể ngờ được rằng: đó là những loại bùa chú, trấn yểm cực kỳ linh ứng, theo phương pháp bí truyền của những vị pháp sư ở xứ Tây Khương.

Mới nhìn qua, ai cũng tưởng giá trị của các thứ bảo vật chỉ thu hẹp trong phạm vi tầm thường của đôi lọ lâu đời hay bức tranh thêu đẹp mắt, song sự thực mỗi đường thêu là một nét bùa huyền bí, mỗi sợi chỉ là một sợi dây phép nhiệm màu, chẳng những giữ được long mạch không bị suy giảm, mà còn có mãnh lực kỳ dị, làm mờ mắt những nhà phong thủy tinh tế nhất, khi đi qua đây, để dành riêng cho con cháu ta bây giờ.

Nhà ngươi sở dĩ tránh khỏi nạn đó, chỉ là vì lúc này đã đến thời kỳ dòng họ nhà ta hết cơn bị cực, thẳng Trung mở đường vinh hiển cho con cháu trong họ trong vòng hai trăm năm.

Nhưng tánh gian tham của nhà ngươi, đã vô tình làm hại nó, trì hoãn hẳn sự kết phát tới ba mươi năm, và giảm luôn cả thời gian hưởng thụ phú quý của họ Đặng Trần mất hai mươi năm.

Đó là về phần thẳng Trung !

Còn nhà ngươi?

Vẫn hay rằng ngươi là ân nhân của dòng họ nhà ta, đã tận tâm lo lắng cho mẹ con thẳng Trung, không quản ngại tốn kém cả công lẫn của, cố gắng thành toàn cho con cháu ta hiển đạt.

Lại cũng chẳng phải cố ý gian tham, chiếm đoạt các bảo vật, đào thấy dưới đáy huyết làm của riêng tư, mà đó chỉ là vô tình lẽ không đáng trách phạt.

Nhưng Thổ thần tâu trình Thượng Đế, hạch tội người về tánh cưỡng chiếm mấy món bảo vật linh thiêng, từ lâu nay đã trở thành linh vật của Thổ thần bản hạt, nên Thượng Đế nhân đây, lại lục tội cố ý tránh mệnh Trời của nhà người lúc trước, để giảm thọ người mười năm, và con trai người, cũng sẽ mắc phải tai ương một tháng.

Chỉ giờ Ngọ ngày mai là người nhận được tin không may của gia đình, người sẽ biết lời ta chẳng sai chạy mảy may!

Mẹ con Đặng Mẫu hoảng sợ, hướng vào hồn ma vái lạy lia lịa, suýt soa kêu cầu, khẩn ông tổ hỷ xả, tha tội cho con cháu người trần mắt thịt...

Trong lúc ấy, thầy địa lý cũng kinh hoảng xúng sốt như kẻ mất hồn, mồ hôi ướt đầm mình, hỏi vội:

- Hồn sống khôn, thác thiêng, xin phù hộ độ trì cho chúng tôi, và xin mách bảo cho chúng tôi biết phương cứu vãn sự sai lầm, chênh lệch ấy.

Thằng Cu Tý, dơ tay tự rót rượu, uống luôn ba chén liền, rồi mới đồng dặc nói rằng:

- Ta biết rõ lòng dạ ngay thẳng của nhà người, tận tâm kêu cầu Thượng Đế xin tha tội cho người, nhưng Thổ thần tức giận nhà người lúc trước, mấy phen toan cưỡng lệnh thiên đình, nên cứ tâu xin Thượng Đế trừng phạt.

Tuy nhiên, Thượng Đế cũng thấu triệt tánh trung trực, đôn hậu của nhà người, nên chỉ bắt con trai nhà người phải chịu tai nạn qua loa ít ngày, rồi sẽ bình yên vô sự.

Bây giờ, nhà người phải lắng tai nghe kỹ lời ta căn dặn: ngay giờ Tí đêm mai, chờ cho thiên hạ ngủ yên, đợi lúc chó không sủa, gà không kêu, nhà người phải lặng lẽ đem các món bảo vật, để y nguyên như lúc mới đào được, đem ra chôn cách mộ phần của ta bảy bước về hướng Đông Nam, cũng đào sâu như khi đào huyết.

Chôn xong, phải làm lễ an thần, và cần nhất, không được đắp cao như nắm mộ, cứ lấp phẳng, ngang mặt ruộng là được rồi!

Ngừng một phút, vẫy tay ra hiệu cho Trung đem chiếc điều bát đến bên mình.

Trung vội đem điều đến, nhồi thuốc, châm đóm, rồi đưa xe điều cho hồn ma, Cu Tý bình nhật, không biết hút thuốc lào, vậy mà lúc ấy nó lại rít thẳng một hơi dài, tiếng kêu tanh tách đòn tan, rồi ngửa cổ, thở khói lên mái nhà một cách ngon lành, thích thú, đoạn rung đùi nói tiếp:

- Nếu hôm an táng hài cốt ta nhà người thận trọng một chút, khi tìm thấy các thứ cổ vật cứ để nguyên đấy, rồi chôn luôn cả cùng với hài cốt ta, thì linh khí giữ được toàn vẹn, chỉ trong vòng bách nhật, thằng Trung sẽ gặp điều may mắn đặc biệt, đưa tới sự vinh hoa phú quý rất dễ dàng !

Tiếc thay! Tiếc thay!

Họ Đặng Trần nhà ta, phải mất thêm ba mươi năm nữa đợi chờ, mới có cơ hội mở mào, mở mặt được với thiên hạ!

Ấu cũng là mạng số!

Nói xong, Cu Tý lại rót rượu uống thêm ba chén nữa, rồi múa hai tay, rú lên một tiếng lớn, ngã lăn kên xuống chiếu...

Thầy Địa lý đang định hỏi thêm hồn ma ít điều họa phúc nữa của gia đình, chợt thấy Cu Tý rú lên, rồi ngã vật xuống chiếu thì biết là hồn ông tổ họ Đặng đã xuất khỏi thân xác Cu Tý, vội chạy đến nâng đầu nó dậy.

Nó ngáp dài, vươn vai, mở bừng mắt ra, bàng hoàng như đứa ngủ say vừa chợt tỉnh.

Mọi người trong nhà xúm vào hỏi chuyện nó lảng xảng, tíu tít, bắt nó phải kể lại cảm tưởng lúc được hồn ma nhập xác, nhưng nó chỉ ú ớ, ngây ngô, ngờ ngác như ngày thường, chẳng còn một chút tinh anh lạnh lợi nào bھر khi hồn ma đang còn nhập xác nó nữa!

Gắng hỏi mãi, nó vẫn ấp úng chỉ lập đi lập lại có một câu: cháu đang ngồi, chợt thấy rùng mình, ớn lạnh xương sống, rồi đầu nặng trĩu như trước mắt như có trăm ngàn con đom đóm lập lờ... Rồi cứ thế mê đi, chẳng còn biết đã làm gì, nói gì nữa!

Mọi người cũng ngạc nhiên khi thấy đứa em họ Trung, cúi sát tận mồm Cu Tý, ngửi đi ngửi lại, hít mạnh nhiều lần, đoạn kêu lên sừng sốt :

- Ô hay! Thằng bé này vừa uống tới hơn mười chén rượu, mà sao bây giờ lại chẳng thấy có mùi rượu chi hết là nghĩa lý gì?

Trung nghe thế, cũng tò mò ghé mũi ngửi thử, thì quả nhiên mồm Cu Tý chẳng có chi khác lạ ngoài hơi thở dập dồn của một đứa bé vừa trải qua một cơn hồi hộp, ngỡ ngàng!

Muốn thử thách thêm nữa, đứa em họ Trung còn đem điều ra, nhồi thuốc Lào, và châm lửa sẵn sàng, đưa se, ép Cu Tý phải hút.

Thằng này không chịu hút, nhưng mọi người cố ép, cứ đem se vào miệng nó nài nỉ mãi, bắt đắc dĩ, nó phải nhắm mắt rít...

Nhưng tiếng guốc điệu vừa kêu tanh tách được hai tiếng nhất gừng, khô khan, gượng gạo thì Cu Tý bỗng sặc hơi, nước mắt nước mũi chảy dòng dòng, mặt đỏ gay như người say nắng, buông vội xe điệu ra, ho khù khụ, đàm rãi đầy mồm !

Lúc bấy giờ, mọi người mới tin chắc là đúng ông tổ họ Đặng Trần đã nhập đã nhập vào Cu Tý để mách bảo các việc trong nhà

VẠ GIÓ TAI BAY

Sáng hôm sau nhà phong thủy không trở dậy sớm như thường lệ, vì những việc xảy ra trong đêm qua, do lời tiết lộ của cốt đồng, đã khiến lão phải hoang mang, lo sợ, không phải chỉ riêng cho bản thân lão, mà còn thắc mắc cho cả gia đình, không biết trong thời gian lão lê gót phong trần đi khắp đó đây, vợ con lão có được sống yên vui không?

Từ gần nửa năm nay, lão chẳng nhận được tin tức chi tiết của gia đình, vì một lẽ rất dễ hiểu, vợ con lão nào có biết rõ nơi ăn chốn ở của lão bao giờ đâu ?

Quen sống cuộc đời giang hồ, lấy gió trăng làm bạn, đem tài học uyên bác đi thử thách thiên hạ, để gặp ai trung hậu, phúc đức, thì tặng cho một ngôi đất quý, mà rủi nơi nào, chỉ gặp toàn những kẻ "mắt trắng", không ai biết đến lão, thì lão lại ung dung xách khăn gói lên đường...

Do đấy, chẳng nơi nào lão chịu ở lâu một tháng.

Nhưng từ khi đến vùng Mai Lĩnh, Đào Xá trước khi gặp mẹ con Đặng Mầu, lão đã tìm được ngôi đất quý, rồi mới trá hình hành khất lữ độ đường để đi thử lòng thiên hạ.

Vì vậy lão mới phải ở lại vùng này lâu ngày để cố gắng yểm trừ con Hỏa, giúp cho họ Đặng Trần tránh khỏi tai họa khi ngôi mả tổ được kết phát.

Mãi mê với công việc tìm đất và trấn yểm lão đã quên lãng cả vợ con ở miền Trung, nên đêm qua, khi thấy cốt đồng hiện về báo trước vận hạn của con trai lão, nhà phong thủy không khỏi giật mình, phập phồng lo sợ cho vận mạng mấy người thân yêu trong gia đình, trong suốt thời gian lão mắc "đi giang hồ" để lo việc thiên hạ!

Ôm mối tâm tư sầu muộn, nặng trĩu bên lòng, nhà phong thủy trần trọc thâu đêm, nhiều lúc cố chợp mắt, muốn tìm giấc ngủ, mong tạm quên niềm lo âu, thắc mắc, nhưng cặp mắt lão cứ mở trừng trừng, nhìn lên mái nhà, mặc dầu trong bóng đêm dày đặc, lão không hề phân biệt

được gì, ngoài màu đen tăm tối.

Mãi đến khi gà gáy báo sáng, lão mệt mỏi quá, mới thiếp đi được chừng nửa trống canh.

Trong lúc ấy, mẹ con Đặng Mẫu đã chuẩn bị sẵn sàng nước sôi và ấm chén để chờ lão trở dậy là có ngay mấy chén trà tàu uống cho sáng khoái tinh thần.

Nhưng lão nằm mãi cho đến lúc mặt trời đã lên cao tới hai con sào, mới chịu uể oải trở dậy, thần sắc bơ phờ, hai mắt quầng thâm, chứng tỏ lão đã trải qua một đêm lo nghĩ mông lung và mất ngủ hoàn toàn.

Mẹ con Đặng Mẫu lăm lét nhìn thầy địa lý với vẻ mặt xót thương ái ngại và bảo nhỏ nhau một câu gì không biết, mà chỉ thấy, Trung lặng lẽ gật đầu rồi tắt tả đi thẳng xuống bếp.

Đặng Mẫu bung khay trà lên.

Thầy địa lý chưa uống xong tuần nước thứ ba thì Trung đã đem lên một bát cháo đậu xanh, nóng hổi, ngon lành để mời lão điểm tâm cho đỡ mệt.

Nề lời khuyên mời chí thiết của hai người, nhà phong thủy mới chịu nâng chén lên, gượng húp vài miếng cháo nóng, rồi vươn vai đứng dậy, định ra ngoài đồng thăm mộ và chuẩn bị công việc đem chôn mấy món bảo vật, mà hồn ma truyền bảo đêm trước. Nhưng lão vừa bước xuống đất, thì thấy đầu váng, mắt hoa, loạng choạng suýt ngã, nếu Trung không nhanh tay đỡ kịp, để diu lão vào nằm trong ổ rơm.

Bất giác lão ngủ quên lúc nào không biết, cho mãi đến lúc nghe quanh mình có tiếng chuyện trò, xào xạc của nhiều người, lão mới bàng hoàng tỉnh dậy, dụi mắt nhìn quanh.

Lão còn ngơ ngác, chưa định thần hẳn thì chợt có tiếng cất lên vui mừng niềm nở:

- Lạy Bác ạ, Bác đã dậy! Bác vẫn khoẻ mạnh chứ.

Lão vội đứng hẳn dậy, nhìn kỹ và cũng rú lên mừng rỡ:

- Ô ! Thăng Thanh ! Cháu Thanh ra đây từ bao giờ ?

- Sao lại tìm được đến nơi Bác ở? Hừ ! Giỏi thật!

Thì ra, lão đã nhận diện được đứa cháu họ, gọi lão bằng Bác, vừa bằng trạc tuổi của con trai lão, mà thuở thơ ấu, chúng là đôi trẻ rất thân thiết, tuy khác nhà, song không hề dấu điểm nhau một điều gì.

Chợt nhớ tới lời của cốt đồng nói đêm trước, lão hỏi vội Thanh:

- Gia đình Bác có được bình yên không hở cháu? Từ khi Bác ra đi, trong xóm làng có gì khác lạ không? Thanh nhìn xuống đất, đáp qua giọng buồn thảm nãy nê:

- Thưa Bác, nhiều chuyện biến đổi lắm! Vì thế, cháu mới phải lặn mò ra tận đây để tìm Bác.

Cháu khởi hành từ hạ tuần tháng mười, nhưng tới bây giờ mới đến được đây, là vì vừa đi còn vừa hỏi thăm, lúc thì có người nói mới gặp Bác ở tỉnh Đông, có kẻ lại bảo vừa trông thấy Bác đi ở mấy phủ huyện vùng Nam Định, Hà Đông, sau nhờ gặp một người lái bè, nói chắc chắn là vừa gặp Bác ở chợ Đào Xá, nên cháu mới biết đường tìm tới nơi chứ không thì cũng đến phải về xuôi!...

Thầy địa lý lo lắng, cắt ngang:

- Nhưng có việc gì cần kíp, mà cháu phải tốn công tìm Bác như thế? Nói mau cho Bác biết đi, kéo Bác nóng ruột lắm rồi!

Thanh bỗng ngừng đầu lên nhìn nhà phong thủy, mắt chớp lia lia mấy cái liền, rồi mới cất giọng thê thảm trả lời:

- Bác ra đi gần nửa năm nay, mấy tháng đầu, Bác gái với các anh, các chị cháu trong nhà, vẫn

yên ổn làm ăn, mỗi người mỗi việc, chẳng xảy ra chuyện gì đáng tiếc cả.

Bỗng cách đây chừng nửa tháng, ở làng bên có đám cướp đến giết ông cự phú và vợ vét hết bạc vàng với đồ quý giá.

Quan trên tra hỏi, thì không biết sao, một đứa lại khai là có gửi anh cả Duy nhà ta mười thoi vàng với ba mươi nén bạc.

Bác gái bồn chồn lo sợ quá, đã cố nhờ người đi khiêu oan, đi vận động nhiều nơi, mà tiền mất, người vẫn bị giam.

Hôm mới rồi, Quan huyện còn về làng, vào tận nhà bác, khám xét khắp mọi chỗ, song chẳng bắt được gì khả nghi, đáng gọi là tang vật hết, nên nhờ thế Bác gái với các anh chị trong nhà, mới không bị liên lụy.

Tuy nhiên, bác gái vì lo buồn, khóc lóc ngày đêm thành ra đau yếu, ốm liệt giường liệt chiếu, phải cho gọi cháu tới, bảo cháu đi tìm Bác, để mời Bác về giải cứu cho anh Duy cháu. Bác gái có căn dặn rằng: Thế nào Bác cũng phải về ngay, thì may ra mới lo liệu kịp thời, để giải cứu cho anh Duy, chứ nếu chậm trễ, quan Án Sát trên tỉnh đem ra pháp đình luận tội thì lúc ấy, dù Bác có về, cũng vô ích, không còn có đường lối nào cứu gỡ nữa đâu?

Nhà phong thủy há hốc mồm, hai mắt chớp lia lịa, rồi giàn dụa ngấn lệ, theo dõi từng lời nói của đứa cháu họ về tai họa của con trai và bệnh trạng của người vợ ở quê nhà.

Lão không ngờ chỉ có mới mấy tháng trời, mà gia đình lão lại gặp vạ gió tai bay liên miên đến như thế?

Lão thở dài, não nuột, thần thờ suy nghĩ một lúc lâu rồi mới lấy lại được sự bình tĩnh tâm hồn để bảo Thanh:

- Sự thể cần kíp như vậy, thì thế nào Bác cũng phải về quê mới xong! Nhưng khôn nổi ở đây, Bác còn mắc dở có câu chuyện chưa thu xếp kịp.

Vậy cháu hãy ra về trước đi. Bây giờ mới có quá giờ Ngọ, trời còn sớm, cháu đi được tới đâu hay tới đó, tới thì ngủ đỡ lại, đến mai sẽ đi tiếp.

Còn Bác tối nay và ngày mai, Bác sẽ cố gắng lo liệu, thu xếp các công việc ở đây cho gọn gàng, chu đáo rồi sáng sớm ngày kia, Bác cũng sẽ lên đường.

Có khi bác đi gấp, có thể còn đuổi kịp cháu, cũng không biết chừng!

Nhưng nếu cháu về được trước, thì nhớ nói với Bác gái và mọi người trong nhà là Bác sẽ có mặt ở gia đình trong sớm tối. Các việc rồi sẽ thu xếp xong xuôi, không có chi đáng lo ngại hết.

Một nhà phú hộ trong làng, thấy Trung chăm chỉ, hiền lành gọi đến gả con gái cho Trung rồi lại giúp thêm trâu bò, thóc giống để vợ chồng Trung có thể cày cấy được nhiều hơn nữa?

Do đấy, chẳng bao lâu, họ Đặng đã nghiễm nhiên là một gia đình khá giả vào bậc trung lưu ở làng Đào Xá.

THẾ CHIẾN QUỐC, THẾ XUÂN THU !...

Năm sau, vợ Trung đẻ con trai đứa nhỏ rất đĩnh ngộ, được đặt tên là Đặng Trần Thường.

Trần Thường năm lên 7 tuổi, được cha mẹ cho nhập môn theo học ông Bảng Văn ở làng bên.

Cùng học với Thường, còn có cả Ngô Thời Nhiệm, một học sinh xuất sắc nhất trường ông Bảng lúc bấy giờ.

Do đó, dù Thường là đứa trẻ thông minh chăm chỉ cũng không sao vượt nổi được Ngô Thời Nhiệm.

Trong những ngày bình văn ở trường, cũng như khi khảo khóa ở Tổng, ở Huyện, Thời Nhiệm luôn luôn được khen thưởng ưu hạng, mặc dầu Trần Thường hết sức cố gắng, cũng không sao bì kịp được.

Tánh hiếu thắng của họ Đặng, từ đây, còn kèm thêm tánh ghen ghét, người tài giỏi hơn mình, nên vì vậy, bề ngoài tuy cùng học một trường, đôi bạn trẻ vẫn chẳng mấy khi ưa nhau.

Ông Bảng Văn nhiều khi còn vô tình, đốt cháy thêm ngọn lửa căm hờn giữa Trần Thường và Thời Nhiệm, vì những lúc bình văn, thử thách câu đối các học trò, thấy Ngô Thời Nhiệm quá lanh lợi, xuất sắc, ông Bảng thường không tiếc lời ngợi khen, khuyến khích, tin tưởng là tương lai sẽ vô cùng rực rỡ, gieo rắc thêm niềm hận thù trong tâm trí chàng trai họ Đặng.

Sinh nhằm thời ly loạn, lớn khôn giữa lúc đất nước đang bị hoạ đạo binh giữa quân đội của Bắc Bình Vương với Chúa Nguyễn Ánh, nên Đặng Trần Thường theo phò Nguyễn Ánh ở miền Nam, còn Ngô Thời Nhiệm thì đem hết tài học sở trường ra giúp Vua Quang Trung dựng nghiệp lớn.

Quả nhiên, nhờ học vấn uyên thâm uẩn súc, nhờ mưu kế biến ảo phi thường, Thời Nhiệm đã lập được nhiều công to, được Bắc Bình Vương vô cùng quý trọng, coi Nhiệm như một bậc sĩ phu quán thông kim cổ.

Trong khi ấy, Trần Thường theo phò Chúa Nguyễn Ánh cũng luôn luôn có dịp phát triển tài năng, giúp Nguyễn Vương rất đắc lực trong công cuộc tranh dành non sông với vua Quang Trung.

Thế rồi vua Quang Trung bỗng bị bạo bệnh, băng hà giữa lúc đang mưu toan nhiều điều ích quốc lợi dân, khiến cho triều thần cũng như sĩ thứ, lê dân, không một ai không khóc thương, tiếc hận cho sự nghiệp dở dang của vị đế nhất anh hùng áo vải, người đã từng phá tan hai mươi vạn quân Thanh, bắt sống hàng ngàn viên dũng tướng của Thanh triều.

Vua Quang Trung về trời. Cuộc chiến tranh giữa nhà Tây Sơn với Nguyễn Ánh cũng biến chuyển theo. Đang ở thế chủ bại, Nguyễn Ánh quật khởi lần hồi, rồi dần dà diệt được nhà Tây Sơn, thống nhất nước Việt Nam. Nhiều danh tướng, công thần Tây Sơn bị bắt.

Đặng Trần Thường lẽ tất nhiên, đã lập được công lớn. Họ Đặng chợt nhớ đến mối thù từ thuở còn cắp sách đi học với Ngô Thời Nhiệm, liền truyền lệnh cho quân sĩ đi bắt Thời Nhiệm.

Ngô Thời Nhiệm bị trói quặt hai tay ra sau lưng, đi theo hai tên lính đến doanh trại họ Đặng, nhưng sắc diện không hề thay đổi hay có vẻ sợ sệt chi hết.

Đặng Trần Thường ngồi oai nghiêm trên chiếc sập gụ phủ vóc hồng, lưng ngã vào một chiếc đệm bông dày, tay tựa trên một sập gối xếp. Trước sập gụ, có đặt một chiếc án thư, trên bày đủ thứ văn phong tứ bảo, hai bên dàn hai giá bình khí trên cắm các loại kiếm, kích, qua, mâu, trùy đồng, tầm xét, cực kỳ nguy nga, tráng lệ.

Hai tên lính áp giải Ngô Thời Nhiệm tới trước quan trường rồi ẩn vai Thời Nhiệm bắt quì xuống.

Vốn là nhà Nho mảnh khảnh, Thời Nhiệm không sức chống cự, lão đảo ngã phệt xuống thềm gạch.

Từ trên sập gụ, họ Đặng phóng hai luồng nhỡn tuyến gay gắt như muốn thuyết phục kẻ đối diện, vốn là bạn đồng học thuở ấu thơ, rồi gần giọng mỉa mai:

- Hừ ! Oan gia không ngờ lại có ngày nay! Thời Nhiệm! Hãy ngẩng cao đầu cho ta coi mặt nào! Đoạn cười nhạt, y tiếp lời nham hiểm:

- Ta còn nhớ rõ, năm xưa. Cụ Bảng Văn thường khen ngợi nhà ngươi tài cao học rộng, mẫn tiệp, thông minh, bước đường hoan lộ hẳn sẽ cao vút chín tầng mây, không một ai ở trong trường theo kịp, kể cả ta...

Vậy mà... có ai ngờ đâu? Sự thế lại có ngày nay!

Ngô Thời Nhiệm như không màng đến sự sống chết, thản nhiên ngẩng cao đầu nhìn người bạn cũ, rồi cười mỉm, nửa như mỉa mai, nửa như đau khổ, chẳng nói một lời nào.

Thấy thế, họ Đặng lại càng gay gắt hơn nữa :

- Nhớ lại thời kỳ còn theo học một trường, nhà ngươi vẫn nổi tiếng là "đệ nhất văn nhân" vậy nếu quả thực "danh bất hư truyền" nhà ngươi hãy thử đối lại đôi câu đối này của ta xem sao? Nếu hay, ta sẽ liệu cách khoan hồng cho nhà ngươi...

Dứt lời, họ Đặng ung dung cất cao giọng, sang sảng ngâm một vế câu đối:

"Ai công hầu, ai khanh tướng, trong trần ai, ai dễ biết ai?"

Họ Đặng chưa dứt tiếng ngân cuối cùng của chữ "ai" thì Ngô Thời Nhiệm đã ngồi xếp chân vòng tròn, trên nền gạch thản nhiên đối lại:

"Thế Chiến quốc, thế Xuân Thu, Gặp thời thế, thế thời phải thế".

Đặng Trần Thường gật đầu, như có ý khen ngợi vế câu đối đầy đủ ý nghĩa, rất chỉnh với vế của Thường.

Tuy nhiên, Thường vẫn sai quân lính áp giải Ngô Thời Nhiệm đến trước Văn Miếu, kết tội là "Nho gian" rồi nọc Niệm ra đánh cho đến chết.

Nhưng Đặng Trần Thường sau đây, cũng bị vua Gia Long nghi ngờ hạ ngục.

Rồi Thường cũng bị chết đói trong ngục tối.

Quả đúng như lời tiên đoán của Thầy địa lý:

" Mai Lĩnh chỉ sơn khuất khúc, họa cập Hàn, Bành. "

Thì, Đặng Trần Thường sau bao năm trời nằm gai nếm mật, theo phò Nguyễn Ánh, nhiều khi suýt nguy tới tính mạng, bôn Nam, tẩu Bắc, lấm phen tường gần đất xa trời, vậy mà khi dựng nên nghiệp lớn, thống nhất được đất nước Việt Nam, họ Đặng lại chỉ được hưởng phú quý có mấy năm trời, rồi bị hạ ngục chết đói giữa chốn tăm tối lao tù.

Tình cảnh ấy nào có khác gì Hoài Âm hầu Hàn Tín và Lương Vương Bành Việt về đời nhà Hán? Còn con gái giòng họ Đặng Trần, tuy người nào cũng có nhan sắc, lấy được chồng giàu sang, phú quý, song chỉ chung sống với nhau được chừng năm, ba năm, rồi thế nào những cặp lứa đôi ấy cũng phải lìa nhau, hoặc cơm không lành, canh không ngọt, đem lại kết quả mỗi người sống riêng biệt một nơi, hoặc có khi người chồng đang tự nhiên bỗng bị bạo bệnh lăn đùng ra chết, để rồi kết cuộc, người con gái dòng họ Đặng Trần lại phải "bước đi bước nữa" theo đúng câu tiên đoán của nhà phong thủy chính tông!

"Đào Xá chi thủy loan hoàn, tục đồng Trịnh Vệ".

*** HẾT***

ANNE NGUYỄN .

dienbatn giới thiệu và kèm hình ảnh.

ÂM PHÀN - DƯƠNG TRẠCH

(Kiểu đất về mồ mả- Hướng nhà)

Nhân có nguồn tư liệu của Viện Hán- Nôm do một người bạn gửi tặng. dienbatn xin chép lại để mọi người cùng thưởng thức. Xin cảm ơn sự hỗ trợ của bạn NGUYỄN HOÀNG LINH- CÔNG TY MÁY TÍNH 17 TRẦN HƯNG ĐẠO- HÀ NỘI

CHUYỆN THỨ NHẤT : ĐINH TIÊN HOÀNG.

ĐINH TÊN HOÀNG là người động Hoa lư. Tương truyền , trước kia trong động có một cái đầm sâu. Thân mẫu Ông là vợ thiếp của Quan Thứ sử ĐINH CÔNG TRÚ , thường ngày hay vào đầm để tắm giặt. Một hôm , bà bị một con dái cá lớn hãm hiếp nên thụ thai , rồi khi đủ tháng , sinh ra một đứa con trai. Đinh Công rất yêu quý vì không biết rõ nguyên nhân , chỉ có một mình bà biết đó là con của dái cá . Thế rồi , cách mấy năm sau , Đinh Công qua đời , con dái cá cũng bị dân trong động bắt về ăn thịt , còn xương thì quăng một xó. Bà mẹ được tin ,

vội vàng chạy đến nơi , đợi cho mọi người đi khỏi , nhặt lấy xương , đem về gói ghém cẩn thận rồi để trên gác bếp , và bảo cho Ông biết đây là hài cốt của cha.

Còn về phần Ông đến khi khôn lớn , người rất lanh lẹ và có biệt tài bơi lặn ở dưới nước , nên được tặng danh hiệu là ĐINH BỘ LĨNH . Trong thời gian ấy , có một Thầy Địa lý bên Tàu sang nước ta xem đất , dõng theo Long mạch đến động Hoa lư. Buổi tối Thầy Địa lý lặn vào chỗ đó xem xét hồi lâu , đoán rằng dưới tầm đất có Thần vật , nên muốn thuê người bơi lặn giỏi xuống chỗ đó xem sao. Nguyên trong cái đầm đó , người ta đồn rằng , bên dưới có chỗ rất thiêng , xưa nay chẳng ai dám bén mảng tới. Vì thế Thầy Địa lý treo giải thưởng rất lớn cho người nào có gan lặn xuống đó để dò xem.Họ Đinh nghe nói liền nhận lời ngay. Rồi Ông lặn xuống chỗ đó , lấy tay sờ quanh , thấy có một con vật như hình con ngựa đứng ở dưới đáy hầm. Ông bèn trở lên báo cho Thầy Địa lý biết. Thầy bảo Ông lặn xuống một lần nữa và đem theo một nắm cỏ non , nhử vào mồm ngựa xem nó thế nào. Ông lại cầm nắm cỏ xuống , đứng trước đầu ngựa để nhử , thấy nó há miệng ngoạm lấy nắm cỏ. Ông liền bơi lên báo cho Thầy Địa lý biết , Thầy gật đầu bảo :

- Dưới đầm quả nhiên có ngôi Huyệt quý.

Rồi Thầy đưa ra một số vàng bạc bảo với Ông rằng :

- Nay hãy tạm thù lao cho một ít , sau này xin tặng thêm. Tôi cần trở về bản Quốc mấy tháng , rồi lại sang ngay , bây giờ ta sẽ nói chuyện sau.

Lúc đó tuy còn ít tuổi , nhưng Ông rất thông minh. Nghe bọn Khách nói chuyện với nhau , Ông hiểu ngay Huyệt ở mồm ngựa , không còn hồ nghi gì nữa.Đợi cho họ đi rồi , Ông đem gói xương ở gác bếp xuống , lấy cỏ bọc xung quanh , rồi lặn xuống để vào mồm ngựa , ngựa bèn ăn hết ngay.

Từ đó , nhiều người tòng phục Ông và tôn Ông làm Trại trưởng. Khi Ông ở sách Đào úc , một hôm đánh nhau với chú , Ông chạy qua đầm , cầu gãy , Ông ngã xuống đầm. Chú Ông chạy tới lấy dao đâm Ông , tự nhiên có hai con Rồng vàng bay xuống che chở cho Ông. Chú sợ hãi lùi lại. Vì thế Nhân dân các nơi quy phục Ông càng nhiều hơn.

Cách mấy năm sau , Thầy Địa lý đem xương bố ở Trung Quốc sang , tìm tới chỗ đầm ấy để mai táng , Nghe nói Đinh Bộ Lĩnh đã trở thành bậc anh tài cái thế , thủ hạ có hơn 1.000 người , Thầy Địa lý biết ngay là họ Đinh đã táng Huyệt đó rồi. Thầy uổng phí bao nhiêu công sức , Thầy căm tức lắm . Bèn đến bảo với Ông rằng :

- Nghe nói Ông đã được đất quý. Cái Huyệt ấy tuy đẹp , nhưng ngựa không có grooms thì không được tốt. Nay tôi tặng cho một thanh grooms , Ông đem xuống treo vào cổ ngựa , như vậy thì Ông sẽ dọc ngang Trời Đất , đánh đâu thắng đó.

Đinh Bộ Lĩnh tin lời Thầy Địa lý bèn lặn xuống chỗ ngựa Thần , lấy tay sờ cổ ngựa và để grooms vào đó rồi bơi lên.

Từ đó Ông đánh đâu được đó , gọi là Vạn Thắng Vương.Ông dẹp được 12 Xứ quân , thống nhất dư đồ , lên làm Vua , hiệu là ĐINH TIÊN HOÀNG. Ông ở ngôi 12 năm thì bị tên hầu cận là Đỗ Thích ám sát , con cả là Đinh Liễn cũng bị giết. Vì Thầy Địa lý dùng kế đánh lừa để grooms vào đầu ngựa , nên hai bố con Ông mới như thế.

(Trích DƯ CÔNG TIỆP KÝ).

CHUYỆN THỨ HAI

TRUYỆN MỘ TỔ NHÀ TRẦN .

Tiên Tổ nhà Trần ở xã Tức mặc , Huyện Mỹ Lộc , đời đời làm nghề đánh cá , một dải trường giang ở phía Nam đầu đầu cũng là nhà .

Bấy giờ có một ông thầy Địa lý Trung quốc sang nước ta xem đất . Chú theo Long mạch từ núi Tam đảo đi xuống , qua Thăng long , Cổ bi đến các xã Kệ Châu và Cao xá thuộc Huyện Kim động , thấy có nhiều đồng đất hoàn tụ , bèn cười nói rằng :

- Đây là chỗ đóng quân và nấu cơm .

Đến xã Phụng trà Huyện Nam xương không thấy vết tích đâu nữa ., Chú ngấm trông một hồi lâu rồi nói :

- Nước sông chảy mạnh , không lẽ Huyệt lại ẩn tàng dưới đáy sông . Chú bèn sang sông đi đến Huyện Hà liễu , Huyện Ngự thiện , thấy các ngọn núi đều đứng thẳng , liền lấy tay chỉ và cười nói rằng :

- Chỗ cát đầu lên ở đây , trốn tránh ta như thế nào được .

Chú tìm đến chỗ phát tích tại xã Nhật cáo và chỗ kết cục tại xã Thái đường mới hạ La bàn để xem xét và cứ say mê quanh quẩn mãi ở đấy không đi được .

Chợt có Nguyễn Cổ người xã Tây vệ đến đấy , hỏi Khách rằng :

- Ông lưu ý ở chỗ này , có Huyệt tốt phải không ?

Khách ngửa mặt lên Trời cười nói rằng :

- Không ngờ ở nơi bình địa mà lại có đất Đế Vương . Đáng chê các thầy Địa lý thời nay , không Thầy nào có nhãn lực .

Nguyễn Cổ nói :

- Nếu quả là đất Đế Vương , xin Ông cho tôi . Ông muốn được tạ lễ bao nhiêu , tôi cũng xin nộp đủ ,

Khách nói :

- Nhà ông có Phúc may gặp được tôi thì tôi cho ông . Nhưng sau khi táng rồi , ông phải trả tôi ngay 100 quan tiền , và về sau lấy được nước , ông phải cho tôi một nửa .

Nguyễn Cổ xin vâng lời , rồi đem mộ Tổ táng vào chỗ ấy . Khách sợ Cổ phản trặc , bèn bảo :

- Táng xong tất có điềm lành . Nhưng trong hạn trăm ngày , thỉnh thoảng phải đến thăm nom . Nếu sau cơn mưa gió , sấm sét , thấy có sự lạ , thì lành ít , dữ nhiều , phải táng đi chỗ khác ngay .

Nguyễn Cổ đem mả Tổ táng vào nơi ấy , được ba bốn ngày , đến nửa đêm có một tiếng sét rất to , làm kinh động nhân dân và súc vật ở vùng ấy . Sáng hôm sau đi xem , thì thấy ở các xã Đặng xá , Tây vệ và Thái đường có nhiều hòn đá nhô lên , gọi là đá tai mèo , khắp vườn tược ao chuôm , nơi nào cũng có . Những hòn đá ấy đến nay vẫn còn .

Nguyễn Cổ biết là được đất rồi , rất lấy làm mừng rỡ . Vợ Cổ bảo rằng :

- Ngồi đất ấy dầu cho là phát Phúc , nhưng hiện nay thì làm thế nào lo được 100 quan tiền . Và lại sau này chia đội Thiên hạ , thì còn được bao nhiêu .

Cổ thấy vợ nói thế , thì định bụng không tạ lễ cho chú Khách nữa . Khi Khách đến hỏi , Cổ hẹn mấy ngày sau sẽ trả . Khi đến hẹn , Khách tới nhà , Cổ liền bắt trời lại , rồi đang đêm đem vút xuống sông . Vất xong vội vàng chạy về . Nguyên chỗ Cổ vất Khách xuống là một bãi phù sa , nước Thủy triều dâng lên ngập cả bãi . Sau khi vất Khách xuống , nước triều rút lui , bãi phơi khô , Khách nằm lại trên bãi .

Chợt có một chiếc thuyền đánh cá của họ Trần đi ngang qua đấy , nghe có tiếng người hô

hoán , vội tới cứu đem lên thuyền , rồi cõ trối cho Khách và hỏi duyên cớ . Khách đem đầu đuôi sự việc này thuật lại cho họ Trần nghe và nói thêm rằng :

- Nhờ có ông mà tôi được sống lại . Tôi xin đem ngôi đất quý ấy biếu ông để tạ ơn .

Người họ Trần nói :

- Ngôi đất đó Nguyễn Cố đã táng rồi còn làm gì được nữa .

Khách nói :

- Tôi đã tính trước , ngôi đất ấy thế nào nhà ông cũng được .

Người họ Trần bèn lưu chú Khách ở trong thuyền , không để lộ cho người ngoài biết . Khách bảo người họ Trần lấy đồng đỏ đúc lưỡi Tầm sét và lấy cây vang nấu nước để dùng .

Một đêm , mưa to gió lớn và luôn có tiếng sét đánh . Đến khi tạnh mưa , Khách và người họ Trần đem lưỡi tầm sét cắm xuống mộ Tổ của Nguyễn Cố , xuyên thủng đến quan tài , rồi lấy nước vang tưới vào mộ . Sáng hôm sau Nguyễn Cố ra thăm , cho là mộ bị sét đánh , có máu chảy ra , vội vàng rời mộ ra chỗ khác . Khách bèn đem mộ Tổ họ Trần táng vào đó .

Ngôi đất này phía trước trông ra ngã ba sông Cái (Nguyên chú : Thuộc xã Hữu bị Huyện Mỹ lộc , tục gọi là Cửa Vàng) ..Phía sau gối vào voi phục , lâu đài và cờ , gươm bài trí hai bên . Huyệt ở " Thổ Phúc tàng Kim " (Trong đất giấu vàng) , tọa Càn - Hướng Tốn . Táng xong Khách bảo rằng : " Phần đại yên hoa đối diện sinh " , hẳn lấy được nhan sắc Thiên hạ .

Người họ Trần nói : Nếu được như lời Ông , xin chia cho Ông một nửa dân tộc .

Khách nói :

- Không cần phải làm như thế . Nhà ông hưởng nước , chỉ cần đời đời tư cấp cho nhà tôi đủ ăn , đủ mặc mà thôi .

Người họ Trần hứa sẽ ghi lòng tạc dạ . Rồi làm giấy tờ giao ước , mỗi bên giữ một bản để làm tin .

Lại nói chú Khách vốn là người tâm cơ trí lược . Chú làm hai bản sấm thư để lại cho con cháu và dặn :

- Nếu sau này họ Trần vẫn đối đãi tử tế , thì bảo thực cho họ biết . Nếu họ bội ước thì như thế , như thế ...

Khách lại bảo họ Trần rằng :

- Tôi đã để lại một phép , có thể làm cho nhà ông trị vì được lâu dài hơn . Phép ấy là gì , sau này sẽ bảo cho biết .

Họ Trần vô cùng cảm tạ .

Trần Thừa là cháu ba đời , năm Diên phúc thứ 8 (1218) triều Lý , sinh ra Trần cảnh mũi cao , mặt Ròng , được Chiêu Hoàng nhường ngôi cho làm Vua Thái Tông .

Ban đầu khi con cháu chú Khách ở Trung quốc sang , các Vua Trần đều tặng tống rất hậu .

Nhưng đến cuối đời thì đối đãi kém tử tế . Một người cháu của chú Khách sang nói với Vua Trần :

- Tổ tiên hạ thần có để lại một bản sấm thư , dặn đến năm nay thì đem sang trình quý Quốc . Vua Trần xem sấm thư thấy nói : " Ngôi mộ phát tích ở Thái Đường nay sắp hết thịnh , cần phải khơi thông Thủy đạo thì mới giữ được lâu dài " .

Vua Trần tin lời nói ấy , bèn chiêu theo họa đồ ở sấm thư đào một Thủy đạo từ sông Cái xã Phú xuân đi vào , quanh đến xã Thái Đường . (Con sông ấy nay vẫn còn dấu vết) . Không

ngờ đào đứt Long mạch , họ Trần bèn suy , rồi bị Xích Chủ hầu (Gọi Hồ Quý Ly) thoán đoạt . Xét ra Vua Trần trị vì được từng ấy năm , là do mệnh Trời , chứ sức người làm thế nào được .

TRUYỆN HỌ VŨ XÃ TRUNG HÀNH .

(Trung hành Vũ tộc ký)

Tại xã Trung hành - Huyện An dương có một người họ Vũ , nhà nghèo nhưng hay làm việc thiện .

Bấy giờ trong làng thường có một người hay nhờ thầy Địa lý xem đất .Sau khi tìm được một ngôi đất đẹp và đem mộ Tổ đến táng . Một đêm , người ấy nằm mơ thấy một vị Thần nhân đến bảo rằng :

-Ta cai quản địa phương này . Người là ai mà dám đem mộ đến táng ở đất của ta . Người phải đi mộ đi nơi khác ngay , nếu không sẽ có tai vạ .

Người ấy còn trù trừ chưa quyết , thì cả nhà đau ốm , trong họ không yên . Lại nằm mơ thấy Thần nhân đến bảo :

- Nhà người ít Phúc , không đương nổi cái Huyệt ấy . Ta giữ cái Huyệt cho họ Vũ . Người nên nhường cho Họ đó , thì con cháu người sau này sẽ được họ ấy báo đáp .

Người ấy theo lời Thần bảo , đến nói với người nhà họ Vũ rằng :

-Tôi có một ngôi đất tốt . xin nhường cho ông . Sau này nhà ông phát đạt , thì đừng quên con cháu tôi .

Người họ Vũ xin vâng , rồi đem mộ phần tiên nhân táng vào ngôi đất ấy . Về sau , họ Vũ hưng thịnh , sinh ra nhiều người tài nghệ và vũ dũng hơn người .Trong khoảng Trung hưng , họ này có công dẫn đường diệt Mạc , được phong công thần . Đến nay , con cháu được kế tiếp nhau nắm giữ quyền binh , tước lộc đương thịnh . Bấy giờ có câu tục ngữ : " An Dương trung hành , Kim Thành Quỳnh Khê " - Ý nói làng Trung Hành thuộc Huyện An Dương và làng Quỳnh Khê thuộc Huyện Kim Thành là những làng đời nào cũng có nhiều quan chức .

CHUYỆN MỘ TỔ Ở VỊNH KIỀU PHỤ CHÉP TRUYỆN HIỂN TÍCH .

(Vịnh Kiều tổ mộ ký - Phụ Hiển tích) .

Thượng thư (triều Mạc) Nguyễn Văn Huy là người xã Vịnh Kiều , Huyện Đông Ngạn . Nguyễn Phúc Ngộ là ông nội , bình sinh hay làm việc thiện . Ông ngụ cư ở xã Đông Lâu , Huyện Yên Phong , làm nghề nấu rượu . Bên cạnh nhà ông có một cây Bồ đề cổ thụ bị bão làm đổ . Ông mua cây ấy làm củi đun . Khi đào đến rễ cây , thấy ở dưới có một cái Huyệt chôn bạc ước độ đôi ba thùng . Ông đem số bạc ấy về nhà cất dấu , rồi chuyển nhà đi nơi khác . Hai ba năm sau , một người khách Trung quốc đến lấy bạc , nhưng không thấy bạc đâu mà chỉ thấy một cái Huyệt không . Người Khách hỏi những người lân cận , biết ông đã được số bạc ấy , bèn tìm đến nhà ông đưa ra một bản sấm cũ và nói rằng :

-Tôi vì gia sản của tiên nhân lặn lội đến đây , không hay Trời đã cho ông rồi . Nay tôi định trở về nước , xin ông tư cấp cho một ít lộ phí , thì tôi được đội ơn ông nhiều lắm .

Nguyên từ khi được số bạc ấy , ông đem về cất đi , không biết là bao nhiêu . Đến đây , ông xem bản sấm thì thấy số bạc ông được đúng như số bạc đã ghi ở trong bản sấm , không sai

một ly . Ông bèn khoản đãi người Khách và bảo rằng :

- Số bạc này chính là tôi bắt được , nhưng cứ để nguyên cất đi , không hề lấy một chút nào ra tiêu dùng . Số bạc ấy , vốn là di sản của nhà ông , thì tôi xin hoàn lại ông tất cả .

Người Khách từ chối mà rằng :

- Số bạc ấy tuy là di sản của nhà tôi , nhưng nay ông được thì là của ông . nếu ông có cho , thì tôi chỉ xin đủ tiền ăn đường về nước thôi . Còn việc ông hoàn cả , thì tôi không dám tuân mệnh .

Ông nhất định không nghe . Người Khách lại nói :

- Ông đã có lòng thành thì tôi xin lĩnh một nửa .

Ông nói :

- Tôi đây há không quý tiền bạc hay sao ? Nhưng số bạc này không phải của nhà tôi . Trời chỉ sai tôi giữ cho ông , cho nên tôi phải cất đi để đợi ông . Vậy ông đừng từ chối nữa .

Người Khách thấy ông kiên quyết như thế không dám trái ý , bèn lĩnh bạc ra về . Sau khi về nước , người Khách thường đem việc ấy kể cho mọi người cùng nghe . Một thầy Địa lý nghe được câu chuyện , nói rằng :

- Ít có người tốt bụng như thế , nay ta già rồi , già ta còn trẻ thế nào ta cũng sang An Nam tìm cho nhà ấy một ngôi đất tốt để đền ơn .

Người Khách khẩn khoản nhờ thầy giúp . Thầy Địa lý nói :

- Ta có hai người học trò có thể sai đi được .

Người Khách cùng hai người học trò đó sang An Nam . Bọn họ đến xã Vĩnh Kiều hỏi thăm thì Phúc Ngộ đã mất từ năm trước rồi . Người Khách sắm một lễ phúng đem đến nhà ông cúng tế . Cúng xong ra đi , không biết đi đâu .

Hơn hai tháng sau , người Khách lại đến bảo con ông rằng :

- Tôi chịu ân đức của Tiên công , không biết lấy gì báo đáp . nay tôi đem hai thầy Địa lý giỏi sang tìm cho ngài một ngôi đất tốt để tạ ơn . Một ngôi kiểu " quần sơn củng phục " (Các núi châu lại) , có thể làm một đời Đế Vương . Một ngôi kiểu " Cáo trục hoa khai " (Phong trục nở hoa) , có thể làm được một đời Phò mã . Trong hai ngôi ấy , ông thích ngôi nào ?

Con ông trả lời rằng :

- Nhà tôi ở chỗ thôn quê鄙陋 , dám đâu hy vọng những sự lớn lao ấy . Tôi chỉ mong có được một ngôi đất đời nào trong nhà cũng có văn nho mà thôi .

Hai thầy Địa lý nói rằng :

- Nếu anh muốn như thế , thì ở làng ta đây đã có sẵn ngôi đất đó rồi , không phải đi tìm ở đâu nữa .

Xét ngôi đất ấy , Long mạch khởi từ xã Cẩm Chương đi lại , đến đầu làng Vĩnh Kiều thì nhô lên thành hai mô đất . Một mô hơi to và bằng phẳng . Một mô hơi bé và hơi méo lệch . Người học trò thứ nhất bảo Huyệt mộ ở mô to . Người học trò thứ hai cho là không phải , anh ta bèn đến một cái vũng nước sâu ở phía trước mặt , nằm xuống ngắm trông một hồi lâu rồi đứng dậy mà nói rằng : Tôi đã nghiên cứu kỹ , đích thực Huyệt ở mô bé .

Hai người tranh luận mãi không quyết định được . Họ bèn vẽ bản đồ chỗ đất ấy , sai người đem về Trung quốc xin Sư phụ định đoạt . Sư phụ nói rằng :

- Ngôi đất này là kiểu " Hoàng xà thính cấp " ((Rắn vàng nghe ngóng) , khí ở tai . Hai mô đất tức là hai tai vậy . Mô lớn tất điếc . Mô bé hơi chéo có khí , Huyệt ở mô bé ấy .

CHUYỆN BÀ CUNG PHI Ở LÀNG HOÀNG XÁ .

(Hoàng xá cung phi ký) .

Tại xã Hoàng xá - Huyện Thanh lâm có một người rất giàu , thường hay mời các Thầy Địa lý về xem đất . Sau khi tìm được một ngôi ở núi Nga Mi . Thầy Địa lý phê rằng :

Ngôi đất này nhất định phát cung phi .

Người ấy bèn đem mộ tổ chôn vào đấy . Về sau , trong họ có nhiều người đau mắt , đi xem , Thầy bói bảo rằng : Mộ Tổ động , cho nên họ không được yên . Người ấy bèn đem mộ tổ đi táng chỗ khác , mà mộ cũ thì bỏ đấy , không đắp lại như trước .Bấy giờ , trong làng có một người nghèo chết . Vợ nhà người đó thuê người đem đi chôn . Đi đến chỗ ấy , thấy có cái huyết đã đào sẵn , bèn bỏ xuống lấp đất lại . Bấy giờ người vợ đang có mang ba tháng , đến kỳ sinh hạ một con gái .

Khi lớn lên , người con gái ấy thông minh lạ thường , nhan sắc xinh đẹp , được dâng vào hầu cận Chiêu Tổ Khang Vương Trịnh Căn (1682 - 1709) và được sủng ái hơn tất cả các cung phi khác . Đến nay trong họ vẫn còn được hưởng phúc trạch và tiếng tăm vẫn còn vẻ vang .

CHUYỆN TRẦU CAU Ở XÃ TỬ TRÂM

(Tử Trâm trâu canh ký) .

Tại phía Tây đất Tử Trâm , Huyện An Sơn có hơn mười ngọn núi đá chạy dài gần một dặm , phong cảnh rất thanh tú đáng yêu . Bên trong có một cái động đá , bên dưới có chùa , tiền Thánh Vương lập hành cung ở đó , thường đến chơi luôn và đổi tên là xã Phong châu . Ở phía Đông núi có một hòn đá nhô cao , rất giống hình một con cóc tía .

Tương truyền xã ấy có một người tên là Trầu canh , nhà nghèo , phải đi làm thuê kiếm ăn . Một hôm , ông đang nhổ mạ ở khe núi , chợt thấy một chú Khách Trung quốc đi qua và nói rằng :

- Tôi có một ngôi đất tốt , nếu có ai xin tôi sẽ cho ngay .

Ông nghe thấy Khách nói thế bèn bỏ mạ chạy đến trước mặt vái chào và mời về nhà . Ông chỉ chuẩn bị được một niêu cơm bé đem ra cho khách ăn và nói với Khách rằng :

- May mắn được gặp ông , thế là nhà tôi có Phúc . Chỉ vì nghèo túng , nên bữa ăn quá đạm bạc . Nếu ông cho tôi một ngôi Phúc địa , đời sau phát đạt, không bao giờ chúng tôi quên ơn .

Khách thấy ông thành khẩn , bèn dẫn ông đến chỗ con cóc tía bên cạnh núi chỉ và bảo ông rằng :

- Chỗ đất này rất đẹp , nếu làm nhà ở đó thì tất sẽ giàu sang . Nhưng sau này được gần Vua , gần Chúa rồi , phải dời nhà đi chỗ khác ngay chứ không nên ở lại dù chỉ một ngày .

Ông theo lời Khách , bèn làm gian nhà tranh ở đó để ở , được ba năm . Bấy giờ , trong làng có tục lệ đánh cá . Ao cá bên cạnh núi trước cửa nhà ông , dài mỗi bề độ vài trượng . Dân làng đem đó và lưới xuống ao đánh cá . Ông ở dưới ao lấy dây mây buộc đó cá vào người . Dây buộc tự nhiên đứt , ông phải leo lên bờ lấy một đoạn dây mây quấn vào ngang thắt lưng thay dây cũ . Bỗng thấy dương vật khởi dậy , cứng rắn lạ thường . Ông chỉ có một chiếc khố rách , sợ không che đậy được , nên cứ phải đứng ở dưới ao , không dám lên bờ . Bấy giờ , dân làng đã lục tục kéo nhau về , chỉ còn một mình ông ở lại . Sau mẹ ông đến tìm , thấy một mình ông ở dưới nước , bèn quờ mắng ông sao lại về chậm . Ông cởi đó cá ra đưa cho mẹ đem về , rồi cởi dây mây quấn ở ngang thắt lưng ra , thì thấy dương vật dần dần bé đi và mềm

nhũn lại như thường . Sau khi ông về nhà , mẹ ông hỏi vì có gì mà phải ở lại dưới ao . Ông cứ thực thưa với mẹ . Mẹ ông bèn lấy dây mây phơi khô để lên gác bếp , rồi thỉnh thoảng sai ông lấy dây ấy quán thử vào người , thì thấy dương vật khở dậy . Lần nào thử cũng đều hiệu nghiệm như thế .

Bấy giờ Vua TRẦN DỤ TÔNG bị bệnh liệt dương , các thà thuốc chữa mãi không khỏi . Vua cho sứ giả đi rao khắp nước , hứa người nào chữa khỏi thì Vua sẽ cho ăn một nửa dân lộc Thiên hạ .

Sứ giả đi đến làng ông . Mẹ ông gọi sứ giả vào hỏi : - Liệt dương là bệnh gì ?

Sứ giả cứ thực nói cho bà biết . Bà nói : - Nhà tôi có một vật có thể chữa khỏi được bệnh cho Vua .

Rồi hai mẹ con đem dây mây theo sứ giả vào Kinh dâng Vua . Vua đeo dây mây vào , quả nhiên dương vật hoạt động trở lại , sau sinh được hai Hoàng tử . Vua cho ông là Thần y , bèn lưu ông ở lại trong cung để trông nom việc thuốc men chữa Vua . Vua ban thưởng rất hậu và sủng ái hơn tất cả mọi người .

Từ khi được Vua sủng ái , ông quên mất lời dặn chúa chú Khách , không được đem đi chỗ khác . Sau con ông thông dâm với cung nữ . Việc bị phát giác , con ông bị tử hình , còn ông thì bị đuổi về . Gia tư , điền sản bị tịch thu hết , ông lại bị đói rét như ngày trước .

Chỗ nhà ông ở phía trước có mấy mẫu ruộng cao hình giống như chiếc bàn dao cắt thuốc , cho nên nổi tiếng về nghề làm thuốc . Nhà ở cạnh núi , mỗi khi mặt trăng tà chiếu , bóng núi đổ xuống , trông như một con cóc ở trên nóc nhà , còn người thì như đang ngồi tại cung trăng , cho nên được gần Vua , gần Chúa , ra vào nơi cung cấm . Chỉ hiềm nhà ở cạnh núi , địa thế bức bách , phía trước lại hướng về Kiếp sơn , đi lại vô định , cho nên giàu sang không được lâu .

Quốc sử chép rằng : " Đức Vua Dụ Tông đi chơi hồ Tây , bị ngã xuống nước . Trâu Canh dùng cách châm cứu cho Vua sống lại . Vua bị bệnh liệt dương , Canh lấy " Gan đồng nam " hòa với " Đá dương khởi " làm thuốc cho Vua uống và bảo Vua thông dâm với em gái để tráng dương khí . Vua Dụ Tông làm theo , quả nhiên thấy hiệu nghiệm . Vì thế Canh đắc sủng .

Theo đó thì chuyện chép ở Quốc sử và chuyện chép ở đây không giống nhau , chưa biết chuyện nào đúng sự thực .

Thoát Hiên có thơ rằng :

" Ký nhân bạc nghệ yêu quân sủng ,
Hựu khả dâm phong sính kỹ tư ,
Hành kiểm tiểu nhân tâm tự quý ,
Đương thời mạn thuyết thị Thần y "

Nghĩa là :

Đã nhân nghề mọn được Vua sủng ái .

Lại nổi thói dâm để thỏa mãn dục vọng riêng của mình .

Tiểu nhân hiểm độc lòng như quỷ .

Đương thời gọi bậy là Thần y .

VŨ PHƯƠNG ĐỀ - DU CÔNG TIỆP KÝ

TRUY TÌM VỀ MỘT GIAI THOẠI ĐẶT MỘ . BÀI 1.

TRUY TÌM VỀ MỘT GIAI THOẠI ĐẶT MỘ .

(Đã viết trên Vietlyso , nay đăng lại và tiếp tục phần sau) .Từ giai thoại về ngôi mộ Tổ của dòng họ Vi đã đăng trong bài NHỮNG GIAI THOẠI VỀ ĐẶT MỘ (TỪ CUỐN GIA PHẢ DẤU KÍN TRONG HANG CHÚA ...ĐẾN KIỂU ĐẤT LƯỜNG NGƯỜU ẨM THỦY...MÀ TỔ VI-VĂN-ĐÌNH Ở ĐÂU).

dienvatn đã truy tầm và phát hiện ra nhiều điều thú vị . Từ việc phát hiện được cuốn gia phả của dòng họ Vi , đến những bức ảnh của VI VĂN ĐỊNH và gia tộc , tiếp đó là tiếp xúc với truyền nhân của dòng họ VI , người viết sẽ kể lại cho các bạn câu chuyện này theo những góc độ khác . Chính vì vậy , người viết xin tách riêng bài này ra khỏi loạt bài NHỮNG GIAI THOẠI VỀ ĐẶT MỘ và viết thành một bài riêng biệt .

Người viết xin trích lại toàn bộ bài này để các bạn tiện so sánh .

dienvatn .**TỪ CUỐN GIA PHẢ DẤU KÍN TRONG HANG CHÚA
...ĐẾN KIỂU ĐẤT LƯỜNG NGƯỜU ẨM THỦY...
MÀ TỔ VI-VĂN-ĐÌNH Ở ĐÂU**

Trong thời lệ thuộc, đồng bào Bắc Việt, và có khi ở cả Trung Nam phần, không mấy ai không biết đến cái tên Vi Văn Định : một quan đại thần được Triều đình Huế phong tới Hiệp Tá Đại Học Sĩ, thay họ Hoàng, làm Tổng Đốc tỉnh Hà Đông, một địa điểm kề cận cố đô Thăng Long, chỉ cách Hà Nội có 11 cây số.

Đối với thực dân, họ Vi tuy không được kính trọng bằng họ Hoàng, nhưng thực sự lại được tín nhiệm hơn nhiều, vì một lẽ rất dễ hiểu : Vi Văn Định trung thành tuyệt trần với... Mẫu Quốc, bất cứ trường hợp nào hay hoàn cảnh nào cũng đều hết lòng xả thân thờ nhà nước Bảo Hộ, để sẵn sàng diệt trừ tất cả mọi mầm mống, mà y gọi là phản loạn, muốn khuynh đảo... nước Mẹ !

Thiên hạ cho rằng : y sở dĩ bạo ngược, ác độc tới mức độ dã man, mọi rợ ăn xương, uống máu người Việt Nam không biết hôi tanh, không cần tiêu ốt, chỉ là vì y không có một chút máu huyết Lạc Hồng nào trong huyết quản, mà thực sự là con cháu người Thổ ở miền Lạng Sơn, Cao Bằng gì đó...

Người ta đã trưng thêm bằng cứ : họ Vi hiện thời, còn có nhiều sản nghiệp dinh cơ ở đất Lạng Sơn gần sông Kỳ Cùng, để minh chứng cho lời kết tội trên là đúng !

Nhưng sự thực ra sao ? Vi Văn Định là người Việt hay là người Thổ ?

Đó là điều thắc mắc mà ai cũng muốn tìm cho ra lời giải.

Hồi ấy, tôi còn nhớ rõ về mùa hè năm 1941, nhờ có một người bạn học làm Tri Châu ở Bắc Quang, tôi đã lên thăm phong cảnh tỉnh Hà Giang và ở chơi Bắc Quang tới hơn ba tháng trời. Một thầy Nho già, người giúp việc án tử rất đắc lực cho quan Châu huyện, tuy là dân miền xuôi, nhưng vì lưu lạc lên mạn ngược từ thuở ấu thời, nên rất am hiểu phong tục, địa dư trong các thôn bản ở khắp tỉnh Hà Giang, đã thuật lại cho tôi nghe nhiều giai thoại cực kỳ huyền bí,

quái dị, mà nếu ai không sống qua một thời gian nào đó với dân chúng miền sơn cước, hẳn cũng khó tin là chuyện thực.

Một hôm, đạp bè xuống Ngòi Xảo, nhìn thấy phong cảnh đẹp như tranh vẽ, núi non trùng điệp, vượn mình sừng sững trên dòng sông cuộn cuộn nước chảy về xuôi, tôi hỏi thì thầy Nho già chỉ về phía một trái đồi ở ngay đầu bến Vạn, nơi các lái buôn gỗ thường kết bè, thả cây về miền Việt Trì, Hà Nội mà nói rằng :

-Đấy kia là đồi Tượng, trên đó có ngôi mã tổ của Vi Văn Định, lúc đó đang làm Tổng Đốc Hà Đông.

Nói rồi, thầy Nho bắt trạm phu phải ghé bè cho tôi lên bộ, đoạn hướng dẫn tôi lên đồi xem phong cảnh.

Dây leo chẳng chặt, những cổ thụ lớn tay ôm, đa số là loại cây bông sặc (gỗ quý) sần sùi, cao vút, cành lá rậm rạp đan kết thành một vòm trời xanh thắm, khiến cho khu đồi núi mát rượi, mặc dầu lúc đó đang là giữa mùa hè nóng bức.

Rẽ lau, vạch lá một cách khó khăn tới hơn nửa giờ, chúng tôi mới lên được tới đỉnh đồi. Đến trước một ngôi mã lớn, cỏ mọc xanh um, thầy Nho nói :

- Mã tổ họ Vi này, theo lời bô lão thổ dân thuật lại thì đã được an táng từ đời nhà Lê Trung Hưng. Rồi bề dẫu biến chuyển, họ Vi di cư qua đất Lạng Sơn, xưng hùng, xưng bá một cõi giang sơn, không khác gì một vị tiểu vương quyền khuynh thiên hạ.

Thầy Nho điểm nụ cười nhạt nhẽo nói tiếp :

- Mà đúng thật ! Dù không được quyền khuynh thiên hạ thì họ Vi cũng là anh hùng một cõi, đúng với lời dân chúng sở tại vẫn còn truyền tụng cho đến bây giờ những lời đồng giao về kiêu đất quý báu, hiểm lạ này :

" Lưỡng Ngưu ẩm thủy,
Bột phát Công Khanh,
Huỳnh đệ hiển danh,
Anh hùng nhất Khoảnh..."

Nói xong, thầy Nho sợ tôi không hiểu, vội đưa tay chỉ qua hai gò đất, đứng cao sừng sững ở hai phía tả hữu Ngòi Xảo giải thích thêm :

- Đấy ông coi, có phải hai cái gò ở bên bờ Ngòi bên kia giống hệt hai con trâu mộng, đang cúi đầu xuống dòng nước không ?

Đó là "lưỡng ngưu ẩm thủy" đấy !

Chỉ tay về đằng trước mặt, thầy nói tiếp lời :

Nếu đây là chánh huyệt, thì ngôi mã này trông thẳng ra trái Cao Sơn, một hòn núi cao ngất tới

trời xanh mà thiên hạ đồn đãi là có một làng Mèo sống biệt lập ở trên núi cao ấy từ đời nhà Trần, khi Chiêu văn Vương Trần Nhật Duật đem quân triều đình đến điều phạt mấy động chúa ở vùng Lĩnh Nam. Ngôi mã tổ của họ Vi trông thẳng ra ngọn núi Cao Sơn kia, tựa lưng vào dãy Trường Sơn, tay long, tay hổ là hai dãy đồi thoải thoải chạy dài theo dòng sông Cả, tạo thành một kiểu đất kỳ thú vô cùng quý báu, mà theo lời thuật lại của các bô lão sở tại thì hình như Bà chúa Rừng đã cố ý để dành riêng cho dòng họ Vi vậy.

Rồi vừa dẫn tôi đi coi quanh khu đồi, thầy Nho vừa thuật lại giai thoại mà chính thầy đã được nghe thổ dân kể lại rất rõ ràng về những sự tình cờ kỳ dị xảy ra chung quanh ngôi mã dòng họ Vi, lúc đó đang là những nhân vật hét ra lửa ở đất Bắc Hà.

CON CHÁU HOÀI-ÂM HẦU HÀN TÍN .

Sau khi đem hết sức học bình sinh và tài kinh bang tế thế, định quốc, an bang ra giúp sức cho anh Đình Trưởng họ Lưu dựng nên cơ nghiệp nhà Hán, lưu truyền được tới trên 400 năm, thì Hoài Âm hầu Hàn Tín bị vua Hán tru di tam tộc (do Lã Hậu hạ lệnh thì đúng hơn).

Một gia tướng trung nghĩa của họ Hàn, đem đứa con nhỏ của Hàn Tín chạy trốn về phía Nam, mai danh, ẩn tích, đổi thành họ Vi (một nửa chữ Hàn) sống lẫn lút ở vùng biên giới Việt Hoa. Đến đời nhà Trần, họ Vi lúc đó làm Tù Trưởng ở động Lĩnh Nam, lại bị quân sĩ của Chiêu văn Vương Trần Nhật Duật kéo đến chinh phạt.

Bình đơn, tướng thiếu Tù Trưởng Vi Đạt bị tấn công cả bốn mặt, một lần nữa, lại phải đội đứa con thơ là Vi Thành mới lên ba tuổi ở sau lưng, rồi nhảy lên mình ngựa, đánh phủ trùng vây, chạy về lánh nạn ở Ngòi Xảo, phó mặc gia quyến cho sự rủi may, của cơn binh lửa phũ phàng.

Sống giản dị chung đụng với thổ dân trong một túp lều siêu vẹo ở Ngòi Xảo, Tù Trưởng Vi Đạt ban ngày phải đai con trên lưng vào rừng lấy măng tìm gỗ quý, cũng như trăm ngàn người khác ở địa phương này, tối về, hai cha con lại hủ hự với nhau ở bên bếp lửa, cuộc sống của viên Tù Trưởng thất thế, như vậy, cũng gọi là tạm yên.

Năm Vi Thành lên bảy tuổi, ông Vi Đạt ngoài việc dạy học chữ, còn bắt Thành phải tập luyện cả võ nghệ, hy vọng sau này, con trai sẽ trở nên hữu dụng, văn võ toàn tài.

Đất sơn cước hiểm nhân tài, ông Vi Đạt phải tự đảm nhiệm lấy công việc dạy bảo con trai, và do đó một số dân cư sở tại cũng nô nức cho con em đến nhà ông Vi Đạt, để nhờ ông dạy chữ, dạy võ.

Một buổi kia, chợt có một lão hành khất cùi đến xin ăn ở các nhà trong vùng Ngòi Xảo.

Thấy ông lão mặt mũi sần sùi, ngón tay bị cụt, bàn chân lở loét, góm ghềnh, ruồi nhặng bu chung quanh, mỗi khi xê dịch, tiếng vo ve nổi lên rào rào như đàn ong vỡ tổ.

Trẻ con chạy theo ở tít xa xa, vỗ tay hò reo chế diễu, còn người lớn thì ghê tởm nếu không đưa tay bịt mũi, khạc nhổ thì cũng lảng đi chỗ khác, chớ không dám đến gần.

Vi vậy, ông lão đi đến đâu, cũng bị xua đuổi, không một ai chịu bố thí cho một chút gì, khiến ông lão đói khát quá, lã đi nằm co quắp trên nền miếu Sơn Thần, cơ hồ không còn đủ sức gượng dậy, để lê bước đi nơi khác nữa khi bị tuần đinh đến hạch hỏi, đòi bắt giải lên quan Châu Bắc Quang để đưa về nhà thương Vòi ; một bệnh xá chuyên trị những người cùi, sống riêng biệt trong một khu vực rộng mông mênh, có hàng rào giây kẽm gai ngăn cách với thế giới bên ngoài.

Thuở ấy, thiên hạ ghê tởm, kinh sợ bệnh hủi hơn tất cả mọi chứng bệnh nan trị khác ! Cứ thấy ai mắc phải bệnh ấy, là người ta đi báo quan đến bắt đem nhốt trong nhà thương Vòi ở Bắc

Giang đề điều trị.

Lão hành khất nằm ở miếu Sơn Thần mỗi ngày một thêm yếu đuối, trước còn lăn lộn rên la thành tiếng, sau hình như đói khát quá cơ thể suy nhược quá độ, đến nỗi lão chỉ nằm co quắp, thoi thóp thờ chờ chết.

Mấy bô lão thổ dân và viên Chánh Tổng sở tại bàn luận với nhau, rồi nhất định cho trai tráng trong bản khiêng lão bỏ ra ngoài thung lũng ở cách xa đây chừng hai dặm đường, để tránh trách nhiệm, vừa sợ quan trên quở trách là có người mắc bệnh hủi đến quanh quẩn trong vùng, mà không chịu đi báo, vừa ngại bị tổn kém, lỗi thôi, phải chôn cất cho kẻ xấu số, nếu lão hành khất không còn đủ sức chống chọi với tử thần.

Đúng lúc ấy, ông Vi Đạt đi săn về, vai vác con nai tơ, lưng đeo cung tên, lầm lũi đi ngang miếu Sơn Thần, thấy viên Chánh Tổng đang đứng sai phái mấy thanh niên trong bản đem võng ra khiêng lão hành khất bỏ ngoài thung lũng, một nơi nổi tiếng là nhiều hổ báo, lợn rừng thường về phá phách ngô khoai của dân cư sở tại và bắt các gia súc đem vào núi sâu ăn thịt.

Ông Vi Đạt nghĩ đến cảnh hoạn nạn của mình năm nào, giọt lệ anh hùng bất giác tuôn rơi tầm tã, động lòng thương kẻ tuổi cao, tác lớn, không may bị sa cơ lỡ bước, gần phơi gửi xương nơi đất khách, liền đặt con nai xuống, chạy vội vào trong miếu, trước vẻ mặt ngơ ngác của các bô lão đất Ngòi Xảo.

Không quản ngại mùi hôi tanh nhức óc, máu mủ đầm đìa, ông già họ Vi dơ cao chiếc khăn bịt đầu phất ngang một cái mạnh, để xua đuổi những đàn ruồi nhặng bay vo vo như tiếng sáo diều ở chung quanh lão hành khất, rồi ngồi bệt xuống nền miếu, sờ ngực nạn nhân, mím môi, lắng tai nghe ngóng.

Thấy toàn thân lão hành khất vẫn còn hơi nóng, mạch vẫn còn thoi thóp đập đều, mặc dầu rất yếu, ông Vi Đạt mừng rỡ, vội đứng phắt lên, đến gần viên Chánh Tổng, tha thiết yêu cầu cho mình được đem nạn nhân về nhà chạy chữa.

Viện có câu cửa miệng : " cứu nhất nhân, đắc vạn phúc " để kích thích lòng bác ái, từ bi của hương chức sở tại, ông Vi Đạt tin tưởng rằng các bô lão sẽ vui lòng cho phép ông gánh giúp họ gánh nợ mười đời ấy, nhưng không ngờ ông bị thất vọng hoàn toàn, vì viên Chánh Tổng cương quyết đuổi lão hành khất ra khỏi vùng Ngòi Xảo, sợ để lão ở quanh quẩn trong bản, sẽ gây nguy hại cho cả dân cư sở tại.

Lỡ ra quan Châu biết thì họ tránh sao khỏi sự quở trách ?

Ông Vi Đạt tha thiết nói thế nào, họ cũng không chịu nghe, khiến cho ông già họ Vi tức bực quá không còn biết làm cách gì để cứu mạng lão hành khất.

Nghĩ đi, nghĩ lại mãi, sau ông Vi Đạt phải đem con nai cho người bạn vẫn đi săn với mình, để nhờ làm thịt rồi muối mặn, để dành ăn dần dần, còn ông thì hăng hái đứng chờ, đi theo lão hành khất cho đến cùng, chớ ông không nỡ bỏ rơi người bạc số, mắc nạn giữa đường.

Sở dĩ ông Vi Đạt dám có ý định táo bạo ấy, là vì ông sinh sống ở vùng này từ lâu, biết rõ địa dư đồi núi, chỗ nào có hang có động, nơi nào có quán, có miếu, nên ông đoán được rằng, nếu bọn trai tráng khiêng lão hành khất đem bỏ ra ngoài thung lũng thì gần đây có cái nhà mồ bỏ hoang không biết từ bao giờ, tuy siêu vẹo, tiêu tụy, song tạm thời cũng có thể che mưa tránh nắng được trong cơn gập rút này.

Nghĩ thế rồi, ông chạy vội về nhà, đem thằng con trai là Vi Thành đến gửi một người hàng xóm, rồi thu xếp quần áo với mấy món cần dùng, đi theo lão hành khất.

Quả nhiên các việc đã xảy ra đúng như sự dự đoán của ông Vi Đạt.

Ngay sau khi hai thanh niên trong bản cuốn võng, đem về Ngòi Xảo phục lệnh viên Chánh Tổng, ông Vi Đạt cố nâng lão hành khát vào nhà mồ, chỉ ở cách đấy chừng ba mẫu ruộng. Sinh trưởng miền rừng rậm núi cao, ông Vi Đạt rất thạo về tính được các loại cây cỏ, vẫn được dân cư địa phương dùng chữa các chứng bệnh hiểm nghèo, nên vừa thu xếp yên ổn nơi ăn chốn ở cho hai người, họ Vi liền chạy vào rừng, tìm thuốc chữa bệnh cho lão già hủi. Thuốc gia truyền tuy rất giản dị nhưng lại cực kỳ hiệu nghiệm, nên chỉ ba ngày sau đó, lão hành khát đã tỉnh táo, nói năng, cử động được.

Vả lại, lão hành khát vốn bị đói khát, khổ cực quá độ, sức khoẻ suy giảm nhanh chóng, khiến chứng bệnh hoành hành dữ dội đến ngất lịm đi, bề ngoài giống in người đang hấp hối.

Nhưng sự thực, tình trạng lão không đến nỗi nào !

Phần nhờ các phương thuốc gia truyền, phần được sự săn sóc chu đáo, tận tâm của ông Vi Đạt, lão hành khát có cơm ăn, thuốc uống đầy đủ, nên chẳng bao lâu đã đi lại được một mình, không còn phải địu giắt như mấy hôm trước nữa.

Trong thời gian ấy, ông Vi Đạt vẫn thỉnh thoảng về Ngòi Xảo thăm con.

Vi Thành tuy nhỏ song vốn là con nhà tướng, được rèn luyện quyền cước, tập tành võ nghệ từ khi mới chập chững biết đi, nên mạnh dạn phi thường, một mình dám cầm thanh mã tấu, đi sâu vào rừng núi lấy măng để đem về đổi gạo giúp đỡ cho nhà một phần nào, giải quyết sinh kế gia đình.

Từ hôm được thân phụ đem gửi ở nhà hàng xóm, Thành nhớ bố, thường cứ lần mò tìm đến nhà mồ thăm cha, sau giờ học, mặc dầu đã bị ông Vi Đạt cấm đoán nghiêm ngặt. Ông chỉ sợ con trai gặp thú dữ ở dọc đường, hay rủi ro bị lạc lối thì khôn.

VÀO HANG SÂU TÌM DI CHÚC

Sau thấy Thành mạnh tợn, có lần đánh nổi một con heo rừng, lại khôn ngoan, quyền biến, hiếu thảo, thông minh, ông mới yên tâm, ngày nào ông không về bản được, lại cho phép con đến thăm, để luôn tiện mang theo các thứ thực phẩm cần thiết cho hai người ở ngoài thung lũng.

Một tháng trời trôi qua.

Bệnh tình lão hành khát đã thuyên giảm rõ rệt, mặc dầu lão vẫn còn phải chống gậy mỗi khi muốn xê dịch.

Thấy thế, Vi Đạt liền tính chuyện đưa lão hành khát về bản cho tiện việc săn sóc, và đỡ phiền phức trong sự làm ăn của mình, nhưng lại sợ các bộ lão vẫn còn giữ thành kiến không hay với ông già bệnh hoạn.

Vì vậy, ngay ngày hôm sau, họ Vi phải đi thăm các hương chức để dò xét ý kiến của mấy người nắm quyền hành trong bản.

Các hương chức thấy bệnh tình lão hành khát đã gần bình phục, hơn thế, người hàng ngày sống gần bệnh nhân là họ Vi, vẫn khoẻ mạnh, cường tráng như thường nên họ cũng không quá khắc nghiệt khó khăn như trước, bằng lòng cho họ Vi rước lão hành khát về nhà.

Vi Đạt mừng rỡ quá, vội chạy ra nhà mồ, thuật lại tin đó cho lão hành khát biết, rồi ung dung dẫn lão về nhà.

Vi Thành cũng hớn hờ theo chân hai người, trên vai vác một bọc đồ dùng cần thiết.

Đến lúc ấy, lão hành khát mới cho biết : lão họ Lương tên Nhất Kiếm, vốn là người Trung Hoa, nguyên quán ở huyện Lịch Thanh, qua Việt Nam từ hơn hai chục năm nay, vẫn quanh quẩn ở vùng biên giới Lạng Sơn, Cao Bằng, Hà Giang, sống bằng nghề xem tướng số.

Vi Đạt thấy người bạn già đã tỉnh táo, vui vẻ vô cùng, ngoài ra họ Vi không hề nghĩ gì đến sự

đền ân đáp nghĩa của Lương lão.

Nhưng ba hôm sau, vào hồi quá nửa đêm, giữa lúc cha con họ Vi đang say sưa trong giấc ngủ ngon lành thì Lương lão chợt đến bên, lay gọi cha con Vi Đạt dậy, bảo Thành đi sửa soạn pha trà uống, để lão nói một câu chuyện cực kỳ quan trọng cùng ông Vi Đạt.

Cha con họ Vi kinh ngạc, ngơ ngàng nhìn lão già, tướng Nhất Kiếm cuồng ngôn, loạn trí...

Nhưng thoáng thấy, nét mặt nghiêm trang trịnh trọng của Lương lão, không chứa đựng một vẻ điên dại hay đùa giỡn, điều cốt gì, nên cũng lắng lắng làm theo lời yêu cầu của Lương lão.

Ấm trà tươi vừa pha xong, lão hành khát cầm chén nước trên tay, nhưng không uống, lại đắm đắm nhìn thẳng vào mắt chủ nhà, luồng nhờn quang như muốn xoáy chặt lấy người đối diện.

Họ Vi chợt rung mình, khi nhận thấy ánh mắt của Lương lão lúc này sáng ngời một cách kỳ dị, không lơ đãng, đần độn, ngây dại, chất phác như bình nhật nữa.

Vi Đạt bất giác rung mình, lơ lảo nhìn quanh như muốn tìm một cái gì để tự vệ.

Không ! Nhất định tổ phụ lão không lầm lộn đâu ! Cứ xem cách thức các cụ dấu diếm cuốn gia phả nơi thâm sơn cùng cốc, khó khăn, gian hiểm, cũng đủ hiểu mức độ quan trọng của khu linh địa.

Vậy như lời lão vừa trình bày, ngày mai đây, lão sẽ cùng đi với tiên sinh đến Hang Chúa, để tìm tập sách quý, mà theo chúc thư, có ghi chú rõ ràng phương pháp hộ thần, án hướng, tự mình phân kim an táng lấy, chứ không cần phải nhờ thầy địa lý.

Đó là một lối đề phòng rất cẩn thận, chu đáo của các Cụ, ví các Cụ sợ kẻ tiểu nhân, sẽ lợi dụng cơ hội này, để chiếm đoạt khu đất quý.

Sau khi đã tìm được cuốn gia phả, ghi dấu rành mạch phương hướng rồi, tiên sinh sẽ trở về quê quán kiếm hài cốt ông cha, còn lão thì nằm... chờ chết ở Ngòi Xảo, vì lão biết mình, lão không sông được mấy ngày nữa đâu ?

Lương lão thở dài, đoạn cười gượng :

- Làm người ai không một lần phải chết ! Huống chi sinh, ký, tử, quy (sống gửi thác về), người có nhẹ nợ, mới sớm được về với cát bụi. Vì thế, lão tính rằng : muốn cho khỏi lỡ việc, chúng ta phải đi ngay vào Hang Chúa mới kịp !

Vi Đạt vội tay phác một cử chỉ phản đối, rồi nghiêm nghị cắt ngang :

- Không được ! Sao lão trượng lại nghĩ quẩn như vậy ! Đã biết có huyết tốt, thì cứ đánh dấu đây, ai dám tranh cướp mà sợ ! Người đang khoẻ mạnh sao lão trượng lại bàn đến chuyện chết chóc làm chi ?

Lão trượng cùng tôi đi thăm đường đất, rồi lão trượng cứ về đã, chung sống với tôi, bao giờ Trời Phật rước đi, sẽ hay ! Tiên sinh đừng câu nệ, nghi ngại chi hết. Bốn bề đều là anh em cả mà !

Lương lão nắm chặt cánh tay họ Vi, tỏ ý bùi ngùi, cảm động :

- Lão rất đội ơn chiếu cố của Tiên sinh, nhưng lão nói vậy không phải là không tính toán, suy nghĩ, kỹ lưỡng đâu ? Lão biết vận mệnh của mình lắm !

Vậy tiên sinh khá yên tâm, đừng thắc mắc chi cho số phận của lão, mà cứ lưu ý lo việc riêng của Tiên sinh, chỉ cốt sao cho khỏi lỡ làng đại sự, thì dù lão nhắm mắt, cũng được ngậm cười nơi chín suối.

Trọn đêm đó, đôi bạn già nằm nói truyện cho tới sáng, mới sai Vi Thành đi đun nước, pha trà, khi cơm nước xong xuôi, hai người dắt nhau đi lần vào núi sâu, trèo đèo, vượt suối, rẽ lau, vạch sậy cực kỳ vất vả, gian nan, nhiều chỗ hiểm trở quá họ Vi lại phải nâng đỡ, dìu dắt hay cõng Lương lão lên lưng mới vượt qua được những gềnh đá cheo leo, chung quanh toàn đá

tai mèo nhọn hoắt, sắc bén chom chồm như mớ giáo guom dựng ngược, kẻ yếu bóng vía rùng mình, cơ hồ muốn xây xắm mặt mày, ngã lộn nhào xuống những vệt sâu thăm thẳm.

Đốt nền xem lại bản di chúc, Lương lão đi lần vào phía sau, tìm được một cái rương đã gắn liền với vách Hang.

Vi Đạt dùng rìu bổ mạnh, nắp rương bật ra, để lộ ra một gói lớn, bọc vải sơn, chẳng buộc rất kỹ lưỡng bằng gân nai. Lấy dao găm cắt đứt dây và mở bọc vải ra, thì thấy bên trong có một cái đĩa bần, một lá cờ ngũ sắc, trên vẽ chi chít những hình bát quái và ghi nhiều chữ triện rất dị kỳ, lạ mắt.

Trong một cái hộp đồng vuông, còn có một con rùa đất, miệng ngậm đầy bùa chú và một lọ thủy tinh gắn kín, ngoài ghi rõ hai chữ : cấm mở !

Cuốn gia phả được xếp gọn dưới đáy hộp.

Trái với sự dự đoán của hai người, cuốn gia phả của tổ phụ họ Lương không dày lắm, mà chỉ có vồn vẹn có 5 tờ giấy bản khổ lớn chia ra : 3 tờ đầu dạy về phương pháp an táng, cách thức hô thần, trấn yểm, phân kim, án hướng, tờ thứ tư là bản đồ ghi chú địa điểm rõ ràng của hai khu đất " Lưỡng ngư ầm Thủy " phía dưới có mấy câu, viết bằng sơn đỏ chói :

" Minh nằm Ngòi Xảo,

" Đầu gối Núi Rồng,

" Chân đạp Cầu Vòng,

" Tay đang Nam, Bắc,

" Hạng kỳ bách nhật,

" Bội phát công khanh,

" Huynh đệ hiển danh,

" Quyền uy nhất khoảnh..."

So với lời truyền tụng trong dân chúng ở vùng Bắc Quang, thì mấy câu tổng kết này có hơi khác, nhưng tựu trung, ý nghĩa cũng vẫn là ca ngợi kiểu đất " lưỡng ngư ầm thủy".

Tờ cuối cùng, dạy về cách lễ tạ ơn, sau khi ma đã được an táng xong xuôi, cũng như khi quán khí hoặc mỗi lúc không may bị động trệ.

Mỗi thời kỳ phải sắm sửa lễ vật và phải theo phương pháp cúng vái khác hẳn nhau, không thứ nào giống thứ nào hết.

Mới thoát đọc những tên Núi Rồng, Cầu Vòng... hai người không ai hiểu nơi ấy ở đâu, nhất là Vi Đạt, đến ngụ cư vùng này đã khá lâu, mà vẫn tuyệt nhiên, chưa hề được nghe ai nói đến những cái tên lạ lùng, có vẻ huyền bí thiêng liêng đó lần nào !

Nhưng nhìn kỹ vào bản đồ, một lúc lâu, vì chữ viết nhỏ như con kiến, ông Vi Đạt mới nhận được những vị trí trên. Thì ra Núi Rồng là ngọn núi chỉ cách dải Cao Sơn chừng hai dặm.

Còn Cầu Vòng là cái đồi uốn cong đối diện với dãy Cao Sơn ở phía sau Bản Ty, chỗ nọ cách chỗ kia hàng vài ba chục dặm.

Vi Đạt còn đang ngẩn ngơ suy nghĩ về vị trí xa xôi, diệu vợi ngăn cách các nơi có ghi tên trong gia phả, thì Lương lão đã hiểu rõ sự băn khoăn của bạn, vội nói ngay :

- Các Cụ dạy thế, chỉ là có ý bảo mình phải an táng hài cốt theo những phương hướng ấy, chứ có bắt buộc mình phải đặt hài cốt gói hẩn đầu lên Núi Rồng, đạp hẩn chân lên đồi Cầu Vòng đâu ?

Chỉ cốt đầu nằm về phía Núi Rồng, chân đạp về phía đồi Cầu Vòng, là đủ rồi, tiên sinh ạ !

Khác hẳn sự an táng hài cốt ở những mộ phần của thiên hạ, trong khu linh địa "Lưỡng Ngư ầm thủy", huyết chôn hài cốt ở hai bên bờ Sông Cả là huyết bằng, còn chính huyết thì lại nằm

giữa lòng sâu, trên một hòn núi cao, phải trần yếm bằng con rùa và chiếc lọ đầy kín, không biết bên trong chứa đựng những gì, cùng lá cờ bát quái vẽ chỉ chút những hình thù quái đản. Đặc biệt hơn hết, là sau khi an táng cả hài cốt ở hai bên huyết bằng, lúc ấy mới được khởi sự trần yếm huyết chánh bằng cách đọc bài chú, ghi ở trang cuối cùng cuốn gia phả, chờ cho nước sông đang lên mới được thả những lễ vật xuống vào đúng nửa đêm thanh vắng. Nếu đúng phương hướng và cách thức trần yếm, thì nội bách nhật, hòn núi giữa lòng sông sẽ biến mất, sau một cơn bão tố ngất trời.

Thế là hài cốt bắt đầu quán khí, đúng như lời di chúc của tổ phụ họ Lương.

Trở về Ngòi Xảo được ba ngày thì Lương lão trở bệnh, lên cơn sốt mê man chừng một trống canh, rồi bỗng mở choàng mắt ra, nhìn quanh, có vẻ rất tỉnh táo, nắm chặt lấy tay Vi Đạt mà rằng :

- Tiên Sinh ! Duyên bèo mây xui khiến cho lão gặp Tiên Sinh, được Tiên Sinh lấy mắt xanh đoái tưởng, khiến cho lão lưu được chút sống thừa, vừa đủ thời gian cho lão hoàn thành nguyện ước của tổ phụ. Đồng thời, nhờ đó, lão cũng không đến nỗi uổng phí công lao vất vả liên tiếp hơn hai chục năm trời ! Tất cả những sự may mắn ấy, đều do bàn tay bác ái, từ thiện của Tiên Sinh, đã tận tình thương mến lão, giúp đỡ lão vượt qua mọi cơn sóng gió ! Sống lão ghi tâm khảm, chết lão nguyện sẽ phù hộ cho Tiên Sinh.

Ngừng lại một lát, Lương lão thở hắt hển như có vẻ mệt mỏi, đau đớn lắm, đoạn đưa hai bàn tay khẳng khiu, run rẩy lần theo gấu áo, theo đường chỉ lấy ra một tờ giấy nhỏ cuốn dài, dấu kín ở bên trong mông mê đưa cho họ Vi rồi nói tiếp :

- Trước khi lìa giả cõi đời, lão còn một việc nữa, phải nhờ Tiên Sinh thương tình nhận lời giúp đỡ cho, thì lão mới đành tâm nhắm mắt được.

GÈNH ĐÁ CÓ BỊ CHÌM SÂU DƯỚI NƯỚC THÌ MÀ MỚI BẮT ĐẦU KẾT PHÁT...

Số là lão vâng theo di chúc của tổ phụ, sang đây tìm cuốn gia phả và nghiên cứu kỹ lưỡng ngôi đất, đã do tổ phụ lão dày công lựa chọn, từ hơn hai mươi năm nay, bao phen cứ tưởng phải bỏ xác xứ này, trước khi tìm được cuốn gia phả kia.

May sao, khi lần mò tới vùng Ngòi Xảo, lại kiếm được Hang Chua, và nhờ một sự tình cờ nữa, còn được kết giao với Tiên Sinh, để hợp tác với Tiên Sinh, cùng hưởng chung ân lộc của Trời Phật đã dành riêng cho hai họ Vi, Lương của chúng ta.

Có lẽ cũng vì lòng trời, mới xui khiến cho chúng ta được gặp nhau, hiểu nhau và mến thương nhau không khác chi anh em ruột thịt.

Dứt lời, có lẽ vì cố gắng quá, Lương lão nhắm mắt, ngất lịm đi, thiêm thiếp mê man .

Một lúc sau, lão bừng mở mắt nhìn họ Vi tha thiết nói thêm :

- Lão cần căn dặn Tiên Sinh một điều cực kỳ trọng hệ, có liên quan chặt chẽ đến vận mạng con cháu chúng ta về mai hậu : là kiểu đất Lương ngưu âm thủy, cứ theo lời di chúc của tổ phụ lão, vốn là một kiểu đất đặc biệt, cổ kim không có một nơi nào có được một khu quý địa như thế đâu ?

Bởi vậy, khi lão nhắm mắt rồi, nếu có người am tường môn phong thủy, được xem qua kiểu đất, mà có nói ra nói vào điều gì hay bàn luận, thêm bớt nào, cũng xin Tiên Sinh thận trọng tuyệt đối không được nghe theo lời họ, vì họ chỉ biết quan sát bề ngoài, đánh giá sự kết phát theo địa hình địa thế, chứ biết sao được những lẽ huyền bí, kỳ ảo, phát sanh từ nơi khác, ở cách xa đây hàng vạn dặm, có lẽ cao xa, hóc hiểm lắm, nên cá Cự chỉ di chú lại qua loa cho mình biết thôi không cần phải dài dòng giải thích.

Tóm lại, thầy địa lý nào, xem kiểu đất của mình mà phân kim, án hướng, mai táng hài cốt

theo lẽ lỗi thông thường của khoa phong thủy thì nhất định sẽ bị thần linh trừng phạt tức khắc, sự kết phát trong trường hợp ấy đã hiển nhiên hống hết, mà thầy địa lý cũng khó lòng giữ gìn được cho vô sự.

Vi Đạt hứa làm theo lời Lương lão căn dặn. Họ Lương cảm tạ, rồi nắc lên một tiếng, từ từ nhắm mắt lại, hơi thở nhẹ dần, rồi im bất.

Sau khi chôn cất Lương lão ở khu đất phía hữu sông Cả mỗ yên mả đẹp, đúng như phương pháp tổ phụ họ Lương đã ghi chép từng chi tiết nhỏ nhặt nhất. Vi Đạt liền thu xếp hành trang đem con trai đến vùng Lĩnh Nam dò xét tông tích thân quyến, và đem hài cốt thân phụ về Ngòi Xảo an táng.

Nhưng Vi Đạt chỉ cải táng được phần mộ chớ không dò hỏi được tí tin tức gì của người nhà hết, vì theo lời dân cư sở tại thuật lại, thì sau cơn khói lửa kinh khủng, khiến Vi Đạt phải bôn tẩu giang hồ, cả thân quyến họ Vi cũng tản mát, mỗi người một ngả, chẳng còn ai biết được họ sống chết còn mất thế nào ?

Cuối cùng, dò hỏi khắp nơi, thì Vi Đạt còn một người em, theo lời thuật lại của họ Phùng thì người em này đang bị giam ở trong tù. Vi Đạt đau đớn vô cùng. Anh em phải thất lạc bao nhiêu năm trời, khi tìm được tung tích, không ngờ em lại bị vạ gió tai bay, mà mình bất lực, không có phương gì giải cứu. Càng nghĩ, họ Vi càng tức bực, nhiều lúc muốn bạo động, song e quả bất địch chúng, họa hồ bất thành, chắc lại nguy hiểm thêm cho tính mạng Vi Hoành. Sau khi viên Tù Trưởng cùng bọn thủ hạ áp giải kẻ bị tình nghi đi rồi, họ Phùng mới cho Vi Đạt biết rằng : viên Tù Trưởng họ Hoành, vốn là một kẻ tham tâng, bạo ngược, từ khi được nối chức cha, đã gieo bao tan tóc đau thương cho dân chúng trong vùng.

Y lại còn liều lĩnh hơn nữa, thường tìm cách xâm lấn ruộng rẫy, đem gia nhân thân tín đến các khu rừng núi kế cận, thuộc quyền cai trị của các Lang Đạo khác, để lấy các thứ lâm sản và săn bắn, thường xuyên gây sự bất hòa với các động ở gần quanh Hoành Su Phì, khiến cho dân cư bị ảnh hưởng lây, cũng luôn luôn bị các bộ lạc thù địch đến đánh phá cướp đoạt trâu bò, thóc lúa, làm cho người dân Hoành Su Phì không mấy khi dám ra khỏi địa hạt.

Theo lời vợ con của họ Phùng thuật lại thì vụ Vi Hoành bị bắt cũng không có gì quan trọng, vì viên Tù Trưởng chỉ tình nghi qua giáng điệu lực lưỡng, khỏe mạnh của Hoành, chớ không hề tìm được một bằng cứ rõ rệt nào khả dĩ chứng minh được là Hoành to rập với đám cướp để đưa đường đánh phá họ Hoành.

Họ Phùng bàn luận với Vi Đạt, rồi định sáng hôm sau, sẽ thân hành lên động Tù Trưởng, để biếu lão một ít lễ vật, xin tha cho Vi Hoành.

Không ngờ sáng hôm sau, giữa lúc hai người vừa định sửa soạn ra đi, thì bỗng được tin tráng đinh trong bản phi báo rằng : vào hồi nửa đêm hôm qua, viên Tù Trưởng ở gần đấy, kéo thủ hạ đến đánh cướp dinh họ Hoành, giết được họ Hoành, và toan kéo nhau vào phá kho thóc, cướp vàng bạc, trâu bò, thì đám tù nhân, ước chừng năm chục người, toàn là những thanh niên vũ dũng do Vi Hoành cầm đầu, tức giận, đã nổi cả lên, phá ngục thất, cưỡng hiếp đám lính canh phòng, đoạt chìa khóa kho vũ khí rồi cùng hợp lực, kéo nhau ra đánh đuổi bọn cướp.

Bị phản công bất ngờ, viên Tù Trưởng địch phải bỏ hết trâu bò, thóc lúa, hô thủ hạ chạy trốn vào rừng.

Nhưng chúng cũng bị hạ sát tới 5 tên, vớt lại nhiều giáo mác và ba con ngựa thồ.

Dân chúng và binh lính ở động Hoành Su Phì cảm mến ân đức ấy của Vi Hoành, hơn nữa lại quá căm thù oán ghét Tù Trưởng họ Hoành đã hèn nhát lại tham nhũng, nên đồng lòng tôn Vi

Hoành lên làm Tù Trưởng.

Sau đó, một thời gian ổn định. Vi Hoành đã cho người về đón Vi Đạt lên động chơi, để anh em có dịp hàn huyên cho thỏa lòng nhớ thương trong bao ngày lạc lõng chia ly.

Vi Đạt mừng rỡ quá, vội sửa soạn hành trang đem Vi Thành cùng đi với người dân ở Hoàng Su Phì, lên động thăm em, ở chơi gần nửa tháng mới cáo biệt, theo họ Hoàng đi Nước Hai, để tìm mua mấy thứ thổ sản, đem về bán buôn cho các Hoa thương ở Hà Giang.

Không ngờ trong chuyến du hành này, họ Vi một lần nữa, lại gặp một điều vô cùng may mắn khác.

DUYÊN MAY NGÀN DẶM

Theo tục lệ thổ dân ở vùng Nước Hai, tỉnh Cao Bằng, hằng năm, cứ đến cuối mùa Xuân, lại có tục gieo cầu, trai tráng các nơi, không luận sang hèn, giàu nghèo, cứ miễn là thanh niên khoẻ mạnh biết cưỡi ngựa, bắn nỏ, thông thạo võ nghệ, đều được dự thí, miễn được thiếu nữ nào ném trúng quả tú cầu thêu vóc hồng thì được cha mẹ cô gái ấy, mời về nhà khoản đãi, gả con gái cho, rồi dựng nhà chia trâu, chia ruộng, gây dựng cơ nghiệp cho con rể, cho tới bao giờ vợ chồng con rể tạo được cơ nghiệp căn bản vững vàng mới thôi.

Do đó, nhằm tiết cuối xuân, các thanh thiếu niên trai tráng, chẳng cứ ở Nước Hai, mà có khi còn ở những vùng xa xôi, cũng rủ nhau tìm đến dự hội gieo cầu, để hy vọng chiếm được người đẹp và có cơ hội gây dựng cơ nghiệp lâu dài.

Năm ấy trên khu đồi gần đỉnh quan Lang, nơi vẫn được chọn làm bãi gieo cầu cho những nam thanh, nữ tú, đã được trang trí rực rỡ, khác hẳn thường lệ, vì năm nay có con gái quan Lang Nước Hai đến tuổi gieo cầu, cũng theo chân các bạn đồng trang lứa, dự hội du xuân, để thử xem số mạng.

Tin đó như một ánh lửa loè sáng giữa đêm khuya tăm tối, đã có mãnh lực thu hút được hàng trăm thanh niên, đủ giai cấp ở miền sơn cước, nô nức kéo nhau đến Nước Hai để ... " tìm duyên nợ " !

Sự nô nức đó cũng không có gì đáng ngạc nhiên cho lắm vì con gái quan Lang, vốn nổi danh tài mạo, tuyệt vời, nhan sắc chẳng những hoa nhường nguyệt thẹn, cá lặn, nhận sa, mà khác hẳn với những sơn nữ khác, các môn cầm kỳ thi họa, nài năng đều lầu thông, không kể cái biệt tài võ nghệ.

Thiên hạ thường đồn đãi với nhau rằng vị thiên kim tiểu thư, con gái duy nhất của quan Lang Nước Hai, vẫn luôn luôn ăn vận nam trang, một mình cưỡi ngựa vào rừng sâu săn bắn, đã có lần hạ luôn một lúc được hai mãnh hổ, một con dùng tên bắn, một con nài dùng bàn tay nhỏ bé mềm mại như nhung để giáng một cái thoi sơn, vào giữa đầu cọp, khiến chúa sơn lâm vỡ sọ, chết tươi, không kịp rống lên một tiếng giả biệt núi rừng.

Nhưng dù võ nghệ vào loại bạt sơn, cử đỉnh, vị tiểu thư lá ngọc cành vàng ấy, vẫn không quên cái địa vị cao quý của một giai nhân sinh trưởng nơi trường gấm màn the, ra hài, vào hán, mỗi lời sai bảo, trăm tiếng dạ vang, muốn gì được nấy, cha mẹ nưng niu, chiều chuộng như trứng mỏng trên tay, nên những lúc chiều tà đối bóng, Đình tiểu thư thường gây một lò trầm hương ở căn lầu trông thẳng ra vườn hoa, mà nàng đã đặt cho cái tên rất thơ mộng là Nghênh hương các, để nhìn trăng, gảy khúc đàn tuyệt diệu, gửi tâm tình qua những âm hưởng thanh cao, du dương, thanh thót, của chiếc nguyệt cầm, không kém gì tiếng giầy tơ huyền ảo của những tay danh cầm, tuyệt kỹ thuở xưa, mà tên tuổi còn được lưu lại trong những áng diễm tình giai thoại, muôn ngàn thu, còn có tác dụng rung chuyển lòng người !

Khác hẳn lối giáo huấn khắc nghiệt của thời phong kiến, mà giá trị người con gái không hơn

gì một món đồ chơi, hay một cái máy để khi ở nhà tùy thuộc quyền cha mẹ, khi xuất giá, làm tôi mọi cho chồng, dở hay sướng khổ đều không do tự mình quyết định, vợ chồng quan Lang Nước Hai thấy con gái tài sắc vẹn toàn, công dung, ngôn hạnh gồm đủ, văn võ gồm tài, cầm kỳ thông thạo, nên để mặc cho nàng tự kén lấy bạn trăm năm, chứ không ép uống con gái như những gia đình khác, vì cả hai ông bà cũng tin rằng : Nàng có đủ trí sáng suốt tìm được ý trung nhân để trao tơ hồng gửi gắm.

Vả lại quan Lang cũng hiếm hoi, dưới gối chỉ có một mình nàng, nên hai ông bà cũng muốn cho nàng kén được người tuấn tài để mai sau nối nghiệp ông cha.

CHÚA TÊ ĐẤT LẠNG SƠN

Sau khi an táng hài cốt tổ phụ vào huyết tả ngạn sông Cả, ở ngay cửa Ngòi Xảo, họ Vi đi buôn trên miệt Hoàng Su Phì, gặp được em ruột là Vi Hoành bị thất lạc từ khi có cuộc biến loạn ở Lĩnh Nam. Nhờ tài võ dũng quả cảm, Vi Hoành đánh ta bọn giặc ở vùng Bắc Mực, nhân lúc bất ngờ kéo đến cướp đoạt trâu bò, vàng bạc của dân cư sở tại, nên được mọi người tri ân, tôn lên làm Tù Trưởng.

Vi Đạt cùng con trai là Vi Thành, sau đẩy lại qua phủ Nước Hai ở Cao Bằng để mua ngựa tốt, nhằm đúng hội gieo cầu, được quan Lang Nước Hai kén Vi Thành làm giai tử, hứa cho nối nghiệp khi từ trần, ví quan Lang không có con trai kế tự.

Họ Vi hiển đạt, làm chúa tể hai miền sơn cước hưng thịnh, trù phú, cha truyền con nối cho đến năm Minh Mạng thứ tám, mới di cư qua đất Lạng Sơn, cầm đầu các động thổ dân, rất được mọi người kính nể, tuyệt đối phục tùng.

MẢ PHÁT TỎ

nhưng nhiều người bị bắt đày tử...

Khi Vi Văn Định làm Tổng Đốc tỉnh Thái Bình, nhờ có quan Tri Châu Bắc Quang họ Cao giới thiệu, được quen biết một nhà phong thủy chánh tông họ Triệu từ tỉnh Triết Giang bên Tàu trốn qua Việt Nam tỵ nạn, sau cuộc âm mưu khởi nghĩa định lật đổ đế chế Mãn Thanh bị thất bại, khiến cho một số lớn đồng chí của họ Triệu phải rơi đầu trước lưỡi gươm đâm máu tàn bạo của bọn vua quan nhà Thanh, không ngần ngại gì, thường thẳng tay chém giết những người Trung Hoa, không chịu theo chúng, để củng cố chiếc ngai vàng mục nát.

Vi Văn Định tiếp đãi họ Triệu rất trọng hậu, dùng lễ thượng khách đối xử một cách cực kỳ cung kính.

Họ Triệu thấy Định đang đắc thời, đắc thế, được người Pháp tin dùng, tuy chỉ cầm đầu có một tỉnh, mà quyền uy khét tiếng khắp nơi, hách dịch như một vị tiểu vương, ngênh ngang một mình một cõi biên thủy, nên muốn được sống yên thân nơi xứ lạ cũng hết lòng cung kính, tận tâm, tận lực phụng thờ Vi Văn Định, coi Định như thần hộ mạng, có đủ thế lực che chở cho mình trong lúc sa cơ thất thế.

Bởi vậy, khi được Định đưa lên Ngòi Xảo phúc lại ngôi mả tổ tiên tả ngạn dòng sông Cả, họ Triệu đã một mình lẫn lộn vào rừng thâm, núi cao, tận dụng tài học sở trường về môn phong thủy, để nghiên cứu kỹ lưỡng, địa hình, địa thế khắp vùng "Lưỡng Ngưu ẩm thủy", tới gần nửa tháng trời, mới nói cho Vi Văn Định biết rằng :

- Quả đúng là đất đại quý, sự kết phát sẽ bền vững lâu dài bất cứ triều đại nào, họ Vi cũng được coi là anh hùng một cõi giang sơn riêng biệt.

Nhưng so sánh hai ngôi mộ ở tả hữu ngọn sông Cả trong vùng Ngòi Xảo, thì mả của họ Lương đắc địa hơn nhiều.

Cứ nhìn qua bề ngoài của hai ngôi mộ, người không biết gì về khoa địa lý cũng có thể phân

biệt được sự hơn kém : mã tổ phụ họ Lương không cần trông coi, bồi đắp mà quanh năm, lúc nào cũng to lớn, nổi cao lên như một cái đồi nhỏ, cỏ mọc xanh rờn, dây leo chằng chịt, trông xa như một tấm thảm nhung biếc, đẹp mắt vô cùng.

Còn mã tổ họ Vi, dù thường xuyên vẫn có gia nhân, canh gác, đắp đất, rẫy cỏ rất cẩn thận mà cỏ vẫn kém tươi, mộ phần cũng chỉ bằng tám phần mười ngôi mã của họ Lương, mặc dù phong cảnh cũng xinh đẹp lạ lùng. Sở dĩ có sự khác biệt ấy, theo sự nhận xét của nhà phong thủy họ Triệu, thì nguyên do chỉ là vì con hỏa nằm án ngữ cách minh đường ngôi mộ chùng nữa dặm.

Đó là một gò đất nổi lên, nằm trơ vơ phía trái miếu sơn thần, chạy thoải thoải đến gần mộ phần, trong giống như một mũi dùi nhọn đâm thẳng vào ngôi mã.

Vì thế, sự kết phát bị giảm sút mất một phần nhỏ.

Không những thế, nó còn là điềm bất đắc kỳ tử cho nhiều người trong họ nữa.

Vi Văn Định lo sợ, vội năn nỉ tha thiết yêu cầu thầy địa lý tìm cách trấn yểm giúp cho con Hỏa không nổi dậy, tác quái, nhiều hại cho con cháu trong dòng họ, nhưng họ Triệu khẳng khái từ chối và cho biết : con Hỏa ấy nằm sát long mạch, không có phương thế chi dễ diệt trừ, hay trấn áp được hết, vì chỉ hơi động đến là long mạch bị thương tổn ngay tức khắc , chẳng những không có lợi chi mà còn có thể gây thêm nguy hại cho sự kết phát sau này, uổng phí cả tâm cơ của tổ tiên ngày trước.

Và lại, cứ như sự suy luận của họ Triệu thì các kiểu đất quý, phần nhiều đều có một vài nét khuyết điểm, nhẹ nặng tùy theo phước trạch của ông cha, đó là luật thừa trừ rất nhiệm mầu kỳ bí của Hoá công, chứ chẳng mấy khi được toàn mỹ, chỉ có kết mà không có động trê bao giờ. Chỉ cốt sao cho sự kết phát được nhiều hơn sự nguy hại, cũng đã là một điều đại hạnh cho gia chủ lắm rồi !

Ta không nên đòi hỏi quá nhiều mà vô tình cưỡng lại mệnh trời, tạo thêm sự thất đức, làm giảm bớt cả tính cách linh ứng của kiểu đất hiếm có, mà dám chắc, trên cõi đời này, chưa chắc đã tìm được một kiểu đất tương tự thứ hai !

Cuối cùng muốn an ủi quan Tổng Đốc Thái Bình, họ Triệu đã đem nhiều chuyện thi ân, bố đức, cầu phước, khuyến thiện ra nói với dụng ý kín đáo, ngầm khuyên Vi Văn Định nên tu nhân, tích đức, làm điều lành, tránh điều dữ, để may ra có thể cứu vãn được phần nào sự nguy hại do con Hỏa gây ra cho con cháu họ Vi.

Những lời khuyên kín đáo của thầy địa lý Tàu như bị rơi vào sa mạc, vì như ai nấy đều biết : Vi Văn Định khi còn nắm quyền sinh sát ở tỉnh Thái Bình, cũng như sau đây, ở tỉnh Hà Đông, vẫn luôn luôn thẳng tay sát hại đồng bào lương thiện, nhất là những nhà cách mạng nuôi chí lấp bể vá trời, muốn đánh đuổi thực dân, để khôi phục nền độc lập cho giang sơn tổ quốc.

Muốn được mẫu quốc ghi công để ban thưởng cho mề đay, kim khánh, tiến chức, thăng quan nhanh chóng hơn điều gặp gió. Vi Văn Định đã chẳng chút ngại ngần, trút hết cả mọi nỗi khổ lên đầu các chiến sĩ cách mạng, sáng chế ra nhiều loại hình phạt, cực kỳ dã man hiểm độc, đến nỗi chỉ nghe nói qua đến những thủ đoạn của họ Vi làm Tổng Đốc tỉnh này, người yếu bóng vía cũng đã thấy rùng mình sờn gai óc.

Bà con ở Thái Bình di cư vào Nam, hẳn còn nhớ thời kỳ họ Vi làm Tổng Đốc, đã có ra một nghiêm lệnh quái ác : triệt để bắt các hương lý chức dịch các làng xóm phải diệt cho kỳ được loại bèo Tây, mà có nơi quen gọi là sen Nhật Bản, một giống bèo có sứ bành trướng mạnh mẽ phi thường, sinh sôi nảy nở nhanh chóng, nhiều vô số kể trong một thời gian ngắn ngủi, có rẽ

dài, nổi lênh bênh trên mặt nước cả hoa màu tím và lá màu xanh mới trông cũng khá đẹp mắt. Nhưng vì nó sinh sản nhiều quá ỉ ợ quá, nên vẻ đẹp thuở ban sơ, đột nhiên biến mất, để nhường chỗ cho sự chán ghét trong tâm khảm mọi người.

BÁC SĨ T. EM RUỘT VI-VĂN-ĐÌNH BỊ NGỰA DẦM CHẾT DƯỚI LÒNG SUỐI

Theo lời những ông già, bà cả kể lại, thì khi thứ bèo hoa tím, lá xanh, hình cánh quạt mới xuất hiện tại biển đông nhiều nhà quan quyền ,phú hộ, cường hào đã không quản ngại tốn kém, mướn người đi lấy về để thả trong bể, cho bèo nổi trôi quanh hòn non bộ, giống hệt những chiếc thuyền bông bênh giữa bể khơi, coi đó như một môn giải trí thanh cao, thích thú cho những người giàu sang, nhàn rỗi.

Nhưng người đời, xưa nay vẫn ham tân, chuộng lạ, chỉ say sưa mê thích những cái gì khan hiếm ít khi tìm thấy được dễ dàng ở trên thế gian, chớ nếu nơi nào cũng đầy rẫy, chất đồng cao như cây rom , cây rạ ở thôn quê, thì còn có nghĩa lý gì.

Giá trị nó lúc ấy, quả thật không còn đáng được nửa đồng.

Thứ bèo Nhật Bản kia cũng vậy !

Những gia đình quyền quý, thừa tiền, thừa bạc, khi thuê người đem thứ bèo đó về thả vào bể nước, thấy nó sinh con đẻ cháu nhanh chóng, mạnh mẽ lạ lùng, lúc đầu còn vui thích, sung sướng, nâng niu, lấy giống đem thả xuống hồ, xuống ao.

Chỉ mấy hôm sau, hồ, ao cũng đầy ứ loại hoa tím lá xanh, khiến chủ nhân không còn muốn "thường thức" cái loại hoa kỳ lạ đó nữa.

Hơn thế, những loại rau muống hay sen trắng, sen đỏ trồng sẵn ở trong hồ ao từ trước, lại còn bị thứ bèo mới tới lấn át, đến phải héo hắt, chết dần, chết mòn, suốt lượt.

Thứ bèo trông chơi từ bể nước, vì vậy đã bị mất địa vị danh hoa, phải đem ra quăng cả ra hồ ao, cống rãnh.

Và kỳ lạ hơn hết, là ở đâu, bất cứ rạch bần ao rộng hẹp thế nào, giống bèo đó cũng sinh sản nhanh hơn cỏ dại.

Người ta vớt ra ngoài ruộng chiêm ngập nước thì chỉ vài ba hôm cả cánh đồng đã tím ngắt màu... sen Nhật Bản.

Thuở bấy giờ nhằm kỳ nghỉ lễ, em ruột quan Tổng Đốc Thái Bình là Bác sĩ Vi Văn T... được nghỉ mấy hôm, về thăm quê nhà ở Lạng Sơn, một hôm Bác sĩ T. cưỡi ngựa dạo chơi quanh vùng, khi vượt qua một con suối nông cạn mà mực nước không ngập quá gối, Bác sĩ T. lại bị ngã ngựa, rồi bị ngựa cuống quít dầm chết luôn ở giữa lòng suối.

Mọi người chung quanh thấy vội đổ xô đến cứu cấp, nhưng không kịp.

Thì ra con ngựa của Bác sĩ T. lúc lội qua suối, bị vướng phải rễ bèo tây, cuống căng nên ngã quỵ ngay xuống suối, quăng luôn cả Bác sĩ T. xuống nước.

Khi con ngựa vùng vẫy thoát khỏi đám rễ bèo, nó lại hoảng hốt lội mau lên bờ, chẳng ngờ rủi ro làm sao, lại dẫm bẹp ruột Bác sĩ T. khiến Bác sĩ T. chết liền không kịp kêu cứu.

Tin dữ bay xuống tỉnh Thái Bình, làm cho Vi Văn Đình tức giận như kẻ điên cuồng, phần thương tiếc đứa em mới thành tài, chưa kịp hưởng thụ đúng mức sự giàu sang cho bố công học hành vất vả, đã phải bỏ mình vì một tai nạn không có nghĩa lý gì, nên ngay lúc ấy, liền hạ lệnh cho tất cả tổng lý, hương chức các làng xã trong toàn hạt Thái Bình phải trừ tệt loại bèo tây, nơi nào trái lệnh, sẽ bị nghiêm trị theo pháp luật.

Các hương lý, chức dịch thôn quê ở Thái Bình lúc bấy giờ thật đã vô cùng điêu đứng, khổ cực, trước cái lệnh quái gở của vị quan đầu tỉnh, vì giống bèo tây sống dai hơn đĩa xôi, dù vớt

lên bờ phơi khô, mà các bèo gặp trời mưa to, trôi xuống hồ ao cống rãnh, vẫn có thể hồi sinh, đã đẻ ra con, ra cháu, nhiều vô số kể và nhanh như chớp. Vì vậy, cứ vớt sạch được chỗ này, thì chỗ kia đã lại có bèo mọc. Nhiều nơi dân chúng không còn làm ăn được gì nữa mà chỉ lo đi vớt bèo cũng vẫn không xong.

Nhiều đêm, quan Tổng Đốc đã bắt thành lính, mặc thường phục vì hành đến thăm các làng tổng, thôn xóm xa xôi trong địa phương, nếu thấy nơi nào còn sót ít nhiều bèo tây trong hồ ao, là lý dịch sở tại bị gọi ngay ra đình, cho quan đầu tỉnh sĩ võ chẳng tiếc lời và nọc nằm thẳng cẳng trên nền gạch, bắt lính hầu phải dùng ba toong to bằng cườm tay, quật cho quần đít, liền chỉ hồ điệp hàng hai ba chục chiếc đến nứt da, nứt thịt, máu me chảy đầm đìa, mới chịu buông tha cho các nạn nhân sau khi đã buông thêm lời cảnh cáo : nếu còn tái phạm, sẽ bị trừng trị nặng nề ghê ghớm hơn nhiều.

Tiếng tàn ác của Vi Văn Định lan rộng khắp nơi. Nhiều đoàn thể chánh trị, thấy y lợi hại quá, e trở ngại cho các hoạt động của các đảng phái yêu nước, đã tìm cách để ám hại y, nhưng lần nào Vi Văn Định cũng thoát chết.

Hôm mới được tin em ruột chết trước một tai nạn hầu như quá vô lý, vì người nào đã từng ở Lạng Sơn, hay có qua đó một vài lần, cũng phải công nhận rằng : con suối mà Bác sĩ Vi Văn T. đã cưỡi ngựa vượt qua mực nước thực sự chỉ sâu chừng hai gang , đứng trên bờ, bất cứ giờ nào cũng trông rõ cả lớp cuội trắng nằm lấp lánh dưới đáy .

Vậy mà khi Bác sĩ T. cho ngựa lội xuống suối, lại bị rể bèo quần cẳng, khiến con tuấn mã của họ Vi, vốn khét tiếng là giống ngựa tốt, phải ngã quỵ, quăng luôn cả chủ nhân xuống nước.

Lạ lùng làm sao, là khi bị té nhào, xuống suối, Bác sĩ T. lại không thể nào đứng vùng lên được, mặc dầu ngày thường, Bác sĩ T. rất khoẻ mạnh, ham chuộng tập dượt chạy nhảy, lại thêm am hiểu cả võ Tây và võ Nhật. Bác sĩ cứ nằm chịu trận dưới lòng suối cho đến lúc bị con ngựa dẫm chết mà vẫn không có một ai biết hết.

Cho mãi tới khi con ngựa theo đường cũ chạy về nhà, người nhà họ Vi thấy con ngựa hí vang rầm, khắp mình ướt sũng nước mà Bác sĩ T. lại không cùng về, nên lo sợ chia nhau đi tìm kiếm khắp nơi.

Một bọn gia nhân vừa ra tới bờ suối, đã thấy Bác sĩ T. nằm thẳng cẳng dưới lòng nước.

Chúng hè nhau lội xuống đem lên bờ, thì Bác sĩ đã tắt thở từ bao giờ, thân thể lạnh toát khắp mình, bị vó ngựa dẫm xây xát, tím bầm.

Sau khi nhận được hung tin, Vi Văn Định la hét vang dinh Tổng Đốc Thái Bình.

Lúc đầu, Định chỉ tưởng là một tai nạn rủi ro : nhưng sau phút cáo giận, y chợt nhớ tới lời tiên đoán của thầy Địa lý năm nào, khi được mời đến Ngòi Xảo để phúc lại phần mộ Tổ phụ an táng trong kiểu đất " Lưỡng Ngư âm thủy ", y mới giật mình, hoảng sợ, vội đi tìm cuốn gia phả coi lại những lời ghi chú về nơi đất quý địa ấy.

Thì rõ ràng, tổ phụ họ Vi cũng đã có dặn lại, là sự động trệ sẽ kèm theo với sự kết phát để trong dòng họ, luôn luôn có người bị bắt đắc kỳ tử do con Hỏa ở trước mộ phần gây ra.

Vi Văn Định tức bực, vỗ án rầm rầm, muốn lên ngay Ngòi Xảo để cải táng ngôi mộ tổ đi, vì y được thấm nhuần ít nhiều Tây học, không tin mạch đất lại có thể giáng phúc, tạo được sự kết phát cho con cháu lâu dài.

Y viết thư gửi cho các em, nói rõ ý định ấy, làm cho em ruột y là Vi Văn L., Tri Phủ Nước Hai hoảng sợ, phải dùng ngay xe hơi nhà, đi suốt đêm về Thái Bình để ngăn cản ý định điên rồ ấy của Định.

Sau khi thấy anh đã nguôi giận, Vi Văn L. liền giới thiệu với Định một thầy Địa lý nguyên

quán ở miền Trung, lúc đó đang ngồi dạy học tại nhà quan Phủ Nước Hai, để ủy thác cho người này tìm phương trấn yểm con Hỏa.

Vi Văn Định cho em biết là trước kia, y cũng đã cho người phúc lại ngôi mã và yêu cầu người ấy trấn yểm con Hỏa, song nhà phong thủy Trung Hoa này viện cớ con Hỏa nằm liên sát long mạch, nếu động tới, e sẽ làm thương tổn cho sự vận chuyển của mạch đất.

Vi Văn L. nhất định, tin tưởng vào tài ba của thầy Địa Lý miền Trung nên hết lời phân trần với Định, để xin về đưa nhà phong thủy qua Ngòi Xảo làm bùa phép trấn yểm. Nể em qua, Định đành phải nghe lời, cho phép Vi Văn L. được trọn quyền hành động.

* Địa lý có phải là hoang đường như nhận xét thiên cận của số người vẫn tự nhận là ... Tân học không ?

* Chôn nơi tốt, hài cốt nở ra bóng lộn có khi kết thành tượng, chẳng chịt tơ hồng.

* Táng nơi xấu, xương bị hao mòn dần, lâu ngày thành đất vụn.

NHƯ MỘT BÌNH ĐIỆN...

Vừa trở về đến Nước Hai quan Phủ Vi Văn L., sai lính hầu đi mời ngay thầy đồ Nghệ đến tư thất, nói rõ cho nhà phong thủy biết sự hoài nghi của anh ruột mình về tính cách động trệ do ngôi tổ mộ được kết phát ở Ngòi Xảo gây ra, để yêu cầu thầy địa lý kiểm cách trấn áp con Hỏa, cho dòng họ Vi từ nay, tránh khỏi nạn bất đắc kỳ tử.

Nhà phong thủy xứ Nghệ An, ôn tồn đáp :

- Nhiều người được thắm nhuần Tây Học thường nghi ngờ môn địa lý, cho đó là một sự mê tín dị đoan, chứ một khi đã chết rồi, người khôn ngoan đến đâu, cũng chỉ là một mớ xương khô, theo năm tháng thời gian, mục nát với cỏ cây, hỏi còn biết gì là giáng phúc hay gieo họa cho con cháu nữa. Không cứ quan Tổng Đốc Thái Bình mới không tin việc linh ứng của mồ mã, đất cát, mà bất cứ một người nào, từng có ít nhiều cơ hội tiếp xúc với nền văn minh Tây Phương, cũng đều có ý nghĩ như thế cả.

Đó quả thực là một sự xét đoán sai lầm đáng tiếc, mà nếu chịu khó suy nghĩ ra sẽ thấy ngay sự nhận xét nông cạn, hầu như bất công của những người Tân Học đa nghi.

Ngay từ khi mới bắt đầu nghiên cứu về môn phong thủy, tôi (lời thầy địa lý) đã được sư phụ tôi cho biết rằng : địa lý hay nói cho đúng hơn, là môn địa ý, chỉ là một khoa học, căn cứ vào sự thuận mát đúng như ý muốn của mọi người nghĩa là phải chú trọng vào sự cân đối sáng sủa phong quan, có núi non, gò đồng có cây cối, sông ngòi.

Ví dụ một người ngồi ung dung nơi thư phòng, thì trên ghế ngồi phải có tay dựa mà thiên hạ quen gọi là tay ngai, đằng trước mặt phải có án thư, phí sau phải có chỗ tựa lưng.

Thi hài nằm dưới đất cũng thế, Chánh huyệt là nơi an nghỉ ngàn thu, cũng phải trông ra một nơi quang đảng, sơn thủy hữu tình, đó là án minh đường, nói theo danh từ chuyên môn của khoa phong thủy, sau lưng phải gói vào gò đồng kỳ khu, đó là hậu trẩm.

Còn tay ngai để tựa hai tay là tay long với tay hổ.

Cứ tìm được nơi nào, có đầy đủ những điều kiện cốt yếu như vậy thì ngôi mã nhất định sớm muộn gì cũng phải kết phát không thể nào sai chạy được.

Người Âu Mỹ dù không tin sự linh ứng của mồ mã nhưng không phải như thế có nghĩa là họ chẳng chú trọng gì đến môn địa lý đâu ?

Sự thực, khi họ làm nhà, họ cũng vẫn luôn luôn xây dựng dinh cơ trên những thửa đất vuông vắn, quang đảng, trông về những hướng mát mẻ, để hưởng thụ, gió sớm, trăng khuya.

Mà nhà cửa nào có khác gì phần mộ đâu, vì nó cũng đem lại kết quả tốt đẹp hay ảnh hưởng nguy hại cho chủ nhân nếu gặp những khu đất làm nhà hợp ý hoặc miễn cưỡng.

Còn về sự kết phát hay động trệ tại đó cũng là việc rất thường, không thể gọi được là huyền bí, mờ ám chi hết !

Như ai nấy đều biết giữa người sống và người chết, cùng chung một huyết khí, bao giờ cũng có sự thông cảm trực tiếp với nhau.

Do vậy, nếu hài cốt được an táng vào một nơi đẹp mắt, tiền, hậu, tả, hữu đều có những phong cảnh kỳ khu tươi tốt, thì lẽ tất nhiên mớ xương khô nằm đó, cũng được thấm nhuần linh khí thiên địa, phát sanh được những "tia điện" thiêng liêng, để truyền thứ tú khí đó cho con cháu, hay những bà con thân thích, có liên hệ huyết thông với người nằm dưới đáy mộ.

Nếu có thể ví dụ mà không sợ sai lầm, thì thi hài chôn trong lòng đất, được coi như một bình điện, tốt xấu, mạnh yếu tùy theo địa thế mộ phần, để có thể phát xuất những "luồng điện", đem lại sự kết phát hoạt động hỗ trợ cho người sống.

Chính bởi sự kết phát hay động trệ ấy, mà nảy sanh ra những chuyện ly kỳ có khi đến quá đỗi, gần như chuyện hoang đường thời Phong thần, khiến cho những "Ông Tân thời" mới căn cứ vào đấy để chỉ trích, dè bỉu, chế giễu.

Họ có biết đâu rằng : bộ xương khô, một khi được an táng vào một khu địa huyết đẹp mắt, có sự an bài sắp đặt kỳ dị của hóa công, sẽ phát xuất một sức mạnh kỳ ảo mà tôi (vẫn lời thầy địa lý) dám chắc, không có một luồng điện nào ở trên cõi đời này lại có thể hùng mạnh bằng và có thể so sánh kịp ! Cũng vì thế, mới xui khiến ra những sự kết phát lạ lùng : đang từ một kẻ ngu si dốt nát, trong một sớm một chiều, đã "phúc chí tâm linh" biến thành một người thông minh xuất chúng, có biệt tài thay đổi thời cơ, lật ngược hoàn cảnh, hay đang nghèo mạt rệp, đói khát, khổ sở, chợt gặp gỡ những điều may mắn dị thường để thay đổi hẳn địa vị nghèo khổ thành giàu sang, phú quý !

Trái lại, nếu mả động, thì sự nguy hại cũng nhanh chóng không kém : người khỏe mạnh bỗng lẫn ra chết bất ngờ, hoặc mắc phải những chứng bệnh hiểm nghèo không có một thứ thuốc men nào chữa khỏi, vậy mà chỉ cải táng được mộ phần là lập tức bình phục ngay trong nháy mắt.

Hài cốt táng nơi tốt sẽ nở ra, bóng lộn, có khi kết thành tượng. Chôn phải đất xấu, sẽ bị hao mòn dần, có khi biến thành đất vụn.

Chuyện mả chôn trong bụng một con ngựa đá dưới sông, của ông Đinh Bộ Lĩnh ngày xưa, tuy thuộc vào loại hoang đường, song nghĩ cho kỹ, cũng không phải là hoàn toàn vô lý vậy ! Có những chuyện dị kỳ xảy ra, mới có thể minh chứng được sức mạnh của các ngôi mả kết phát hay động trệ !

Thầy địa lý nói tiếp : nếu không do ngôi mả gây ra, thì sao " quan đốc" lại có thể bị chết đuối, khi vượt qua một con suối, chỉ nông chưa tới gối mà hàng ngày trâu, ngựa vẫn lội qua từng đám một cách rất dễ dàng ?

Quan Tri Phủ Nước Hai Vi văn L. chăm chú ngồi nghe lời giải thích của nhà phong thủy và ngỏ ý mời thầy địa lý ngay sáng hôm sau, đi Ngòi Xảo làm lễ trấn yểm.

Đích thân Vi Văn L. hướng dẫn nhà phong thủy đến Ngòi Xảo, đưa đi coi tường tận cả hai ngôi mả tổ của họ Lương và họ Vi.

Thầy địa lý lặng lẽ theo chân quan phủ Nước Hai, chăm chú quan sát địa hình, địa thế các nơi, nhất là gò đất có con Hồn nằm đâm thẳng vào tổ mộ họ Vi, đoạn chỉ tay về phía ấy, mới nói Vi Văn L. rằng :

Vừa đi quan sát một lượt quanh khu tả ngạn Sông Cả, nhà phong thủy xứ Nghệ đã lắc đầu nói với Vi Văn L. sau khi đã lần đốt tay tính toán :

- Kiêu đất quý thiết !

Nhưng sự tác hại của con Hỏa nằm trước mộ phần, quả cũng vô cùng ghê gớm.

Nếu không trấn áp được gò đất ấy, thì cứ 15 năm trong dòng họ Vi, thế nào cũng lại có một người bị bắt đắc kỳ tử mới thôi.

Đây kìa, quan lớn thử trông : con Hoả nằm án ngữ minh đường, chia thẳng mũi nhọn vào chánh huyết, nào có khác gì một người cầm dao sắc, đâm vào cổ người nằm ở trong ngôi mộ này ! Nhu thế, hỏi con cháu mà làm sao sống yên ổn được.

Vi Văn L. lo lắng nhìn nhà phong thủy hỏi vợ :

- Nhưng thầy thử coi kỹ giúp ! xem chi nào trong dòng họ Vi bị nạn bắt đắc kỳ tử ấy ?

Thầy địa lý lắc đầu :

- Chưa thể nói đích xác được. Còn việc trấn yểm cũng cần phải chờ xem xét kỹ lưỡng hơn nữa rồi mới có thể định liệu được.

Công việc chưa biết sẽ còn phải kéo dài tới mấy hôm.

Vậy nếu quan lớn bận công vụ, thì xin mời Ngài cứ về phủ trước đi. Tôi ở lại đây, sau khi hiểu rõ địa hình địa thế sẽ tự ý lo liệu việc trấn yểm , quan lớn bất tất phải mãi công chờ đợi làm chi cho phí thời giờ vàng ngọc của Ngài.

CON HỎA

Một gò đất dài, như một mũi giáo nhọn, đâm vào cổ người nằm trong mả, nếu không trừ được, cứ 15 năm, lại có một người trong họ bị bắt đắc kỳ tử.

Vi Văn L. gật đầu ưng thuận :

- Ủ được ! thầy nói thế cũng phải ! Ta xin nghe theo. Nhưng muốn cho thầy có người sai bảo, ta xin lưu lại đây hai tên lính tâm phúc, toàn là người trong họ của ta đã theo hầu ta từ trên mười năm nay. Thầy có thể phóng tâm tín cần mà không cần phải đề phòng, ngàn ngại chi hết.

Dứt lời, L. từ giả lên ngựa cùng đoàn tùy tùng quay về Nước Hai.

Ngay đêm ấy, nhà phong thủy lần ra mả, làm phép hô thần rồi chôn ngay dưới chân con Hỏa, một chai thuốc, mà lão đã bí mật đem theo từ phủ Nước Hai để hy vọng có thể làm tiêu thổ cái gò đất nguy hiểm đó.

Khi lão trở về đến nhà viên chánh tổng sở tại được dùng làm nơi tạm ở Ngòi Xảo, thì gà rừng đã gàn gáy rạng đông..

Lão mới mệt, vội lên giường ngủ thiếp đi lúc nào không biết.

Tối thứ hai, lão lại lần ra mả, tiếp tục làm lễ trấn yểm, nhưng sớm hơn đêm trước, lúc lão trở về nhà viên chánh tổng, thì trống canh ngoài điểm mới điểm có bốn tiếng.

Lão ngồi uống tàn một ấm trà tàu, rồi lên giường nằm nghỉ.

Mơ màng lão thấy như có người gọi đích danh lão rồi một vị lão trượng, đầu râu tóc bạc, bỗng xuất hiện, cầm chiếc roi mây, chỉ thẳng vào mặt lão, mà lớn tiếng mắng rằng :

- Thằng kia ! Mi cậy mình pháp thuật cao cường, ý muốn giúp kẻ dữ, định cưỡng lại mệnh trời sao ?

Mi phải biết rằng : tổ phụ họ Vi tu nhân tích đức, nên Thượng đế mới ban phước cho chúng ngôi đất quý, dưới quyền ta cai quản vùng này.

Nhưng từ hai mươi năm trở lại đây, con cháu họ Vi bỗng thay lòng, đổi dạ, giết người, hại kẻ hiền lương, nên con Hoả mới có cơ hội, vùng lên : để vật chết những kẻ tham tàn, bạo ngược.

Đó là lẽ trời chí công, chí chính mà mi là kẻ từng đọc sách thánh hiền, phải hiểu rõ luật phước họa, ân oán ấy, chứ có đâu lại nhắm mắt làm liều như hành động của mi từ hôm qua

tới bây giờ ?

Trước khi tới đây, ta cảnh cáo mi, ta đã hiển linh phá tan cả bùa phép của mi rồi đó !

Dứt lời, một trận gió ào ào cuốn tới, trong chớp mắt, vị lão trượng biến đâu mất tích !

Bằng hoàng tỉnh giấc, thầy đồ Nghệ toát mồ hôi cùng mình, vì lão biết đó không phải là mộng mị hảo huyền, mà có lẽ đã do một nguyên nhân thần bí nào xui khiến.

Với niềm thắc mắc nặng trĩu trong tâm khảm, thầy địa lý trần trọc mãi, không sao ngủ lại được, bất đắc dĩ đành phải trở dậy, chong đèn thức tới sáng.

Mặt trời vừa lấp ló ở dãy núi sau miếu Chúa, thầy địa lý đã chỉnh tề khăn áo, đi ra ngoài tả ngạn sông Cả với sự hồi hộp lạ lùng trong trí óc.

Vừa đến nơi, lão kinh ngạc, suýt kêu lên một tiếng thất thanh, khi thấy chỗ chôn chai thuốc với bùa chú, ở ngay dưới chân Con Hòa, một địa hình dài và nhọn như một chiếc giáo khổng lồ, nằm im lìm trước tổ mộ họ Vi, chỉ còn là một hố sâu hoắm, bùn đất tung tóe, lẫn lộn với những mảnh bùa chú và mấy vị thuốc đặc biệt, không hiểu vì lý do gì, bị tan vỡ nát vụn từng mảnh nhỏ như cát bụi, hình như do một bàn tay kỳ ảo nào đào bới, phá hủy vậy.

Cúi rạp nhìn xuống hố sâu, thầy đồ Nghệ chỉ thấy đen ngòm, không biết nông sâu thế nào, liền bề vội cảnh cây, đâm thẳng xuống hố.

Chiếc hồ cơ hồ như không có đáy, sâu ngập hết cả cành cây khô dài ngoằn, mà vẫn chưa tới đất, phía dưới cơ hồ vẫn còn bị trống rỗng !

Lão còn đang nghi ngờ, định kiểm cho kỹ được một sợi dây dài, buộc một đầu bằng một hòn đá nặng, để thả xuống hố sâu, hầu đo lường mức sâu nông của nơi chôn bùa phép, thì chợt từ dưới hố sâu, hình như phát xuất giữa lòng đất, một tiếng nổ lách tách như pháo tếp, rồi có tiếng rào rào như tiếng nước sông gầm thét khi con đê bao quanh bị phá vỡ, rồi từ dưới hố sâu, một luồng khói xanh cuộn cuộn bốc lên, khét lẹt như mùi thuốc súng, mơ hồ giống hệt hình thù một con hổ kết hợp toàn bằng sương khói.

Hoảng hốt, thầy địa lý vội lùi lại phía sau mấy bước, toàn thân run bắn như người bị sốt rét ngã nước lâu ngày.

Sau một phút định thần, lão mới bằng hoàng chợt tỉnh, vùng đứng phát lại, hai mắt trừng trừng nhìn thẳng xuống lòng hố sâu, rồi nghiêng răng cắn lưỡi, phun máu vào giữa luồng khói mờ ảo, tay bắt quyết ngũ lôi, miệng niệm thần chú lầm rầm.

Trong một phút chốc, giữa lúc trời quang mây tạnh mặc dầu ở trên đỉnh núi vẫn vương rất ít nhiều sương lam của miền rừng núi, bỗng từ trên không trung, nổi lên liên tiếp năm tràng sấm ầm ỏi, xé trời.

Và kỳ lạ hơn hết, tất cả sấm sét đều như hướng hết về phía hố sâu giáng xuống.

Luồng khói xanh mờ ảo, chợt đứng yên một chỗ, mơ hồ cuộn cuộn trên miệng hố.

Đồng thời, từ dưới lòng đất, những tiếng nổ rì rào, lẹt đẹt cũng im bật.

Thầy địa lý đang hí hờn mừng thầm là pháp thuật của mình đã chế ngự được tác quái của Con Hòa, thì bỗng lại có tiếng nổ to như muốn phá toang lòng đất, rồi luồng khói như được một sức mạnh kỳ diệu trợ lực lại tiếp tục bốc lên cuộn cuộn như trước, mà trái lại còn có phần hung hãn, hùng mạnh hơn trước nhiều.

Thầy địa lý rùng mình, toàn thân ớn lạnh, gai ốc nổi cùng người, đang luồng cuống chưa biết phải đối phó thế nào, thì cảm thấy mắt hoa, đầu váng, lão đảo một lúc lâu, rồi ngã lảo quay bên miệng hố, ngất lịm.

Đang lúc lão mơ màng thần hồn như phiêu diêu cảnh non bồng, nước nhược, chợt văng vẳng có người lay gọi bên cạnh, liền mở mắt nhìn quanh và ngạc nhiên xiết bao, khi thấy quan Tri

Phủ Nước Hai Vi Văn L., cùng đoàn tùy tùng đang sớn xác, lo sợ săn sóc bên mình.

SAU HAI ĐÊM TRẦN YỂM CON HOẢ

NƠI CHÔN BÙA PHÉP BỊ ĐÀO PHÁ TUNG TOÉ.

Từ giữa lòng đất, bốc lên một luồng khói mờ ảo vô cùng kỳ dị.

Thì ra quan phủ Nước Hai, dù bận công vụ phải về phủ, nhưng sau hai ngày nóng ruột quá, lại cùng đám gia nhân, cưỡi ngựa qua Ngòi Xảo, để xem kết quả việc trần yếm của Thầy đồ Nghệ ra sao ?

Không ngờ lúc đến nơi, vào nhà viên Chánh Tổng không thấy có ai, quan Phủ đoán là nhà phong thủy đã ra thăm mộ phần, nên vội giắt lính hầu đi thẳng đến tả ngạn sông Cả, vừa đứng lúc thầy địa lý ngã gục bên miệng hố.

Nhà phong thủy vừa tỉnh dậy thấy quan phủ Vi Văn L. liền thuật sơ qua các việc đã xảy ra rồi chỉ tay xuống hố sâu, lúc ấy vẫn còn cuồn cuộn bốc khói lên ngùn ngụt sặc sụa mùi diêm tiêu muốn nghẹt thở rồi nói rằng :

- Đây, quan lớn trông ! Tôi đã dùng phương pháp đặc biệt chế tạo những thứ thuốc tiêu thổ rất hiệu nghiệm, mà chính sư phụ tôi đã bí truyền riêng cho một mình tôi, trong đám đông cả mấy chục đệ tử.

Theo đúng phép chế biến đó, thì nhà phong thủy, có thể, tùy theo địa hình, địa thế, những nơi đất mình muốn dùng để an táng hài cốt hoặc tạo thêm gò đồng hay tiêu trừ bớt những mô hình nào, xét ra đã gây trở ngại cho sự kết phát của mộ phần.

Tôi yên trí rằng sẽ được thành công một cách dễ dàng sau đêm bắt đầu làm lễ trần yếm với các thứ bùa chú cực kỳ linh ứng.

Nào ngờ chỉ được có một ngày yên ổn, thì mới rồi, vào hồi canh khuya đêm qua, tôi bỗng lại nằm mộng thấy thổ thần vùng Ngòi Xảo hiện về báo cho biết họ Vi vì kém phước trạch, nên Thượng Đế nhất định không cho phép được diệt trừ con Hỏa.

Đồng thời, thổ thần còn hiển linh phá hủy tất cả bùa phép và chai thuốc tiêu thổ.

Vừa nói, lão vừa chỉ tay về phía những mảnh vụn chai lọ, bùa chú nằm ngổn ngang gần đây. Sáng nay, vừa trở dậy, tôi lật đật ra ngay đây xem xét, thấy sự kỳ dị này liền niệm chú ngũ lời, bắt ản yếm trừ lại.

Không ngờ tà khí xung kích quá mạnh, khiến cho tôi xây xẩm mặt mày, ngã lăn xuống đất. Nếu không được quan lớn đến kịp, cứu chữa cho, thì không biết, sẽ còn bị nằm mê man đến bao giờ nữa ?

Dứt lời, lão thở dài thườn thượt.

Quan Tri Phủ Vi Văn L. tức giận, nói to như gắt gồng :

- Sao lại có sự lạ lùng ấy !

Đã vậy, xin Tiên sinh lại thử chế thuốc và làm bùa khác đi, rồi đích thân tôi, sẽ tự tay đem chôn xuống đây biết đâu, tôi là mệnh quan của Triều đình, lại không được thổ thần kiêng nể sao ! Tà thẳng sao được chính mà Tiên Sinh e ngại ?

Thầy địa lý tuy không cho lời nói đó là phải, nhưng vì kính quan Phủ, không dám làm phật ý con người hiếu thắng ấy, nên đành phải miễn cưỡng gật đầu.

Cả bọn kéo nhau về nhà viên chánh Tổng nghĩ ngơi.

Trong lúc chủ nhà hốt hoảng, chạy ngược, chạy xuôi lo giết gà, giết heo để thết đãi thầy trò quan Tri Phủ Nước Hai, thì thầy đồ Nghệ đáp bè lên chợ Bắc Quang mua sắm các thứ cần

dùng để làm lễ trấn yểm lần thứ hai.

Quá ngọ ngày hôm sau, thầy đồ Ngộ mới về đến Ngòi Xảo, chỉ nghỉ ngơi một lát cho đỡ mệt, là bắt tay vào việc, đóng chặt cửa buồng nhỏ về phía trái bên Đông của ngôi nhà ngang, mà viên chánh tổng đã dành riêng cho nhà phong thủy, theo lời yêu cầu của lão.

Thầy trò quan Phủ Vi văn L. kiên nhẫn ngồi chờ ở bên ngoài, không ai dám nói to, đi mạnh, sợ làm kinh động, gây trở ngại cho sự luyện bùa phép của Thầy địa lý.

Trong thời gian này nhà phong thủy giữ gìn trai giới rất cẩn thận, suốt ngày chỉ dùng trái cây và nước mưa những khi đói khát, không uống nước, không uống rượu, không uống thuốc, lại tắm gội sạch sẽ bằng nước lá thơm, rồi đúng giờ Tí đêm sau, mới cùng thầy trò quan Phủ lặng lẽ ra ngoài thung lũng, người nào cũng nhón bước, cố bước nhẹ nhàng để không gây một tiếng động nào khả dĩ làm xáo trộn bầu không khí âm u, lạnh lẽo, hiu quạnh, hoang vu miền sơn cước.

Nền trời xám ngắt, sương khuya, gió đêm thổi vi vu từng cơn như cắt xé ruột gan da thịt, khiến đoàn người phải nghiêng chặt hàm răng, co ro đi sát vào nhau, như muốn truyền sức nóng cho nhau để hy vọng làm giảm bớt phần nào nạn rét buốt !

Xa xa, từng tiếng gầm rống lạnh lạnh của loài dã thú, hòa cùng tiếng vỗ cánh phành phạch của những con đà điểu, càng tạo cho cảnh rừng núi thêm mang đại đến rợn người.

Ra tới tả ngọn sông Cả, đoàn dạ hành đi tuốt đến gò đất : nơi con Hoả nằm án ngữ ngôi tổ mộ của họ Vi.

Lòng hồ sâu vẫn phun khói cuộn cuộn khét lẹt, sặc sụa mùi diêm tiêu khiến cho Vi Văn L. hắt hơi liên hồi, phải đứng lên phía trên chiều gió và dùng khăn tay bịt kín mồm mũi, trong lúc thầy Địa lý, đặt khăn gói xuống đất, thận trọng mở vuông vải, tay dò lấy ra chiếc tróc long với một bọc bùa chú, lễ vật gói kín trong một vuông lụa bạch, mà ngoài thầy Địa lý ra, không hề một ai được biết bên trong chứa đựng những gì.

Với dáng điệu cực kỳ, nghiêm trang, trịnh trọng, nhà phong thủy dùng quẹt đốt nhang hướng về bốn phương trời, vái lạy, lâm râm khấn vái, hú từng hơi dài trước khi cất tiếng trầm trầm đọc chú, đoạn bắt quyết hô thần, sai âm binh giúp sức diệt trừ con Hỏa.

Làn khói xanh trong lòng hồ sâu, phút chốc tắt ngấm. Những tiếng rì rào như nước chảy xiết ở dưới địa huyết cũng im bật !

Mùi thuốc pháo khó ngửi cũng không còn bốc ra u uất như trước nữa.

Thầy địa lý cả mừng.

Xuyên qua ánh than đỏ rực của bó nhang đang ngùn ngụt cháy, quơ qua quơ lại theo những hình vẽ kỳ dị trên không trung, mọi người nhìn thoáng thấy nét mặt hớn hờ, đặc ý của nhà phong thủy, rồi nhanh như cắt lão ngửa mặt lên trời thét to một tràng dài những tiền lú lo quái dị, đoạn vung bó nhang vừa đi, vừa khoán bùa quanh một khu vực chừng ngót một sào ruộng, ở ngay phía Đông Nam gò đất, cách cái hồ trước chỉ độ năm trượng !

Khoán xong, lão lại đốt giấy tiền và bùa chú, tung ra từng nắm gạo, đã được manh sẵn theo trong khăn gói mà thầy trò quan Phủ không một ai được biết trước.

Ba lần làm phép, ba lần hô âm binh, tung gạo, đậu muối và vẩy một thứ nước thoang thoang mùi trầm quế, đựng trong một cái lọ con rất xinh xắn, nhà phong thủy mới cầm bó nhang đang cháy dở vào đứng giữa khu đất lão vừa khoán bùa, sai một tên lính hầu của Quan Phủ dùng thuổng đào sâu chừng bảy thước, tròn như một cái giếng nhỏ. Thầy địa lý đốt bùa, giấy vàng, giấy tiền, rồi trải một lượt giấy tráng kim xuống đáy hồ sâu, bắt quyết đúng bảy lượt, mới đặt gói bùa phép và các thứ lễ vật, gói kín trong vuông lụa bạch, phủ lên trên bằng ba lớp

gạo, đậu, muối, rồi lại đốt giấy tiền, bùa chú, bắt quyết an thần và rẩy nước phép, rồi mới sai lấp đất kín, san bằng như cũ.

Xong xuôi đâu đó, thì gà rừng vừa gáy rộ trong bản xa xa, báo hiệu trời sắp sáng.

Nhà phong thủy, xoa hai tay vào nhau thổi phào như đã trút hết được một gánh nặng trên vai vui vẻ nói với quan phủ Nước Hai :

- Thôi thế là tạm yên ! Nếu không có gì trở ngại,, thì với kỹ thuật tôi vừa sử dụng, nội trong vòng bách nhật, con Hỏa này thế nào cũng phải tan biến hết !

Bây giờ thì xin mời quan lớn hãy về nghỉ, kéo trọn đêm đứng ngoài sương lạnh, tôi e quan lớn sẽ không chịu nổi những chương khí lam sơn của miền núi rừng lạnh lẽo.

Từ trên cành cây trước mặt, tiếng chim rừng chợt nổi lên thanh thót : " Bắc Quang, Bắc Mộc, Hà Giang nước độc ! "

Sương khuya mỗi lúc một dày thêm, lạnh thêm, làm cho quan Phủ Vi Văn L. không đợi cho nhà phong thủy phải thức dục đến lần thứ hai, vội bảo nhau thu xếp đồ đạc thuôn, cuốc, lẳng lẳng theo con cữ trở về nhà viên Chánh Tổng.

Thấy mọi người có vẻ mệt mỏi vì phải thức trọn đêm vì sương gió lạnh lùng, chủ nhà vội lấy nước nóng mời quý khách rửa mặt, pha trà quan Phủ điếm tâm, rồi thu xếp giường chiếu để cho mọi người ngả lưng chốc lát cho lại sức.

Nhưng chỉ mới đến giờ Thìn, đang lúc thầy địa lý say sưa trong giấc ngủ nặng nề, thì chợt thấy có người lay gọi...

Lão vội mở choàng mắt ra, gấp gáp nhìn quanh, thì thấy một chú linh đồng, bộ hạ thân tín của viên Chánh Tổng hấp tấp nói rằng :

- Thưa... Thưa Cụ , lạ lắm ! Có chuyện lạ lạ lắm nên nhà cháu mới dám làm kinh động cụ, xin cụ thứ tội cho. Số là nhà Cháu vừa ra ngoài rẩy, tình cờ đi qua đồi Tương chợt thấy " ngôi mã quan " (thổ dân vẫn quen gọi ngôi mộ của họ Vi là " ngôi mã quan "- có mùi tanh hôi ghê ghớm, và quái dị hơn nữa, lại có một chút nước gì đỏ ngầu như máu tươi chảy dài từ ngôi mã tới cái gò đất ở đằng sau miếu sơn thần !...)

Thầy địa lý bất giác kêu thoát lên một tiếng thất thanh, mặt tái nhợt, lạnh toát người, cơ hồ muốn ngất lịm đi trước cái tin bất ngờ, quá đột ngột ấy !

Lão thở dài lẩm bẩm :

- Thôi thế là hết ! Uổng phí công lao vất vả, khổ tử, lao tâm suốt mấy ngày trời quên ăn, bỏ ngủ !

Vừa nói, lão vừa uể oải nặng nhọc đứng lên, đi lần về phía sập gụ, nơi quan Tri Phủ Nước Hai đang thiêm thiếp giấc nồng.

Quan Phủ như được linh tính báo động, vùng ngồi dậy, hốt hoảng hỏi vội:

- Cái gì ? cái gì mà tiên sinh thất sắc thế hử ?

Nhà phong thủy không muốn gieo mối thất vọng nào nề cho vị quan phụ mẫu nên chợt úp mồm trả lời :

- Cũng chưa biết đích xác ra sao ? Lời chú linh đồng mơ hồ lắm, không thể nào tin được ?

Vậy xin mời quan lớn sửa soạn ra bờ sông xem thử...

Vi Văn L. không nói gì lẳng lặng sửa soạn y phục, rồi lên ngựa, đi cùng nhà phong thủy, không cần đem theo lính hầu như thường lệ.

Còn cách xa ngôi mộ tới nửa dặm đường, hai người đã thoáng ngửi thấy một mùi hôi thúi dị kỳ, không giống một thứ un khí nào trong thiên hạ hết !

Phân người hay phân muôn thú ? Xác người hay xác thú vật bị chết chương chết sinh ?

Đều không phải ! Mùi khó ngửi bốc ra nồng nặc mỗi lúc một nặng nề kỳ quái hơn, theo đà tiến của vó ngựa hai người...

Không ai bảo ai, họ cùng rút khăn tay đưa lên bịt mũi, rồi giật cương phi nhanh...

Đến nơi, họ buông cương, nhảy vội xuống đất không buồn nghĩ đến chuyện cột ngựa vào gốc cây, mà hấp tấp bước mau qua một gò đất nhỏ, đến bên ngôi mả cao, to như một trái đồi con...

- Vừa đúng lúc bấy giờ chợt có tiếng răng rắc trên lùm cỏ thụ phía Tây Bắc, rồi một cành cây lớn đột nhiên gãy rớt xuống đất, mặc dầu trời không có mưa to gió lớn chi hết.

Nhà phong thủy giật mình, đi quanh ngôi mả, bất ngờ lại thấy có vết đất bị cây lên, giống như một luống cây nhỏ, mà kỳ dị hơn nữa, ở hai bên mả thứ cỏ tươi ngày thường vẫn mọc xanh rờn, lại héo hắt hẳn đi, in hệt quang cảnh điêu tàn sau một cơn hỏa hoạn vậy.

Đồng thời, trên mặt đất cằn cỗi đó, còn nhớp nhúa một chất nước nhầy nhụa đỏ ngầu như máu tươi, chạy thẳng một vệt dài, ăn thông từ gò đất hình con Hổ đến mộ phần.

Mùi hôi thối chính do từ chất máu ấy phát ra.

Nhìn kỹ vết máu, thầy địa lý sửng sốt, ngỡ ngác một lúc lâu, rồi mới lăm bằm qua nét mặt tái nhợt, hải hùng :

- Kỳ dị ! Đúng đây là dấu vết quái vật từ con Hổ bò tới ngôi mả, tác hại, nên long mạch mới bị đứt, róm máu ! Hừ, nguy hiểm thật !... Quan Phủ họ Vi vội hỏi :

- Có chuyện gì mà Tiên sinh kinh nghi, lo sợ thế ?

Nhà phong thủy nhìn quan Phủ, ngập ngừng mãi, rồi mới chậm rãi trả lời :

- Thấy các hiện tượng vừa xảy ra, tôi chợt nhớ tới lời ghi chú trong một cuốn cổ văn, khảo cứu về các kiểu đất. Tổ sư môn địa lý đã từng dạy rằng, khi nào có "quái vật xuất hiện bất thường, đoạn long, phạt mộc thì tai ương" , thì sớm muộn thế nào cũng sẽ có tin dữ đưa tới !

- Không thể nào tránh khỏi.

Quan Phủ có vẻ hoài nghi, hỏi lại :

- Nhưng đoạn long, phạt mộc thì tôi được thấy, còn quái vật thì đâu ?

Thầy đồ nghệ chỉ vào một vệt máu dài, giải thích :

- Cứ như mùi uế khí với dấu vết còn ghi lại, thì nhất định từ hôm qua tới nay, phải có một loại quái vật, mà tôi ngỡ là giống "Kim Tâm cổ" một thứ độc trùng kỳ dị, xuất hiện bất ngờ, do con Hoả tạo ra, để tác hại cho gia đình quan lớn...Nếu lời cổ nhân dạy không sai lầm thì rồi đây, thế nào cũng phải có chuyện không hay ...

Quan Phủ Nước Hai không nói gì, buồn bã đi theo nhà phong thủy qua gò Con Hổ.

Gần đến nơi, mọi người cùng đứng khựng lại, vì trước mặt họ, những bùa chú, chai lọ, chỉ ngũ sắc, giấy vàng bạc mới được trấn yểm đêm trước, nay bị vút tung toé, bừa bãi khắp nơi, như có một bàn tay huyền bí quái ác nào vừa đào lên, đem liệng bỏ ở bên gò đất.

Không hẹn, mà cả Vi Văn L. cùng thầy địa lý đều thở dài ngao ngán.

Họ đang muốn sai người dọn dẹp các thứ cho gọn ghẽ, thì chợt thấy viên cai lệ Nước Hai, từ đằng xa phi ngựa tới, hốt hoảng đưa trình quan Phủ L. một tấm giấy xanh.

Đó là bức điện tín của Vi Văn Định gửi cho Vi Văn L. báo tin về vụ người em út, đang làm kỹ sư ở Hải Phòng, không biết vì buồn phiền chuyện gì trong gia đình, đã dùng súng lục tự sát. Vì vậy, Định yêu cầu L. phải xuống ngay Hải Phòng để cùng Định lo liệu việc tống táng đưa em xấu số.

Vi Văn L. cảm bức điện tín, tay run bần bật, hai mắt đỏ hoe đầm lệ, thần thờ nhìn quanh một vòng, rồi nắm tay thầy đồ Nghệ, nói qua giọng nghẹn ngào :

- Thôi muôn việc đều không tránh khỏi số trời. Xin tiên sinh thu xếp về Nước Hai nghỉ ngơi, để tôi đi Hải Phòng lo liệu việc nhà.

Việc trấn yểm con Hỏa không cần nữa.

GIA PHẢ DÒNG HỌ VI - dienbatn suru tâm .



長慶府

尋知二級
四原卷

二十四年承駐駝駝

時省城有事承
募手勇九百名

往駐駝
毛紫

并攝脫朗州務二十七年陞授員外郎

仍領安博尋攝文閣縣九月再回供職二十

八年以原銜外

吳

領長慶府二十九年捐助軍需

粟

百斛錢

蒙得錄旨一道三十一年往太會

勦承統
督黃

五官貢
遜結部

三十二年加一級

尋以員外原銜
充帶佐有能

三十四年再

長慶府尋如二級二十四年承駐駝駝時省城有事承募手勇九百名
往駐駝往駐駝并攝曉朗州務二十七年陞授員外郎
仍領安博尋攝文閣縣九月再回供職二十
八年以原銜外領長慶府二十九年捐助軍需粟
百斛錢五旨贊蒙得錄旨一道三十一年往太會勦承統
佐軍務遷結都三十二年加一級尋以員外原銜三十四年再充都佐有務

DI ẢNH CỦA VI VĂN ĐỊNH . dienbatn sưu tầm .



NÓI VỀ THẾ PHẢ HỌ VI .

(Bản Gia phả này do cụ VI VĂN ĐỊNH chấp bút).

Dịch từ Hán văn .

Nhà có Phả ký để ghi nhớ nguồn gốc của Gia tộc , công đức của Tổ tiên, khiến con cháu đời đời giữ mãi về sau . Theo lời truyền lại , họ Vi ta là dòng dõi của Hoài Âm Hầu Hàn Tín đời nhà Hán . Khi Hoài Âm Hầu đã bị Lã Hậu diệt cả họ , thì người vợ lẽ đương có thai . Thừa tướng là Tiêu Hà ngầm đem gửi ở Quan Lệnh Long xuyên là Triệu Đà , và dặn trông nom cho cẩn thận . Sau sinh ra con trai , Triệu Đà nhận làm con nuôi, đặt tên là Nhân , đổi họ Vi , tức là nửa chữ HÀN .

Về sau con cháu kế tiếp, làm Tù trưởng ở đất Lĩnh Nam , nhưng đã lâu đời không có Phả ký , nên đã thất truyền .

Đến đời nhà Trần , ông VI KIM THẮNG , tự Đình Mật , quán xã vạn phần , Tổng Vạn phần , Huyện Đông Thành , tỉnh Nghệ an, dời đến ở Tây núi Huyện Đình (Thuộc lục ngạn, Tỉnh Nghệ an) . Ông làm quan ở triều Trần , gặp khi HỒ QUÝ LY cướp ngôi Vua , ông bỏ Quan về nhà . Đến khi người Minh sang chiếm cứ nước ta , Ông cùng con là ông Phúc Hân đem

quân theo LÊ THÁI TỔ khởi nghĩa ở Lam sơn , đánh đuổi quân Minh , diệt được Liễu Thăng (Ở xứ Chi Lăng , Châu Ôn - Tỉnh Lạng sơn) . Sau khi nước nhà đã được bình định , Ông được phong làm Thảo Lộ Tướng quân Tả Đô đốc , Mật Quận công , con được phong là Đô đốc đồng tri , Hoàn Quận công . Ông cùng với Huyện Quận công là NGUYỄN ĐỨC MINH , và các người bộ thuộc họ Hoàng Đức , Nguyễn Công , Nguyễn Khắc , Hà Văn , Nông Ngọcchia ra ở các xứ Cao bằng , Lạng sơn , Quảng Yên , đời đời làm Thổ Ty , tập phong tước Hầu . Hoàn Quận Công sinh được 5 con giai : Con trưởng là THỂ NHÂN , con thứ hai là THỂ HUỆ , đều ở châu Lộc Bình . Thứ ba là THỂ KỲ , ở châu Yên bả ; Thứ tư là THỂ TÀNG ở châu Ôn ; Thứ năm là THỂ TRẠCH , ở Bình Tây (Nay thuộc Cao Lộc) .Năm người đều được phong làm Kinh Lược xứ , tước hầu .

Sau cháu MẠC ĐĂNG DUNG là MẠC PHÚC HẢI chiếm cứ đất Cao bằng , chống nhà Lê , con trưởng ông Thể Nhân là Cầm -Đường hầu , Huý Phúc Đường , cùng với con là Nhữ Dực hầu , Cháu là Trúc Khê hầu không chịu theo , cứ tìm con cháu nhà họ Lê để lo việc khôi phục .

Khi đã diệt được nhà Mạc , Cầm Đường hầu được phong là Bắc phương Kinh lược Đô chỉ huy sứ , và được lập ấp tại thôn Lộc mã , Xã Khuất xá , Châu Lộc bình , Tỉnh Lạng sơn . Vì thế nên họ VI ta mới đến ở đây .

Xét họ VI ta từ đời ông VI NHÂN đến nay đã hơn hai nghìn năm , những sự tích trong thời gian đó , chỉ nghe truyền lại trong câu tục ngữ Vạn phần hoặc trong lời già đàm Chiêu nghị , không lấy gì làm xác thực . Nay chỉ bằng cứ vào Gia phả cũ mà ghi chép thế thứ từ cụ Tổ 13 đời là Cầm Đường Hầu trở xuống mà thôi .

MỘ TỔ Ở NÚI ĐÌNH ĐẦU .

Long mạch của núi Đình Đầu , ở Đô lương (Thuộc phủ Anh sơn - Tỉnh Nghệ an) đi xuống , nguyên bắt đầu từ chân Lang chánh (Thuộc tỉnh Thanh hóa) . Đi đến Thiên uy , mạch bằng phẳng và thấp , đến dãy núi bên Kênh Thiên uy (Tức là Kênh Sắt , do Cao Biền đời Đường khơi ra , nối liền sông Bùng ở Phủ Diên châu với sông Cầm ở Huyện Nghi lộc) . Qua kênh Thiên uy , mạch lại phẳng và thấp , rồi nổi lên ở núi Đình . Long mạch nổi cao lên , hình như bày ngựa đua chạy . Trong đó có một hòn núi tròn như bát úp , đây là Huyệt ...

Long , Hổ phía trong , vòng vòng bọc lại , phía ngoài dần dần đi thẳng mà chia ra . Cửa bểlà Ngoại Long - Thủy , Cửa Hiền là Ngoại Hổ Thủy , cũng đều chạy thẳng mà không hợp lại với nhau . Trước mặt là bể cả , nên ngoại Đường rất thoáng đảng . Ngoài Hổ Thủy còn có Điện Hồng đức và núi Thiên Nguyệt (Tục gọi là núi Mật) . Ngoài Long Thủy còn có núi Đại độc và núi Tiểu độc (Tục gọi là núi Mê) , hai bên châu lại trông rất đẹp .

Đẹp nhất là trước mặt có bể rộng mông mênh , sóng cồn dào dạt Còn phía sau , Long mạch qua kênh , đến nơi bằng phẳng và thấp xuống , lại có cầu Bùng và đường cái quan chắn ngang , nên chưa được toàn mỹ .

LỘC PHONG LÃO NHÂN TỰ TRẠNG . Ta sinh ra giờ Tý (Mậu Tý) , mồng 7 (Nhâm Thìn) , tháng 8 (Ất Dậu) , năm Canh Dần , niên hiệu Minh Mệnh thứ 2 (23/9/1830) ở ngôi nhà cũ .

Hồi bấy giờ , Hiền khảo ta đương làm Tri châu Lộc bình , nhân loạn Tiến Hiền , cụ đem lính đông về đóng ở làng . Vào khoảng canh ba , nằm chiêm bao con Hổ một mắt sáng như điện , toàn thân trắng như tuyết , nhảy vào , bày lộn chạy toán loạn . Bỗng nghe Hiền Tỷ kêu một tiếng to , giật nảy mình dậy hỏi , thì bà cũng nói mơ thấy con Hổ trắng như thế . Rồi bà sinh ra

ta .

Ta từ thừa nhỏ vẫn thường không ngủ được , mà năm sinh ra ta là năm Canh dần , chính là hợp với điềm bạch Hổ . Hiền Khảo cũng cho là lạ .

Đến khi ta lớn , Cụ kể lại chuyện mộng bạch Hổ , và bảo ta rằng : " Cụ Thủy Tổ nhà ta là Hoàn Quận Công , từng nổi tiếng là Hổ Thần . Từ đấy , con cháu kế tiếp làm Hùng trưởng ở chôn Biên cương , kể đã lâu đời . Giấc mộng đó là một điềm tốt , ta chắc con sẽ làm cho nhà ta được vinh quang thêm . Duy có bọn giặc cướp , con phải vì Triều đình mà trừ cho hết . Cứ cố gắng lên " . Ta thưa rằng : " Vâng , con không dám quên " .

Năm Tự Đức thứ 6 (1853) , ta lên 24 tuổi , đem các Thổ Ty đi đánh giặc ở phố Đồng nhân (Thắng trận , được thưởng Phi Long ngân tiền hạng lớn 2 đồng) .

Đến năm sau , đem quân đi phòng ngự ở xã Thạch Bi (Giặc không vào cướp được , nên được thưởng Phi Long ngân tiền , hạng nhón 1 đồng , hạng nhỏ 1 đồng) . Được tin báo thắng trận Ông cụ gật đầu khen mãi .

Sang năm sau (1855) , Cụ Ông mất , ta chỉ lo khôngnổi được nghiệp nhà . Tháng 10 năm ấy , được bổ thụ chức Thiên Hộ .

Năm thứ 12 (1859) đánh giặc ở xã Yên lập , Tỉnh Quảng yên (Thắng trận được thưởng Phi Long ngân tiền hạng nhón 3 đồng) .

Năm thứ 13 (1860) đón đánh giặc ở đường biên giới (được thưởng Phi Long ngân tiền hạng nhón 1 đồng và 6 Quan tiền kềm) , ở xã Khuất xá , châu Lộc bình (được thưởng Phi Long ngân tiền hạng nhón 1 đồng và 10 Quan tiền) . Ở xã Vĩnh khương , Huyện Yên bác (Lúc bấy giờ tướng giặc là Hứa Phạm Tam đến quấy rối , ta đem 600 lính Đồng đón đánh , được thưởng Ngân bài và 10 Quan tiền) . Từ đấy ta ra sức giúp Triều đình .

Năm thứ 15(1862) , giặc cướp nổi lên như ong, bọn Hoàng văn Chính quấy rối Tổng Yên Châu ,đăng Cai Vàng (tên Lý Tuyền) đến đồn Quang lang , Trương Thập Lục đánh phá tỉnh Cao Bằng . Đặng Chi Hùng tập hợp đồ đảng ở Đường Lang và Quỳnh sơn . Ta trước sau ra đánh 8, 9 trận , trận nào cũng thắng , được kỷ lục một lần , ngân tiền hạng lớn , hạng nhỡ và hạng nhỏ , mỗi hạng 7 đồng . (Năm ấy , đánh giặc cỏ ở Lang châu , thắng trận được thưởng Nhạn Tiên có chữ " Sử dân Phú Thọ " , hạng nhón , nhỡ và nhỏ , mỗi hạng 1 đồng . Đem 600 lính Đồng đến Yên Châu đánh bọn Hoàng Văn Chính , thắng trận , được thưởng thượng hạng ngân tiền lớn 1 đồng , hạng nhỡ 2 đồng , hạng nhỏ 2 đồng . Đánh giặc ở phố Quang lạng , thắng trận được thưởng thượng hạng ngân tiền lớn , nhỡ , nhỏ mỗi hạng 1 đồng . Bọn giặc cai Vàng tên là Lý Tuyền cướp được một con voi , giả xưng là quan Tuần phủ Lạng sơn , kéo lên đồn Quang lạng . Ta đem 800 lính Đồng đón đánh ở xã Chi Lăng , được thưởng thượng hạng ngân tiền hạng nhón 1 đồng . Tướng giặc là Trương Thập Lục đánh phá tỉnh Cao bằng , ta đem 500 lính Đồng theo , quan quân thu phục được Tỉnh Thành , được thưởng thượng hạng ngân tiền 2 đồng nhón , 1 đồng nhỡ và 1 đồng nhỏ . Sang Thái nguyên đánh Đặng Chí Hùng , thắng trận , được thưởng thượng hạng ngân tiền nhón , nhỡ , nhỏ mỗi thứ 1 đồng . Năm thứ 16 (1836) , bổ thụ Thổ binh suất đôi (do đánh giặc Tàu là bộ Chi Hỷ ở xã Hoàng động , được kỷ lục 2 lần nên xét bổ chức này) .

Năm thứ 18 (1865) , cải bổ làm Tri Huyện Yên bác (sau đó , có công theo quân bắt giặc , được thưởng một đồng tiền " Như Ý " thay cho bữa yến) .

Năm thứ 23 (1870) , quyền Tri phủ Trảng Khánh (Sau được phong 2 trật .

Năm thứ 24 (1871) , đến đóng đồn ở Kỳ lừa (Lúc bấy giờ tỉnh Thành lạng sơn có việc ,

thừa lệnh quan trên ta mộ được 900 lính Đồng đến đóng ở Kỳ lừa) và kiêm chức Châu Thoát lãng .

Năm thứ 27 (1874) , thăng Viên ngoại lang , nhưng vẫn lĩnh chức Tri huyện Yên bắc , rồi Tri Huyện Văn quan được 9 tháng , lại trở về chức cũ .

Năm thứ 28 (1875) lĩnh chức Tri phủ Trảng khánh .

Năm thứ 29 (1876) quyền tiền và thóc để giúp quân nhu (200 hộ thóc , 500 quan tiền) , được một đạo lục chỉ .

Năm thứ 31 (18878) sang Thái nguyên hợp với toán quân khác để đánh giặc (Quan Thống đốc họ Hoàng cấp cho bằng Bang phó tá quân vụ) .

Năm thứ 32 (1879) thăng một trận (rồi vẫn làm hàm Viên ngoại mà sung chức Bang tá Tỉnh vụ) .

Năm thứ 34 (1881) , lại sang Thái nguyên hợp với toán quân khác để đánh giặc , lấy được đồn Chu bố (được thưởng bạc hà , đỉnh hương , dầu quế mỗi thứ một chai) .

Năm thứ 36 (1883) , thăng thị giảng Học sĩ , vẫn lĩnh chức Bang tá tỉnh vụ .

Năm Hàm Nghi (1885) . Lã Xuân Uy đem theo ấn Tuân phủ ra nước ngoài . Các nơi lân cận , bọn giặc cướp thừa cơ tụ tập , đến nghìn người . Ta đem lính Đồng ở Thượng du và các trại tất cả được 500 tên , đến đàn áp ở Kỳ lừa , rồi phái phó binh là Phạm Văn Khoa đóng ở Tỉnh thành , còn ta thì đóng ở Bản Lộc , để cho mạnh thanh thế . Tháng 8 , tướng giặc là Hà Khánh Sinh đánh phá đồn Hữu thu . Được tin báo ta phái viên Bang tá cũ là Hà Vạn Ninh và viên Châu úy là Hứa Viết Tăng (Hiện làm Ám sát Lạng sơn) . chia đường tiến đánh , giặc bỏ chạy . Năm đầu , niên hiệu Đồng Khánh (1886) , quyền chức Bồ chánh . Được vài tháng , giặc tâu Lý Hữu Sinh đem hơn 2000 đồ Đảng lên qua hạt Cao bằng đến phá đồn Na cảm và quán Phú tàng , đánh phó Đồng bực rồi vây thôn Hữu Khánh . Ta thấy thôn này có nhiều thóc gạo, sợ giữ không nổi , thì địch cướp lương thực , nên lập tức đem 400 tên đoàn Đồng đến cứu viện . Bọn giặc ẩn nấp ở mậu sơn , ta quay về thôn Bản Chu , bọn giặc đem toàn lực tới đánh , nhưng không vào được . Rồi ta đánh tan được bọn giặc này ở Khôn Động , giết được rất nhiều . Năm này được làm Hộ lý Tuân phủ .

Năm sau (1887) , thăng làm Hồng Lô tự Khanh , (Vẫn quyền hộ lý) .

Năm sau nữa (1888) , thăng Thị lang , lĩnh Tuân phủ (rồi được thưởng Ngân Bội tinh) .

Được hai đạo cáo trạng (Hiện khảo làm Thị giảng học sĩ , Tỷ chánh Ngũ phẩm nghi nhân) .

Tên Hoàng Đình Kinh ở Tổng Ngột sơn , chiếm cứ nơi hiểm trở , thường đem đồ đảng đón bên đường cái quan ở bắc lệ , cướp xe chở quân nhu . Ta lập nhiều mưu kế , để cho chúng ngờ vực lẫn nhau , sau đó ta đem quân đến đánh úp , tên Kinh trốn thoát . Tháng 6 , pháiPhó lĩnh binh là Phạm Văn Khoa đem quân vây bắt được y ở thôn Bản Thí (Được thưởng Kim bội tinh) . Tháng 10 xin nghỉ việc để về làm Từ đường . Rồi ở nhà luôn .

Năm Thành Thái thứ 2 (1890) , bọn Lưu Kỳ Thắng quấy rối thôn Hữu Khánh , ta phái Bá Hộ là Vi Thế Hiền và Trần Văn Tường đón đánh , giết được 1 tên , bắt sống được 8 tên , lấy lại được 1 khẩu súng , 1 con ngựa và 14 phụ nữ . Được thưởng 100 quan tiền kềm . Quan trên phái đi đánh giặc ở xã Sần Viên , bắt sống được 1 tên , giết được 1 tên , rồi lại bắt sống được tên giặc lâu nămở biên giới là Mã Sinh Ninh .

Năm thứ 4 (1892) , đồ đảng của Lưu Kỳ Thắng là Lưu Nhị và Hoàng Khai tam ẩn nấp ở Mậu Sơn , chực đi quấy rối . Ta phái Châu úy Hiền và Thiên hộ Tường đón đánh , giết được 9 tên địch , bắn bị thương hơn 20 tên . Rồi đón đánh ở thôn Bản Lộc giết được 12 tên , bắn bị thương 30 tên , nộp giải ở Tỉnh . Quan toàn Quyền gửi điện tín , mời ta về hà nội , tướng giặc

là Lý Tam thừa cơ nổi lên . Con trai thứ hai của ta là Văn Trân đốc xuất toàn đồng để đánh giặc , giết được 2 tên , bắt sống được 8 tên , lấy lại được 13 phụ nữ . Quan Năm tư thường cho Văn Trân Tòng cửu phẩm bá hộ , hiện có một đạo sắc .

Tháng 3 năm thứ 5 (1893) , thực thụ hàm Tuần phủ , nhưng vẫn hưu dưỡng ở nhà . (Được thưởng Ngũ hạng Long bội tinh) . Lại được 2 đạo các văn gia tặng (Hiền khảo làm Thái bộc tự Khanh , Tỳ là tòng tam phẩm thực nhân) .

Lão tử có nói : " Tri túc bất nhục , tri chi bất đại " (Biết đủ rồi thì không nhọc , biết thôi đi thì không nguy) . Ta dù không giỏi , cũng biết lời dạy đó . Thế thì ta còn mưu cầu gì nữa .

Tháng 11 , Quan Toàn quyền và Quan Kinh lược về tận nơi nói với ta rằng : " Giặc cướp ở Biên giới chưa yên , hãy cố gắng ra làm việc để thỏa lòng dân trông cậy " . Vì thế ta bắt buộc phải ra làm trái với ý muốn của mình .

Tháng giêng năm sau (2/1894) , ta lại ra làm việc (được cấp một bản Nghị định : Tổng đốc lĩnh Lạng Bình Tuần phủ) . Nhờ hồng phúc của Hoàng Thượng và uy đức của các vị Đại Thần , bọn cướp lần lượt bị bắt (tên Kim Lộc , tên Vòi) , làm biên cảnh được an ninh .

Lại 1 năm nữa (1895) , thăng 1 trật (nhân dịp tứ tuần đại khánh của Hoàng Thái hậu , được thăng 1 trật và thưởng đại yển ngân tiền , nghĩa là ngân tiền thay cho bữa đại yển) .

Lại một năm nữa (1896) , được cáo thụ Tổng đốc (tháng 6 , Nha Kinh Lược cấp cho Kim thanh hạng nhì . Tháng 9 được đạo cáo văn : Tổng đốc lĩnh Tuần phủ) .

Lại một năm nữa (1897) , tấn phong Nam tước (tháng 3 , quan Khâm mạng đưa Thái trực tấn phong Tráng phái nam . Tháng 5 , quan Toàn quyền tặng bắc đầu bội tinh) .

Lại 3 năm nữa (1899) , gia tặng Miếu chức cho song thân (Hiền khảo làm Gia nghị đại phu , Thái thường tự Khanh . Tỳ là chính tam phẩm thực nhân) .

Lại một năm nữa (1900) , thăng Biện Đại Học sĩ.

Kể từ lúc trẻ theo việc nhung trường , trải qua 40 năm , cũng chỉ như là giấc mộng lúc ra đời , giấc mộng đó quả là điềm tốt . Chắc tiên công đã định trước như thế , mà Thần bạch hổ cũng thiêng , mượn tay ta mà làm cho được như thế .

Nay ta đã 71 tuổi , vẫn như hồi trước không ngủ được , mới bảo cậu học trò đem bút chép lấy bài " Tự trạng " này .

Viết tại Dinh Tổng đốc Lạng bình - Mùa thu năm Canh Tý - Niên hiệu Thành Thái thứ 12 (1900) .

TRUY TÌM VỀ MỘT GIAI THOẠI ĐẶT MỘ . BÀI 2 .

TRUY TÌM MỘT GIAI THOẠI .

Việc diênbatn chép những câu chuyện trong Gia phả của dòng họ Vi Văn Định ở trên chỉ nhằm mục đích tìm lại những việc có trong thực tế . Lịch sử như thế nào tự nó đã trả lời . Người viết chỉ muốn qua những câu chuyện trên nghiên cứu và tìm hiểu lại câu chuyện đặt mộ Tổ của dòng họ Vi vẫn lưu truyền trong dân gian , nhất là tại vùng sơn cước biên giới . Dòng họ Vi có công hay có tội , Lịch sử sẽ phán quyết . Người viết chỉ chú trọng vào lĩnh vực chuyên môn là Phong thủy .

Để có thể kiểm chứng lại những gì đã đồn đại và lưu truyền trong dân gian về Mộ Tổ dòng họ Vi , người viết đã tự mình nhiều lần lên Bản Chu là Thủ phủ của VI VĂN ĐỊNH ngày xưa để tìm hiểu sự thực .

Từ Thành phố Lạng sơn đi men theo sông Kỳ cùng về phía thượng nguồn (Sông Kỳ cùng là

một con sông duy nhất ở Việt Nam bắt nguồn từ Trung Quốc đổ vào Việt nam tại Bắc Xá - Huyện Đình Lập - TP . Lạng sơn , chảy vòng vo tam quốc trong Thành phố Lạng sơn rồi lại chảy về Trung quốc tại Đào viên - Huyện Tràng Định - TP . Lạng sơn) . Theo một con đường nhựa đã hư hỏng rất nhiều , người viết đến xã Khuất xá - Huyện Lộc Bình . Nơi đây có Bản Chu , là Thủ phủ của Quan Tổng đốc Vi Văn Định khét tiếng một thời của xứ Lạng . Nơi đây cách trung tâm Thành phố Lạng sơn khoảng gần 50 Km .

Bản Chu là một ngôi làng khá cổ kính , đã là nơi mà nhiều người ở xứ Lạng và trong nước biết tới . Nơi đây không chỉ là Thủ phủ một thời của xứ Lạng mà còn là một làng quê người dân tộc Tày , có những kiến trúc cổ độc đáo . Một trong những nét tiêu biểu về Kiến trúc của bản Chu là những ngôi nhà hai tầng làm bằng gạch không nung, hoặc tường đất trình , có mái lợp bằng ngói máng kiêu rất xưa . Nhờ kiến trúc như vậy mà những căn nhà đó , mùa hè rất mát , mùa đông lại rất ấm . Nhìn toàn cảnh Bản Chu thật là đẹp , bốn xung quanh có những dãy núi cao bao bọc nhiều lớp . Bản làng nằm men theo con sông Kỳ cũng lững lờ nước chảy, hai bên bờ cây cối xanh um . Một đặc trưng nữa của Bản Chu là hầu hết các ngôi nhà , xung quanh có những lớp tường bằng đất nện trên có trồng xương rồng , vây bọc lấy căn nhà , giống như một lớp thành trì bảo vệ ở cái xứ mà ngày xưa vô số Thổ phỉ , giặc cướp Tàu , ta . Nhìn toàn cảnh Bản Chu như một pháo đài bất khả xâm phạm - Vừa là nhà ở , vừa là Thành trì . Nét nhấn về Kiến trúc của bản Chu chính là những gì còn sót lại của 3 cái cổng làng xây bằng gạch và cổng vào Dinh của Tổng đốc Vi Văn Định . Cổng được xây dựng bằng gạch nung rất kiên cố , còn dấu vết của những cánh cổng bằng sắt dày . Kiến trúc của cổng rất đẹp , vừa cổ kính vừa mang sắc thái tín ngưỡng , những mái vòm cong có những nét điêu là hình rồng bay lên . Hiện nay gần như toàn bộ Dinh đã bị phá hủy , lớp thì thời gian , lớp thì pháo kích của quân Tàu ngày trước , lớp thì bị con người tại chỗ phá hủy . Nhìn nét thể lương , âm đậm đúng như câu thơ " Nền cũ lâu đài bóng tịch dương " .

DINH TỔNG ĐỐC NGÀY XƯA :



DINH TỔNG ĐỐC NGÀY NAY .



MỘT CỒNG LÀNG MANG ĐẦY NÉT PHÒNG THỦ CỦA BẢN CHU .



diênbatn tại UBND Xã Khuất xá - Huyện Lộc bình - TP. LẠNG SƠN (Nơi có Bản Chu) .



NỀN CỬ LÂU ĐÀI BÓNG TỊCH DƯƠNG .





Có lẽ từ ngày xưa do lý do giặc giã , người dân Bản Chu đã biết thiết kế liên hoàn làng , bản của mình thành một căn cứ quân sự . Các nhà xây dựng liền kề nhau tạo thành một quần thể kiến trúc thống nhất , có hàng rào bằng đất nện cao ngang đầu người , biến mỗi ngôi nhà trở thành một ổ đề kháng . Người dân đã biết trồng những lũy tre làm thành trì và đào nhiều hồ ao bao bọc xung quanh địa phận của mình . Tại xung quanh khu Thủ phủ có ba cái ao tên lần lượt là : Phai Cái , Phai Cầu và Cốc Sung có diện tích khoảng trên dưới 3 Ha . Những cái ao này hẳn ngày xưa rất đẹp vì được quy hoạch rất hợp lý , vừa là cảnh quan vừa để phòng thủ . Hiện nay tại một số đoạn bờ ao còn có những đoạn kè bằng đá xây dựng rất Mỹ thuật .**ĐOẠN SÔNG KỶ CÙNG CHẢY QUA BẢN CHU**





DẤU TÍCH BỜ AO CÓ KÈ ĐÁ





Bản Chu là một trong 13 thôn của xã Khuất xá . Xét về mặt Phong thủy thì đây là một địa hình rất đẹp . Bản nằm chính giữa vùng đồng bằng , nơi giao nhau của hai dãy núi rất lớn . Từ trên cao nhìn xuống , hai dãy núi như hai cái chân người dang ra hai bên , kẹp Bản Chu vào giữa . Địa hình vùng này có đủ cả Sông (Kỳ cùng) , núi và đồng ruộng bao la . Con sông Kỳ cùng mùa này nước xanh ngát lững lờ chảy vòng vung quanh bản . Sông Kỳ cùng một mùa đỏ nặng phù sa , cuộn cuộn chảy , còn mùa này nước lại trong xanh mát cả mắt , thật là lạ . Toàn bộ dân của bản Chu dùng nước tại một cái giếng do đích thân Vi Văn Định bỏ tiền xây dựng . Tên địa phương của giếng nước này là Bó Lìn . Đây là một giếng nước cũng vô cùng thú vị . Ở ngay tại rìa bờ sông Kỳ cùng - Bất kể mùa nước lớn hay nhỏ , mực nước trong giếng đều như nhau . Mạch nước ở đây không phải thẳng đứng từ dưới lên như những cái giếng khác mà là được dẫn từ lòng núi , cho chảy vào một cái giếng rất lạ được xây kiên cố bằng gạch và xi măng . Niên đại khắc trên thành giếng cho chúng ta biết được nó xây dựng vào năm 1910 . Nước giếng này trong như nước tinh khiết , để cả năm không hề có váng , vị nước rất thanh , ngọt , có thể uống luôn mà không sợ bị đau bụng . Giếng này được đặt hơi xa khu dân cư , xung quanh có nhiều cây cổ thụ tạo nên một khung cảnh tuyệt đẹp . Người dân nơi đây quan niệm rằng uống nước Bó Lìn sẽ mạnh khỏe , thành đạt và minh mẫn hơn . Con cháu dòng họ Vi vẫn lấy nước này về làm nước thờ hàng năm .

BÓ LÌN







Hiện nay , khu vực Dinh Tổng đốc chỉ còn là một bãi đất hoang tàn . Người ta mới cho xây dựng một nhà trẻ cho các cháu trên nền của sân Ten nít ngày xưa ở khu vực cuối của Dinh . Đã có nhiều hộ dân từng lấn chiếm đất Dinh để làm nhà , nhưng đều xảy ra những việc khủng khiếp phải bỏ của chạy lấy người . Người viết được một vị chức sắc của Ủy ban xã kể cho biết, đã từng có hai gia đình vào làm nhà tại hai bên sân ngay tại khu vực cổng Dinh . Cả hai gia đình này đều xảy ra hiện tượng cha con vác dao chém nhau , gây án mạng , có người bị chém tới hàng chục nhát dao . Hiện nay họ đã phải bỏ đi , để lại những mái nhà hoang tàn giá lạnh . Một việc nữa là những nhà xung quanh Dinh , sử dụng những di vật của Dinh như ngói , gỗ , các vật bài trí ...đều có cuộc sống nghèo khó dưới mức trung bình . Người viết có trao đổi với ông Bí thư của xã Khuất xá và con cháu của dòng họ Vi về việc bảo tồn và tu tạo một di tích Lịch sử của Bản Chu là Dinh Tổng đốc . Được biết , những người này rất nhiệt tình và UBND xã Khuất cũng ủng hộ và tạo điều kiện để khôi phục một chứng tích Lịch sử .Hiện nay , di vật của Dinh Tổng đốc còn nằm lại trong nhà dân khá nhiều . Người viết trong đợt vừa qua đã cùng con cháu dòng họ Vi thu lại được một hiện vật vô cùng quý giá , đó là một bảng đồng khắc chữ rất đẹp , vừa chữ Hán vừa chữ Việt , ghi rõ phả hệ của dòng họ Vi . Miếng đồng này bị một người dân trong vùng lấy về làm nắp lu đựng nước . Con cháu của dòng họ Vi đã rơi nước mắt và tổ chức ăn mừng khi di sản của dòng họ lại trở về . Hiện nay , trước cửa Dinh còn một bể nước cảnh bằng đá nguyên khối , con cháu dòng họ Vi nên tìm cách bảo quản để sau này có di vật khi trùng tu lại Dinh .

Hiện nay , dân Bản Chu chỉ sống bằng nguồn sản xuất nông nghiệp , thu nhập bình quân một đầu người chỉ khoảng trên một triệu đồng . Đường làng tuy đã được bê tông hóa nhưng chỉ ở một vài đoạn đường chính . Người viết mong mỏi rằng , việc tu tạo sửa chữa lại dinh Tổng đốc xứ Lạng của dòng họ Vi và chính quyền xã Khuất xá sẽ tạo nên một điểm du lịch hấp dẫn khách du lịch trong nước và Thế giới . Chính việc này sẽ thúc đẩy đời sống của dân Bản Chu được nâng cao lên .

DIENBATN VÀ ANH BÍ THƯ XÃ KHUẤT XÁ .



NHÀ TRẺ ĐƯỢC XÂY DỰNG TRONG KHU VỰC DINH TỔNG ĐỐC .



Chúng tôi về thăm mộ dòng họ Vi vào một buổi chiều cuối thu . Không gian Bán Chu hiện lên trong sắc thu thật là đẹp . Ánh nắng rực vàng trên những tàn lá thông cổ thụ ở những dãy núi xung quanh . Con sông Kỳ cùng xanh ngất ngút uốn lượn quanh bản như những dải lụa quấn ngang hông những người con gái miền sơn cước . Từng đoàn thiếu nữ ra Bó Lìn gánh nước , dáng đi uyển chuyển theo nhịp đòn gánh tưởng như bầy Tiên nữ giáng trần . Không biết cảnh ngày xưa giặc giã , thổ phỉ , cướp bóc ở xứ này như thế nào , bây giờ chỉ thấy một cuộc sống yên bình , êm ả của một vùng sơn cước vào thu .

Chúng tôi ghé thăm mộ của cụ VI VĂN LÝ (1830 - 1905 - Là cha của VI VĂN ĐỊNH) , nằm cạnh còn có mộ bà HÀ THỊ BẠCH (là chính thất của cụ ĐỊNH) . Hai ngôi mộ này nằm theo hướng Tọa Thân - Hưởng Dân tại khu vực Nà Khưa - Xã Khuất xá - Lộc bình . Đây là hai ngôi mộ có kết cấu kiểu Pháp có pha thêm bản sắc miền sơn cước rất đẹp . Đầu hai ngôi mộ đều xây thành những vòm cuốn cao , bên trong có chứa Bia mộ . Đằng sau là thần mộ , xung quanh từng mộ có hàng tường gạch xây bao bọc cuốn theo kiểu túi đưng tiền . Hướng mộ trước kia khi chưa có con đường chạy qua trước mặt , nhìn xuống một bãi trống , có con sông Kỳ cùng uốn lượn qua . Đằng sau mộ phía xa xa là một dãy núi cao vút , mây vắt ngang triền núi . Nếu không có con đường và cây cầu gần đó án hướng mộ thì đây cũng là một kiểu đặt mộ điển hình của người Hoa ngày trước . Người viết còn có một điều chưa ưng ý và đã trao đổi với dòng họ Vi là nên đưa mộ Vi Văn Định tập kết về nơi này vì thực ra chỉ có bố chồng và nàng dâu nằm cùng chỗ như vậy cũng thật bất tiện . **TOÀN CẢNH KHU MỘ .**





KẾT CẦU MỘ.



BIA MỘ CỤ VI VĂN LÝ .

武泰丙午李冬吉謹銘

生於國朝庚子月初七日辰時

協辦大學士總督領事長派吳韋相公墓

壽終於己年九月二十一日歲

文從文琳泰誌

REPOSE

王 韋 相 公 墓

TONG DOU DI LANG SO

CHEVALIER DE LA LEGION D'HONNEUR

CHIEF OF THE



Tuy nhiên , mộ của dòng họ Vi lại không nằm tập trung ở khu vực này , mà là ở trên một gò đất không cao lắm ở phía sau Bán Chu . Tại khu vực này có hai gò đất khá lớn , một là nghĩa trang của họ Vi , một là nghĩa trang của họ Lường (hay Lương) . Nếu xét về mặt hình thể thì mộ của họ Lường có hình thể đẹp hơn , gò đất tròn trịa , cây cối xanh rờn , gò đất còn gần như trình nguyên , ít bị tác động của con người . Hiện nay con cháu họ Lường đã tổ chức tu tạo phần lăng mộ rất đẹp và theo mọi người nói , con cháu họ Lường đang ăn nên làm ra , bộn phát công danh . Từ ngày xưa cho đến nay , dòng họ Lường không lúc nào quá phát và cũng không lúc nào quá khó khăn , cuộc sống sung túc , bình an luôn đến với mọi người trong họ . Ngược lại , gò đất của dòng họ Vi thì thấp hơn , nơi đây cũng rất đẹp , nhưng vì bàn tay của con người tác động quá nhiều nên mất đi vẻ trình nguyên hoang sơ ban đầu . Mộ của dòng họ Vi quy tụ vài chục cái , nằm thẳng hàng , trắng xóa cả gò đất . Theo người bản địa cho biết , ngày xưa có một gò đất nhỏ hình mũi dùi chĩa vào khu mộ (Không rõ có phải con Hỏa mà thầy địa lý xứ Nghệ phải bó tay hay không ??) . Hiện nay , qua nhiều năm làm nương rẫy , người ta đã san bằng con Hỏa đó rồi .

Người viết đã đi mộ vòng xung quanh hai khu mộ của họ Vi và họ Lường , đồng thời đã trèo lên đỉnh một ngọn núi gần đó quan sát thì thấy về Phong thủy khu đất này thật độc đáo

.HÀNG CHỤC NGÔI MỘ DÒNG HỌ VI NẴM NGANG TRẮNG XÓA CẢ QUẢ ĐỒI .



TOÀN CẢNH XUNG QUANH KHU MỘ - ĐĂNG XA LÀ DÃY KHAO LÁNG.



KHU LÃNG MỘ DÒNG HỌ LƯỜNG .



K

Khu vực mộ dòng họ Vi được gọi theo tiếng dân tộc Tày là Mả Phiêng Phai. Cả hai khu mộ của họ Vi và họ Lường đều có Long tay Hổ cân phân , được cấu tạo bởi dãy Khao Láng. Từ đằng xa , nhìn về dãy Khao Láng giống như một người đàn bà nằm ngửa , hai chân dang ra và cả hai khu mộ đều được kẹp ở giữa. Riêng mộ của ông nội VI VĂN ĐỊNH , nằm đúng chính Huyệt trên lưng chừng dãy Khao Láng người viết sẽ đề cập sau. Xung quanh khu vực Huyệt mộ được con sông Kỳ cùng và một nhánh của nó ôm vào lòng.

Tận lưng chừng của dãy núi Khao Láng , điểm giữa của tay Long - Tay Hổ là mộ ông nội cụ VI VĂN ĐỊNH . Từ Bản Chu lên được đến đây phải đi mất " vài con dao quăng " như người dân tộc thường nói . Đường lên Khao Láng không dốc lắm như các dãy núi đá ở Tây Bắc Việt nam mà thường dọc theo các triền núi có lớp đất vỏ rất dày (có lẽ là đặc trưng của các ngọn núi vùng Lạng sơn) . Hai bên đường lên là những rừng thông cổ thụ ngút ngàn tầm mắt , cái hơi se lạnh cuối thu làm cho những người lữ hành càng thêm phấn chấn bước tới . Vượt qua khoảng ba ngọn núi thật cao , chúng tôi xuống tới một thung lũng nhỏ và ngẩng lên , trong những bụi cây rậm rì , xanh biếc , mộ ông nội cụ VI VĂN ĐỊNH hiện ra trắng xóa .

TRÊN ĐỈNH CỦA KHAO LÁNG.



ĐÂY LÀ MỘ SỐ CẢNH ĐẸP DIENBATN CHỤP ĐƯỢC KHI LEO NÚI
Bắt đầu .











TỚI ĐÍCH



Trên lưng chừng đỉnh Khau Láng, từ hơn 100 năm nay đã tồn tại một cái mộ có hình dáng khá kỳ lạ. Đây chính là mộ của ông nội cụ VI VĂN ĐỊNH. Mộ có hình mộ con Rùa nằm theo hướng Tọa Thìn - Hướng Tuất. Trên đỉnh mộ là mộ khối đá hình nửa quả trứng trông khá kỳ lạ. Huyệt mộ này được đặt đúng vào tâm điểm Âm Huyệt của Long mạch. Chúng ta cứ hình dung một người đàn bà nằm ngửa, hai chân dang ra và Huyệt mộ đặt chính xác vào Âm Huyệt. Minh đường của Mộ là cả một cánh đồng bát ngát ở phía dưới, thoải thấp dần về tới khu Phiêng Phai. Hai bên tay Long, tay hổ rất cân phân, ôm trọn cả khu Long Huyệt vào lòng. Con sông Kỳ cùng chảy quanh co, lững lờ từ phía Thanh long qua phía bạch hổ. Hai qua đồi đất tại khu Phiêng Phai như 2 chiếc Ấn, tọa trước Long huyệt. Theo sự khảo cứu bằng cảm xạ của người viết, kết hợp với khả năng ngoại cảm từ xa của 2 Nhà Ngoại cảm Minh Nguyệt và chị Mai (Thái bình), chúng tôi đồng thời có kết luận giống nhau là dưới Huyệt mộ không có cốt. Sau này khi về đến bản Chu, chúng tôi được nghe câu chuyện về ngôi mộ này như sau. Trước kia, đúng là Ông nội cụ VI VĂN ĐỊNH được táng ở Huyệt mộ này. Sau này, không biết vì lý do gì mà người Tàu đào lên mang về Trung quốc mất. Triều đình Việt nam lúc bấy giờ đã phải xuất cho bố cụ ĐỊNH 200 quan tiền để sang Trung quốc chuộc về. Về sau này nghe truyền lại là táng bí mật ở trong núi nhưng không ai tìm thấy cả. Về hình dáng kỳ bí của Huyệt mộ, người viết xin phân tích kỹ ở phần sau. **NGÔI MỘ CÓ HÌNH DÁNG KỶ BÍ**



Từ các thời trước cụ VI VĂN ĐỊNH , dòng họ VI rất phát về Quan trường thuộc phái Võ quan . Sau thời cụ VI , có một điểm khác lạ là lại phát về cánh phụ nữ . Chúng ta có thể điểm qua một số phụ nữ trong dòng họ Vi phát Phúc nhờ chồng như sau :

* Bà VI KIM NGỌC (Sinh ngày 12/1/Bính Thìn tức ngày 18/6/1916) là con thứ 3 của cụ VI VĂN ĐỊNH lấy chồng là NGUYỄN VĂN HUYỀN , Luật khoa Tiến sĩ , quê Hoài Đức - Hà đông .

* Bà VI KIM THÀNH (Sinh ngày 12/12/ tân Sửu - 1902)- con gái cả cụ Vi , lấy chồng là DƯƠNG THIỆU CHINH (TRINH) . Bỏ chánh quê tại Vân đình - Phủ Ứng hòa - Hà đông .

* Bà VI KIM YẾN (Sinh ngày 4/5/Nhâm tý - 1912) con gái thứ 2 lấy chồng là PHAN HỮU CƯỜNG - Quê làng Đông Ngạc - Phủ Hoài đức - Hà Đông .

* Con gái út cụ Định là VI KIM PHÚ (Sinh ngày 10/11/Mậu Ngọ - 1918) lấy chồng là HỒ ĐẮC DI , Bác sĩ là con trai thứ cụ HỒ ĐẮC TRUNG ở Huế .

* Bà VI NGUYỆT HỒ (Con ông VI VĂN DIỆM - Là con trai trưởng cụ Định) - Lấy chồng là Bác sĩ TÔN THẤT TÙNG .

VĂN BIA TRÊN MỘ ÔNG NỘI VI VĂN ĐỊNH .



NHỮNG NGHI ÁN PHONG THỦY TRONG DÒNG HỌ CỤ VI VĂN ĐỊNH .

Trong dòng họ cụ VI VĂN ĐỊNH có nhiều nghi án liên quan đến Phong thủy mộ phần .

Người viết xin được điểm lại như sau :

* VI VĂN LÊ : Là con trai cụ Định đi ngựa qua sông Kỳ cùng , bị ngựa vương rễ cây chồm lên , hất ông Lê xuống và bị ngựa dẫm chết tại khúc sông ở Bản tầu - Xã Tú đoạn - Huyện Lộc bình . Ở nơi này còn có miếu thờ của ông .

* Bà VI THỊ TƯ (Là em của cụ Định) , khi đi ngựa ở Từ Liêm - Hà nội bây giờ , ngựa vương vào rễ bèo Nhật bản chồm lên xô bà xuống ao chết đuối .

* Bà HÀ THỊ BẠCH (Là chính thất của cụ Định) , trong khi cưỡi ngựa thăm con gái , ngựa vấp ngã làm bà tử thương tại xã Ứng hoà - Hà tây bây giờ . Mộ bà hiện nay được táng tại khu đất Nà Khưa - Xã Khuất xá - Lộc bình - Lạng sơn .

* Con trai cụ Định là VI VĂN HUYỀN yêu một bà đầm người Pháp. Vì gia đình hai bên cấm cản sao đó mà đã dùng súng lục bắn tự vẫn làm cả hai người bị chết tại Hải phòng .

Có một điều hết sức kinh ngạc là Cha cụ Định mang linh khí của Bạch hổ thì các con , cháu lại hay phải chết vì ngựa ???

HÌNH MIẾU THỜ NƠI ÔNG VI VĂN LÊ CHẾT DƯỚI SÔNG KỲ CÙNG TẠI BẢN TẦU - TÚ ĐOẠN - LỘC BÌNH .



TRÍCH LỤC CUỐN : THẤT TỘC THỔ TY Ở LẠNG SƠN .

Tác giả LÃ VĂN LỒ sưu tầm và dịch từ bản chữ Hán , có tham khảo bản dịch của cụ ĐỖ MỘNG KHUÔNG .

Lời tựa : Mới đây , người viết may mắn có trong tay bản dịch trên của tác giả là nhà Dân tộc học LÃ VĂN LỒ (1973) . Trong bản THẤT TỘC THỔ TY này có phần viết về dòng họ VI ở Lạng sơn rất hay . Người viết xin trích đăng để các bạn có tài liệu tham khảo . dienbatn .HỌ VI

Xét gia phả họ Vi , nguyên tổ tiên là họ Hàn tên là Nhân , dòng dõi của Hoài Âm hầu Hàn Tín . Lã Hậu nghi Hàn Tín mật thông với Trần Hy làm phản , nên cùng lập mưu với Tiêu Hà diệt trừ Hàn Tín . (Khoảng năm 110 trước CN) . Lúc bấy giờ một người thiếp của Hàn Tín có thai, Tiêu Hà mật gửi cho Triệu úy Đà ở Lĩnh Nam nhận nuôi . Đà làm Long châu lệnh (Long châu nguyên là đất Việt ta , thời Tần Vua sai Triệu Đà theo Nhâm Thao sang chia cai trị , đất ấy đến bây giờ thuộc Hán) , nuôi nhận (tức là con người thiếp của Hàn Tín) rất chu đáo . Khi Nhân trưởng thành , giúp Đà làm việc , Đà chia đất cho từ Thượng Thạch trở đi , lấy phía Đông làm giới hạn . Đà sai Nhân bỏ nửa chữ Hàn đi trở thành họ Vi từ đó (để tránh chu di Tam tộc) . Từ khi Nhân ở đất Long châu , từ Thượng Thạch về phía Đông , Cổ Lân , Tư lãng về phía Bắc đều giao cho Nhân quản trị . Đến lúc họ Triệu suy , Nhân chiếm ứ đất Long châu , sai con thứ chín là VI TIẾT NGHIÊM , giúp cai trị . Sau Nghiêm kiêu ngạo làm bại bị Hồ giết chết (Hồ là cháu Triệu Đà , con Trọng Thủy lấy Mỵ nương nước Việt sinh ra) . Họ hàng con cháu lánh nạn về đất Nhật nam , trở thành một dòng họ quý tộc ở đất này . Như thế đủ thấy Phúc Trạch họ Vi đầy đặn và lâu dài . Đến đời Trần , khoảng năm HÙNG LONG (1293 - 1314) , có VI KIM TÔN , xuất thân từ một người lính , làm Quan đến chức Đông dinh Đô Đốc phủ , tước phong Vạn Quận công , truyền cho con tên là KIM ĐÌNH , làm quan ở đất Hoan châu (Tức Nghệ an bây giờ - NV) , kiêm chức trưởng hải liên . (Lúc bấy giờ Triều đình sai ông đào sông để chở lương thực đánh Chiêm thành) . Ông làm nhà ở chỗ Châu Ly (Nghệ an - NV) , phía Đông Thành (trên đất xã Vạn Phần) . Vì có công làm đường thủy thuận tiện cho việc chở lương , nên được phong Cận Quận công . Đến đời cháu là KIM THẮNG , lấy chân Âm tự , được bổ vào Trục Diện Kim đao Ty , trẻ tuổi , giỏi giang được Vua yêu quý . Đến đời Vua hiện ??? năm Xương Phù (1377 - 1388) , lại được giữ chức Kim Ngô . Từ khi HỒ QUỲ LY cướp ngôi , ông giận việc thoán nghịch không theo , liền vượt mọi khó khăn , ngầm sang Trung quốc cầu cứu để khôi phục lại nhà Trần . Vì không thỏa mãn được chí hướng của mình , Ông ẩn náu ở vùng biên giới . Người nhà Minh mời ra làm quan , Ông cũng không ra . Được tin Vua LÊ THÁI TỔ khởi binh ở Lam sơn , để đánh đổ chính sách đô hộ tàn bạo của nhà Minh , Ông lập tức chiêu tập dân binh trong các động , sách đi theo giúp Vua đánh giặc . Giặc bình xong , khi luận công , ông được liệt vào hàng Khai Quốc Công Thần , được phong chức Trụ Quốc tước thảo lễ Đô đốc mật Quận công , được dự vào việc Khu cơ (tức là việc mật của Triều đình) . Thời bấy giờ , họ Hồ chiếm cứ vùng Lạng sơn (Tức HỒ KIM KHUÊ) , có tên Mao Quốc công làm Nguyên soái . Năm Thuận Thiên thứ tư (1431) , Vua sai con trưởng của Ông là VI PHÚC HÂN , giữ chức Đô Đốc đồng tri Hoàn Quận công , cầm một đạo quân đông tới ba vạn người và Voi lên Lạng sơn tiêu phi , chiêu dân (lúc đó dân siêu tán để tránh loạn lạc) . Ông cai quản xứ Quảng Yên , sau làm Trấn thủ biên thủy , Triều đình cho lấy châu Lộc Bình làm quê quán , đòi đòi làm Phiên thần , không cho về quê nữa . Ông sinh được 5 người con trai , con trưởng là THỂ THẬN , con thứ là THỂ HUỆ chia nhau cai quản châu Lộc bình . Con thứ ba là THỂ KỶ ở An châu - Huyện AN BẢO . Con thứ tư là THỂ TĂNG , ở Ôn châu . Con thứ năm là THỂ TRẠCH châu Bình Tây (Xã Xuân Lễ - Châu Cao Lộc ngày nay) , đều được phong làm Kinh lược sứ (Theo quan chế triều Lê là tước quan Chánh Ngũ phẩm được phong tước hầu) . Sau THỂ THẬN được phong tước Công , truyền 2 đời đến DIÊN ĐÌNH , ba đời đến HOÀNG HOÃN (?) , bốn đời đến HÂN ĐƯỜNG , gặp lúc nhà Mạc cướp ngôi nhà Lê , con HÂN ĐƯỜNG là NHỮ DIỆC hầu

Đức Thứ (?) , cháu Trúc Quận công Đức Quảng không chịu theo nhà Mạc . Còn chi thứ hai là con cháu THẾ HUỆ là VI ĐỨC SỸ , đem dân thuộc hương động của mình phụ thuộc vào triều nhà Minh . Từ đây , châu Lộc bình mất đi một nửa phần thượng du (tức là từ đất Tư Long thuộc tỉnh Quảng tây bây giờ) . NHƯ DIỆC cho con là ĐỨC TỰ cố giữ trại sách (sau Tự có công được phong Thọ Quận công) . Tự đem đồ dâng đi vào Nghệ an theo Vua Lê . Lúc bấy giờ Vua nhà Minh tha tội cho họ Mạc , con cháu MẠC ĐĂNG DUNG là Phúc Hải làm An Nam Đô thống , lấy vùng Thanh - Nghệ giao cho Vua Lê để thờ cúng Tổ tiên , tức LÊ TRANG TÔNG trung hưng , hiệu là Nguyên Hoà (1533 - 1548) . Còn Vua Lê húy là Minh thì biệt phong là Thống sứ Ty . Thời đó họ Mạc lên chiếm cứ vùng Lạng sơn , có Ngụy Đôn hậu Vương Mạc Kính Cung chiếm cứ châu Văn Lan , lên ngôi Vua ở xã An Bài (Ngụy Thái bảo Nguyễn Dữ làm mưu chủ , ở Lạng sơn có hào tướng họ Nông , họ Hà đi theo nhà mạc) . Mạc Kính Cung tiếm xưng hiệu là Càn Thống (1593 - 1635) , đắp thành Khánh Dương (bây giờ ở núi Vệ sơn , Đông Kinh , nền Thành cũ vẫn còn) ... duy có Thọ Quận công bày mưu đánh giặc , bảo toàn được Tỉnh Lạng sơn , đánh giết được Vương Mạc Đôn hậu ở An Bắc , đuổi Kính Cung về Cao Bằng . Đến khi nhà Lê trung hưng lên , Triều đình cho làm Tam Đô Ty quản binh để chống lại nhà Mạc . Đây là việc thưởng công cho cha con Thọ quân mà Tỉnh Lạng sơn đặt chức quan Ty từ đó . Triều đình lại cho con cả Thọ Quận công là ĐỨC KHÁNH làm Tam Ty trưởng , được phong Lại Quận công , truyền đến cháu là ĐỨC THẮNG , tước vị càng cao đã từng phụng mệnh đi khắp xứ Bắc quốc , được thưởng hai Huyện BẢO LỘC và LỤC NGẠN làm Thái Đô để lấy binh , lương . Lúc bấy giờ , họ Vi có người con nuôi là HÀ ĐÔN , là con thứ của Tây sơn hầu HÀ ĐIỀM . Lại Quận công lấy em gái Đôn làm vợ lẽ , được ông yêu quý hơn các vợ khác . Đôn học nhiều mà tinh ranh , vũ dũng hơn người , đi đánh giặc ở Cao bằng xung phong vào trận bắt giặc (bắt được ngay tướng MẠC KHÁNH SỬ) , đánh bại TRẦN SÙNG VĂN , được phong Lục Quận công , đổi lấy họ Vi tên là ĐỨC ĐÌNH . Vua lại sai đi Cao Bằng hòa giải với Mạc Long Thái Vương . Vương lấy hai tôn nữ là hai nàng Đông Hoa và Quế Hoa , gả cho Đôn và cho về quê . Lại Quận công không về , Đôn lấy con gái họ Mạc mà nghi ngờ . Đôn ngầm ngầm muốn chiếm đoạt dòng họ Vi . Nhưng Kiêm Nghĩa hầu (tên là ĐỨC THỤ) , vẫn bao dung không chống cự . May mà lòng Trời giúp họ Vi , Hà Đôn chết mà ĐỨC THẮNG (Vũ Quận công) mới đi xứ Trung quốc về (Ông có bài kể về Hà Đôn rất thâm chếp ở tập Văn học) . Được lần lượt an ủi , vỗ về , họ hàng nói (Gia phả họ Vi thì thấy chép : Tháng 2 năm Phúc Thái (1647) , Lục Quận công là HÀ ĐÌNH MỨC giết Súc Nghĩa hầu VI KHAO . Em là ĐỨC THỤ thế cô bèn ngầm mang cháu là PHÚC AN đương đêm chạy sang Bảo Lộc , nâng tựa Lại Quận công . Lúc bấy giờ ĐỨC ĐÌNH xưng Phò mã Quốc công , sắp làm việc trái phép (Triều đình cũng không làm gì được) . Đến đời Khuê Quận công PHÚC VỊNH mới dời chỗ từ Dinh Chùa (Xã Tú đoạn - Huyện Lộc bình) đến ở núi Lục Mã (Xã Khuất xá , Lộc bình) . Nguyên xứ này núi sông quanh co , đất từ dãy núi Côn Sơn , Mẫu Sơn chạy sang , hai sông gặp nhau thật là một thắng cảnh của cả Tỉnh Lạng sơn , không riêng chỉ là nơi núi non của một khu . Nguồn gốc Gia thế bảy họ Thổ Ty thì họ Vi là dòng họ trâm anh hơn cả . Trải qua 22 đời nhờ ơn nước , các đời nối tiếp nhau cai quản dân làm đến Khanh Tướng , có hơn 100 người làm Công , Hầu , Bá không thể đếm xiết . Chỉ có Thọ Quận công , Lục Quận công , Vũ Quận công , Khuê Quận công , bốn ông trong số 10 Quận công giữ chức kiêm cai quản tỉnh đến sông Bô đề , uy trấn biên thùy , tiếng vang trong Nam ngoài Bắc , được Triều đình ban thưởng Huân công , công lao bậc nhất , cấp thêm cho hai Huyện Trung châu làm ngụ lộc . Tướng bày tôi được ân vinh đến như thế là tốt bậc . Năm Chiêu Thống thứ 2 (1789) , Mẫn ?? để tránh sự uy hiếp của Tây sơn - Nguyễn Huệ , chạy từ Gia Bình đến Hữu Lũng , đóng ở Càn Dinh , sai quan Nội hàn là Ngô Trí đem chiếu chỉ triệu tập các phiên thần vùng Cao Lạng sơn đến giúp Vua . Lúc bấy giờ họ Vi có Hiền xuân hầu PHÚC KIÊN , họ Nguyễn có Nhuệ Trung hầu ĐÌNH THÁI , đem nghĩa binh hơn 1000 người đi theo Vua . Lưu Việt trung hầu Phúc Bảo giữ Lạng sơn . Năm sau quân Thanh đến cứu viện thua chạy về , Vua chạy đến 10 ngày , bảy

họ Phiên thân toan xin Vua tạm lánh ở Cao Bằng để dần dần mưu đồ việc khôi phục . Vua lại nghe TÔN CHẾ HUÂN (Tức TÔN SĨ NGHI) cùng ra Nam quan rồi sang Trung quốc . Vua ra sắc phong cho Xưởng Quận công HÀ QUỐC KỶ hợp lực với Vi hầu Phúc Kiên ở lại chống quân Tây sơn - Việt Trung hầu Phúc Bảo mang gia quyến và đồ đảng (tham trấn HOÀNG ĐÌNH CẦU , phòng ngự NGUYỄN ĐÌNH CHẤT) , theo Vua sang Quảng tây . Sau nghe bản triều CAO HOÀNG ĐẾ khởi binh ở cõi Nam , Phúc , Bảo , và Đình Chất lại xin theo Vua về và được Vua cho y như chức cũ làm Thế Thần đời đời kế tục cai trị Hạt mình . Vụ khởi loạn năm Quý Ty (Ngụy Khôi) , họ Vi không có ai liên quan . Gần đây có XUÂN PHƯƠNG công làm đến Hiệp Biện Đại Học sĩ , mở phủ bản hạt , tước phong trường phái Nam . Sau này còn nhiều người tài giỏi kế tục không dứt .

VĂN BIA TRÊN ĐÌNH KHAU LOÁNG .

Trải qua nhiều khó khăn , được sự trợ giúp nhiệt tình của con cháu dòng họ VI và nhất là được sự giúp đỡ hiệu quả của ThS. NGUYỄN XUÂN DIỆN - Phó Giám đốc Thư viện Hán nôm . Ngày hôm nay , người viết đã có được bản dịch văn bia của ngôi mộ dòng họ VI trên đình Khau Loáng , một ngôi mộ có nhiều bí ẩn . Người viết xin chia sẻ cùng các bạn .



諒山省祿平州屈舍總馬祿村韋家誌墓

先封公太夫人卜吉于丘浪山前後四十六年始非敢也蓋有待也我家本歡州自始祖都督桓郡公奉平吳創業舉...準往諒山處為國...平食祿于本州遂館焉。先封公的派也。

公以嘉隆朝乙卯年九月二十三日辰時生。明命十二年承鎮官保公為本州知州十四年...雲進為省城於時七州。惟公前來保護身手轉輪射宛匯將名中匯...隋皆無解以公知府衙仍嶺嗣德七年致士。八年七月十二日酉時終于嘉壽六十一歲。

先太夫人姓何翻臣一貴族也.....以乙丑年四月十二日丑時生；以癸亥年二月十九日戊辰壽終享年五十有九癸日。先封公太夫人在于仕歷蒞州縣垂三十年自升翻羽加督府金御昭列始蒙封贈先公太夫人以不及見矣

同慶三年二月日太夫人為五品宜人，金上臨御之五年三月日慶太夫人從三品淑人；十一年十一月日累贈.....公加...寺卿，太夫人正三品淑人。於是理拜.....事親而言曰忠孝矣。先封公精忠一片日月爭光，歷朝.....命先蔭之福。生有機足以表.....後世而庇賴...子孫矣.....列.....先封太夫人之隆...並壽于碑...子...之.....而能全大節無...所生其來有....

諒平等處地方提督軍務場派南小子 **TÀI LIỆU HỌ VI**

Phiên âm:

**LẠNG SƠN TỈNH - LỘC BÌNH CHÂU - KHUẤT XÁ TỔNG - MÃ LỘC THÔN
VI GIA CHỈ MỘ**

Tiên Phong công, Tiên thái phu nhân bốc cát vu Khâu Lăng sơn, tiên hậu tứ thập lục niên thủy phi cảm tuy dã, cái hữu đãi dã. Ngã gia bản Hoan Châu, tự thủy tổ Đô Đốc Hoàn Quận công phụng bình Ngô sáng nghiệp cử [...] chuẩn vãng Lạng Sơn xứ, vì quốc [...] bình thực lộc vu bản châu toại quán yên. Tiên Phong công đích phái dã.

Công dĩ Hoàng triều Gia Long, Ất Mão niên cửu nguyệt, nhị thập tam nhật, Thìn thời sinh. Minh Mệnh thập nhị niên thừa trấn quan bảo công vì bản châu Tri châu. Thập tứ niên [...] vân tiến vì tỉnh thành ư thất châu.

Duy công tiên lai bảo hộ thân thủ chuyển luân xạ Uyển Hối tướng danh Trung Hối [...] tùy giai vô giải dĩ công. Tri phủ nha nhưng lĩnh Tự Đức thất niên chí sĩ; bát niên thất nguyệt, thập nhị nhật, Dậu thời chung vu gia, thọ lục thập nhất tuế.

Tiên thái phu nhân tính Hà, phiên thân trung nhất quý tộc dã [...], dĩ ất Sửu niên, tứ nguyệt, thập nhị nhật, Sửu thời sinh; dĩ Quý Hợi niên, nhị nguyệt, thập cửu nhật, Mậu Thìn thọ chung. Hưởng niên ngũ thập hữu cửu quý nhật.

Tiên Phong công thái phu nhân tại vu sĩ lịch lý châu huyện thù tam thập niên tự thăng phiên vũ gia đốc phủ kim ngự chiêu liệt thủy mông phong tặng Tiên công thái phu nhân dĩ bất cập kiến hĩ. Đồng Khánh tam niên, nhị nguyệt nhật, thái phu nhân vì ngũ phẩm Nghi nhân. Kim Thượng lâm ngự chỉ ngũ niên, tam nguyệt nhật khánh thái phu nhân Tòng tam phẩm Thực nhân; Thập nhất niên, thập nhất nguyệt nhật lũy tặng [...] công gia [...] Tự khanh, Thái phu nhân Chánh tam phẩm Thực nhân. Ư thị lý bá [...] sự thân nhi ngôn viết Trung Hiếu hĩ.

Tiên Phong công tinh trung nhất phiên, Nhật nguyệt tranh quang. Lịch triều [...] [...] mệnh tiên âm chi phúc. Sinh hữu cơ túc dĩ biểu [...] [...] hậu thế nhi tỷ lại [...] tử tôn hĩ [...] liệt [...] [...] Tiên Phong thái phu nhân chi long [...] tịnh thọ vu bi [...] tử [...] chi [...] nhi năng toàn đại tiết vô [...] sở sinh ký lai hữu [...].

Lạng - Bình đẳng xứ địa phương Đề đốc quân vụ

Tràng Phái nam tiểu tử.

1 Dấu ngoặc vuông [...] biểu thị một chữ hoặc vài chữ trong nguyên bản bị mất. TÀI LIỆU HỌ VI

Dịch nghĩa:

GHI CHÉP VỀ MỘ PHẦN HỌ VI TẠI THÔN MÃ LỘC, TỔNG KHUẤT XÁ,
CHÂU LỘC BÌNH, TỈNH LẠNG SƠN

Cụ Tiên Phong cùng cụ bà bói được đất tốt ở núi Khâu Lăng, sớm kết phát trong khoảng trên dưới 46 năm cũng có ý ngầm đợi.

Nhà ta vốn ở Hoan Châu¹, tự cụ Thủy tổ Đô Đốc Hoàn Quận công vâng mệnh đi bình dẹp giặc Ngô, dựng nghiệp nhà Lê, được cho đến hưởng lộc ở châu này mà ở lại đó. Cụ Tiên Phong là con cháu dòng đích.

Cụ Tiên Phong công sinh giờ Thìn, ngày 23 tháng 9 năm Ất Mão, niên hiệu Gia Long (?)².

Năm Minh Mệnh 12 (1831) cụ vâng mệnh làm Tri châu châu Lộc Bình. Đến năm thứ 14 (1833) vâng tỉnh thành và thất châu. Cụ trước đây đã có công bảo vệ thân hữu tay chân của tướng Trung Hối, đã giải vây được, nên rất có công. Năm Tự Đức 7 (1854) về nghỉ hưu. Năm Tự Đức 8 (1855) tháng Bảy, ngày 12, giờ Dậu, cụ mất tại nhà, thọ 61 tuổi.

Cụ bà người họ Hà, là dòng họ phiên thân quý tộc danh giá. Cụ sinh giờ Sửu, ngày 12 tháng 4 năm Ất Sửu (1805). Mất giờ Mậu Thìn, ngày 19 tháng Hai năm Quý Hợi (1863) hưởng thọ 59 tuổi. Cụ theo cụ ông tại các nơi cụ ông làm quan ở các châu huyện có đến 30 năm, nhưng những vinh dự mà nhà vua phong tặng cho cụ thì cụ đều không kịp thấy.

Năm Đồng Khánh 3 (1888), tháng Hai, cụ được ban Ngũ phẩm Nghi nhân. Đến năm Thành Thái 5 (1893), tháng Ba, cụ được ban Tam phẩm Thực nhân; năm thứ 11 (1899) tháng 11 cụ ông được liên tiếp (truy) tặng là [...], lại thêm [...] Tự khanh, nên cụ bà lại được ban Tam phẩm Thực nhân. Bây giờ [...] gọi là Trung hiếu vậy!

Cụ Tiên Phong là một bậc trung nghĩa ở đời, lòng trung sáng cùng nhật nguyệt. Trải các triều đều [...], lại cho con cháu được hưởng ấm. Khi cụ còn sống thì chí khí sắt son làm gương cho hậu thế; khi cụ mất đi thì phúc lớn để lại cho cháu con mãi muôn sau. Vì thế xin được kể ra đây công đức của cụ Tiên Phong và cụ bà, khắc lên bia đá, truyền mãi muôn đời, để cho hậu thế giữ trọn danh tiết.

Đề đốc quân vụ các địa phương Lạng - Bình

Con trai Trảng Phái Nam kính đề¹.

1 Hoan Châu: Nghệ An ngày nay.

2 Thực ra bia viết nhầm. Trong niên hiệu Gia Long không có năm Ất Mão. Năm Ất Mão gần nhất trước đó là 1795.

1 Căn cứ theo niên đại nêu trong bia và gia phả họ Vi, thì bài văn bia này được cụ Trảng Phái nam viết trong khoảng từ năm 1899 đến năm 1905.

Bản dịch của ThS. NGUYỄN XUÂN DIỆN - Phó Giám đốc Thư viện Hán nôm

HỌ VI Ở LẠNG SƠN VÀ CÔNG LAO CỦA ĐÔ ĐỐC VI ĐỨC THẮNG ĐỐI VỚI XỨ LẠNG. Bài của HOÀNG GIÁP - Viện nghiên cứu Hán - Nôm .

Lạng sơn xưa là Lạng châu ở nơi địa đầu Tổ quốc . Nhìn lên bản đồ , Lạng sơn như một con diều sải cánh không hết mỗi một . cánh bên trái là Lộc bình , Đình lập ; Cánh bên phải là Văn quang , Văn lăng , Trảng định . Trục đối xứng là Đồng đăng , Cao lộc , Thị xã . Đồng Mô và Hữu lũng .

Lạng sơn trải qua bao thăng trầm sóng gió biến thiên lịch sử mà lúc nào cũng ngẩng cao đầu ở vị thế tiên tiêu . Hôm nay lạng sơn vất cánh bay cao hơn , bay xa hơn , xứng đáng là một trung tâm Kinh tế , văn hóa của một nút giao lưu hội tụ Quốc tế . Sở dĩ lạng sơn có được điều đó vì Lạng sơn có sức mạnh của 7 họ Thổ ty và của Nhân dân các dân tộc tày , Nùng , Dao ,

Kinh , Hoa ...ngàn đời sinh sống tại đây .

Trong bài này tôi xin được nêu kiến giải bước đầu của mình về họ Vi , một trong 7 họ Thổ ty ở Lạng sơn và con người tiêu biểu của họ là VI ĐỨC THẮNG .

DÒNG HỌ VI Ở LẠNG SON

Đến nay có rất nhiều giả thiết về nguồn gốc họ Vi ở Lạng sơn . Để có một kết luận xác thực về nguồn gốc họ Vi âu cũng lắm công phu . Thuyết thứ nhất cho rằng họ Vi là con cháu Hàn Tín . Chữ Hàn 韓 , một bên là chữ Trác 卓 , một bên là chữ Vi 葦 . Truyền rằng hàn Tín bị ghép vào tội phản nghịch chu di Tam tộc thì một số người họ Hàn , trong đó có vợ bé hàn Tín đang mang thai chạy trốn sang Giao chỉ , cư trú tại Tổng vạn phần xứ Nghệ an , sau đổi làm họ Vi . Đến thời Lý , Trần , ông cha họ đã từng làm quan có công . Khi đó họ lại chuyển đến cư ngụ tại phía Tây núi Huyền đình - Lục ngạn - Bắc giang . Trong cuộc kháng chiến chống quân Minh , họ lại giúp lê Lợi , có công nên được phong Đô đốc Đồng tri (Phó Đốc trấn) , trấn giữ Lạng sơn , đời đời con cháu được phân phong ở Lộc bình . Đất Bắc ninh , Bắc giang , Lạng sơn trong Lịch sử gắn chặt với nhau , lúc thì gọi là Lạng giang , khi thì gọi là Đạo Kinh bắc , nên họ Vi ở Lục ngạn được coi là " bản xứ " tức người Lạng sơn .

Nguyễn Đình tộc phả (Hiện anh Nguyễn đình Bao ở Thị trấn Na sầm - Văn lãng cất giữ) chép : " Con trai thứ 8 Vũ Nghĩa tướng quân Đô đốc Thiêm sự Nghi Quận công Nguyễn Cẩm Miên đem binh mã 15.000 người đến Lạng sơn làm Chánh Tuần phủ . Người bản xứ Lạng sơn , Đô đốc Đồng tri Hoàn Quận công VI ĐÌNH HÂN cũng đem 15.000 tướng sĩ , binh mã lên Lạng sơn làm Phó Tuần phủ đóng tại Đoàn Thành cùng chế ngự biên cương . Chia giữ các Quan ải Nam quan , Bình nhi , Bạc khư , Bình lãng , Lân quan , Phân quan , Kết quan . Mỗi Quan ải đều 2.000 người chốt giữ . Bấy giờ chiến sự vẫn xảy ra , Triều đình ra lệnh chỉ buộc hai họ Nguyễn và Vi ở lại giữ Lạng sơn , không được về quê , thế tập cha truyền con nối làm Phiên Thân " .

Thuyết thứ hai cũng thừa nhận Tổ tiên của họ Vi sống ở Nghệ an , nhưng không phải ở Tổng vạn phần mà là ở xã Phát xá - Huyện Thiên lộc (Can lộc) . Người được cử lên trấn giữ Lạng sơn không phải là VI BÌNH HÂN mà là VI THỂ ĐỨC .Thuyết này không hề nói đến họ Vi chuyển từ Nghệ an đến cư trú tại núi Huyền đình - Lục ngạn - Bắc giang .

Trong bảng kê khai Gia phả của Tuần Vũ bá Vi Đình Trinh (bản sao năm Khải định thứ 4 - 1919) có chép : " Thủy tổ Tuyền Quận công VI THỂ ĐỨC quê ở xã Phát xá - Huyện Thiên lộc xứ Nghệ an . Bấy giờ theo khởi nghĩa (Lam sơn) , có công được Vua ghi nhớ công lao cho làm Phiên Thân xứ Lạng sơn , hưởng lộc nước , đời đời kẻ tập , cư trú tại xã Suất Lễ - Châu Lộc bình " .

Hai thuyết trên có khác biệt , nhưng có nhiều điểm chung :

1/ Tổ tiên họ Vi ở Lạng sơn trước đây có cư trú tại Nghệ an , đã có công với nước được phong tước .

2/ Họ Vi được phong đất ở châu Lộc bình - Tỉnh Lạng sơn .

Họ Vi được kế tập làm Phiên Thân ở Lạng sơn để bảo vệ biên cương Tổ quốc .

CÔNG LAO CỦA ĐÔ ĐỐC VI ĐỨC THẮNG ĐỐI VỚI XỨ LẠNG

VI ĐỨC THẮNG người xã Khuất xá - Châu Lộc bình - Phủ Trường kháng xứ Lạng sơn - Đạo Kinh Bắc nước An Nam . Vào những năm Vĩnh Trị (1676 - 1680) được Trịnh phong là Đô tống binh sứ ty Đô Tổng binh sứ , Bắc quân Đô đốc Thiêm sự , Vĩ Quận công (Chức này sau gọi là Đốc trấn hay Tổng trấn) .Những năm này VI ĐỨC THẮNG là vị Quan cao nhất trông coi xứ Lạng .

Từ khi VI ĐỨC THẮNG được phong là Đô đốc Thiêm sự , ông đã có nhiều công hiến đối với mảnh đất biên cương này . Điều đầu tiên phải nói đến là VI ĐỨC THẮNG cùng hai phó tướng là NGUYỄN ĐÌNH LỘC , THÂN ĐỨC TÀI đã giữ yên biên giới , làm tốt việc bang giao để dân 7 Châu xứ Lạng an cư lạc nghiệp .

Sắc chỉ ngày 16/10 năm Vĩnh Trị thứ nhất 1676 , khẳng định : " Đại nguyên soái Trương Quốc chính Thượng sư Tây vương (TRỊNH TẠC) lệnh chỉ : Đô đốc Tổng binh sứ Đô đốc

Thiêm sự Vĩ Quận công VI ĐỨC THẮNG , Tổng binh Đô đốc đồng tri Thao Quận công NGUYỄN ĐÌNH LỘC , Tổng binh Thiêm sự Đề đốc Vinh Quận công HOÀNG CÔNG BÌNH , Quảng úy Đại sư Vi đường hầu HÀ ĐỨC TUẤN , Đề đốc Cường Quận công NGUYỄN ĐÌNH KẾ , Đề đốc kiêm Thọ hầu VI PHÚC QUỐC , Tham đốc kiêm Tài hầu HOÀNG CÔNG HIỀN , Hào xuyên hầu VI ĐÌNH BÌNH xứ Lạng sơn ...Nếu được tin của Tuyên Quận công (NGUYỄN KHẮC TUY) thì phải đem quân đến tiếp viện , hiệp lực vây đánh cốt giết sạch lũ giặc . Ai chém được đầu giặc , hay bắt sống được chúng , thu được ngựa , vũ khí , có công phải được đổi chiếu hậu thưởng để động viên khuyến khích . Đồng thời phải lập nhiều đồn , tăng thêm quân để tiêu trừ tiêu diệt bọn phản loạn . Chế độ rõ ràng , kẻ nài vi phạm sẽ có Quốc pháp . Nay ra lệnh " .

dienbatn với bà VI NGUYỆT HỒ là phu nhân của cố Giáo sư bác sĩ Tôn Thất Tùng .



dienbatn với bà VI KIM THÀNH .



đienbatn với con cháu họ Vi .





Thân ái. dienbatn.

TRUY TÌM VỀ MỘT GIAI THOẠI ĐẶT MỘ . BÀI 3.

TRUY TÌM VỀ MỘT GIAI THOẠI ĐẶT MỘ .

BÁC HỒ VÀ VI VĂN ĐỊNH .





CHA CỤ VI VĂN ĐỊNH VÀ CỤ ĐỊNH LÚC 13 TUỔI.



CÁC CON GÁI CỤ VI VĂN ĐỊNH



TẤM PHẢ HỆ HỌ VI BẰNG ĐỒNG NẠM BẠC RẤT ĐẸP , BỊ NGƯỜI DÂN Ở ĐÂY LẤY LÀM NẤP CHUM . Lần này , diệnbatn cùng con cháu họ Vi mới lấy về được và rất nhiều nước mắt đã rơi .



ƯỚC VỌNG CỦA DÒNG HỌ VI HIỆN NAY ." Chúng tôi gồm đại diện các hậu duệ của dòng họ Vi , dân tộc Tày tại Bản Chu , xã Khuất xá , Huyện Lộc bình , Tỉnh Lạng sơn , xin trình bày với ... như sau .

Theo Gia phả của họ Vi , cũng như trong Địa chí của Tỉnh Lạng sơn , do NXB Chính trị Quốc gia xuất bản năm 1999 , và theo tư liệu sưu tầm và dịch từ bản chữ Hán của nhà Dân tộc học Lã Văn Lô (Viện dân tộc học Việt Nam) , họ Vi là một trong 7 dòng họ lớn ở Lạng sơn . Cụ Thủy Tổ là VI KIM THẮNG (ở Nghệ an) , đem quân theo Vua LÊ THÁI TỔ khởi nghĩa ở vùng Lam sơn , góp phần đánh đuổi quân Minh . Giặc bình xong , khi luận công , ông được liệt vào hàng Khai Quốc Công Thần , được phong chức trụ Quốc tước thảo lễ Đô đốc Mật Quận công , được dự vào việc khu cơ . Năm 1431 , Vua sai con trưởng của ông là VI PHÚC HÂN giữ chức đồng tri Hoàn Quận công , cầm một đạo quân đông tới ba vạn người và voi lên Lạng sơn tiểu phỉ , chiêu dân (lúc đó dân siêu tán để tránh loạn lạc) . Ông kiêm cai quản xứ Quảng yên , sau trấn thủ biên thùý , triều đình cho lấy châu Lộc bình làm quê quán , đời đời làm Phiên Thân không cho về quê nữa . " Chế độ Thổ Ty hay chế độ thế tập phiên thân là chính sách cai trị chính của triều đại Phong kiến Việt nam ở các dân tộc vùng thiểu số , chủ yếu ở vùng Tày , Nùng là địa bàn chống xâm lăng của Phong kiến phương Bắc dưới nhiều triều đại . Triều đình phải phong những công thần hoặc con cháu của họ , cho phép họ lấy vài thôn hay vài xã làm Thái ấp , đời đời kế tục cai trị địa phương . Những lưu quan ấy và con cháu của họ trở thành một thứ Quý tộc của địa phương , thường gọi là 7 họ Phiên thân hay Thất tộc Thổ Ty . Họ dần dần đồng hóa với người Tày . các Phiên Thân hay

Thổ ty rất mực trung thành với triều đình , làm nhiệm vụ chiêu dân lập ấp , cai trị nhân dân , trấn thủ biên thùy và khi có giặc thì đem quân bản bộ đến giúp triều đình đánh giặc " .
Và từ đó dòng họ Vi làm Thổ ty và tồn tại 13 Thế hệ tại Lộc bình , Lạng sơn . Ban đầu dòng họ Vi tại Lộc bình lập Thái ấp tại Dinh Chùa (Xã Tú đoạn) . Đến đời Khuê Quận công VI PHÚC VĨNH (Đời thứ 8) , mới dời chỗ đến chân núi Lộc Mã (nay là bản Chu , xã Khuất xá , Huyện Lộc bình) . " Nguyên xứ này sông núi quanh co , đất từ dãy núi Côn sơn , Mẫu sơn chạy sang , hai sông gặp nhau thật là một thắng cảnh của cả Lạng sơn , không riêng chỉ là nơi núi non hùng vĩ của một khu ...Nguồn gốc , gia thế bảy họ Thổ ty thì họ Vi là dòng họ trâm anh hơn cả . Trải qua 22 đời nhờ ơn nước , các đời nối tiếp nhau cai quản quân dân làm đến Khanh , Tướng ...giữ chức kiêm cai quản Tỉnh đến sông Bò Đề , uy trấn biên thùy , tiếng vọng trong Nam ngoài bắc , được Triều đình ban thưởng Huân công , công lao bậc nhất , cấp thêm cho hai Huyện trung châu làm ngụ lộc (tức là để thu thêm thuế má nuôi quân) , Tướng bày tôi được ân vinh đến thế là tột bậc " .

Đó là các tư liệu về nghiên cứu mối quan hệ khăng khít về Lịch sử và Văn hóa vốn có giữa các thành phần dân tộc trong Đại gia đình Tổ quốc Việt Nam , trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước . Hiện nay họ Vi ở bản Chu đã phát triển đến Thế hệ thứ 17 . Hiện tại họ Vi chúng tôi còn tồn tại hệ thống mồ mả Tổ tiên nhiều đời tại Khau loáng, Nậm nê , Nà Khưa , Phiêng Phai và một số di tích khu thờ Họ đã bị tàn phá nghiêm trọng sau chiến tranh biên giới 1979 tại bản Chu . Hiện tại khu đất của nhà thờ họ đã có một số hộ dân vào làm nhà ở và Xã đã xây dựng nhà trẻ tại đây , nhưng phần lớn còn để hoang hóa chưa sử dụng . Do trải qua 3 cuộc Chiến tranh kéo dài , chúng tôi không có điều kiện về quê sinh sống và trông nom mồ mả , bảo quản Nhà Thờ Dòng Họ tại Bản Chu . Từ cuối những năm 1980 và đầu những năm 90 , hàng năm chúng tôi đều về quê để trông nom tu tạo mồ mả của Tổ tiên và đã có những mối quan hệ gắn bó với Chính quyền địa phương và nhân dân Bản Chu . Nhưng khi về đến quê hương , chúng tôi không còn Nhà Thờ Họ để thấp nén hương tưởng nhớ đến Tổ tiên theo truyền thống đời đời của dân tộc Việt nam ta .

Với những tư liệu về Văn hóa , Lịch sử của 7 họ Thổ ty tại Lạng sơn , cũng như của riêng dòng họ Vi chúng tôi đã nêu , thì khu đất của Thái ấp họ Vi tại Bản Chu là mảnh đất vô cùng linh thiêng đối với hậu duệ họ Vi chúng tôi , đồng thời cũng là chứng tích Lịch sử về Trấn ải biên thùy của nhân dân địa phương bao nhiêu đời nay , tất cả chúng ta phải có nhiệm vụ gìn giữ , bảo tồn . Chính vì vậy chúng tôi đề nghị ...xem xét phần đất còn lại trong khu Thái ấp họ Vi cũ , để giao lại cho con cháu họ Vi có nguồn gốc tại Bản Chu , xây dựng nhà thờ họ Vi , để chúng tôi có nơi thấp nén hương thờ cúng Tổ tiên và xin Tổ tiên cho phép con cháu họ Vi cùng nhân dân xã Khuất xá được tiến hành sửa chữa , bảo tồn khu di tích một thời là Thái ấp của họ Vi tại Bản Chu . Với mục đích lưu giữ lại một trong những di tích Lịch sử , Văn hóa tại tỉnh nhà

THAY MẶT GIA TỘC HỌ VI TẠI BẢN CHU

TRƯỞNG BAN ĐẠI DIỆN .

VI VĂN ĐÀI .

Lời kết : Mong muốn của dòng họ Vi là hoàn toàn chính đáng . Người viết xin ghi lại và mong được sự trợ giúp của các cấp Chính quyền địa phương , nhằm bảo tồn một khu di tích Lịch sử - Văn hóa có một không hai của Thành phố Lạng sơn .

Khoau loáng cuối năm Bính Tuất - 2006 - dienbatn .

TRUY TÌM HUYỀN THOẠI THỨ HAI : MẢ TÁNG TREO .

MẢ TÁNG TREO

Từ Lương Đường đến Lương Ngọc" Nhật Nguyệt Linh Khí tụ,
" Ngũ Phụng triều dương lại,